

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ TIẾP CẬN CDIO
CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC HỌC (GIÁO DỤC MẦM NON)

*(Ban hành theo Quyết định số 3537/QĐ-ĐHV ngày 22/12/2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

Nghệ An, 2023

MỤC LỤC

I. TRIẾT HỌC	6
2. TIẾNG ANH	21
3. MỘT SỐ LÝ THUYẾT HIỆN ĐẠI VỀ TÂM LÝ HỌC TRẺ EM	38
4. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA GIÁO DỤC MẦM NON HIỆN ĐẠI.....	51
5. SỰ TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ MẦM NON	63
6. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG GIÁO DỤC MẦM NON	73
7. CƠ SỞ NGÔN NGỮ HỌC CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ MN	85
8. PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP TRONG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC MẦM NON	100
9. GIÁO DỤC QUA TRẢI NGHIỆM CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON	112
10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG GIÁO DỤC MẦM NON	124
11. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON	134
12. XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CHO TRẺ MẦM NON	146
13. PHỐI HỢP NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG TRONG CHĂM SÓC - GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON	155
14. ĐỔI MỚI QUẢN LÝ TRONG GIÁO DỤC MẦM NON	171
15. CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TRẺ EM	184
16. MỘT SỐ VẤN ĐỀ HIỆN ĐẠI CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ ..	199
17. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CHO TRẺ MẦM NON	214
18. GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO TRẺ CÓ NHU CẦU ĐẶC BIỆT Ở TRƯỜNG MẦM NON	225
19. ĐỔI MỚI ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC MẦM NON	238
20. PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CHO TRẺ QUA HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC	252
21. SỬ DỤNG TÁC PHẨM VĂN HỌC TRONG GIÁO DỤC TRẺ EM	268
22. GIÁO DỤC KỸ NĂNG XÃ HỘI CHO TRẺ MẦM NON THEO TIẾP CẬN ĐA VĂN HOÁ	281
23. XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC AN TOÀN, LÀNH MẠNH, THÂN THIỆN TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC	297
24. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC	312
25. PHÁT TRIỂN TÍNH TÍCH CỰC VẬN ĐỘNG CHO TRẺ MẦM NON	328
26. LUẬN VĂN	343
PHỤ LỤC	349
THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP	365

Số: **3537** /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày **22** tháng **12** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
của Trường Đại học Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 02/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành 35 Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký .

Trưởng các đơn vị: Phòng Đào tạo Sau đại học, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GDĐT (để b/c);
- Lưu: HCTH, ĐTSĐH.



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ THEO TIẾP CẬN CDIO
NGÀNH: GIÁO DỤC HỌC (GIÁO DỤC MẦM NON). MÃ NGÀNH: 8140101

Định hướng: Nghiên cứu/Ứng dụng

(Ban hành theo Quyết định số 3537/QĐ-ĐHV ngày 22/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần	Phân kỳ	Đơn vị phụ trách
I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG (cho tất cả các ngành)						
1	PHS81001	Triết học	4	Lý thuyết	1	Khoa GDCT
2	ENG81002	Ngoại Ngữ	3	Lý thuyết	1	Khoa SPNN
II. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH						
1. Các HP bắt buộc						
3	PRE82003	Một số lý thuyết hiện đại về tâm lý học trẻ em	3	Lý thuyết	1	Khoa Tâm lý - Giáo dục
4	PRE82004	Một số vấn đề cơ bản của giáo dục mầm non hiện đại	3	Lý thuyết	1	Khoa Tâm lý - Giáo dục
5	PRE82005	Sự tăng trưởng và phát triển của trẻ mầm non	3	Lý thuyết	1	Khoa Giáo dục Mầm non
6	PRE82006	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục mầm non	3	Lý thuyết	1	Khoa Tâm lý - Giáo dục
2. Các HP tự chọn						
7		Tự chọn 1	3	Lý thuyết	2	Khoa Giáo dục Mầm non
8		Tự chọn 2	3	Lý thuyết	2	Khoa Giáo dục Mầm non
9		Tự chọn 3	3	Lý thuyết	2	Khoa Giáo dục Mầm non; Khoa Tâm lý - Giáo dục
10		Tự chọn 4	3	Lý thuyết	2	Khoa Giáo dục Mầm non; Khoa Tâm lý - Giáo dục
III. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH						
1. Các HP bắt buộc (chung cho cả 2 định hướng)						
11	PRE83015	Chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em	3	Dự án	3	Khoa Giáo dục Mầm non
12	PRE83016	Một số vấn đề hiện đại của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ	3	Dự án	3	Khoa Giáo dục Mầm non
13	PRE83017	Phát triển nhận thức cho trẻ mầm non	3	Dự án	3	Khoa Giáo dục Mầm non
2. Các học phần tự chọn - Định hướng Nghiên cứu						
14		Tự chọn 5	3	Dự án	3	Khoa Tâm lý - Giáo dục
15		Tự chọn 6	3	Dự án	3	Khoa Giáo dục Mầm non

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần	Phân kỳ	Đơn vị phụ trách
3. Các học phần tự chọn 2 - Định hướng Ứng dụng						
16		Tự chọn 5	3	Dự án	3	Khoa Giáo dục Mầm non
17		Tự chọn 6	3	Dự án	3	Khoa Giáo dục Mầm non
III. LUẬN VĂN/THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP						
1. Định hướng Nghiên cứu						
18	PRE83026	Luận văn	15	Dự án	4	Khoa Giáo dục Mầm non
2. Định hướng Ứng dụng						
19	PRE83027	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	15	Dự án	4	Khoa Giáo dục Mầm non

Tự chọn 1: Chọn 1 trong 2 học phần		
1	PRE82007	Cơ sở ngôn ngữ học của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non
2	PRE82008	Phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường giáo dục mầm non
Tự chọn 2: Chọn 1 trong 2 học phần		
1	PRE82009	Giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non
2	PRE82010	Phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non
Tự chọn 3: Chọn 1 trong 2 học phần		
1	PRE82011	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục mầm non
2	PRE82012	Xây dựng môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non
Tự chọn 4: Chọn 1 trong 2 học phần		
1	PRE82013	Phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non
2	PRE82014	Đổi mới quản lý giáo dục mầm non
Tự chọn 5-Định hướng nghiên cứu: chọn 1 trong 2 học phần		
1	PRE83018	Giáo dục hoà nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non
2	PRE83019	Đổi mới đánh giá trong giáo dục mầm non
Tự chọn 6-Định hướng nghiên cứu: chọn 1 trong 2 học phần		
1	PRE83020	Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học
2	PRE83021	Sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em
Tự chọn 5-Định hướng ứng dụng: chọn 1 trong 2 học phần		



GS.TS Nguyễn Huy Bằng

I. TRIẾT HỌC

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TRIẾT HỌC	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:...../.../2023
		Số trang: 6/11

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

GVCC. PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916152529 Email: sonntgdct@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác - Lênin; Lịch sử triết học; Logic học; Chính trị học

Giảng viên 2:

GVCC. PGS. TS. Trần Viết Quang

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 09126271109 Email: quangtv@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác - Lênin; Lịch sử triết học; Phương pháp giảng dạy triết học

Giảng viên 3:

GVC. TS. Phạm Thị Bình

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0983551387 Email: binhpt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác - Lênin; Văn hóa lãnh đạo và quản lý

Giảng viên 4:

GVC. TS. Nguyễn Văn Sang

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0984980988 Email: sangnv@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác - Lênin; Lịch sử triết học; Logic học, Phương pháp giảng dạy triết học

Giảng viên 5:

GV. TS. Lê Thị Nam An

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0911215181 Email: anltn@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác - Lênin; Đạo đức học; Logic học

Giảng viên 6: GV. TS. Trương Thị Phương Thảo

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0912488444 Email: thaottp@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu: Triết học Mác - Lênin; Văn hóa và đạo đức công vụ; Phương pháp nghiên cứu khoa học.

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): <i>Triết học.</i>	(tiếng Anh): <i>(Philosophy)</i>
- Mã số học phần: PHS81001	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: <i>Học phần chung cho khối ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn</i>	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
☒ Kiến thức đại cương/chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc	☐ Tự chọn
- Số tín chỉ: 04 + Số tiết lý thuyết: 40 + Số tiết thảo luận: 20 + Số tiết tự học: 120 + Số tiết thực tế: 00 + Số tiết dạy học dự án: 00	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: {Không}	Mã số HP: {Không}
+ Học phần học trước: {Không}	Mã số HP: {Không}
+ Học phần song hành: {Không}	Mã số HP: {Không}
- Yêu cầu của học phần { <i>giảng viên cụ thể hóa các yêu cầu</i>):	
+ Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%.	
+ Người học phải nộp đầy đủ thảo luận, tiểu luận qua hệ thống LMS.	
+ Tham gia đầy đủ các bài thảo luận.	
+ Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.	
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Bộ môn Triết học, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh	
	Email: khoagdct@vinhuni.edu.vn

2. Mô tả học phần

- Triết học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của các ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn. Học phần được kết cấu thành 8 chương, giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học, bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn, về xã hội và con người. Học phần trang bị kiến thức triết học, bồi dưỡng kỹ năng vận dụng được tư duy biện chứng trong nghiên cứu các học thuyết triết học, hình thành được phẩm chất chính trị, đạo đức trong học tập, nghiên cứu triết học.

- Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số 1037 ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL cần đạt {Mức NL}
1.1.1	<i>Vận dụng được các lý thuyết về triết học, quản trị, quản lý trong nghiên cứu khoa học và hoạt động nghề nghiệp.</i>	2,5 {Mức 3}
2.1.1	<i>Vận dụng được tư duy biện chứng, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp.</i>	2,5 {Mức 3}
2.2.1	<i>Tôn trọng và chấp hành đạo đức nghiên cứu và liêm chính học thuật.</i>	2,5 {Mức 3}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, học viên đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.1.1	<i>Giải thích được</i> ảnh hưởng của triết học phương Đông đến đời sống xã hội và con người Việt Nam.	1.1.1	5%	2,5 {Mức 3}
1.1.1.2	<i>Giải thích được</i> ảnh hưởng của triết học phương Tây đến đời sống xã hội và con người Việt Nam.		5%	2,5 {Mức 3}
1.1.1.3	<i>Vận dụng được</i> thể giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng vào nghiên cứu khoa học xã hội, nhân văn và thực tiễn xã hội.		10%	2,5 {Mức 3}
1.1.1.4	<i>Vận dụng được</i> thể giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử vào nghiên cứu khoa học xã hội, nhân văn và thực tiễn xã hội.		10%	2,5 {Mức 3}
2.1.1.1	<i>Vận dụng được</i> tư duy biện chứng trong nghiên cứu các học thuyết triết học.	2.1.1	15%	2,5 {Mức 3}
2.2.1.1	<i>Thể hiện được</i> phẩm chất chính trị, đạo đức trong học tập, nghiên cứu triết học.		15%	2,5 {Mức 3}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/ (%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm NL cần đạt	Trọng số trong bài	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 40% điểm số học phần)				
A1.1	CLO.2.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	25%	LMS thống kê
A1.2	CLO.1.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5	75%	Tiểu luận
	CLO.1.1.1.2. {điểm số và điểm năng lực}	2,5		
	CLO.2.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5		
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 60% điểm số học phần)				
A2.1	CLO.1.1.1.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5	100%	Tự luận
	CLO.1.1.1.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5		

Công thức tính điểm số của học phần:

Điểm TX: $A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 75\%$

Điểm CK: $A2.1 = A2.1 \times 100\%$

Điểm số: $HP = A1 \times 40\% + A2 \times 60\%$

Trong đó, A: điểm học phần; A1.1: điểm đánh giá thái độ, ý thức học tập; A1.2: điểm đánh bài tiểu luận; A2.1: điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần.

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.1.3 (50%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2		<i>Trình bày được</i> thể giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng vào nghiên cứu khoa học xã hội, nhân văn và thực tiễn xã hội.
	Mức 3		3	1,5	<i>Vận dụng được</i> thể giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng vào nghiên cứu khoa học xã hội, nhân văn và thực tiễn xã hội.
1.1.1.4 (50%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2		<i>Trình bày được</i> thể giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử vào nghiên cứu khoa học xã hội, nhân văn và thực tiễn xã hội
	Mức 3		3	1,5	<i>Vận dụng được</i> thể giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử vào nghiên cứu khoa học xã hội, nhân văn và thực tiễn xã hội
Tổng			10	3	

Bảng quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A.1.1

- Họ và tên học viên:; Ngày sinh: .../...../.....
- Mã học viên:; Lớp:
- Học phần: *Triết học (khối ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn)*
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO.2.2.1.1. Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức trong học tập, nghiên cứu triết học			100%
Tiêu chí 1	Nghe bài giảng SCORM		30 %
	Nghe từ 91% - 100% bài giảng SCORM,	9.1 - 10	
	Nghe từ 80- 90% bài SCORM	8.0 - 9.0	
	Nghe dưới 80% bài SCORM;	0.0	
Tiêu chí 2	Tham gia lớp học		30 %
	Tham gia từ 91% - 100% tổng số giờ lên lớp theo quy định	9.1 - 10	
	Tham gia từ 80% - 90 % tổng số giờ lên lớp quy định	8.0 - 9.0	
	Tham gia dưới 80% tổng số giờ lên lớp quy định ...	0.0	
Tiêu chí 3	Bài thảo luận		40%
	Giải quyết tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận; lập luận logic chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục, phản bác được các ý kiến sai trái; rút ra được kết luận đúng đối với vấn đề thảo luận.	8.5-10	
	Giải quyết khá tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận; lập luận khá chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục; rút ra được kết luận khá chính xác đối với vấn đề thảo luận.	7.0-8.4	
	Giải quyết được một số tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận; lập luận khá chặt chẽ, nhưng chưa đưa ra được minh chứng thuyết phục, chưa thể hiện được khả năng phản bác; một số kết luận chưa hoàn toàn chính xác.	4.0-6.9	
	Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận; lập luận không rõ ràng; không thể hiện được khả năng tranh luận, phản bác lại các ý kiến sai trái; không đưa ra quan điểm đúng đối với vấn đề thảo luận.	0-3.9	
Điểm tổng kết			.../10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO.2.2.1.1:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A.1.2

1. Họ và tên học viên:; Ngày sinh: .../.../.....
2. Mã học viên:; Lớp:
3. Học phần: *Triết học (khối ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn)*
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO.1.1.1.1 <i>Giải thích được</i> ảnh hưởng của triết học phương Đông đến đời sống xã hội và con người Việt Nam [2.5]			40%
Tiêu chí 1	Nội dung triết học phương Đông		20%
	<i>Trình bày đúng, đầy đủ</i> nội dung triết học phương Đông	8.5-10	
	<i>Trình bày tương đối đúng, đầy đủ</i> nội dung triết học phương Đông	7.0-8.4	
	<i>Trình bày được một số</i> nội dung triết học phương Đông	4.0-6.9	
	<i>Trình bày chưa chính xác, chưa đầy đủ</i> nội dung cơ bản của triết học phương Đông	0-3.9	
Tiêu chí 2	<i>Giải thích được</i> tác động của triết học phương Đông đến đời sống xã hội và con người Việt Nam		20%
	<i>Phân tích tốt</i> quá trình du nhập cũng như tác động tích cực, tiêu cực của triết học phương Đông đến đời sống xã hội và con người Việt Nam	8.5-10	
	<i>Phân tích khá tốt</i> quá trình du nhập cũng như tác động tích cực, tiêu cực của triết học phương Đông đến đời sống xã hội và con người Việt Nam	7.0-8.4	
	<i>Phân tích được</i> quá trình du nhập và một số tác động tích cực, tiêu cực của triết học phương Đông đến đời sống xã hội và con người Việt Nam	4.0-6.9	
	<i>Phân tích không đầy đủ</i> quá trình du nhập cũng như tác động tích cực, tiêu cực của triết học phương Đông đến đời sống xã hội và con người Việt Nam	0-3.9	
Tổng điểm CLO.1.1.1.1			
CLO.1.1.1.2. <i>Giải thích được</i> ảnh hưởng của triết học phương Tây đến đời sống xã hội và con người Việt Nam [2.5]			30%
Tiêu chí 1	Nội dung triết học phương Tây		
	<i>Trình bày đúng, đầy đủ</i> nội dung triết học phương Tây		
	<i>Trình bày tương đối đúng, đầy đủ</i> nội dung triết học phương Tây		
	<i>Trình bày được một số</i> nội dung triết học phương Tây		
	<i>Trình bày chưa chính xác, chưa đầy đủ</i> nội dung cơ bản của triết học phương Tây		
Tiêu chí 2	<i>Giải thích được</i> tác động của triết học phương Đông đến đời sống xã hội và con người Việt Nam		
	<i>Phân tích tốt</i> quá trình du nhập cũng như tác động tích cực, tiêu cực của triết học phương Tây đến đời sống xã hội và con người Việt Nam		

	<i>Phân tích khá tốt</i> quá trình du nhập cũng như tác động tích cực, tiêu cực của triết học phương Tây đến đời sống xã hội và con người Việt Nam		
	<i>Phân tích được</i> quá trình du nhập và một số tác động tích cực, tiêu cực của triết học phương Tây đến đời sống xã hội và con người Việt Nam		
	<i>Phân tích không đầy đủ</i> quá trình du nhập cũng như tác động tích cực, tiêu cực của triết học phương Tây đến đời sống xã hội và con người Việt Nam		
Tổng điểm CLO.1.1.1.2			
CLO.2.1.1.1. Vận dụng được tư duy biện chứng trong nghiên cứu các học thuyết triết học [2.5]			30%
Tiêu chí 1	Phương pháp nghiên cứu		15%
	<i>Phân tích, đánh giá</i> vấn đề một cách tổng quát, toàn diện, trong xu hướng biến đổi, gắn với điều kiện cụ thể; rút ra được kết luận đúng đối với vấn đề.	8.5-10	
	<i>Phân tích, đánh giá</i> vấn đề khá toàn diện, trong xu hướng biến đổi, gắn với điều kiện cụ thể; rút ra được kết luận đúng đối với vấn đề.	7.0-8.4	
	<i>Biết phân tích, đánh giá</i> vấn đề một cách toàn diện, trong xu hướng biến đổi, gắn với điều kiện cụ thể. Rút ra được một số kết luận đúng đối với vấn đề.	4.0-6.9	
	<i>Chưa đáp ứng yêu cầu</i> , phân tích, đánh giá vấn đề còn phiến diện; rút ra kết luận chưa chính xác.	0-3.9	
Tiêu chí 2	Kết cấu, trình bày, diễn đạt		10 %
	Kết cấu hợp lý, logic; trình bày, diễn đạt tốt.	8.5-10	
	Kết cấu đúng yêu cầu, khá hợp lý, logic; trình bày, diễn đạt tương đối tốt.	7.0-8.4	
	Kết cấu đúng yêu cầu, nhưng chưa hợp lý, logic; trình bày, diễn đạt khá.	4.0-6.9	
	Kết cấu chưa đúng yêu cầu, không hợp lý, logic; trình bày, diễn đạt không theo quy định, thiếu chuẩn xác.	0-3.9	
Tiêu chí 3	Trích dẫn, sử dụng tài liệu tham khảo		5%
	Trích dẫn tài liệu tham khảo đúng quy định, sử dụng tài liệu có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.	8.5-10	
	Biết trích dẫn, sử dụng tài liệu tham khảo nhưng còn hạn chế.	7.0-8.4	
	Có trích dẫn, sử dụng một số tài liệu tham khảo nhưng chưa theo quy định, không có nguồn gốc.	4.0-6.9	
	Hầu như không có trích dẫn, sử dụng tài liệu tham khảo.	0-3.9	
Tổng điểm CLO.2.1.1.1			
Điểm tổng kết			.../10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

- CLO.1.1.1.1:

- CLO.1.1.1.2:

- CLO.2.2.1.1:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học* (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học), Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội, 2023.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học* (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không chuyên ngành Triết học), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2007.

[2] PGS.TS Nguyễn Thế Nghĩa - TS. Thái Thu Hương, *Những vấn đề cơ bản và cấp bách của Triết học Mác xít*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014.

[3] Trần Viết Quang, Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Thái Sơn, Nguyễn Văn Sang, *Lịch sử triết học*, Nxb Đại học Vinh, 2020.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/Bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC				
	Giai đoạn 1 {trước khi đến lớp}	5	Nghe bài giảng e-learning (LMS). Giới thiệu về triết học và lịch sử triết học: - Khái luận về triết học. - Triết học phương Đông. - Tư tưởng triết học Việt Nam. - Triết học phương Tây.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Đọc giáo trình Triết học, tr7 - tr.57.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Trao đổi trên diễn đàn qua LMS.	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	GV sử dụng các phương pháp dạy học để giới thiệu, luận giải những nội dung cơ bản của chương 1: I. Khái luận về triết học 1. Triết học và đối tượng của triết học. 2. Vấn đề cơ bản của triết học. 3. Chức năng cơ bản của triết học. II. Khái luận về lịch sử triết học 1. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử. 2. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông	CLO.1.1.1.1 CLO.1.1.1.2	A1.2

			3. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây. 4. Khái lược về sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến. 5. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. 6. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.		
		1	HV tham gia thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của GV về các nội dung: - Ảnh hưởng của triết học Phật giáo đến đạo đức, lối sống của con người Việt Nam. - Ảnh hưởng của Nho giáo đến đời sống xã hội và con người Việt Nam. - Tại sao Triết học Tây Âu thế kỷ XVII - XVIII thường mang tính chất siêu hình? - Thực chất của cuộc cách mạng trong lĩnh vực triết học do Các Mác và Ăngghen thực hiện?	CLO.1.1.1.1 CLO.1.1.1.2	A1.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	3	Ôn tập nội dung chương 1: Triết học Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo; triết học Hi Lạp cổ đại; triết học phương Tây thời Phục hưng và cận đại; triết học cổ điển Đức.	CLO.2.2.1.1	A1.1
2	Chương 2: BẢN THỂ LUẬN				
	Giai đoạn 1 { <i>trước khi đến lớp</i> }	5	Nghe bài giảng e-learning (LMS) về Chương 2. - Thế giới quan và thế giới quan khoa học. - Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Đọc giáo trình Triết học, tr.58 - tr.101.		
		5	Trao đổi trên diễn đàn qua LMS.	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	5	GV sử dụng các phương pháp dạy học để giới thiệu, luận giải những nội dung cơ bản của chương 1:	CLO.1.1.1.2 CLO.1.1.1.3	A1.2 A2.1
			1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây. 2. Nội dung bản thể luận trong triết học Mác- Lênin. 3. Mối quan hệ khách quan - chủ quan và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.		

		1	HV tham gia thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của GV về các nội dung chương 2: - Nội dung và ý nghĩa định nghĩa vật chất của Lênin. - Mối quan hệ giữa nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội của ý thức? - Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu của nguyên tắc kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong nhận thức và thực tiễn.	CLO.1.1.1.2 CLO.1.1.1.3	A1.2 A2.1
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	1	Ôn tập Chương 2. Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và sự vận dụng nó vào sự nghiệp đổi mới, phát triển ở Việt Nam hiện nay.	CLO.2.2.1.1	A1.1
3	Chương 3: PHÉP BIỆN CHỨNG				
	Giai đoạn 1 { <i>trước khi đến lớp</i> }	5	Nghe giảng e-learning (LMS) về Chương 3. - Khái niệm chung về phép biện chứng. - Nội dung cơ bản của phép biện chứng. - Phương pháp và phương pháp luận.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Đọc giáo trình Triết học tr.102 - tr.172	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Trao đổi trên diễn đàn qua LMS.	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	5	GV sử dụng các phương pháp dạy học để giới thiệu, luận giải những nội dung Chương 3. 1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử. 2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản, phạm trù của phép biện chứng duy vật. 3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn.	CLO.1.1.1.3	A1.1 A2.1
		2	HV tham gia thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của GV về các nội dung chương 3: - Nội dung những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn.	CLO.1.1.1.3	A1.1 A2.1

			- Sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam.		
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	1	Ôn tập Chương 3: Phân tích nội dung, yêu cầu của các nguyên tắc toàn diện, lịch sử - cụ thể và phát triển của phép biện chứng duy vật.	CLO.2.2.1.1	A1.1
4	Chương 4: NHẬN THỨC LUẬN				
	Giai đoạn 1 { <i>trước khi đến lớp</i> }	5	Nghe giảng e-learning (LMS) về Chương 4: - Một số vấn đề cơ bản của nhận thức luận. - Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức. - Mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Đọc giáo trình Triết học tr.173 - tr.231.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Trao đổi trên diễn đàn qua LMS.	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	5	GV sử dụng các phương pháp dạy học để giới thiệu, luận giải những nội dung Chương 4. 1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức. 2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng. 3. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội. 4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.	CLO.1.1.1.3	A2.1
		1	HV tham gia thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của GV về các nội dung chương 4: - Lý luận là gì? Phân tích đặc điểm cơ bản của lý luận. - Phân tích bệnh kinh nghiệm, giáo điều và biện pháp khắc phục. - Phân tích việc vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.	CLO.1.1.1.3	A2.1
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	1	Ôn tập Chương 4. - Mối quan hệ biện chứng giữa thực tiễn đổi mới và lý luận đổi mới. Liên hệ với lĩnh vực khoa học XH&NV đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. - Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn; giữa lý thuyết với thực hành; giữa lý thuyết, lý luận với thực tế.	CLO.2.2.1.1	A1.1

5	Chương 5: HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI				
	Giai đoạn 1 {trước khi đến lớp}	5	Nghe giảng Elearning (LMS) nội dung Chương 5. - Sản xuất vật chất là nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội. - Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. - Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. - Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội và sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là quá trình lịch sử - tự nhiên.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Đọc giáo trình Triết học tr.232 - tr.268	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Trao đổi trên diễn đàn qua LMS	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	GV sử dụng các phương pháp dạy học để giới thiệu, luận giải những nội dung Chương 5. 1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại. 2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội. 3. Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.	CLO.1.1.1.4	A2.1
		1	HV tham gia thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của GV về các nội dung chương 5. - Con người có thể lựa chọn quan hệ sản xuất theo ý muốn của mình được không? Vì sao? Liên hệ với công cuộc đổi mới ở nước ta. - Vấn đề lựa chọn con đường phát triển của xã hội Việt Nam.	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập Chương 5. - Vai trò phương pháp luận của lý luận hình thái kinh tế - xã hội. - Vận dụng lý luận hình thái kinh tế - xã hội để phân tích con đường đi lên CNXH ở Việt Nam hiện nay.	CLO.1.1.1.4	A2.1
6	Chương 6: TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ				
	Giai đoạn 1 {trước khi đến lớp}	5	Nghe giảng e-learning (LMS) về Chương 6. - Quan điểm của Triết học Mác - Lênin về quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại. - Vấn đề nhà nước và Nhà nước pháp quyền.	CLO.2.2.1.1	A1.1

		5	Đọc giáo trình Triết học tr.269 - tr.336.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Trao đổi trên diễn đàn qua LMS.	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	GV sử dụng các phương pháp dạy học để giới thiệu, luận giải những nội dung Chương 6. 1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học. 2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội. 3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay.	CLO.1.1.1.4	A2.1
		2	HV tham gia thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của GV về các nội dung Chương 6. - Đấu tranh giai cấp và các hình thức cơ bản của đấu tranh giai cấp. - Tính tất yếu của đấu tranh giai cấp. Liên hệ với thực tiễn Việt Nam hiện nay. - Nguồn gốc, bản chất chức năng của Nhà nước theo quan điểm của Triết học Mác - Lênin.	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập Chương 6. - Quan hệ biện chứng giữa lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc và lợi ích nhân loại. - Những đặc điểm cơ bản của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. - Những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân.	CLO.2.2.1.1	A1.1
7	Chương 7: Ý THỨC XÃ HỘI				
	Giai đoạn 1 {trước khi đến lớp}	5	Nghe giảng e-learning (LMS) về Chương 7: - Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. - Các hình thái ý thức xã hội.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Đọc Giáo trình Triết học tr.337-tr.367	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Trao đổi trên diễn đàn qua LMS.	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	GV sử dụng các phương pháp dạy học để giới thiệu, luận giải những nội dung chương 7: 1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội. 2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội. 3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.	CLO.1.1.1.4	A2.1

		1	HV tham gia thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của GV về các nội dung chương 7. - Sự tác động trở lại của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội? - Tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay?	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	1	Ôn tập Chương 7. - Hãy lý giải, chứng minh ý thức xã hội lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội. - Làm rõ tính vượt trước của ý thức xã hội so với tồn tại xã hội?	CLO.2.2.1.1	A1.1
8	Chương 8: TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI				
	Giai đoạn 1 { <i>trước khi đến lớp</i> }	5	Nghe giảng e-learning (LMS) về Chương 8: - Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử. - Quan điểm triết học Mác - Lênin về con người: + Con người là một thực thể sinh vật xã hội. + Con người là chủ thể của lịch sử.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Đọc giáo trình Triết học tr.368 - tr.391.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Trao đổi trên diễn đàn qua LMS.	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	5	GV sử dụng các phương pháp dạy học để giới thiệu, luận giải những nội dung Chương 8. 1. Quan điểm triết học Mác - Lênin về con người: + Bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội. + Vấn đề tha hóa lao động và giải phóng con người. 2. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh. 3. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.	CLO.1.1.1.4	A2.1
		2	Thảo luận nhóm, trao đổi trực tiếp về Chương 8: - Tư tưởng Triết học Phật giáo và Nho giáo về con người. - Quan điểm của Triết học Mác- Lênin về nguồn gốc, bản chất con người. - Những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam hiện nay. Quan điểm của Đảng về xây dựng con người và nguồn nhân lực cho sự nghiệp CNH - HĐH.	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 3	1	Ôn tập Chương 8.	CLO.2.2.1.1	A1.1

	{ <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }		- Một số quan điểm cơ bản triết học về con người trong lịch sử. - Quan điểm triết học Mác - Lênin về vấn đề giải phóng con người. - Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.		
	Bài tiểu luận		Học viên chọn các chủ đề tiểu luận do bộ môn cung cấp	CLO.2.1.1.1	A1.2
	Bài thi kết thúc HP		Tự luận theo ma trận bài A2.1		A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	ĐK để xem KQ thi	

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG SƯ PHẠM
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Trần Vũ Tài

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn

GIẢNG VIÊN



TS. Nguyễn Văn Sang

2. TIẾNG ANH

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIẾNG ANH	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../2024
		Số trang: 21/11

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sư phạm Ngoại ngữ

Điện thoại:

Email: khoaspnn@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

Giảng viên 2:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:

Email:

Các hướng nghiên cứu chính:

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): TIẾNG ANH		(tiếng Anh): ENGLISH	
- Mã số học phần:			
- Thuộc ngành/nhóm ngành: <i>Học phần chung cho nhiều ngành</i>			
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Học phần dạy học dự án Kiến thức ngành ☐ Kiến thức khác			
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn			
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thực hành: 15 + Số tiết thực tế: + Số tiết dạy học dự án:			
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Mã số HP: + Học phần học trước: Mã số HP: + Học phần song hành: Mã số HP:			
- Yêu cầu của học phần + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%. + Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS. + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.			
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Sư phạm Ngoại ngữ			

2. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (Ngữ pháp, Từ vựng, Ngữ âm) và rèn luyện kỹ năng thực hành Tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) theo các chủ đề. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng về văn hóa, xã hội và sử dụng tiếng Anh làm công cụ nghiên cứu cũng như cải tiến các hoạt động chuyên môn liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể.

- Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL cần đạt
3.2.2	Sử dụng Tiếng Anh ở trình độ trung cấp (cuối bậc 3- đầu bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) để nghiên cứu, thực hiện và cải tiến hoạt động chuyên môn, phục vụ thực tiễn nghề nghiệp.	2,5 (Mức 3)

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
3.2.2.1	Nghe hiểu ý chính, thông tin của bài nói về các chủ đề phức tạp (nội dung và ngôn ngữ) về các vấn đề cụ thể hay trừu tượng liên quan tới cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp khi được diễn đạt rõ ràng và bằng giọng chuẩn	3.2.2	25%	2,5 {Mức 3}
3.2.2.2	Đọc hiểu ý chính và nội dung chi tiết các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình.		25%	2,5 {Mức 3}
3.2.2.3	Giao tiếp độc lập (Trình bày về ý nghĩa của một sự kiện hay trải nghiệm cá nhân, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng vv) về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác;		25%	2,5 {Mức 3}
3.2.2.4	Viết bài chi tiết, rõ ràng, có tính liên kết về các chủ đề quan tâm khác nhau, đưa ra những thông tin và lập luận từ một số nguồn khác nhau		25%	2,5 {Mức 3}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số		Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)					
A1.1	CLO.3.2.2.1 (Nghe)	2,5	10%	20%	TNKQ (Thống kê trên LMS)
	CLO.3.2.2.2 (Đọc)	2,5	10%		
A1.2	CLO.3.2.2.3 (Nói)	2,5	15%	30%	Tự luận (Tiêu chí đánh giá)
	CLO.3.2.2.4 (Viết)	2,5	15%		
A1.3	CLO.3.2.2.1 (Nghe)	2,5	25%	50%	TNKQ (Thi trên máy tính)
	CLO.3.2.2.2 (Đọc)	2,5	25%		
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần) (Điểm số, điểm năng lực)					
A2.1	CLO.3.2.2.1 (Nghe)	2,5	15%	65%	Tự luận (Bài thi Viết)
	CLO.3.2.2.2 (Đọc)	2,5	15%		
	CLO.3.2.2.4 (Viết)	2,5	35%		
A2.2	CLO.3.2.2.3 (Nói)	2,5	35%	35%	Vấn đáp

4.2. Ma trận bài thi trắc nghiệm khách quan A1.3

Bảng 1. Ma trận đề thi trắc nghiệm A1.3

CLO		Số câu	Số câu cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu
CLO.3.2.2.1 (50%)	Mức 1	5	3	Nhận biết được nội dung chi tiết trong bài hội thoại về một chủ đề quen thuộc
	Mức 2	5	3	Hiểu được nội dung chính trong bài hội thoại, bài thuyết trình về một chủ đề quen thuộc
	Mức 3	15	7	Suy luận để hiểu được nội dung chính, nội dung chi tiết trong bài hội thoại, bài thuyết trình về một chủ đề quen thuộc, hoặc liên quan đến nghề nghiệp
CLO.3.2.2.2 (50%)	Mức 1	5	3	Nhận biết được nội dung chi tiết trong bài hội đọc về một chủ đề quen thuộc
	Mức 2	5	3	Hiểu được nội dung chính trong bài đọc, nội dung chi tiết (nghĩa của từ trong ngữ cảnh, quy chiếu, vv) về một chủ đề quen thuộc
	Mức 3	15	7	Suy luận để hiểu được nội dung chính, nội dung chi tiết (nghĩa hàm ẩn, quy chiếu phức tạp, vv) trong bài đọc về một chủ đề quen thuộc, hoặc liên quan đến nghề nghiệp
Tổng		50	26	

4.3. Ma trận bài thi tự luận A2.1

Bảng 4. Ma trận đề thi tự luận A2.1

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
3.2.2.1 (15%)	Mức 2 (20%)	MCQ (5 câu)	0,3		Hiểu được nội dung chính trong bài hội thoại, bài thuyết trình về một chủ đề quen thuộc
	Mức 3 (80%)	Gap-fill (10 câu)	1,2	0,6	Suy luận để hiểu được nội dung chính, nội dung chi tiết trong bài hội thoại, bài thuyết trình về một chủ đề quen thuộc, hoặc liên quan đến nghề nghiệp
3.2.2.2 (15%)	Mức 2 (20%)	Cloze test (5 câu)	0,3		Hiểu được nội dung chính trong bài đọc, nội dung chi tiết (nghĩa của từ trong ngữ cảnh, quy chiếu, vv) về một chủ đề quen thuộc
	Mức 3 (80%)	MCQ (10 câu)	1,2	0,6	Suy luận để hiểu được nội dung chính, nội dung chi tiết (nghĩa hàm ẩn, quy chiếu phức tạp, vv) trong bài đọc về một chủ đề quen thuộc, hoặc liên quan đến nghề nghiệp
3.2.2.3 (35%)	Mức 2 (20%)	Letter/ Email	1,5		Phân biệt được các cấu trúc ngữ pháp, từ vựng và diễn ngôn phù hợp để viết một bức thư/email
	Mức 3 (80%)	Essay	2,0	1,0	Sử dụng được các cách diễn đạt khác nhau để viết một bài luận chi tiết, rõ ràng, có tính liên kết về các chủ đề quan tâm khác nhau, đưa ra những thông tin và lập luận từ một số nguồn khác nhau
3.2.2.4 (35%)	Mức 2	Situations	1,5		Phân tích được tình huống và sử dụng ngôn ngữ phù hợp để trình bày về quan điểm/ cách lựa chọn của mình
	Mức 3	Topic discussion	2,0	1,0	Giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng vv về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác
Tổng			10	3,3	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ Bài đánh giá A.1.2a/ A2.2 ((Kỹ năng NÓI)

- Họ và tên học viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên:; Lớp:
- Học phần: **Tiếng Anh**
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO 3.2.2.3 (Mức năng lực: 2.5)			A %
Ngữ pháp	Phạm vi ngữ pháp và độ chính xác		20%
	Sử dụng linh hoạt và chính xác nhiều cấu trúc câu đa dạng và hầu như không mắc lỗi.	10	
	Sử dụng linh hoạt và chính xác nhiều cấu trúc câu đa dạng, tuy đôi khi còn mắc lỗi nhưng khó phát hiện.	9	
	Sử dụng linh hoạt và chính xác câu đơn và khá nhiều câu phức, tuy còn mắc một số lỗi sai nhưng có thể tự sửa được ngay.	8	
	Sử dụng linh hoạt và chính xác câu đơn và khá nhiều câu phức, tuy còn mắc một số lỗi sai trong diễn đạt một cách không hệ thống.	7	
	Sử dụng linh hoạt và chính xác câu đơn và một số câu phức, tuy còn mắc một số lỗi sai nhưng không dẫn đến hiểu nhầm.	6	
	Sử dụng một cách chính xác các dạng câu đơn thường dùng trong những tình huống quen thuộc, tuy có thể còn mắc một số lỗi nhưng người sử dụng vẫn thể hiện được ý một cách rõ ràng. Có nỗ lực sử dụng những mẫu câu phức tuy còn mắc nhiều lỗi.	5	
	Sử dụng một cách chính xác các dạng câu đơn thường dùng trong những tình huống quen thuộc, tuy có thể còn mắc một số lỗi nhưng người sử dụng vẫn thể hiện được ý một cách rõ ràng.	4	
	Sử dụng một cách khá chính xác các dạng câu đơn thường dùng trong những tình huống quen thuộc, tuy có thể còn mắc nhiều lỗi nhưng người sử dụng vẫn thể hiện được ý một cách rõ ràng.	3	
	Sử dụng chính xác một số cấu trúc đơn giản nhưng vẫn mắc các lỗi cơ bản một cách hệ thống; tuy nhiên, người sử dụng vẫn thể hiện được ý mình muốn truyền đạt.	2	
	Chỉ sử dụng được một cách hạn chế một số cấu trúc ngữ pháp và mẫu câu đơn giản đã học.	1	
Từ vựng	Phạm vi từ vựng và kiểm soát từ vựng		20%
	Có lượng từ vựng lớn, gồm cả các từ không quen thuộc, các cách diễn đạt kiểu thành ngữ và lối nói thông tục. Chủ động tìm những cách diễn đạt khác và/hoặc các cách nói tránh mà hầu như không ngập ngừng. Hầu như không lỡ lời và không mắc những lỗi từ vựng nhỏ.	10	
	Có lượng từ vựng lớn, gồm cả các từ không quen thuộc, các cách diễn đạt kiểu thành ngữ và lối nói thông tục.	9	

	Chủ động tìm những cách diễn đạt khác và/hoặc các cách nói tránh tuy đôi lúc còn ngập ngừng. Đôi khi vẫn lỡ lời và vẫn mắc một vài lỗi từ vựng nhỏ.		
	Sử dụng được các từ vựng thuộc về hầu hết các chủ đề quen thuộc và rất nỗ lực tránh lặp từ khi sử dụng các từ vựng thuộc các chủ đề không quen thuộc. Có nỗ lực trong việc sử dụng những từ ít quen thuộc và những cách diễn đạt kiểu thành ngữ. Có độ chính xác từ vựng khá cao mặc dù vẫn lúng túng khi chọn từ và đôi lúc dùng từ còn sai.	8	
	Sử dụng được các từ vựng thuộc về hầu hết các chủ đề quen thuộc và có nỗ lực tránh lặp từ với khi sử dụng các từ vựng thuộc các chủ đề không quen thuộc. Có độ chính xác từ vựng khá cao mặc dù vẫn lúng túng khi chọn từ và đôi lúc dùng từ còn sai.	7	
	Sử dụng được các từ vựng thuộc về hầu hết các chủ đề quen thuộc và đôi lúc có nỗ lực tránh lặp từ khi sử dụng các từ vựng thuộc các chủ đề không quen thuộc. Có độ chính xác từ vựng tương đối cao tuy vẫn còn lỗi về dùng từ và dạng thức từ.	6	
	Sử dụng được các từ vựng thuộc các chủ đề quen thuộc và đôi lúc còn dùng lặp các từ vựng này. Có nỗ lực sử dụng từ vựng thuộc các chủ đề không quen thuộc nhưng còn mắc một số lỗi về dùng từ.	5	
	Sử dụng được các từ vựng thuộc các chủ đề quen thuộc và đôi lúc còn dùng lặp các từ vựng này. Có nỗ lực sử dụng từ vựng thuộc các chủ đề không quen thuộc nhưng còn mắc nhiều lỗi về dùng từ.	4	
	Sử dụng được các từ vựng thuộc các chủ đề quen thuộc mặc dù thường xuyên lặp từ.	3	
	Sử dụng được nhiều từ, cụm từ đơn giản về các chủ đề rất quen thuộc. Chọn đúng từ và dạng thức của từ thuộc phạm vi từ nêu trên.	2	
	Chỉ sử dụng được một số từ, cụm từ riêng lẻ về một số chủ đề rất quen thuộc.	1	
Trọng âm	Âm đơn lẻ, trọng âm, ngữ điệu		20%
	Phát âm, đặt trọng âm từ và câu chính xác. Có ngữ điệu câu phù hợp. Có thể thay đổi trọng âm câu và ngữ điệu để thể hiện các sắc thái ý nghĩa khác nhau và các chức năng khác nhau của ngôn ngữ.	10	
	Phát âm, đặt trọng âm từ và câu chính xác. Có ngữ điệu câu phù hợp. Có thể thay đổi trọng âm câu để thể hiện các sắc thái ý nghĩa khác nhau.	9	
	Phát âm rõ ràng, tự nhiên, và dễ hiểu. Phát âm đơn lẻ rõ ràng, chính xác. Nhấn trọng âm từ và trọng âm câu tương đối chính xác. Rất nỗ lực trong việc thể hiện ngữ điệu câu.	8	
	Phát âm rõ ràng, tự nhiên, và dễ hiểu. Phát âm đơn lẻ rõ ràng, chính xác. Nhấn trọng âm từ và trọng âm câu tương đối chính xác. Có nỗ lực trong việc thể hiện ngữ điệu câu.	7	
	Phát âm rõ ràng, tự nhiên, và dễ hiểu. Phát âm đơn lẻ hầu như rõ ràng, chính xác. Nhấn trọng âm từ tương đối chính xác	6	

	Thể hiện sự nỗ lực trong việc nhấn trọng âm câu và ngữ điệu câu.		
	Phát âm rõ ràng và dễ hiểu những từ và cụm từ, tuy đôi khi còn mắc một số lỗi về các âm đơn lẻ. Có cố gắng nhấn trọng âm từ tuy còn chưa chính xác	5	
	Phát âm rõ ràng và dễ hiểu những từ và cụm từ, tuy đôi khi còn mắc lỗi về các âm đơn lẻ. Có cố gắng nhấn trọng âm từ tuy còn sai nhiều.	4	
	Phát âm rõ ràng và dễ hiểu những từ và cụm từ, tuy còn mắc khá nhiều lỗi về các âm đơn lẻ và các lỗi về âm khác.	3	
	Phát âm tương đối rõ ràng những từ và cụm từ đơn giản nhưng do đôi khi khó nghe nên người đối thoại vẫn phải yêu cầu nhắc lại.	2	
	Phát âm được những từ và cụm từ rất đơn giản nhưng độ chính xác thấp, gây khó hiểu cho người nghe.	1	
	Độ trôi chảy, độ dài của bài nói		20%
	Thường xuyên nói các đoạn dài và có thể diễn đạt ý một cách dễ dàng, lưu loát, tự nhiên, và hiếm khi có hiện tượng lặp từ hay sửa lỗi. Không có dấu hiệu về việc ngập ngừng để tìm từ và cấu trúc, chỉ ngập ngừng khi tìm ý để diễn đạt về một số chủ đề khó về mặt khái niệm.	10	
	Thường xuyên nói các đoạn dài và có thể diễn đạt ý một cách dễ dàng, lưu loát, tự nhiên, nhưng đôi khi còn hiện tượng lặp từ hay sửa lỗi. Hầu như không có dấu hiệu về việc ngập ngừng để tìm từ và cấu trúc, chỉ ngập ngừng khi tìm ý để diễn đạt về một số chủ đề khó về mặt khái niệm.	9	
	Có thể giao tiếp dễ dàng, khá lưu loát, đều đặn những ý đơn giản và phức tạp, đôi lúc còn ngập ngừng, nhưng không phải mất thời gian để tìm cấu trúc và từ vựng. Có thể nói các đoạn dài tuy còn mắc một số lỗi nhỏ.	8	
	Có thể giao tiếp dễ dàng và tương đối lưu loát, đều đặn những ý đơn giản và phức tạp, đôi lúc còn ngập ngừng nhưng không phải quá lâu để tìm cấu trúc và từ vựng. Có thể nói các đoạn dài nhưng đôi khi còn lặp từ và còn cần sửa lỗi.	7	
	Có thể giao tiếp dễ dàng và tương đối lưu loát những ý đơn giản và phức tạp, có thể ngập ngừng nhưng không phải quá lâu để tìm cấu trúc và từ vựng. Có thể nói các đoạn dài nhưng còn mắc một số lỗi không hệ thống và có dấu hiệu của sửa lỗi.	6	
	Có thể diễn đạt trôi chảy những ý đơn giản và diễn đạt được những ý phức tạp nhưng còn chậm do phải tìm cấu trúc và từ vựng. Có thể nói các đoạn dài nhưng còn mắc lỗi sai và có dấu hiệu của sửa lỗi.	5	
	Có thể diễn đạt trôi chảy những ý đơn giản, và có cố gắng diễn đạt một số ý phức tạp nhưng còn chậm do phải tìm cấu trúc và từ vựng. Biết sử dụng các cụm từ và câu đơn giản để kéo dài câu trả lời.	4	
	Có thể diễn đạt một cách khá trôi chảy những ý đơn giản, và hầu như không diễn đạt được ý phức tạp.	3	
	Có thể nói những cụm từ và câu ngắn một cách rất chậm chạp, thường xuyên bị lỡ lời và phải nhắc lại.	2	
	Chỉ có thể nói một cách rời rạc, ngập ngừng những từ và cụm từ rất ngắn, phần lớn là những câu đã học thuộc.	1	
	Phát triển chủ đề; Tính mạch lạc và liên kết		20%
Bổ cục	Có thể dễ dàng phát triển ý một cách tường tận với các chi tiết và ví dụ minh họa phù hợp, và đưa ra kết luận phù hợp.	10	

nội dung	Có thể trình bày ý rõ ràng, mạch lạc với cấu trúc chặt chẽ, thể hiện khả năng sử dụng thành thạo các phương tiện kết nối và các hình thức tổ chức ý.		
	Có thể dễ dàng phát triển ý một cách khá tường tận với các chi tiết và ví dụ minh họa phù hợp, và đưa ra kết luận phù hợp. Có thể trình bày ý rõ ràng, mạch lạc với cấu trúc chặt chẽ, thể hiện khả năng sử dụng khá thành thạo các phương tiện kết nối và các hình thức tổ chức ý.	9	
	Có thể phát triển ý một cách dễ dàng, mở rộng ý bằng những chi tiết và ví dụ minh họa phù hợp. Có thể sử dụng nhiều loại phương tiện kết nối để thể hiện rõ ràng mối quan hệ giữa các ý.	8	
	Có thể phát triển ý một cách khá dễ dàng, mở rộng ý bằng những chi tiết và ví dụ minh họa phù hợp. Có thể sử dụng nhiều loại phương tiện kết nối để thể hiện khá rõ ràng mối quan hệ giữa các ý.	7	
	Có thể phát triển ý một cách tương đối dễ dàng, mở rộng ý bằng một số chi tiết và ví dụ minh họa phù hợp. Có thể sử dụng các phương tiện kết nối phức tạp hơn nhưng chưa thể hiện được rõ ràng mối quan hệ giữa các ý.	6	
	Trả lời phù hợp được các câu hỏi và có thể phát triển ý dưới dạng liệt kê, tuy có dấu hiệu cố gắng mở rộng ý nhưng các ý mở rộng thường chưa rõ ràng hoặc bị lặp. Có thể liên kết ý một cách khá đa dạng khi sử dụng các phương tiện kết nối đơn giản.	5	
	Trả lời phù hợp được các câu hỏi và thể hiện cố gắng phát triển ý nhưng chỉ dưới dạng liệt kê. Có thể liên kết ý bằng một số các phương tiện kết nối đơn giản nhưng đôi khi bị lặp.	4	
	Trả lời tương đối phù hợp được các câu hỏi và có thể phát triển ý nhưng mới chỉ dưới dạng liệt kê. Có thể liên kết ý bằng một số các phương tiện kết nối đơn giản nhưng hay bị lặp.	3	
	Trả lời được câu hỏi nhưng nội dung trả lời chưa phù hợp và không phát triển được ý ngoài những từ khóa được gợi ý. Có thể sử dụng một số phương tiện kết nối đơn giản như “và”, “nhưng”, “bởi vì” Hầu như không diễn đạt hoặc phát triển được ý. Chỉ có thể liên kết từ và cụm từ bằng các từ kết nối như “và” hoặc “thì”.	2	
Tổng điểm CLO 3.2.2.4			
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO: (Giảng viên có thể thiết kế theo bảng nếu bài đánh giá có nhiều CLO được tính điểm năng lực).

GIẢNG VIÊN THỨ NHẤT

(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIẢNG VIÊN THỨ HAI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A.1.2b/ A2.2 ((Kỹ năng VIẾT)

- Họ và tên học viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên:; Lớp:
- Học phần: **Tiếng Anh**
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá		Điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO 3.2.2.3			A %
Mức độ hoàn thành			25 %
	Đáp ứng đầy đủ và hiệu quả các yêu cầu của đề bài. Thể hiện một bài viết được phát triển đầy đủ với những ý chính phù hợp, được mở rộng và chứng minh đầy đủ.	10	
	Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của đề bài. Thể hiện quan điểm của người viết một cách rõ ràng trên toàn bộ bài viết. Thể hiện một bài viết được phát triển đầy đủ với những ý chính phù hợp, được mở rộng và chứng minh đầy đủ.	9	
	Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của đề bài. Thể hiện quan điểm của người viết nhìn chung là rõ ràng trên toàn bộ bài viết. Phát triển ý chính với hầu hết thông tin chi tiết phù hợp.	8	
	Đáp ứng đầy đủ yêu cầu của đề bài. Thể hiện quan điểm của người viết nhìn chung là rõ ràng; nhưng ở một số phần, phần kết luận có thể lặp lại hoặc không rõ. Trình bày ý chính phù hợp nhưng một, hai ý có thể được phát triển không đầy đủ hoặc không rõ ràng.	7	
	Đáp ứng gần như đầy đủ yêu cầu của đề bài. Thể hiện quan điểm của người viết nhìn chung là rõ ràng; nhưng ở một số phần, phần kết luận có thể lặp lại hoặc không rõ. Trình bày gần như đầy đủ điểm chính, nhưng một số thông tin chi tiết có thể không phù hợp. Trình bày ý chính phù hợp nhưng một số ý có thể được phát triển không đầy đủ hoặc không rõ ràng.	6	
	Đáp ứng một nửa yêu cầu của đề bài. Thể hiện được quan điểm nhưng không hẳn rõ ràng trên toàn bộ bài viết; có thể không rút ra được kết luận. Trình bày một số ý chính, nhưng chúng không được phát triển đầy đủ; có thể có những chi tiết không phù hợp.	5	
	Đáp ứng một phần yêu cầu của đề bài.	4	

	Thể hiện được quan điểm nhưng không hẳn rõ ràng trên toàn bộ bài viết; có thể không rút ra được kết luận. Trình bày một số ý chính nhưng chúng có thể lặp lại và được phát triển không đầy đủ với những thông tin chi tiết phù hợp.		
	Không trả lời đầy đủ bất cứ yêu cầu nào của đề bài; bài viết có thể bị hiểu nhầm hoàn toàn. Không thể hiện được quan điểm. Trình bày được rất ít ý nhưng phần lớn những ý này không được phát triển.	3	
	Hầu như không đáp ứng yêu cầu nào của đề bài. Không thể hiện được quan điểm. Trình bày được một đến hai ý chính nhưng những ý này không được phát triển.	2	
	Bài viết hoàn toàn không phù hợp hoặc không thể hiểu được.	1	
Tổ chức bài viết			25 %
	Tổ chức thông tin và lập luận một cách lô-gíc. Sử dụng nhiều loại phương tiện liên kết và cấu trúc tổ chức một cách linh hoạt. Chia đoạn đủ và hợp lí.	10	
	Tổ chức thông tin và lập luận một cách mạch lạc. Sử dụng nhiều loại phương tiện liên kết và cấu trúc tổ chức một cách hiệu quả. Chia đoạn đủ và hợp lí.	9	
	Tổ chức thông tin và lập luận một cách mạch lạc. Sử dụng nhiều loại phương tiện liên kết và cấu trúc tổ chức một cách hợp lí, mặc dù đôi chỗ dùng quá nhiều hoặc quá ít. Chia đoạn tương đối tốt.	8	
	Tổ chức thông tin và lập luận một cách mạch lạc. Sử dụng nhiều từ nối và phương tiện liên kết ở trong câu và giữa các câu một cách phù hợp, nhưng đôi chỗ dùng sai. Chia đoạn nhưng không lô-gíc.	7	
	Tổ chức thông tin và lập luận một cách mạch lạc. Sử dụng nhiều từ nối và phương tiện liên kết ở trong câu và giữa các câu một cách phù hợp, nhưng đôi khi dùng sai. Chia đoạn tương đối tốt.	6	
	Tổ chức thông tin và lập luận một cách mạch lạc. Sử dụng đúng một số từ nối và phương tiện liên kết cơ bản ở trong câu và giữa các câu. Không viết theo đoạn, hoặc cách chia đoạn không hợp lí.	5	
	Có tổ chức thông tin và lập luận. Sử dụng những từ nối và phương tiện liên kết thường gặp ở trong và giữa các câu, nhưng đôi chỗ bị lặp hoặc không chính xác. Không viết theo đoạn, hoặc cách chia đoạn gây khó hiểu.	4	
	Trình bày thông tin và lập luận bằng một chuỗi các câu đơn giản được liên kết với nhau chỉ bằng những từ nối cơ bản và thường gặp.	3	
	Có rất ít dấu hiệu của tính tổ chức.	2	
	Không có dấu hiệu của tính tổ chức.	1	
Từ vựng			25%
	Sử dụng được dải từ rất rộng, bao gồm những từ ít gặp, một cách chính xác và linh hoạt.	10	

	Kiểm soát hoàn toàn phong cách viết và các cụm cố định, nhưng vẫn có thể có đôi chỗ chưa phù hợp. Gần như không mắc lỗi, hoặc chỉ 1-2 lỗi do sơ ý.		
	Sử dụng được dải từ rất rộng, bao gồm những từ ít gặp, một cách chính xác. Kiểm soát tốt phong cách viết và các cụm cố định, nhưng vẫn có lỗi sai. Không mắc lỗi hệ thống hay lỗi gây khó khăn cho người đọc.	9	
	Sử dụng được dải từ rộng, bao gồm một số từ ít gặp, một cách thích hợp. Kiểm soát tương đối tốt phong cách viết và cụm từ cố định. Không mắc lỗi hệ thống hay lỗi gây khó khăn cho người đọc.	8	
	Sử dụng được dải từ tương đối rộng. Có cố gắng sử dụng những từ ít gặp nhưng có thể sử dụng sai. Lỗi không gây khó khăn cho người đọc.	7	
	Sử dụng được dải từ tương đối rộng. Có cố gắng sử dụng những từ ít gặp nhưng phần lớn đều sử dụng sai. Lỗi không gây khó khăn cho người đọc.	6	
	Sử dụng được lượng từ tối thiểu của chủ đề bài viết nhưng có xu hướng dùng nhiều một số từ. Mắc lỗi có thể gây khó khăn cho người đọc.	5	
	Kiểm soát được từ ngữ cơ bản. Mắc tương đối nhiều lỗi và lỗi thỉnh thoảng gây khó khăn cho người đọc.	4	
	Sử dụng lượng từ hạn chế. Mắc lỗi thường xuyên và lỗi làm thay đổi nghĩa.	3	
	Sử dụng lượng từ rất hạn chế. Mắc rất nhiều lỗi và lỗi làm thay đổi nghĩa.	2	
	Chỉ viết được một vài từ đơn lẻ.	1	
			25%
Ngữ pháp	Các cấu trúc được sử dụng đa dạng, chính xác, và linh hoạt. Gần như không mắc lỗi, hoặc chỉ 1-2 lỗi do sơ ý.	10	
	Sử dụng đa dạng các cấu trúc đơn giản và phức tạp một cách chính xác. Đại đa số các câu không có lỗi. Không mắc lỗi hệ thống hoặc lỗi gây khó khăn cho người đọc.	9	
	Kiểm soát tốt nhiều cấu trúc đơn giản và phức tạp. Đại số các câu không có lỗi. Không mắc lỗi hệ thống hoặc lỗi gây khó khăn cho người đọc.	8	
	Sử dụng cả cấu trúc đơn giản và phức tạp. Mắc lỗi, nhưng hầu như không dẫn đến hiểu nhầm.	7	
	Sử dụng cả cấu trúc đơn giản và phức tạp. Mắc lỗi, nhưng hầu như không dẫn đến hiểu nhầm tuy còn gây khó khăn cho người đọc.	6	
	Kiểm soát tốt các cấu trúc đơn giản. Có cố gắng sử dụng các cấu trúc phức tạp nhưng phần lớn đều sử dụng sai. Mắc lỗi, nhưng thông thường những lỗi này không gây khó khăn cho người đọc.	5	
	Kiểm soát được các cấu trúc đơn giản. Có cố gắng, nhưng thất bại trong việc sử dụng một vài cấu trúc phức tạp.	4	

	Thường xuyên mắc lỗi và thỉnh thoảng gây khó khăn cho người đọc.		
	Sử dụng chính xác một vài cấu trúc đơn giản. Thường xuyên mắc những lỗi cơ bản làm thay đổi nghĩa.	3	
	Chỉ viết được một vài cụm từ đã học thuộc từ trước. Lỗi xuất hiện rất nhiều và làm thay đổi nghĩa.	2	
	Không viết được thành câu.	1	
Tổng điểm CLO. 3.2.2.3			
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO: (Giảng viên có thể thiết kế theo bảng nếu bài đánh giá có nhiều CLO được tính điểm năng lực).

GIẢNG VIÊN THỨ NHẤT

(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIẢNG VIÊN THỨ HAI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

[1] Stephenson, H., Hughes, J. & Dummett, P. (2019). *Life- Intermediate*, Student book (2nd Edition), National Geographic.

[2] Stephenson, H., Hughes, J. & Dummett, P. (2019). *Life- Intermediate*, Workbook (2nd Edition), National Geographic.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1] <http://www.ngllife.com/student-zone>

[2] <https://eltngl.com/sites/Life2eBreApp/intermediate>

[3] <https://www.ngllife.com/>

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
0	Orientation				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	0	Xem bài giảng E-Learning (LMS) và DCCT học phần (về mục tiêu học phần, nội dung học phần, yêu cầu học phần (kiểm tra, đánh giá, thực hiện tương tác, vv)		
		0	Thảo luận về các nội dung quan tâm đến học phần trên mục Thảo luận môn học		

1	Bài 1: RELATIONSHIP				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về các hiện tượng Ngữ pháp (<i>Present Simple and Present Continuous</i>), Từ vựng (<i>Relationship</i>), Ngữ âm	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: - Listening - Reading	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho phần Thảo luận	3.2.2.4	A1.2
		2	Thảo luận về <i>Describing a person</i>	3.2.2.4	A1.2 A.2.1
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	5	Nghe giảng về Relationship	3.2.2.3	A1.2
		5	Thực hành Giao tiếp trên lớp <i>Relationship</i>	3.2.2.3	A1.2
		3	Bài tập thực hành giao tiếp	3.2.2.3	A1.2 A.2.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	1	Ôn tập (Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu)	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
		2	Làm bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
2	Bài 2: LIFE STORIES				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về các hiện tượng Ngữ pháp (<i>Past tenses</i>), Từ vựng (<i>Life stories</i>), Ngữ âm ()	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: - Listening - Reading	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho phần Thảo luận	3.2.2.4	A1.2
		2	Thảo luận về <i>Writing an informal letter to exchange information</i>	3.2.2.4	A1.2 A.2.1
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	5	Nghe giảng về Life stories	3.2.2.3	A1.2
		5	Thực hành Giao tiếp trên lớp <i>Life stories</i>	3.2.2.3	A1.2
		3	Bài tập thực hành Giao tiếp	3.2.2.3	A1.2 A.2.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	1	Ôn tập (Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu)	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
		2	Làm bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
3	Bài 3: CULTURAL IDENTITY				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về các hiện tượng Ngữ pháp (<i>Present Perfect and Present Perfect Continuous; Modal verbs expressing advice and suggestions</i>), Từ vựng (<i>Cultural identity</i>), Ngữ âm ()	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1

		3	Làm bài tập trên LMS: - Listening - Reading	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho phần thảo luận	3.2.2.4	A1.2
		2	Thảo luận về <i>Describing an event</i>	3.2.2.4	A1.2 A.2.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	Nghe giảng về <i>Cultural identity</i>	3.2.2.3	A1.2
		5	Thực hành Giao tiếp trên lớp <i>Cultural identity</i>	3.2.2.3	A1.2
		3	Bài tập thực hành giao tiếp	3.2.2.3	A1.2 A.2.2
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập (Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu)	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
		2	Làm bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
4	Bài 4: JOBS AND WORK				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về các hiện tượng Ngữ pháp (<i>Future tenses</i>), Từ vựng (<i>Jobs and Work</i>), Ngữ âm ()	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: - Listening - Reading	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho phần Thảo luận	3.2.2.4	A1.2
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	2	Thảo luận về <i>Advantage and Disadvantage essays</i>	3.2.2.4	A1.2 A.2.1
		5	Nghe giảng về <i>Jobs and Work</i>	3.2.2.3	A1.2
		5	Thực hành Giao tiếp trên lớp <i>Jobs and Work</i>	3.2.2.3	A1.2
		3	Bài tập thực hành giao tiếp	3.2.2.3	A1.2 A.2.2
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập (Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu)	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
		2	Làm bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
5	Bài 5: MASS MEDIA				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về các hiện tượng Ngữ pháp (<i>The conditionals</i>), Từ vựng (<i>Mass media</i>), Ngữ âm ()	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: - Listening - Reading	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1

		5	Chuẩn bị nội dung cho phần thảo luận	3.2.2.4	A1.2
		2	Thảo luận về <i>Writing about advantages and disadvantages of Mass Media</i>	3.2.2.4	A1.2 A.2.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	Nghe giảng về <i>Mass media</i>	3.2.2.3	A1.2
		5	Thực hành Giao tiếp trên lớp <i>Mass media</i>	3.2.2.3	A1.2
		3	Bài tập thực hành giao tiếp	3.2.2.3	A1.2 A.2.2
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập (Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu)	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
		2	Làm bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
6	Bài 6: OUR WORLD HERITAGE SITES				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về các hiện tượng Ngữ pháp (<i>Relative clauses; ing and ed-clauses</i>), Từ vựng (<i>Our world heritage sites</i>), Ngữ âm ()	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: - Listening - Reading	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho phần thảo luận	3.2.2.4	A1.2
		2	Thảo luận về <i>Describing places</i>	3.2.2.4	A1.2 A.2.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	Nghe giảng về <i>Our world heritage sites</i>	3.2.2.3	A1.2
		5	Thực hành Giao tiếp trên lớp <i>Our world heritage sites</i>	3.2.2.3	A1.2
		3	Bài tập thực hành giao tiếp	3.2.2.3	A1.2 A.2.2
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập (Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu)	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
		2	Làm bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
7	Bài 7: CLIMATE CHANGE				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về các hiện tượng Ngữ pháp (<i>Clauses of concession, reason and purpose</i>), Từ vựng (<i>climate change</i>), Ngữ âm ()	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: - Listening - Reading	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho phần thảo luận	3.2.2.4	A1.2

		2	Thảo luận về <i>Writing a cause-and-effect essay</i>	3.2.2.4	A1.2 A.2.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	Nghe giảng về <i>Climate change</i>	3.2.2.3	A1.2
		5	Thực hành Giao tiếp trên lớp <i>Causes and effects of global warming</i>	3.2.2.3	A1.2
		3	Bài tập thực hành giao tiếp	3.2.2.3	A1.2 A.2.2
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập (Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu)	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
		2	Làm bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
8	Bài 8: ARTIFICIAL INTELLIGENCE				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về các hiện tượng Ngữ pháp (<i>Active and Passive causative</i>), Từ vựng (<i>Artificial Intelligence</i>), Ngữ âm ()	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: - Listening - Reading	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho phần thảo luận	3.2.2.4	A1.2
		2	Thảo luận về <i>Writing about benefits and drawbacks of AI</i>	3.2.2.4	A1.2 A.2.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	Nghe giảng về <i>Artificial Intelligence</i>	3.2.2.3	A1.2
		5	Thực hành Giao tiếp trên lớp <i>Artificial Intelligence</i>	3.2.2.3	A1.2
		3	Bài tập thực hành giao tiếp	3.2.2.3	A1.2 A.2.2
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập (Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu)	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
		2	Làm bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
9	Bài thi đánh giá quá trình		Trắc nghiệm theo ma trận đề thi	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3
10	Bài thi kết thúc HP		Tự luận theo ma trận bài thi (Đọc, Nghe, Viết)	3.2.2.1 3.2.2.2 3.2.2.3	A.2.1
				3.2.2.4	A.2.2
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi	Đăng ký để xem kết quả thi	

Hướng dẫn học tập để đạt các chuẩn đầu ra:

- Trước mỗi buổi học, học viên phải chuẩn bị nội dung học tập theo yêu cầu (xem các bài giảng Scorm trên hệ thống LMS, tham gia thảo luận, trao đổi trên diễn đàn, chuẩn bị các nội dung theo

hướng dẫn của giáo viên, hoàn thành các bài tập trên hệ thống LMS, vv). Quá trình học tập của học viên đều được hệ thống LMS ghi nhận và giáo viên đánh giá, phản hồi.

- Trong mỗi buổi học, học viên tham gia tích cực vào các buổi thảo luận (về các nội dung liên quan đến bài học, các nhiệm vụ cần thực hiện của mỗi bài học, các kỹ năng ngôn ngữ cần phát triển, vv). Học viên được đánh giá dựa trên các nhiệm vụ liên quan của môn học ở mỗi bài học cụ thể, trong đó, chú trọng đến phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, đặc biệt là kỹ năng Nói và Viết.

- Sau mỗi buổi học, học viên phải hệ thống hoá, mở rộng, nâng cao kiến thức, thực hành các kỹ năng ngôn ngữ liên quan đến bài học.

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG SƯ PHẠM
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Trần Vũ Tài

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thị Kim Anh

GIẢNG VIÊN



TS. Trần Thị Kim Anh

3. MỘT SỐ LÝ THUYẾT HIỆN ĐẠI VỀ TÂM LÝ HỌC TRẺ EM

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN MỘT SỐ LÝ THUYẾT HIỆN ĐẠI VỀ TÂM LÝ HỌC TRẺ EM	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../2024
		Số trang: 38/11

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

GVC.TS. Phan Quốc Lâm

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0912079483. Email: lampq@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

Giảng viên 2:

GVC.TS. Dương Thị Thanh Thanh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0904768538. Email: thanhtdt@vinhuni.edu.vn;

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học sư phạm, Tâm lý học quản lý.

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Một số lý thuyết hiện đại về tâm lý học trẻ em (tiếng Anh): Some modern theories of Child Psychology	
- Mã số học phần: PED82003	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục học - Giáo dục mầm non	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung
☒ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án
☐ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết bài tập, thảo luận: 15 + Số tiết thực hành: 0	
+ Số tiết thực tế: 0 + Số tiết dạy học dự án: 0 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: không	
+ Học phần học trước: không	
+ Học phần song hành: không	
- Yêu cầu của học phần:	

+ Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%
+ Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS
+ Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm
+ Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường Sư phạm

2. Mô tả học phần

Học phần Một số lý thuyết hiện đại về Tâm lý học trẻ em thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc trong Chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục mầm non), với nội dung là những lý thuyết hiện đại về tâm lý học trẻ em, học phần giúp người học tiếp cận với các khái niệm cơ bản về tâm lý và tâm lý trẻ em theo các quan điểm khác nhau; cung cấp những hiểu biết về đặc điểm tâm lý trẻ mầm non và cơ sở lý học của các phương pháp giáo dục trẻ, góp phần hoàn thiện tay nghề cho học viên ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non).

Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng kiến thức nâng cao các lý thuyết cơ sở ngành hiện đại trong nghiên cứu lý luận và thực tiễn dạy học thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non	2,5 {Mức 3}
2.1.1	Vận dụng tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin và sáng tạo trong nghiên cứu ứng dụng thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non	2,5 {Mức 3}
2.2.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực giáo dục mầm non	3,5 {Mức 4}
3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan các vấn đề nghiên cứu khoa học ứng dụng và dạy học lĩnh vực giáo dục mầm non	2,5 {Mức 3}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	<i>Phân tích được</i> nội dung cơ bản của lý thuyết tâm lý học hành vi và tâm lý học phân tâm về tâm lý trẻ mầm non	1.1.2	4%	2,5
1.1.2.2	<i>Phân tích được</i> nội dung cơ bản của lý thuyết tâm lý học nhận thức về đặc điểm và sự phát triển tâm lý của trẻ mầm non		4%	2,5
1.1.2.3	<i>Phân tích được</i> nội dung cơ bản của lý thuyết tâm lý học hoạt động về đặc điểm và sự phát triển tâm lý của trẻ mầm non		4%	2,5
2.1.1.1	<i>Thể hiện được</i> kỹ năng phân tích, tổng hợp trong nghiên cứu lĩnh vực giáo dục mầm non	2.1.1	5%	2,5
2.2.1.1	<i>Thể hiện được</i> đạo đức và hành xử chuyên nghiệp xử lý các tình huống nảy sinh trong quá trình giáo dục trẻ mầm non	2.2.1	5%	3,5
3.1.1.1	<i>Thể hiện được</i> kỹ năng làm việc nhóm trong giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, dạy học và giáo dục trẻ mầm non	3.1.1	5%	2,5

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO2.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	15%	Quan sát
A1.2	CLO2.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5	15%	Quan sát
A1.3	CLO3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	20%	Quan sát
A1.4	CLO1.1.2.1 {điểm số}	2,5	50%	Tự luận
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO.1.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	100%	Tự luận
	CLO.1.1.2.2 {điểm số và điểm năng lực}	2,5		
	CLO.1.1.2.3 {điểm số và điểm năng lực}	2,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 15\% + A1.2 \times 15\% + A1.3 \times 20\% + A1.4 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 \times 50\% + A2 \times 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.3. Ma trận bài thi tự luận

Bảng 3. Ma trận bài đánh giá A1.3

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.1 (100%)	Mức 2	1 câu 5 điểm	2,0	Nêu được các luận điểm cơ bản của lý thuyết Tâm lý học hành vi về tâm lý trẻ mầm non
	Mức 3		3,0	Phân tích được các luận điểm của lý thuyết Tâm lý học hành vi qua ví dụ thực tiễn
	Mức 1	1 câu 5 điểm	2,0	Trình bày được các nội dung cơ bản của lý thuyết Phân tâm học về tâm lý trẻ mầm non
	Mức 2		3,0	Giải thích được một số hiện tượng tâm lý trẻ em nảy sinh trong quá trình giáo dục mầm non bằng kiến thức lý thuyết Phân tâm học
Tổng			10	

Bảng 2. Ma trận đề thi tự luận A2.1

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.1 (20%)	Mức 2	1 câu 2,0 điểm	0,7		Trình bày được các khái niệm cơ bản của Tâm lý học hành vi
	Mức 3		1,3	0,9	Vận dụng được các kiến thức cơ bản của lý thuyết Tâm lý học hành vi vào giải thích các hiện tượng về tâm lý trẻ em nảy sinh trong quá trình giáo dục mầm non.
1.1.2.2 (30%)	Mức 1	1 câu 3,0 điểm	1,2		Trình bày được nội dung cơ bản của lý thuyết Tâm lý học nhận thức về đặc điểm và sự phát triển tâm lý của trẻ mầm non
	Mức 2		1,8	0,9	Vận dụng được kiến thức của lý thuyết tâm lý học nhận thức vào giải thích và xử lý các hiện tượng tâm lý nảy sinh trong quá trình giáo dục mầm non
1.1.2.3 (50%)	Mức 3	1 câu 5,0 điểm	2,0		Phân tích được nội dung cơ bản của lý thuyết Tâm lý học hoạt động về đặc điểm và sự phát triển tâm lý của trẻ mầm non
	Mức 4		3.0	1,2	Vận dụng được các kiến thức cơ bản của lý thuyết tâm lý học hoạt động để giải thích và xử lý các hiện tượng tâm lý nảy sinh trong quá trình giáo dục trẻ mầm non
Tổng			10	3,0	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Tâm lý Giáo dục

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.1

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
3. Học phần:.....
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO2.1.1.1. Thể hiện được kỹ năng phân tích, tổng hợp trong nghiên cứu lĩnh vực giáo dục mầm non [mức năng lực: 2,5]			100 %
Tiêu chí 1	Kỹ năng phân tích		50 %
	Hiểu rõ vấn đề nghiên cứu và mục tiêu của nghiên cứu; Tìm kiếm và thu thập được dữ liệu từ các nguồn đáng tin cậy và phù hợp; Áp dụng được các phương pháp phân tích phù hợp cho dữ liệu thu thập được; Đánh giá được kết quả phân tích theo các tiêu chí xác định trước; Đánh giá tính hợp lý và khả thi của giải pháp dựa trên kết quả phân tích và có khuyến nghị cải tiến.	8-10	
	Hiểu vấn đề nghiên cứu và mục tiêu của nghiên cứu; Tìm kiếm và thu thập được dữ liệu; Áp dụng được các phương pháp phân tích phù hợp; Đánh giá được kết quả phân tích; Đánh giá tính hợp lý và khả thi của giải pháp dựa trên kết quả phân tích.	6-7.9	
	Hiểu vấn đề nghiên cứu; Tìm kiếm được dữ liệu; Áp dụng được các phương pháp phân tích phù hợp; Đánh giá được kết quả phân tích.	5-6.9	
	Chưa hiểu rõ vấn đề nghiên cứu; Tìm kiếm được dữ liệu phân tích.	0-4.0	
Tiêu chí 2	Kỹ năng tổng hợp		50 %
	Xác định và giải thích được các khía cạnh quan trọng cần tổng hợp; Đánh giá được tính đáng tin cậy và phù hợp của thông tin thu thập được; Phân tích, xác định được mối quan hệ và xu hướng chung từ thông tin thu thập được; Xây dựng một tổng quan rõ ràng và logic về vấn đề nghiên cứu; Đánh giá được tính hợp lý và khả thi của tiếp cận nghiên cứu được tổng hợp.	8-10	

Xác định được khía cạnh quan trọng cần tổng hợp; Đánh giá được sự phù hợp của thông tin thu thập được; Xác định được mối quan hệ thông tin thu thập được; Xây dựng một tổng quan về vấn đề nghiên cứu; Đánh giá được tính hợp lý và khả thi của tiếp cận nghiên cứu được tổng hợp.	6-7.9	
Xác định được khía cạnh cần tổng hợp; Đánh giá được thông tin thu thập được; Xác định được mối quan hệ thông tin thu thập được.	5-6.9	
Chưa xác định được khía cạnh cần tổng hợp; Có đánh giá thông tin thu thập được.	0-4.0	
Điểm số của CLO2.2.1.1		
Điểm tổng kết: Điểm TC1*50% + TC2*50%		/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
Bài đánh giá A1.2

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO2.2.1.1. Thể hiện được đạo đức và hành xử chuyên nghiệp trong nghiên cứu lĩnh vực giáo dục mầm non [mức năng lực: 2,5]			100 %
Tiêu chí 1	Đạo đức trong nghiên cứu		50 %
	Trung thực trong học tập và nghiên cứu: Không gian lận, sao chép một cách trái phép các số liệu và kết quả nghiên cứu. Trích dẫn đúng nguồn tài liệu tham khảo.	8-10	
	Trung thực trong học tập và nghiên cứu: Không gian lận, sao chép một cách trái phép (không vượt quá 25% trùng lặp). Các số liệu và kết quả nghiên cứu còn thiếu một số trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo.	6-7.9	
	Trung thực trong học tập và nghiên cứu, tỉ lệ trùng lặp, sao chép nghiên cứu khác còn cao (vượt quá 25% trùng lặp). Thiếu trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo.	5-6.9	
	Sao chép ý tưởng, sao chép nội dung, không có trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo	0-4.0	
Tiêu chí 2	Hành xử chuyên nghiệp trong nghiên cứu lĩnh vực giáo dục mầm non		50 %
	Chủ động phối hợp thực hiện công việc với các thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Chủ động phối hợp thực hiện công việc với các thành viên theo trình tự thời gian hợp lý	6-7.9	
	Có phối hợp thực hiện công việc với các thành viên	5-6.9	
	Chưa chủ động được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	0-4.0	
Điểm số của CLO2.2.1.1			
Điểm tổng kết: Điểm TC1*50% + TC2*50%			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.3

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.1.1.1. Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm trong giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, dạy học và giáo dục trẻ mầm non [mức năng lực: 2,5]			100 %
Tiêu chí 1	Tổ chức thành lập nhóm		20 %
	Chủ động phối hợp để thành lập nhóm hiệu quả, xác định vai trò của các thành viên một cách rõ ràng và có thể hoán đổi được vai trò cho nhau	8-10	
	Phối hợp cùng nhau thành lập nhóm phù hợp, xác định được vai trò cho mỗi thành viên trong nhóm	6-7.9	
	Xác định được vai trò của mỗi thành viên trong nhóm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	
	Không xác định được vai trò của mỗi thành viên trong nhóm, cần GV hướng dẫn hoàn toàn	0-4.0	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ học tập		30 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 3	Thực hiện nhiệm vụ được giao		30 %
	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao	8-10	

	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
	Đánh giá hoạt động hợp tác		20 %
Tiêu chí 4	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-6.9	
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	0-4.0	
Điểm số của CLO3.1.1.1			
Điểm tổng kết: $TC1*20\% + TC2*30\% + TC3*30\% + TC4*20\%$			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

[1] Phan Quốc Lâm, Bài giảng Một số lý thuyết hiện đại về tâm lý học trẻ em, Trường Đại học Vinh

[2] Phan Trọng Ngọ (chủ biên), Lê Minh Nguyệt, Giáo trình Các lý thuyết phát triển tâm lý người (2023), NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Phan Quốc Lâm (chủ biên), Dương Thị Thanh Thanh (2019), Giáo trình Tâm lý học, NXB Đại học Vinh.

[2]. Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên), Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non (2015), NXB Đại học Sư phạm.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương /chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. TÂM LÝ HỌC HÀNH VI (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 6 tiết, tự học: 18 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học qua bài giảng e-Learning (LMS) về Lý thuyết tâm lý học hành vi		
		3	Trả lời câu hỏi và bài tập trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi và bài tập chương 1 ở mức 1 và 2)	CLO1.1.2.1	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 1.2 và mục 1.3.		
	Giai đoạn 2	4	Học lý thuyết các nội dung sau: 1.1. Những cơ sở của tâm lý học hành vi 1.2. Quan điểm tâm lý học của J.Watson 1.3. Các thuyết hành vi mới 1.4. Ứng dụng quan điểm hành vi trong giáo dục Phương pháp dạy học: trực quan, thuyết trình và giải quyết vấn đề	CLO1.1.2.1	A1.4 A2.1
		1	Thảo luận:	CLO3.1.1.1	A1.2
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy	CLO2.1.1.1	A1.1
		5	Làm bài tập chương 1 trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]		
2	Chương 2. TÂM LÝ HỌC PHÂN TÂM (Học qua bài giảng E-learning: 2; học trên lớp: 6 tiết, tự học: 16 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về Lý thuyết phân tâm học		
		4	Trả lời các câu hỏi trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi ở mức độ 1 và 2)	CLO2.1.1.1	A1.1
		4	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 2.2 và mục 2.3		
	Giai đoạn 2	4	Học lý thuyết các nội dung sau: 2.1. Thuyết phân tâm học của S.Freud 2.2. Các lý thuyết phân tâm học sau S.Freud 2.3. Sự phát triển mặt cảm xúc- nhu cầu của trẻ em theo phân tâm học	CLO1.1.2.1	A1.4 A2.1

			Phương pháp dạy học: Thuyết trình, giải quyết vấn đề		
		1	Thảo luận nhóm:	CLO3.1.1.1	A1.2
		1	Bài kiểm tra giữa kỳ: Theo ma trận của bài đánh giá A1.3	CLO1.1.2.1 CLO1.1.2.2	A1.4
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO2.2.1.1	A1.1
		5	Làm bài tập chương 2 trong tài liệu [1]		
3	Chương 3. TÂM LÝ HỌC NHẬN THỨC (Học qua bài giảng E-learning: 3; học trên lớp: 8 tiết, tự học: 22 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về Lý thuyết tâm lý học nhận thức		
		3	Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO2.1.1.1	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 4.1, mục 4.2		
	Giai đoạn 2	4	Học lý thuyết các nội dung sau: 3.1. Cơ sở, khái niệm cơ bản và phương pháp nghiên cứu của J.Piaget 3.2. Trí khôn và sự hình thành trí khôn 3.3. Các giai đoạn cơ bản của sự phát triển trí khôn ở trẻ em 3.4. Các yếu tố chi phối sự phát triển trí khôn 3.5. Lý thuyết về nhiều dạng trí khôn của HOWARD GARDNER Phương pháp dạy học: thuyết trình, giải quyết vấn đề	CLO1.1.2.2 CLO1.1.2.3	A2.1
		1	Thảo luận nhóm:	CLO3.1.1.1	A1.2
		1	Bài tập tự luận:		
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập: Hệ thống hóa nội dung chính của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO2.1.1.1	A1.1
		5	Làm bài tập chương 3 trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]		
4	Chương 4. TÂM LÝ HỌC HOẠT ĐỘNG (Học qua bài giảng E-learning: 5 tiết; học trên lớp: 12 tiết, tự học: 34 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về Lý thuyết tâm lý học hoạt động		

		3	Trả lời các câu hỏi trên LMS (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO2.1.1.1	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 4.1 và mục 4.2		
	Giai đoạn 2	4	Học lý thuyết các nội dung: 4.1. Cơ sở của tâm lý học hoạt động 4.2. Lý thuyết hoạt động tâm lý của A.N.Leonchep 4.3. Lý thuyết về sự hình thành trí tuệ theo giai đoạn của P.Ia.Ganperin Phương pháp dạy học: Thuyết trình, giải quyết vấn đề	CLO1.1.2.2 CLO1.1.2.3	A2.1
		1	Thảo luận nhóm	CLO3.1.1.1	A1.2
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập: Hệ thống hóa nội dung của chương 4 bằng sơ đồ tư duy	CLO2.1.1.1	A1.1
		5	Làm bài tập chương 4 trong tài liệu [1]		
	Thi kết thúc học phần		Tự luận theo ma trận bài thi A2.1	CLO1.1.2.1 CLO1.1.2.2 CLO1.1.2.3	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày tháng ... năm 2024

BGH Trường Sư phạm



PGS.TS. Trần Vũ Tài

Trưởng khoa



TS. Trần Thị Hoàng Yến

Giảng viên phụ trách



TS. Phan Quốc Lâm

4. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA GIÁO DỤC MẦM NON HIỆN ĐẠI

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA GIÁO DỤC MẦM NON HIỆN ĐẠI	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../202..
		Số trang: 51/8

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0967.586.668

Email: quynhanhgddhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học

Giảng viên 2:

PGS.TS. Nguyễn Thị Hương

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0915.051.198

Email: nguyenthihuongcd@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Một số vấn đề cơ bản của Giáo dục mầm non hiện đại (tiếng Anh): Some basic issues of modern preschool education	
- Mã số học phần: PED82004	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục mầm non	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 32 + Số tiết bài tập, thảo luận: 13 + Số tiết thực hành: 0	
+ Số tiết thực tế: 0 + Số tiết dạy học dự án: 0 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: không + Học phần học trước: Một số lý thuyết hiện đại về tâm lý học trẻ em + Học phần song hành: Sự tăng trưởng và phát triển của trẻ mầm non	
- Yêu cầu của học phần: + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80% + Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên	
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục mầm non, Trường Sư phạm	

2. Mô tả học phần

Chuyên đề *Một số vấn đề cơ bản của Giáo dục mầm non hiện đại* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo thạc sỹ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng.

Chuyên đề này trang bị cho người học những kiến thức khái quát về giáo dục mầm non, về xu hướng đổi mới giáo dục mầm non và người giáo viên mầm non trong bối cảnh đổi mới căn bản toàn diện giáo dục hiện nay; đồng thời giúp người học vận dụng được lý luận khoa học, hiện đại vào thực tiễn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng kiến thức nâng cao các lý thuyết cơ sở ngành hiện đại trong nghiên cứu lý luận và thực tiễn dạy học thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non	2,5 {Mức 3}
2.1.1	Vận dụng tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin và sáng tạo trong nghiên cứu ứng dụng thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non	2,5 {Mức 4}
2.2.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực giáo dục mầm non	3,5 {Mức 3}
3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan các vấn đề nghiên cứu khoa học ứng dụng và dạy học lĩnh vực giáo dục mầm non	3,5 {Mức 3}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	Vận dụng được các lý thuyết giáo dục mầm non hiện đại trong nghiên cứu lý luận và thực tiễn giáo dục mầm non		4%	2,5

1.1.2.2	Vận dụng được các xu hướng, mô hình giáo dục mầm non hiện đại; các quan điểm đổi mới về giáo dục mầm non phù hợp trong bối cảnh đổi mới căn bản toàn diện giáo dục	1.1.2	4%	2,5
1.1.2.3	Vận dụng được các lý thuyết giáo dục hiện đại trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu trong từng giai đoạn		4%	2,5
2.1.1.1	Vận dụng được các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá tài liệu thu thập được về tổng quan giáo dục mầm non, quá trình phát triển GDMN, xu hướng chung của GDMN trên thế giới và vấn đề đổi mới GDMN ở VN	2.1.1	5%	2,5
2.2.1.1	Tôn trọng các quy định về phẩm chất và đạo đức của người giáo viên MN; đối xử công bằng và hành xử phù hợp trong môi trường GDMN	2.2.1	5%	3,5
3.1.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập và các nhiệm vụ trong thực tiễn giáo dục mầm non	3.1.1	5%	2,5

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO 3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	25%	Quan sát
A1.2	CLO 2.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5	25%	Quan sát
A1.3	CLO 1.1.2.1. {điểm số}	2,5	50%	Tự luận
	CLO 1.1.2.2. {điểm số}	3,5		
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO.1.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	30%	Tự luận
	CLO1.1.2.2 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	20%	
	CLO1.1.2.3 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	20%	
	CLO2.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5	30%	

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài thi tự luận A1.3

Bảng 1. Ma trận đề thi tự luận A1.3 {Ma trận này công bố trong đề cương}

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.1 (50%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2,0		Đối chiếu được các xu hướng đổi mới GDMN trên thế giới và quá trình phát triển giáo dục mầm non ở Việt Nam
	Mức 3		3,0	1,5	Vận dụng được các xu hướng GDMN hiện đại để thay đổi tư duy, phương pháp GD trong lĩnh vực MN
1.1.2.2 (50%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2,0		Chỉ ra được các quan điểm đổi mới và các cách tiếp cận đổi mới giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay
	Mức 3		3,0	1,5	Vận dụng được các phương pháp, mô hình GDMN hiện đại, phù hợp để giải quyết vấn đề thực tiễn trong GDMN Việt Nam
Tổng			10	3,0	

4.3. Ma trận bài thi tự luận A2.1

Bảng 4. Ma trận đề thi tự luận A2.1 {Ma trận này công bố trong đề cương}

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.1 (50%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2,0		Nhận diện được các quan điểm đổi mới và cách tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm trong đổi mới giáo dục mầm non hiện nay
	Mức 3		3,0	1,5	Vận dụng một phương pháp hoặc 1 mô hình GDMN tiêu biểu vào thực tiễn GDMN Việt Nam
1.1.2.2 (30%)	Mức 2	Câu 3 điểm	1,0		Nhận diện được các quan điểm đổi mới và cách tiếp cận theo hướng trải nghiệm trong đổi mới giáo dục mầm non hiện nay
	Mức 3		2,0	1,0	Vận dụng được các xu hướng GDMN hiện đại để thay đổi tư duy, phương pháp GD trong lĩnh vực MN
2.1.1.2 (20%)	Mức 2	Câu 2 điểm	0,8		Nhận diện được vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn, đặc trưng lao động sư phạm của GVMN; những yêu cầu về phẩm chất, năng lực đối với GVMN và sự cần thiết phải đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non nhằm đáp ứng bối cảnh nghề nghiệp
	Mức 3		1,2	0,6	Vận dụng được một số mô hình đào tạo, bồi dưỡng tiên tiến vào thực tiễn đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non nhằm đáp ứng bối cảnh nghề nghiệp
Tổng			10	3,1	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Tâm lý giáo dục

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ Bài đánh giá A1.1

1. Nhóm học viên/sinh viên:
2. Lớp:.....
3. Học phần:.....
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.1.1.1 Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập và các nhiệm vụ trong thực tiễn giáo dục mầm non [mức năng lực: 2,5]			A%
Tiêu chí 1	Xác định mục đích và phương thức hợp tác		20 %
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết các nhiệm vụ học tập và lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	8-10	
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ và xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm	6-7.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	5-6.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; chưa xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ học tập		30 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 3	Thực hiện nhiệm vụ được giao		30 %

	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
Tiêu chí 4	<i>Đánh giá hoạt động hợp tác</i>		20 %
	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-6.9	
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	0-4.0	
Điểm số của CLO3.1.1.1			
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO 2.2.1.1 Tôn trọng các quy định về phẩm chất và đạo đức của người giáo viên MN; đối xử công bằng với trẻ và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực nghề nghiệp [mức năng lực: 2,5]			100%
Tiêu chí 1	Tôn trọng các quy định về phẩm chất và đạo đức của người giáo viên MN		40 %
	Xác định được đầy đủ các phẩm chất đặc thù của nghề nghiệp và ý nghĩa của việc rèn luyện các phẩm chất nghề nghiệp	8-10	
	Xác định được đầy đủ các phẩm chất đặc thù của nghề nghiệp	6-7.9	
	Xác định được tương đối đầy đủ các phẩm chất đặc thù của nghề nghiệp	5-6.9	
	Chưa xác định được các phẩm chất đặc thù của nghề nghiệp	0-4.0	
Tiêu chí 2	Tôn trọng đạo đức nghề nghiệp và các vấn đề pháp lý		30 %
	Xác định được đầy đủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và cơ sở pháp lý của lĩnh vực GDMN	8-10	
	Xác định được đầy đủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp / cơ sở pháp lý của lĩnh vực GDMN (chỉ 1 trong 2 khía cạnh)	6-7.9	
	Xác định được tương đối đầy đủ ... (chỉ 1 trong 2 khía cạnh)	5-6.9	
	Chưa xác định được các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và cơ sở pháp lý của lĩnh vực GDMN	0-4.0	
Tiêu chí 3	Đối xử công bằng và hành xử phù hợp trong môi trường GDMN		30 %
	Đối xử công bằng và hành xử phù hợp trong môi trường GDMN	8-10	
	Đối xử công bằng và hành xử tương đối phù hợp trong môi trường GDMN	6-7.9	
	Đối xử công bằng và hành xử chưa phù hợp trong môi trường GDMN	5-6.9	
	Đối xử không công bằng và hành xử chưa phù hợp trong môi trường GDMN	0-4.0	
Điểm số của CLO2.2.1.1			
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

Tài liệu học tập chính

[1] Nguyễn Thị Quỳnh Anh, (2024), *Bài giảng Một số vấn đề của giáo dục mầm non hiện đại*

5.2 Tài liệu tham khảo

[1] Bộ giáo dục & đào tạo, (2021), *Thông tư Ban hành chương trình giáo dục mầm non*,

[2] Nguyễn Thị Hòa, (2019), *Giáo trình Giáo dục học mầm non*, Nxb ĐHSP

[3] Hoàng Thị Phương (Chủ biên), (2018), *Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non*, Nxb ĐHSP

[4] Maria Montessori, (2015), *Phương pháp giáo dục Montessori phát hiện mới về trẻ thơ*, Nxb ĐHSP

[5] Nguyễn Minh, (2014), *Phương pháp Montessori*, Nxb Lao động

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Khái quát về giáo dục mầm non (học trên lớp: 15tiết, tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	10	Học bài giảng E-Learning (LMS) khái quát về GDMN; quá trình GDMN và quá trình phát triển giáo dục mầm non ở Việt Nam; Xu hướng chung của giáo dục mầm non trong khu vực và trên thế giới	CLO3.1.1.1	A1.1
		5	Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập chương 1 (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO3.1.1.1	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 1.1 (trang ...), mục 1.2 (trang ...),	CLO3.1.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	8	Lý thuyết: 1.1. Khái quát về GDMN (mục tiêu, cơ sở xác định mục tiêu; 1.2. Nội dung; phương pháp và hình thức; 1.3. Quá trình phát triển giáo dục mầm non ở Việt Nam; 1.4. GDMN trên thế giới	CLO1.1.2.2 CLO3.1.1.1	A1.1 A1.3
		4	Bài tập: Xu hướng chung của giáo dục mầm non trên thế giới	CLO1.1.2.2 CLO1.1.2.1	A1.1
		3	Thảo luận nhóm: Quá trình phát triển giáo dục mầm non ở Việt Nam	CLO1.2.2.1	A1.3

	Giai đoạn 3	5	Ôn tập: hệ thống kiến thức của chương 1 bằng sơ đồ tư duy	CLO2.1.2.1	A1.1
		5	Làm bài tập chương 1 (trang ...), chương trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.2.1.1	A1.1
2	Chương 2. Một số vấn đề về đổi mới giáo dục mầm non (học trên lớp: 15 tiết, tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1	10	Học bài giảng E-Learning (LMS): 2.1 Sự cần thiết phải đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục mầm non; 2.2. Những vấn đề cơ bản trong đổi mới giáo dục mầm non; 2.3. Các quan điểm đổi mới về giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay; 2.4. Các cách tiếp cận trong đổi mới giáo dục mầm non	CLO1.1.2.2 CLO1.2.2.1	A1.2 A1.3
		5	Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập chương 2 (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO1.1.2.2	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 2.1 (trang ...), mục 2.2 (trang ...), mục 2.3 (trang ...).	CLO1.1.2.2	A1.1 A1.3
	Giai đoạn 2	8	Lý thuyết: 2.1. Sự cần thiết phải đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục mầm non; 2.2. Những vấn đề cơ bản trong đổi mới giáo dục mầm non; 2.3. Các quan điểm đổi mới về giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay; 2.4. Các cách tiếp cận trong đổi mới giáo dục mầm non <i>Phương pháp dạy học</i> : thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề	CLO1.1.2.2 CLO1.2.2.1	A1.1 A1.3 A2.1
		4	Bài tập tự luận: Phân tích các quan điểm đổi mới về giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay	CLO1.1.2.2	A1.3
		3	Thảo luận nhóm: Các cách tiếp cận trong đổi mới giáo dục mầm non	CLO1.2.2.1	A1.2
	Giai đoạn 3	4	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.2 CLO1.2.2.1	A1.1

		6	Làm bài tập chương 2 (trang ...) trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.1.2.2 CLO1.2.2.1	A1.1
3	Chương 3. Giáo viên mầm non trong bối cảnh đổi mới căn bản toàn diện giáo dục hiện nay (học trên lớp: 15 tiết, tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1	10	Học bài giảng E-Learning (LMS): 3.1. Vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của người giáo viên mầm non; 3.2. Đặc trưng lao động sư phạm của người giáo viên mầm non; 3.3. Những yêu cầu về năng lực và phẩm chất và 3.4. Sự cần thiết phải đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non	CLO1.1.2.2 CLO1.2.2.1	A1.1
		5	Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập chương 3 (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO1.1.2.2 CLO1.2.2.1	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 3.1 (trang ...), mục 3.2 (trang ...), ...	CLO1.2.2.1	A1.1
	Giai đoạn 2	7	Lý thuyết: 3.1. Vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của người giáo viên mầm non; 3.2. Đặc trưng lao động sư phạm của người giáo viên mầm non; 3.3. Những yêu cầu về năng lực và phẩm chất; 3.4. Sự cần thiết phải đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non <i>Phương pháp dạy học</i> : thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề	CLO1.2.2.1 CLO1.2.2.2	A1.1 A1.2
		5	Bài tập tự luận: Những yêu cầu về năng lực và phẩm chất đối với giáo viên mầm non Nêu thực trạng về đội ngũ GVMN tại sở, thảo luận về sự cần thiết phải đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non	CLO1.1.2.2 CLO1.2.2.1	A1.3
		3	Thảo luận nhóm: Mỗi nhóm nêu thực trạng về đội ngũ GVMN tại sở, thảo luận về sự cần thiết phải đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non	CLO1.1.2.2 CLO1.2.2.1	A1.1 A1.2

	Giai đoạn 3	5	Ôn tập: Hệ thống kiến thức của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.2 CLO1.2.2.1	A1.1 A1.2
		5	Làm bài tập chương 3 (trang ...) trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.1.2.2	A1.2
	Bài thi kết thúc học phần		Tự luận theo ma trận bài thi A2.1	CLO1.2.1.2 CLO2.1.2.1 CLO2.2.1.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày.... tháng năm 2024

BGH Trường Sư phạm

Trưởng khoa Tâm lý giáo dục

Giảng viên phụ trách



PGS.TS. Trần Vũ Tài



PGS.TS Nguyễn Như An



TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh

5. SỰ TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ MẦM NON

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: SỰ TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ MẦM NON	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../202..
		Số trang: 63/8

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

TS. Nguyễn Ngọc Hiền

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0913598796

Email: hiennnn@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học sức khỏe và dinh dưỡng trẻ em; Quản lý giáo dục

Giảng viên 2:

TS. Nguyễn Thị Giang An

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sinh học, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại:

Email:

Các hướng nghiên cứu chính:

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em mầm non (tiếng Anh): Growth and Development of preschool - aged children		
- Mã số học phần: Pre82005		
- Thuộc ngành/nhóm ngành: {Cử nhân Sư phạm A / hoặc ghi Học phần chung cho nhiều ngành}		
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức khác		
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn		
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: 24 + Số tiết bài tập, thảo luận: 16 + Số tiết thực tế: 5 + Số tiết dạy học dự án: 0 + Số tiết tự học: 90		
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: {ghi tên HP nếu có} Mã số HP: {ghi MS HP} + Học phần học trước: {ghi tên HP nếu có} Mã số HP: {ghi MS HP} + Học phần song hành: {ghi tên HP nếu có} Mã số HP: {ghi MS HP}		
- Yêu cầu của học phần {giảng viên cụ thể hóa các yêu cầu}:		

+ Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%. + Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS + Tham gia đầy đủ, hoàn thành các bài tập, thảo luận + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Sư phạm

2. Mô tả học phần

- Học phần này nhằm trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về lý thuyết tăng trưởng và phát triển của trẻ em độ tuổi mầm non. Trên cơ sở đó, học viên có thể vận dụng để lĩnh hội kiến thức, phát triển năng lực giáo dục mầm non. Bên cạnh đó, thông qua mô hình dạy học kết hợp, học phần còn giúp học viên phát triển các kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và kỹ năng hợp tác để giải quyết các vấn đề trong thực hiện các nhiệm vụ học tập..

- Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng kiến thức nâng cao các lý thuyết cơ sở ngành hiện đại trong nghiên cứu lý luận và thực tiễn dạy học thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non	2,5 {Mức 3}
2.1.1	Vận dụng tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin và sáng tạo trong nghiên cứu ứng dụng thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non	2,5 {Mức 3}
2.2.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực giáo dục mầm non	3,5 {Mức 4}
3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan các vấn đề nghiên cứu khoa học ứng dụng và dạy học lĩnh vực giáo dục mầm non	2,5 {Mức 3}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	Vận dụng nguyên lý tăng trưởng và phát triển trẻ em vào tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non	1.1.2	4%	2,5 {Mức 3}
1.1.2.2	Vận dụng được các đặc điểm phát triển trẻ em vào nghiên cứu phát triển giáo dục mầm non		4%	2,5 {Mức 3}
1.1.2.3	Phát hiện được các yếu tố ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em mầm non		4%	2,5 {Mức 3}
2.1.1.1	Áp dụng được chuẩn tăng trưởng và phát triển vào giám sát, đánh giá sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em	2.1.1	10%	2,5 {Mức 3}
2.2.1.1	Phân tích và kiểm soát được tác động của giáo dục mầm non đối với sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em	2.2.1	5%	3,5 {Mức 4}
3.1.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu, chăm sóc và giáo dục trẻ em mầm non	3.1.1	5%	2,5 {Mức 3}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO.3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	30%	Quan sát
A1.2	CLO.1.1.2.2 {điểm số}	2,5	70%	Tự luận
	CLO.1.1.2.3 {điểm số}	2,5		
	CLO.2.1.1.1 {điểm số}	2,5		
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO.1.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	100%	Tự luận
	CLO.2.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5		
	CLO.2.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 30\% + A1.2 \times 70\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 \times 50\% + A2 \times 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài thi tự luận A1.2

Bảng 2. Ma trận đề thi tự luận A1.2

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50 %)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.2 (25%)	Mức 2	1 Câu 2 điểm	0,8		Mô tả được đặc điểm phát triển của trẻ em lứa tuổi mầm non
	Mức 3		1,2	0,6	Vận dụng được các đặc điểm phát triển trẻ em vào đổi mới chăm sóc giáo dục trẻ mầm non
1.1.2.3 (25%)	Mức 2		1,2		Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em mầm non

	Mức 3	1 Câu 3 điểm	1,8	0,9	Giải quyết được các tác động ảnh hưởng đến tăng trưởng và phát triển của trẻ em trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non
2.1.1.1 (25%)	Mức 2	1 Câu 5 điểm	2,0		Xác định được ý nghĩa của các chỉ số trong đánh giá sự tăng trưởng, phát triển trẻ em
	Mức 3		3,0	1,5	Sử dụng được biểu đồ tăng trưởng trong giám sát, đánh giá sự tăng trưởng của trẻ em mầm non
Tổng			10	3,0	

4.3. Ma trận bài thi tự luận A2.1

Bảng 3. Ma trận đề thi tự luận A2.1

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.1 (20%)	Mức 2	Câu 2 điểm	0,8		Mô tả được các giai đoạn tăng trưởng và phát triển của trẻ em
	Mức 3		1,2	0,6	Vận dụng được nguyên lý tăng trưởng và phát triển trẻ em để thiết kế hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non
2.1.1.1 (30%)	Mức 2	Câu 3 điểm	1,0		Mô tả được một số bộ chuẩn phổ biến sử dụng trong đánh giá sự tăng trưởng, phát triển trẻ em
	Mức 3		2,0	1,0	Vận dụng được kết quả giám sát, đánh giá tăng trưởng và phát triển của trẻ vào thực tiễn tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non
2.2.1.1 (50%)	Mức 3	Câu 5 điểm	2,0		Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong thực tiễn giáo dục mầm non có tác động đến sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em
	Mức 4		3,0	1,5	Phân tích được mức độ ảnh hưởng, ý nghĩa, giá trị đạo đức, nhân văn và yêu cầu của giáo dục mầm non đối với sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em
Tổng			10	3,1	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Giáo dục mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.1

1. Nhóm học viên/sinh viên:
2. Lớp:.....
3. Học phần:.....
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.1.1.1 Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu, chăm sóc và giáo dục trẻ em mầm non [mức năng lực: 2,5]			A %
Tiêu chí 1	Xác định mục đích và phương thức hợp tác		20 %
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết các nhiệm vụ học tập và lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	8-10	
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ và xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm	6-7.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	5-6.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; chưa xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ học tập		30 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 3	Thực hiện nhiệm vụ được giao		30 %

	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
Tiêu chí 4	<i>Đánh giá hoạt động hợp tác</i>		20 %
	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-6.9	
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	0-4.0	
Điểm số của CLO3.1.1.1			
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Bài giảng:

[1] Nguyễn Ngọc Hiền, Nguyễn Thị Giang An (2024), *Sự tăng trưởng và phát triển của trẻ mầm non*, Trường Đại học Vinh.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Institute for Sustainable Development Lucknow (1998), *Child Development: An Introduction*, Published by Anmol Publications Pvt. Ltd, New Delhi.

[3] Jennifer Paris, Antoinette Ricardo, Dawn Rymond, Alexa Johnson (2019), *Child Growth and Development*, Publication by College of the Canyons, California

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1: Những vấn đề chung về sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em (8 tiết lý thuyết, 5 tiết bài tập, thảo luận, 26 tiết tự học)				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	8	Học bài giảng E-Learning (LMS) về Những vấn đề chung về sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em		
		5	Trả lời câu hỏi và bài tập trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi và bài tập chương 1 ở mức 1 và 2)	CLO.1.1.2.1 CLO.1.1.2.2 CLO.1.1.2.3	A1.2
		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1];		
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	8	Nghe giảng lý thuyết về các nội dung: 1.1. Khái niệm về sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em 1.2. Các giai đoạn tăng trưởng và phát triển của trẻ em 1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em	CLO.1.1.2.1 CLO.1.1.2.2 CLO.1.1.2.3	
		2	Bài tập: Mô tả các giai đoạn tăng trưởng và phát triển của trẻ em	CLO.1.1.2.1	
		3	Thảo luận nhóm về: Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em	CLO.1.1.2.3 CLO.3.1.1.1	A1.2 A1.1
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	5	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO.1.1.2.1 CLO.1.1.2.2 CLO.1.1.2.3	A1.2
		5	Làm bài tập chương 1		
2	Chương 2: Đặc điểm phát triển các lĩnh vực ở trẻ em mầm non (7 tiết lý thuyết, 5 tiết bài tập, thảo luận, 24 tiết tự học)				
	Giai đoạn 1	6	Học bài giảng E-Learning (LMS) về: Đặc điểm phát triển các lĩnh vực ở trẻ em mầm non		

	{Trước khi đến lớp}	5	Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO.1.1.2.2 CLO.2.2.1.1	A1.2
		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]		
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	7	Nghe giảng lý thuyết về các nội dung: 2.1. Đặc điểm phát triển thể chất 2.2. Đặc điểm phát triển nhận thức 2.3. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ 2.4. Đặc điểm phát triển tình cảm - xã hội và đạo đức 2.5. Vai trò của nhà trường mầm non trong sự phát triển của trẻ mầm non	CLO.1.1.2.2 CLO.2.2.1.1	
		2	Bài tập: Mô tả đặc điểm phát triển của trẻ em lứa tuổi mầm non	CLO.1.1.2.2	A1.2
		3	Thảo luận nhóm: Vận dụng các đặc điểm phát triển trẻ em vào đối mới chăm sóc giáo dục trẻ mầm non	CLO.1.1.2.2 CLO.3.1.1.1	A1.2 A1.1
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	5	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 2 bằng sơ đồ tư duy Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO.1.1.2.2 CLO.2.2.1.1	A1.2
		5	Làm bài tập chương 2		
		2	Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO.1.1.2.2	A1.2
3	Chương 3: Giám sát, đánh giá sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em độ tuổi mầm non (9 tiết lý thuyết, 6 tiết bài tập, thảo luận, 5 tiết thực tế, 30 tiết tự học)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	8	Học bài giảng E-Learning (LMS) về Giám sát, đánh giá sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em độ tuổi mầm non		
		5	Trả lời câu hỏi và bài tập trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi và bài tập chương 3 ở mức 1 và 2)	CLO.2.1.1.1	A1.2
		4	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1];		
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	9	Nghe giảng lý thuyết về các nội dung: 3.1. Giám sát, đánh giá sự tăng trưởng của trẻ em	CLO.2.1.1.1	

		3.2. Biểu đồ tăng trưởng: ý nghĩa và sử dụng 3.3. Giám sát và đánh giá sự phát triển của trẻ em 3.4. Đánh giá sự phát triển của trẻ em bằng test Denver II		
		5 Thực tế công tác giám sát, đánh giá sự tăng trưởng trẻ em ở cơ sở giáo dục mầm non	CLO.2.1.1.1	
		2 Bài tập: So sánh ý nghĩa và giá trị của các biểu đồ tăng trưởng trong đánh giá sự tăng trưởng của trẻ em mầm non	CLO.2.1.1.1	A1.2
		4 Thảo luận: Ý nghĩa và giá trị của việc sử dụng test Denver II trong đánh giá sự phát triển của trẻ em mầm non	CLO.2.1.1.1 CLO.3.1.1.1	A1.2 A1.1
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	5 Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 3 bằng sơ đồ tư duy Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO.2.1.1.1	A1.2
		8 Làm bài tập chương 3 Làm bài thu hoạch thực tế		
	Bài thi kết thúc HP	Tự luận theo ma trận bài thi A2.1	CLO.1.1.2.1 CLO.2.1.1.1 CLO.2.2.1.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi	Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

BGH Trường Sư phạm

Trưởng khoa GDMN

Giảng viên phụ trách



PGS.TS Trần Vũ Tài



TS. Trần Thị Hoàng Yến



TS. Nguyễn Ngọc Hiền

6. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG GIÁO DỤC MẦM NON

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG GIÁO DỤC MẦM NON	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../202..
		Số trang: 73/8

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

PGS.TS. Nguyễn Như An

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0912 742787

Email: annn@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học mầm non, Quản lý giáo dục mầm non

Giảng viên 2:

PGS TS. Phạm Minh Hùng

Địa chỉ liên hệ: 11 Tân Phú 3, Nghi Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0913 509 140

Email: hungpm@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học mầm non, Quản lý giáo dục mầm non

Giảng viên 3:

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại:

Email: anhtq@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học mầm non.

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Phương pháp NCKH Giáo dục mầm non

- (Tiếng Anh): Research Methodology in Early Childhood Education

- Mã số học phần: PED82006

- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục học (Giáo dục mầm non)

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức đại cương/chung Học phần chuyên về kỹ năng chung

☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Học phần dạy học dự án

☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức khác

- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn

- Số tín chỉ: 03

+ Số tiết lý thuyết: 30

+ Số tiết thảo luận, bài tập: 15

+ Số tiết thực tế: 0

+ Số tiết dạy học dự án: 0

+ Số tiết tự học: 90

- Điều kiện đăng ký học:

+ Học phần tiên quyết:

Mã số HP: PRE82006

+ Học phần học trước: 0

+ Học phần song hành: 0
- Yêu cầu của học phần { <i>giảng viên cụ thể hóa các yêu cầu</i> }:
+ Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%.
+ Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%
+ Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS.
+ Tham gia đầy đủ các bài thực hành.
+ Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Tâm lý - Giáo dục, Trường Sư phạm

2. Mô tả học phần

Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non là học phần cơ sở, bắt buộc trong Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non); cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, hình thành cho người học những phẩm chất và năng lực của người nghiên cứu khoa học giáo dục.

Học viên sẽ được thực hành nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non; nhận thức đúng đắn về nghiên cứu khoa học giáo dục; có kế hoạch và phương pháp học tập, nghiên cứu hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non.

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng kiến thức nâng cao các lý thuyết cơ sở ngành hiện đại trong nghiên cứu lý luận và thực tiễn dạy học thuộc lĩnh vực GDMN	2.5 {Mức 3}
2.1.1	Vận dụng tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin và sáng tạo trong nghiên cứu ứng dụng thuộc lĩnh vực GDMN	2.5 {Mức 3}
2.2.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực GDMN	2.5 {Mức 3}
3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan các vấn đề nghiên cứu khoa học ứng dụng và dạy học lĩnh vực GDMN	2.5 {Mức 3}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	Vận dụng kiến thức nâng cao các lý thuyết cơ sở ngành hiện đại trong nghiên cứu lý luận và thực tiễn giáo dục mầm non	1.1.2	4%	2.5 {Mức 3}
1.1.2.2	Vận dụng PP luận và PPNC hiện đại của nghiên cứu KHGDMN vào nghiên cứu lý luận và thực tiễn giáo dục mầm non		4%	2.5 {Mức 3}
1.1.2.3	Vận dụng kiến thức nâng cao các lý thuyết cơ sở ngành hiện đại trong thực tiễn cơ sở giáo dục mầm non		4%	2.5 {Mức 3}
2.1.1.1	Vận dụng kỹ năng NCKH trong nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non	2.1.1	10%	2.5 {Mức 3}
2.2.1.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong nghiên cứu giáo dục mầm non	2.2.1	10%	2.5 {Mức 3}
3.1.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả để tổ chức thực hiện và đánh giá các đề tài nghiên cứu khoa học lĩnh vực giáo dục mầm non	3.1.1	5%	2.5 {Mức 3}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO.3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	20%	LMS Quan sát
	CLO.2.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	25%	Quan sát
A1.2	CLO.2.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	25%	Quan sát
A1.3	CLO.1.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	1,5	15%	Tự luận
	CLO.1.1.2.2 {điểm số và điểm năng lực}	1,5	15%	

A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO.1.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	30%	Tiểu luận
	CLO.1.1.2.2 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	30%	
	CLO.1.1.2.3 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	40%	

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 45\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 30\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 \times 50\% + A2 \times 50\%$$

4.2. Ma trận bài thi tự luận giữa kỳ

Bảng 1. Ma trận bài đánh giá A1.3

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.1 (50%)	Mức 1	1 câu 5 điểm	2.0	1.0	Phân biệt được các lý thuyết cơ sở ngành hiện đại trong nghiên cứu lý luận và thực tiễn giáo dục mầm non
	Mức 2		3.0	1.5	Sử dụng được kiến thức nâng cao các lý thuyết cơ sở ngành hiện đại trong nghiên cứu lý luận và thực tiễn giáo dục mầm non
1.1.2.2 (50%)	Mức 1	1 câu 5 điểm	2.0	1.0	Hiểu được PP luận và PPNC hiện đại của nghiên cứu KHGDMN vào nghiên cứu lý luận và thực tiễn giáo dục mầm non
	Mức 2		3.0	1.5	Sử dụng PP luận và PPNC hiện đại của nghiên cứu KHGDMN vào nghiên cứu lý luận và thực tiễn giáo dục mầm non
Tổng			10	5.0	

4.3. Ma trận bài thi tiểu luận cuối kỳ

Bảng 3. Ma trận đề thi tiểu luận luận A2.1

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm năng lực	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.3 (30%)	Mức 3	1 câu 3.0 điểm	3.0	1.5	Vận dụng kiến thức nâng cao các lý thuyết cơ sở ngành hiện đại trong nghiên cứu lý luận và thực tiễn giáo dục mầm non
2.2.1.1 (30%)	Mức 3	1 câu 3.0 điểm	3.0	1.5	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong nghiên cứu giáo dục mầm non
3.1.1.1 (40%)	Mức 3	1 câu 4.0 điểm	4.0	1.5	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả để tổ chức thực hiện và đánh giá các đề tài nghiên cứu khoa học lĩnh vực giáo dục mầm non
Tổng			10	5.0	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/Điểm số đánh giá
CLO.2.2.1.1 (Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong nghiên cứu giáo dục mầm non) [mức năng lực: 2,5] CLO.3.1.1.1 (Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả để tổ chức thực hiện và đánh giá các đề tài nghiên cứu khoa học lĩnh vực giáo dục mầm non) [mức năng lực: 2.5]			A%
Tiêu chí 1	<i>Vận dụng được kỹ năng và phương pháp nghiên cứu độc lập và hợp tác theo nhóm</i>		50 %
	Chủ động phối hợp để thành lập nhóm hiệu quả, xác định vai trò của các thành viên một cách rõ ràng và có thể hoán đổi được vai trò cho nhau	8-10	
	Phối hợp cùng nhau thành lập nhóm phù hợp, xác định được vai trò cho mỗi thành viên trong nhóm	6-7.9	

	Xác định được vai trò của mỗi thành viên trong nhóm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	
	Không xác định được vai trò của mỗi thành viên trong nhóm, cần GV hướng dẫn hoàn toàn	0-4.0	
Tiêu chí 2	<i>Thực hiện nhiệm vụ được giao đúng hạn, học tập và nghiên cứu một cách chuyên nghiệp</i>		50 %
	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ học tập và nghiên cứu được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ học tập và nghiên cứu được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ học tập và nghiên cứu được giao	0-4.0	
Điểm số của CLO.2.2.1.1 và CLO.3.1.1.1			
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO.2.1.1.1 (Vận dụng kỹ năng NCKH trong nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non) [mức năng lực: 2.5]			100 %
Tiêu chí 1	<i>Vận dụng được kỹ năng khai thác tài liệu</i>		20 %
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn tài liệu để hoàn thành 80-100% các nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm	8-10	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn tài liệu để hoàn thành 60-80% các nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm	6-7.9	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn tài liệu để hoàn thành 50-70% các nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm	5-6.9	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn tài liệu để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 2	<i>Kỹ năng lập kế hoạch học tập và nghiên cứu</i>		20 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	

	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 3	<i>Vận dụng được kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản</i>		40 %
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 80-100% các nhiệm vụ học tập	8-10	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 60-80% các nhiệm vụ học tập	6-7.9	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 50-70% các nhiệm vụ học tập	5-6.9	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập	0-4.0	
Tiêu chí 4	<i>Kỹ năng tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng</i>		20 %
	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ thông qua bảng tiêu chí	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-6.9	
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	0-4.0	
Điểm số của CLO.2.1.1.1			
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

[1]. Nguyễn Ánh Tuyết, Đinh Văn Vang, Lê Thị Kim Anh (2017), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non*, Nxb ĐHSP Hà Nội

[2]. Phạm Minh Hùng, Chu Trọng Tuấn (2010), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, Nxb Giáo dục.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Vũ Cao Đàm (2005) *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (2005)*, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

[2]. Phạm Viết Vượng (1995) *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, NXB Hà Nội

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1: Khái quát về khoa học và NCKH giáo dục mầm non (15 tiết học trên lớp; 30 tiết tự học)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	10	Học bài giảng E-Learning (LMS) về Khái niệm, đối tượng, chức năng, thành phần, động lực phát triển của khoa học	1.1.2.1. 1.1.2.2. 1.1.2.3.	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: Bài tập chương 1		
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Nghiên cứu tài liệu liên quan NCKH (Tài liệu 1,2,3)	1.1.2.1. 1.1.2.2. 1.1.2.3.	A1.2
		2	Thảo luận	1.1.2.1. 1.1.2.2. 1.1.2.3.	A1.2
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	13	Nghe giảng lý thuyết về đặc trưng, các loại hình và kỹ năng NCKH		A1.2
		1	Bài tập tự luận:	1.1.2.1. 1.1.2.2. 1.1.2.3.	A1.2
		1	Thảo luận nhóm	1.1.2.1. 1.1.2.2. 1.1.2.3.	A1.2
	Giai đoạn 3	5	Ôn tập: Hệ thống kiến thức của chương 1	1.1.2.1. 1.1.2.2.	A1.2

	{Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}			1.1.2.3.	
		5	Tìm hiểu		A1.2
2	Chương 2. Ý nghĩa, nội dung và phương pháp luận NCKH giáo dục mầm non (15 tiết học trên lớp; 30 tiết tự học)				
	Giai đoạn 1	10	Học bài giảng E-Learning (LMS) về ý nghĩa, nội dung NCKH giáo dục mầm non	2.1.1.1.	A1.1
		5	Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập chương 2		A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: chương 2 và các tài liệu 2,3.		A1.1
	Giai đoạn 2	10	Nghe giảng lý thuyết về phương pháp luận NCKH giáo dục mầm non		A2.1
		3	Bài tập tự luận:		A1.3
		2	Thảo luận nhóm		A1.2
	Giai đoạn 3	5	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chương 2		A1.1
		5	Làm bài tập chương 2 Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	2.1.1.1.	A1.1
			Kiểm tra giữ kỳ	2.1.1.1.	A1.1
3	Chương 3: Các Phương pháp NCKH giáo dục mầm non (15 tiết học trên lớp; 30 tiết tự học)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}		Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	2.1.1.1. 3.1.1.1	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}
		3	Làm bài tập trên LMS: Bài tập chương 3	CLO. 3.1.2.1	...
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc chương 3 của tài liệu số 1, tham khảo tài liệu 2 và 3	2.1.1.1. 3.1.1.1	A1.2
		2	Thảo luận về ...	2.1.1.1. 3.1.1.1	...

	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	10	Giai đoạn 2 {Ở lớp}		Giai đoạn 2 {Ở lớp}
		5	Thực hành vận dụng phương pháp NCKH cho một đề tài cụ thể	2.1.1.1. 3.1.1.1	
		3	Bài tập tự luận:		
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}		Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}
		2	Làm bài tập về....		
3	Chương 4: Các giai đoạn thực hiện đề tài NCKH giáo dục mầm non (15 tiết học trên lớp; 30 tiết tự học)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}		Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}		Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}
		3	Làm bài tập trên LMS: Bài tập chương 3	2.1.2.1. 3.1.1.1.	...
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc chương 4 của tài liệu số 1, tham khảo tài liệu 2 và 3	2.1.2.1. 3.1.1.1.	A1.2
		2	Thảo luận về ...	CLO. 3.1.2.1	...
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	10	Giai đoạn 2 {Ở lớp}		Giai đoạn 2 {Ở lớp}
		5	Thực hành xây dựng đề cương nghiên cứu cho một đề tài cụ thể		

		3	Bài tập tự luận: ?		
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	1	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }		Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }
		2	Làm bài tập về....		
	Bài thi kết thúc HP		Tự luận theo ma trận bài thi A2.1	CLO1.1.2.2 CLO2.1.1.1 CLO3.1.1.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày 18 tháng 02 năm 2024

Trường Sư phạm



PGS.TS Trần Vũ Tài

Trưởng khoa GDMN



TS. Trần Thị Hoàng Yến

Giảng viên phụ trách



TS. Nguyễn Ngọc Hiền

7. CƠ SỞ NGÔN NGỮ HỌC CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ MN

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CƠ SỞ NGÔN NGỮ HỌC CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ MẦM NON	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../2024
		Số trang: 85/11

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

TS. Trần Thị Hoàng Yến

Địa chỉ liên hệ: Đại học Vinh

Điện thoại: 0989146168 Email: yen.gdth@gmail.com; yentth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và phương pháp giáo dục mầm non

Giảng viên 2:

PGS.TS. Chu Thị Thủy An

Địa chỉ liên hệ: Đại học Vinh

Điện thoại: 0912884326 Email: anctt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và Phương pháp dạy học tiếng Việt

Giảng viên 3:

TS. Phan Xuân Phồn

Địa chỉ liên hệ: Đại học Vinh

Điện thoại: 09894545499 Email: : phonhiendhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và Phương pháp giáo dục mầm non

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Cơ sở ngôn ngữ học của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ (tiếng Anh):	
- Mã số học phần: PRE82007	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
☐ Kiến thức đại cương/chung	Học phần chuyên về kỹ năng chung
☒ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án
☐ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3	
+ Số tiết lý thuyết: 30	
+ Số tiết bài tập, thảo luận: 15	
+ Số tiết thực hành:	

- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: không + Học phần học trước: + Học phần song hành: các học phần thuộc nhóm cơ sở ngành tự chọn
- Yêu cầu của học phần: + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80% + Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục mầm non, Trường Sư phạm

2. Mô tả học phần

Học phần *Cơ sở ngôn ngữ học của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng. Học phần này trình bày những tri thức chuyên sâu và hiện đại về cơ sở ngôn ngữ học của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Trên cơ sở đó, học viên có thể vận dụng để lĩnh hội kiến thức chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục Mầm non). Bên cạnh đó, thông qua mô hình dạy học kết hợp, học phần còn giúp học viên phát triển các kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và kỹ năng hợp tác để giải quyết các vấn đề trong thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành của giáo dục mầm non hiện đại vào nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	2,5 {Mức 3}
2.1.1	Vận dụng được tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
2.1.2	Vận dụng được kỹ năng chuyển đổi số và sử dụng các công nghệ phù hợp trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
2.2.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2,5 {Mức 3}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số của CTĐT	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	Xác định cơ sở ngôn ngữ học của các nguyên tắc phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	1.1.2	4%	2,5
1.1.2.2	Vận dụng được cơ sở ngữ âm học, từ vựng học và ngữ pháp học trong việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	1.1.2	4%	2,5
1.1.2.3	Vận dụng được cơ sở ngữ dụng học trong việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	1.1.2	4%	2,5
2.1.1.1	Vận dụng được các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá tài liệu thu thập được kiến thức về các cơ sở ngôn ngữ học của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	2.1.1	10%	2,5
2.1.2.1	Vận dụng được kỹ năng khai thác học liệu số và ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để hoàn thành các nhiệm vụ học tập và ứng dụng trong thực tiễn nghề nghiệp.	2.1.1	50%	2,5
2.2.1.1	Thể hiện phẩm chất đạo đức và hành xử chuyên nghiệp trong môi trường học tập, nghiên cứu.	2.2.1	10%	2,5
3.1.1.1	Vận dụng được kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập và ứng dụng trong thực tiễn nghề nghiệp.	3.1.1	5%	2,5

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số bài đánh giá	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên, quá trình, giữa kỳ (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO 2.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	25%	Quan sát
A1.2	CLO 3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	25%	Quan sát
A1.3	CLO 1.1.2.1 {điểm số}	2,5	15%	Tự luận
	CLO 1.1.2.2 {điểm số}	2,5	20%	
	CLO 1.2.2.3 {điểm số}	2,5	15%	

A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO1.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	100%	Tiểu luận
	CLO1.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5		
	CLO1.1.2.3 {điểm số và điểm năng lực}	2,5		
	CLO2.1.1.1 {điểm số}	2,5		
	CLO2.2.1.1 {điểm số}	3,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 \times 50\% + A2 \times 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài thi tự luận

Bảng 2. Ma trận đề thi tự luận A1.3

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.1 (25%)	Mức 2	1 Câu 2 điểm	0,8		Xác định được cơ sở xuất phát của nguyên tắc giao tiếp và tư duy trong việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non
	Mức 3		1,2	0,6	Vận dụng được các nguyên tắc giao tiếp và tư duy để xác định mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ.
1.1.2.2 (25%)	Mức 2	1 Câu 3 điểm	1,2		Xác định được các kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp nhằm thực hiện các nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ.
	Mức 3		1,8	0,9	Xác định được các kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp nhằm thực hiện các nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ.
1.1.2.3 (25%)	Mức 2	1 Câu 5 điểm	2,0		Xác định được các kiến thức cơ bản về ngữ dụng học cần thiết đối với việc phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ.
	Mức 3		3,0	1,5	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngữ dụng học trong việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ.
Tổng			10	3,0	

4.3. Ma trận đánh giá bài đánh giá A2.1 - Tiểu luận

Bảng 3. Ma trận đề thi tự luận A2.1: Tiểu luận

A. Chủ đề của tiểu luận

Gợi ý 01 đề tài tiểu luận:

Nghiên cứu/Chia sẻ/Bài học/Biện pháp vận dụng cơ sở ngôn ngữ học trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

B. CẤU TRÚC TIỂU LUẬN (Bài đánh giá A2.1)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
KHOA GIÁO DỤC MẦM NON

BÀI TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

I. Thông tin về học viên:

1. Họ và tên học viên:
2. Ngày sinh:
3. Mã học viên:
4. Học phần:

II. Nội dung tiểu luận

1. Tên đề tài:.....
2. Lý do chọn đề tài/ Đặt vấn đề/ Mở đầu:
3. Tổng quan tài liệu về vấn đề:
4. Mục tiêu nghiên cứu:.....
5. Phương pháp nghiên cứu:.....
6. Kết quả/ Phát hiện và Thảo luận/ Bàn luận:.....
7. Kết luận và Đề xuất (nếu có):.....

C. Phiếu đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
KHOA GIÁO DỤC MẦM NON

4.2. Rubric đánh giá bài thi tiểu luận A2.1

Bảng 3. Ma trận đề thi tiểu luận A2.1

TT	Tiêu chí đánh giá	Mục	Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá	Ghi chú
C1	Nội dung bài tiểu luận (7 điểm)	1.1	Thể hiện mục tiêu, các yêu cầu cần đạt.	0,5	
		1.2	Nội dung tiểu luận phù hợp với nghiên cứu của ngành học	1	
		1.3	Trình bày đầy đủ, chi tiết những nội dung đã tìm hiểu.	1,5	
		1.4	Kết quả thực hiện tiểu luận thể hiện sự hiểu biết và năng lực vận dụng vào các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	1	
		1.5	Kết quả nghiên cứu thể hiện tính mới và tính sáng tạo.	1	
		1.6	Đưa ra được kết luận, kiến nghị từ các nội dung tìm hiểu và đề xuất đề xuất được giải pháp.	1	

2	Hình thức bài tiểu luận (3 điểm) CLO2.2.1.1	2.1	Bố cục chặt chẽ, hình thức trình bày đúng quy định, ngôn ngữ diễn đạt trong sáng, đảm bảo văn phong khoa học	1	
	CLO3.1.1.1	2.2	Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.	1	
		2.3	Kỹ thuật chế bản	1	
Tổng điểm				10	

4.3. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Giáo dục mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO2.1.2.1 (Vận dụng được kỹ năng khai thác học liệu số và ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để hoàn thành các nhiệm vụ học tập) [mức năng lực: 2,5]			A%
Tiêu chí 1	Vận dụng được kỹ năng khai thác học liệu số		50 %
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành 80-100% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	8-10	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành 60-80% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	6-7.9	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành 50-70% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	5-6.9	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	0-4.0	
Tiêu chí 2	Vận dụng được kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản		50 %
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 80-100% các nhiệm vụ học tập	8-10	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 60-80% các nhiệm vụ học tập	6-7.9	

	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 50-70% các nhiệm vụ học tập	5-6.9	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập	0-4.0	
Điểm số của CLO2.1.2.1			
Điểm tổng kết: Điểm TC1*50% + TC2*50%			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Giáo dục Mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../

2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:

3. Học phần:.....

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.1.1.1 (Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập) [mức năng lực: 2,5]			100 %
Tiêu chí 1	Xác định mục đích và phương thức hợp tác		20 %
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết các nhiệm vụ học tập và lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	8-10	
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ và xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm	6-7.9	

	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	5-6.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; chưa xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ học tập		30 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 3	Thực hiện nhiệm vụ được giao		30 %
	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
Tiêu chí 4	Đánh giá hoạt động hợp tác		20 %
	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-6.9	
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	0-4.0	
Điểm số của CLO3.1.1.1			
Điểm tổng kết: TC1*20% + TC2*30% + TC3*30% + TC4*20%			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

[1]. Trần Thị Hoàng Yến (2016), Bài giảng *Cơ sở ngôn ngữ học của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*, Trường Đại học Vinh.

5.2 Tài liệu tham khảo

[2] Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), *Chương trình Giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam

[3]. Đoàn Thiện Thuật, *Ngữ âm tiếng Việt*, NXB ĐHQG, Hà Nội, 2003.

[4]. Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, NXB GD, HN, 2000.

[5]. Đỗ Thị Kim Liên, *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB GD, HN, 1999.

[6]. Đỗ Thị Kim Liên, *Ngữ dụng học*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2005

[7]. Trần Nguyễn Nguyên Hân (2018), *Giáo dục ngôn ngữ cho trẻ mầm non*, Nxb Văn hóa Văn Nghệ

[8]. Trần Thị Hoàng Yến (2009), *Giáo trình Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ*, Nxb Đại học Vinh

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Cơ sở xác định các nguyên tắc phát triển ngôn ngữ cho trẻ (học qua bài giảng Elearning: 3 tiết; học trên lớp: 4 tiết, tự học: 20 tiết)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) chương 1	CLO2.1.2.1	A1.1
		1	Trả lời câu hỏi và bài tập trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi và bài tập chương 1 ở mức 1 và 2)	CLO1.1.2.1	A1.1
		1	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]; [2].	CLO1.1.2.1	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	2	Nghe giảng lý thuyết về các nội dung: 1.1. Cơ sở xuất phát của nguyên tắc giao tiếp trong phát triển ngôn ngữ cho trẻ	CLO.1.1.2.1	A1.1 A1.3

			1.2. Cơ sở xuất phát của nguyên tắc phát triển tư duy trong phát triển ngôn ngữ cho trẻ		
		1	Bài tập: Vận dụng thực tiễn, anh chị hãy chỉ rõ: mối quan hệ giữa nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ và nhiệm vụ phát triển tư duy cho trẻ ở trường mầm non.	CLO.1.1.2.1	
		1	Thảo luận nhóm về: 1. Mục tiêu phát triển ngôn ngữ cho trẻ từ 0 - 6 tuổi. 2. Nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ từ 0 - 6 tuổi.	CLO1.1.2.1 CLO 3.1.1.1	A1.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	10	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy Đọc thêm: tài liệu [2]	CLO1.1.2.1	A1.2
		10	Làm bài tập chương 1	CLO1.1.2.1	
2	Chương 2. Cơ sở ngữ âm học của việc luyện khả năng phát âm cho trẻ (học trên Elearning: 3; Học trên lớp: 6 tiết, tự học: 20 tiết)				
	Giai đoạn 1	1	Học bài giảng E-Learning (LMS): 1. Đặc điểm âm tiết tiếng Việt và việc dạy trẻ phát âm 2. Hệ thống âm vị tiếng Việt và việc dạy trẻ sử dụng hệ thống chính âm	CLO1.1.2.2 CLO1.2.2.1	A1.2 A1.3
		1	Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập chương 2 (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO1.1.2.2	A1.1
		1	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]. [2]	CLO1.1.2.2	A1.1 A1.3
	Giai đoạn 2	3	Lý thuyết: 2.1. Đặc điểm âm tiết tiếng Việt và việc dạy phát âm 2.2. Hệ thống âm vị tiếng Việt và việc dạy trẻ sử dụng hệ thống chính âm	CLO1.1.2.2 CLO1.2.2.1	A1.1 A1.3 A2.1

			Phương pháp dạy học: thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề		
		1	Bài tập tự luận: 1.Trình bày đặc điểm âm tiết tiếng Việt. Theo anh (chị), vấn đề dạy trẻ phát âm âm tiết tiếng Việt cần chú trọng những vấn đề gì? 2. Trình bày hệ thống âm vị tiếng Việt. Anh (chị) cần làm gì để giúp trẻ sử dụng đúng hệ thống âm vị tiếng Việt trong giao tiếp.	CLO1.1.2.2	A1.2 A1.3
		2	Thảo luận nhóm: 1. Trình bày các nội dung luyện chính âm cho trẻ. 2. Vai trò và kỹ thuật rèn luyện kỹ năng đọc, kể diễn cảm cho trẻ mầm non?	CLO1.2.2.1	A1.2
	Giai đoạn 3	10	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.2 CLO1.2.2.1	A1.1
		10	Làm bài tập chương 2 trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2], [3], [7], [8]	CLO1.1.2.2 CLO1.2.2.1	A1.1
	3 Chương 3. Cơ sở từ vựng học của việc phát triển vốn từ cho trẻ (Học trên Elearning: 3 tiết; Học trên lớp: 6 tiết, tự học: 20 tiết)				
	Giai đoạn 1	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung chương 3 và các tài liệu liên quan	CLO1.1.2.2	A1.1
		1	<i>Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS</i>	CLO1.1.2.2	A1.1
		1	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1], [2], [4]	CLO1.1.2.1	A1.1
	Giai đoạn 2	3	Lý thuyết: 1.Cấu tạo từ tiếng Việt và việc giúp trẻ làm giàu vốn từ 2. Nghĩa của từ, các lớp từ vựng tiếng Việt và việc giúp trẻ hiểu nghĩa của từ	CLO1.2.2.1	A1.1

			3. Các phép tu từ từ vựng và việc dạy trẻ tích cực hóa vốn từ 4. Từ loại và việc giúp trẻ sử dụng các từ loại trong tiếng Việt Phương pháp dạy học: thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề		A1.2
		1	Bài tập tự luận: 1. Trình bày các phương thức cấu tạo từ tiếng Việt. Theo anh (chị), việc vận dụng tri thức này trong quá trình phát triển vốn từ cho trẻ của giáo viên mầm non như thế nào? 2. Trình bày vắn tắt các lớp từ vựng tiếng Việt. Theo anh (chị), việc vận dụng tri thức này trong quá trình phát triển vốn từ cho trẻ của giáo viên mầm non như thế nào?	CLO1.1.2.2	A1.3
		1	Thảo luận nhóm: Phát triển vốn từ cho trẻ có mối quan hệ thế nào đối với việc phát triển tư duy của trẻ.	CLO1.1.2.2	A1.1 A1.2
	Giai đoạn 3	10	Ôn tập: Hệ thống kiến thức của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.2	A1.1 A1.2
		10	Làm bài tập chương 3 trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2], [3], [7], [8]	CLO1.1.2.2	A1.2
	5 Chương 4. Cơ sở ngữ pháp học của việc dạy trẻ nói câu đúng (Học trên elearning: 4 tiết; Học trên lớp: 7 tiết; tự học: 20 tiết)				
	Giai đoạn 1	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung chương 3 và các tài liệu liên quan	CLO1.1.2.2	A1.1
		1	<i>Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS</i>	CLO1.1.2.2	A1.1
		1	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1], [2]	CLO1.2.2.1	A1.1
	Giai đoạn 2	3	Lý thuyết: 1. Câu tiếng Việt	CLO1.2.2.1	A1.1 A1.2

			2. Dạy trẻ nói câu đúng		
		2	Bài tập tự luận 1. Phân loại các kiểu câu xét về cấu tạo ngữ pháp. Theo anh (chị), việc dạy trẻ nói đúng ngữ pháp có vai trò như thế nào đối với quá trình phát triển ngôn ngữ cho trẻ? 2. Phân loại các kiểu câu xét theo mục đích phát ngôn. Việc dạy trẻ sử dụng các kiểu câu theo mục đích phát ngôn có ý nghĩa thực tiễn gì?	CLO1.1.2.2	A1.3
		1	Thảo luận nhóm: Những hạn chế trong quá trình sử dụng câu của trẻ mầm non và một số biện pháp giúp trẻ hạn chế nói câu sai.	CLO1.1.2.2	A1.1 A1.2
	Giai đoạn 3	10	Ôn tập: Hệ thống kiến thức của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.2	A1.1 A1.2
		10	Làm bài tập chương 4 trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2], [4], [7], [8]	CLO1.1.2.2	A1.2
	6 Chương 5. Cơ sở ngữ dụng học của việc phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ (Học trên Elearning: 3 tiết; Học trên lớp: 7 tiết; tự học: 20 tiết)				
	Giai đoạn 1	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung chương 3 và các tài liệu liên quan	CLO1.1.2.3	A1.1
		1	<i>Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS</i>	CLO1.1.2.2	A1.1
		1	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1].	CLO1.2.2.1	A1.1
	Giai đoạn 2	2	Lý thuyết: 1. Ngôn bản và việc phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mầm non 2. Lý thuyết hội thoại và việc phát triển ngôn ngữ hội thoại cho trẻ	CLO1.2.1.3	A1.1 A1.2
		2	Bài tập tự luận		

			1. Thế nào là ngôn bản? Đích của ngôn bản? 2. Lý thuyết ngôn bản và vấn đề phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ có mối quan hệ như thế nào?	CLO1.1.2.3	A1.3
		2	Thảo luận nhóm: Tìm hiểu khả năng nói mạch lạc của trẻ và đề xuất một số phương pháp dạy trẻ nói mạch lạc.	CLO1.1.2.3	A1.1 A1.2
	Giai đoạn 3	10	Ôn tập: Hệ thống kiến thức của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.3	A1.1 A1.2
		10	Làm bài tập chương 5 trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2], [5], [7], [8]	CLO1.1.2.2	A1.2
	Bài thi kết thúc học phần		Tiểu luận theo ma trận bài thi A2.1	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2 CLO1.2.1.3 CLO2.1.2.1 CLO2.2.1.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả đánh giá	

Nghệ An, ngày 15 tháng 03 năm 2024

**Hiệu trưởng
Trường Sư phạm**



PGS.TS. Trần Vũ Tài

Trưởng khoa GDMN



TS. Trần Thị Hoàng Yến

Giảng viên phụ trách



TS. Trần Thị Hoàng Yến

8. PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP TRONG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC MẦM NON

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP TRONG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC MẦM NON	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../2024
		Số trang: 100/11

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

PGS. TS. Nguyễn Thị Hương

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 09 15051198 Email: nguyenthihuongcd@gmail.com

Hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học

Giảng viên 2:

TS. Lê Thục Anh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0912657006. Email: anhlt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường giáo dục mầm non (tiếng Anh): Developing career skills in preschool education environment	
- Mã số học phần: PRE82008	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung
☒ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án
☐ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3	
+ Số tiết lý thuyết: 30	
+ Số tiết bài tập/thảo luận: 15	
+ Số tiết thực tế: 0	
+ Số tiết dạy học dự án: 0	
+ Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: Không	
+ Học phần học trước: Không	
+ Học phần song hành: Không	
- Yêu cầu của học phần:	
+ Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%.	
+ Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS.	
+ Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm.	
+ Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.	
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa TLGD, Trường Sư phạm	

2. Mô tả học phần

- *Phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường giáo dục mầm non* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo thạc sỹ Giáo dục học (Giáo dục mầm non). Học phần này trang bị cho người học những kiến thức về môi trường giáo dục mầm non, kỹ năng nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường giáo dục mầm non; qua đó hình thành định hướng cần thiết cho sự rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường giáo dục mầm non.

- Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành của giáo dục mầm non hiện đại vào nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	2.5 {Mức 3}
2.1.1	Vận dụng được tư duy phân biện, kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2.5 {Mức 3}
2.1.2	Vận dụng được kỹ năng chuyển đổi số và sử dụng các công nghệ phù hợp trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	2.5 {Mức 3}
2.2.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực giáo dục mầm non	2.5 {Mức 3}
3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn	2.5 {Mức 3}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	Vận dụng hiểu biết về môi trường GDMN vào nghiên cứu và phát triển kỹ năng nghề nghiệp	1.1.2	4%	2.5 {Mức 3}
1.1.2.2.	Vận dụng hiểu biết về đặc trưng, yêu cầu kỹ năng nghề nghiệp vào nghiên cứu và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN		4%	2.5 {Mức 3}
1.1.2.3	Áp dụng được các biện pháp phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN		4%	2.5 {Mức 3}

2.1.1.1	Vận dụng được tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN	2.1.1	10%	3.5 {Mức 4}
2.1.2.1	Vận dụng được kỹ năng khai thác học liệu số và ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để hoàn thành các nhiệm vụ học tập và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN	2.1.2	25%	3.5 {Mức 4}
2.2.1.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực giáo dục mầm non	2.2.1	10%	2.5 {Mức 3}
3.2.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN	3.2.1	5%	2.5 {Mức 3}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO.2.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2.5	10%	Quan sát
	CLO.3.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2.5	15%	
A1.2	CLO.2.1.1..1 {điểm số và điểm năng lực}	2.5	10%	Quan sát
	CLO.2.2.1..1 {điểm số và điểm năng lực}	2.5	15%	
A1.3	CLO.1.1.2.1 {điểm số}	2.5	25%	Tự luận
	CLO.1.1.2.2 {điểm số}	2.5	25%	
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO.1.1.2.1 {điểm số}	2.5	30%	Tiểu luận
	CLO.1.1.2.2 {điểm số}	2.5	35%	
	CLO.1.1.2.3 {điểm số}	2.5	35%	

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 \times 50\% + A2 \times 50\%$$

4.2. Ma trận bài thi tự luận A1.3

Bảng 1. Ma trận đề thi tự luận A1.3 {Ma trận này công bố trong đề cương}

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu
1.1.2.1 (50%)	Mức 2	1 câu 5 điểm	2.0		Giải thích được đặc điểm môi trường GDMN
	Mức 3		3.0	1.5	Vận dụng hiểu biết về môi trường GDMN vào nghiên cứu và phát triển kỹ năng nghề nghiệp
1.1.2.2 (50%)	Mức 2	1 câu 5 điểm	2.0		Giải thích được đặc trưng, yêu cầu của khái niệm kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN
	Mức 3		3.0	1.5	Vận dụng hiểu biết về đặc trưng, yêu cầu kỹ năng nghề nghiệp vào nghiên cứu và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN
Tổng			10	3.0	

Bảng 3. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.3. Rubric đánh giá bài tiểu luận A2.1

Bảng 4. Rubric đánh giá bài tiểu luận A2.1

TT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm từng tiêu chí theo các mức độ	Điểm đánh giá
1	Nội dung bài tiểu luận (7 điểm)	1.1. Thể hiện mục tiêu, các yêu cầu cần đạt.	1.0 - 0.75- 0.5 - 0.25	
		1.2. Nội dung tiểu luận sát hợp với nội dung các nội dung chủ yếu của xã hội học giáo dục	1.0 - 0.75- 0.5 - 0.25	
		1.3. Trình bày đầy đủ, chi tiết những nội dung đã tìm hiểu và có nhận xét chi tiết các nội dung đó.	1.0 - 0.75- 0.5 - 0.25	
		1.4. Kết quả thực hiện tiểu luận thể hiện năng lực vận dụng những hiểu biết về đặc trưng, yêu cầu kỹ năng nghề nghiệp vào nghiên cứu và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN	1.0 - 0.75- 0.5 - 0.25	
		1.5. Kết quả thực hiện tiểu luận thể hiện năng lực áp dụng được các biện pháp phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN	1.0 - 0.75- 0.5 - 0.25	
		1.6. Kết quả thực hiện tiểu luận thể hiện tính mới, sáng tạo	1.0 - 0.75- 0.5 - 0.25	
		1.7. Đưa ra được kết luận, kiến nghị từ các nội dung tìm hiểu và đề xuất đề xuất được giải pháp.	1.0 - 0.75- 0.5 - 0.25	
2	Hình thức bài tiểu luận (3điểm)	2.1. Bố cục chặt chẽ, hình thức trình bày đúng quy định, ngôn ngữ diễn đạt trong sáng, đảm bảo văn phong khoa học	1.0 - 0.75- 0.5 - 0.25	
		2.2. Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.	1.0 - 0.75- 0.5 - 0.25	
		2.3. Kỹ thuật chế bản	1.0 - 0.75- 0.5 - 0.25	
Tổng điểm			10.0	

Ghi chú: Điểm từng tiêu chí lẻ đến 0.25 điểm, theo các mức độ: Tốt: 0.1 đ; Khá: 0.75 đ; Trung bình: 0.5 đ; Yếu: 0.25

Kết quả đánh giá:

Ngày tháng năm 20....

Người đánh giá

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Giáo dục mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ Bài đánh giá A.1.1

1. Nhóm học viên/sinh viên:
2. Lớp:
3. Học phần:.....
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoản g điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO2.1.2.1. Vận dụng được kỹ năng khai thác học liệu số và ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để hoàn thành các nhiệm vụ học tập và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN. [mức năng lực: 3,5]			50 %
Tiêu chí 1	Vận dụng được kỹ năng khai thác học liệu số để hoàn thành các nhiệm vụ học tập và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN		25 %
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành 80-100% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	8-10	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành 60-80% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	6-7.9	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành 50-70% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	5-6.9	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	0-4.0	
Tiêu chí 2	Vận dụng được kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản để hoàn thành các nhiệm vụ học tập và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN		25 %
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 80-100% các nhiệm vụ học tập và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN	8-10	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 60-80% các nhiệm vụ học tập và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN	6-7.9	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 50-70% các nhiệm vụ học tập và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN	5-6.9	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN	0-4.0	
Điểm số của CLO 2.1.2.1			
CLO3.2.1.1. Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN. [mức năng lực: 2,5]			50 %
	Tổ chức thành lập nhóm		10 %

Tiêu chí 1	Tự giác hoàn thành nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch học tập		15 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 3	Thực hiện nhiệm vụ được giao		15 %
	Tự giác hoàn thành nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
Tiêu chí 4	Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng		10 %
	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm.	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-6.9	
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	0-4.0	
Điểm số của CLO 3.2.1.1			
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

GIẢNG VIÊN THỨ NHẤT

(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIẢNG VIÊN THỨ HAI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A.1.2

1. Nhóm học viên/sinh viên:
2. Lớp:
3. Học phần:.....
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO2.1.1.1. Vận dụng tư duy phản biện, kĩ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN [mức năng lực: 3,5]			50%
Tiêu chí 1	Vận dụng tư duy phản biện trong nghiên cứu và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN		25 %
	Có khả năng lập luận phản biện rõ ràng, logic; bằng chứng đầy đủ, tỉ mỉ, khách quan	8 -10	
	Có khả năng lập luận phản biện rõ ràng, logic; bằng chứng đầy đủ nhưng chưa tỉ mỉ, khách quan	5 - 7.9	
	Có khả năng lập luận phản biện rõ ràng, logic; nhưng chưa đầy đủ bằng chứng	0 - 4.9	
Tiêu chí 2	Vận dụng kĩ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN		25 %
	Có khả năng xác định, đánh giá và phân tích các vấn đề và đưa ra được những giải pháp xử lý tối ưu nhất.	8 -10	
	Có khả năng xác định, đánh giá và phân tích các vấn đề và đưa ra được những giải pháp xử lý	5 - 7.9	
	Có khả năng xác định, đánh giá và phân tích các vấn đề nhưng chưa đưa ra được những giải pháp xử lý	0 - 4.9	
Điểm số của CLO 2.1.1.1			
CLO2.2.1.1 (Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực giáo dục mầm non) [mức năng lực: 2,5]			50%
Tiêu chí 1	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng		20 %
	Thể hiện rõ sự kiên định với mục tiêu, lý tưởng nghề nghiệp; sự vững vàng, kiên định, không dao động trước mọi tình huống, sự quyết tâm phấn đấu, vượt mọi khó khăn gian khổ để hoàn thành tốt nhiệm vụ	8 -10	
	Có thể hiện sự kiên định với mục tiêu, lý tưởng nghề nghiệp; sự vững vàng, kiên định, không dao động trước mọi tình huống, sự quyết tâm phấn đấu, vượt mọi khó khăn gian khổ để hoàn thành tốt nhiệm vụ	5 - 7.9	

	Chưa thể hiện sự kiên định với mục tiêu, lý tưởng nghề nghiệp; sự vững vàng, kiên định, không dao động trước mọi tình huống, sự quyết tâm phấn đấu, vượt mọi khó khăn gian khổ để hoàn thành tốt nhiệm vụ	0 - 4.9	
Tiêu chí 2	Đạo đức, công bằng trong lĩnh vực giáo dục mầm non		15 %
	Thể hiện ý thức thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; đối xử công bằng và tôn trọng trẻ em; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em.	8 -10	
	Thể hiện ý thức thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo.	5 - 7.9	
	Chưa thể hiện ý thức thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; đối xử công bằng và tôn trọng trẻ em; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em.	0 - 4.9	
Tiêu chí 3	Hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực giáo dục mầm non		15%
	Thể hiện rõ sự tận tâm, nghiêm túc trước công việc được giao, sẵn sàng giải quyết các tình huống xảy ra trong công việc	8 -10	
	Có thể hiện sự tận tâm, nghiêm túc trước công việc được giao, sẵn sàng giải quyết các tình huống xảy ra trong công việc	5 - 7.9	
	Chưa thể hiện sự tận tâm, nghiêm túc trước công việc được giao, sẵn sàng giải quyết các tình huống xảy ra trong công việc	0 - 4.9	
Điểm số của CLO 3.2.1.1			
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO: (Giảng viên có thể thiết kế theo bảng nếu bài đánh giá có nhiều CLO được tính điểm năng lực).

GIẢNG VIÊN THỨ NHẤT

(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIẢNG VIÊN THỨ HAI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Lưu ý: Đối với bài đánh giá thường xuyên chỉ cần 01 giảng viên đánh giá; Đối với bài đánh giá cuối kì, cần ít nhất 02 giảng viên đánh giá.

5. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Thị Hương, Lê Thục Anh, *Đề cương bài giảng Phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường giáo dục mầm non*, lưu hành nội bộ, 2024

[2] Hồ Lam Hồng , *Giáo trình Nghề giáo viên mầm non* - NXB Giáo dục 2009.

[3] Nguyễn Thị Thế Bình, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn thị Mai Lan, Kiều Phương Thúy, *Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên*, NXB Đại học Sư phạm, 2020

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Khái quát về môi trường giáo dục mầm non (học trên lớp: 8 tiết, Elearning; 4 tiết; tự học: 24 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) Khái quát về môi trường giáo dục mầm non: Khái niệm môi trường GDMN; Đặc điểm của môi trường GDMN; Vai trò của GV trong môi trường GDMN	CLO2.1.2.1	A1.1
		1	Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập chương 1 (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO2.1.2.1	A1.1
		10	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 1.2; mục 1.3; mục	CLO2.1.1.1	A1.2
	Giai đoạn 2	7	Lý thuyết: Khái niệm môi trường GDMN; Đặc điểm của môi trường GDMN; Vai trò của GV trong môi trường GDMN Phương pháp dạy học: thuyết trình, lớp học đảo ngược, thực hành nhóm	CLO1.2.1.1	A1.3
		1	Thảo luận: Phân tích vai trò của GV trong môi trường GDMN	CLO2.1.1.1	A1.2
		3	Thảo luận nhóm: Môi trường GDMN trong bối cảnh hiện nay	CLO3.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 3	5	Ôn tập: hệ thống kiến thức của chương 1 bằng sơ đồ tư duy	CLO2.1.2.1	A1.1 A1.3
		7	Làm bài tập chương 1 trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.2.1.1	A1.3
2	Chương 2. Kỹ năng nghề nghiệp của giáo viên trong môi trường giáo dục mầm non (học trên lớp: 12 tiết, Elearning; 5 tiết; tự học: 32 tiết)				
	Giai đoạn 1	4	Học bài giảng E-Learning (LMS) về Kỹ năng nghề nghiệp của giáo viên trong môi trường giáo dục mầm non	CLO2.1.2.1	A1.1
		1	Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập chương 2 (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO2.1.2.1	A1.1
		16	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 2.1 (trang....); mục 2.2 (trang....); mục 2.3; mục 2.4; mục 2.5	CLO2.1.1.1	A1.2
	Giai đoạn 2		Lý thuyết: Khái niệm kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN; Đặc trưng kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN;		A1.3

		9	Yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN; Các kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN; Đánh giá kỹ năng nghề nghiệp của GV trong môi trường GDMN Phương pháp dạy học: thuyết trình, lớp học đảo ngược, thực hành nhóm	CLO1.1.2.2	A2.1	
		1	Bài tập tự luận: Mô tả công việc giáo viên mầm non	CLO2.1.1.1	A1.3 A2.1	
		2	Thảo luận nhóm: Đặc trưng kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN	CLO2.2.1.1 CLO3.1.1.1	A1.2 A2.1	
	Giai đoạn 3	10	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO2.1.2.1	A1.1 A1.3	
		6	Làm bài tập chương 2 trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.1.2.2	A1.1 A1.3	
	Bài thi giữa kỳ	Theo ma trận bài thi tự luận A1.3		CLO1.1.2.1 CLO1.1.2.2	A1.3	
3	Chương 3. Phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường giáo dục mầm non (học trên lớp: 12 tiết, Elearning; 4 tiết; tự học: 34 tiết)					
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) 3.1. Phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường giáo dục mầm non	CLO1.1.2.3 CLO2.1.2.1	A1.1	
		1	Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập chương 3 (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO2.1.2.1	A1.1	
		10	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 3.1; mục 3.2, mục 3.3, mục 3.4	CLO2.1.1.1	A1.2	
	Giai đoạn 2	9	Lý thuyết: Tầm quan trọng của phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN; Nội dung phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN; Các con đường phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN; Các biện pháp phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường GDMN Phương pháp dạy học: thuyết trình, lớp học đảo ngược, thực hành nhóm	CLO2.1.2.1 CLO2.1.1.1	A1.2 A2.1	
		1	Bài tập tự luận: Phân tích con đường, biện pháp phát triển kỹ năng nghề nghiệp GV GDMN trong bối cảnh hiện nay	CLO1.1.2.3 CLO2.1.1.1	A1.2 A2.1	
		2	Thảo luận nhóm: Thiết kế một hoạt động cụ thể để phát triển kỹ năng nghề nghiệp GV GDMN trong bối cảnh hiện nay	CLO2.1.1.1 CLO3.2.1.1	A1.2 A1.2	

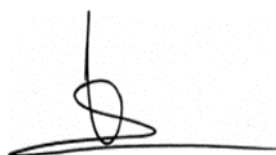
	Giai đoạn 3	10	Ôn tập: Hệ thống kiến thức của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO2.1.2.1	A1.1
		7	Làm bài tập chương 3 trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.1.2.3	A2.1
	Bài tiểu luận kết thúc học phần		Rubric đánh giá bài tiểu luận A2.1	CLO1.1.2.1 CLO1.1.2.2 CLO1.1.2.3	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2024

Trưởng Sư phạm

Trưởng khoa GDMN

Giảng viên phụ trách



PGS.TS Trần Vũ Tài



TS. Trần Thị Hoàng Yến



TS. Lê Thục Anh

9. GIÁO DỤC QUA TRẢI NGHIỆM CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: GIÁO DỤC QUA TRẢI NGHIỆM CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:...../.../202..
		Số trang: 112/8

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Thu Hạnh

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Email: hanhvinhuni@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục mầm non

Giảng viên 2: TS. Trần Thị Hoàng Yến

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Email: yentth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ học và Khoa học Giáo dục

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non (tiếng Anh): Education through the experience for kindergarten children	
- Mã số học phần: PRE82009	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết bài tập, thảo luận: 15 + Số tiết thực hành: 0	
+ Số tiết thực tế: 0 + Số tiết dạy học dự án: 0 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: không + Học phần học trước: + Học phần song hành: các học phần thuộc nhóm cơ sở ngành tự chọn	
- Yêu cầu của học phần: + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80% + Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên	
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục mầm non, Trường Sư phạm	

2. Mô tả học phần

Học phần *Giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng.

Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu, hiện đại về giáo dục qua trải nghiệm trong giáo dục mầm non cụ thể là các vấn đề như: bản chất của giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ mầm non; phân loại; cách thức; quy trình và các hình thức tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non. Ngoài ra, học phần này còn giúp người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và thực tiễn nghề nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non.

Học phần này là cơ sở cho các học phần Đồ án Thực tập và Luận văn tốt nghiệp.

Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành của giáo dục mầm non hiện đại vào nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	2.5 {K3}
2.1.1	Vận dụng được tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2.5 {K3}
2.2.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực giáo dục mầm non.	2.5 {A3}
3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2.5 {S3}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số của CTĐT	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	Xác định cơ sở giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non	1.1.2	5%	2,5
1.1.2.2	Nắm được mục đích, phân loại; quy trình, phương pháp, hình thức giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế.	1.1.2	5%	2,5
1.1.2.3	Áp dụng kiến thức chuyên sâu, hiện đại về giáo dục qua trải nghiệm trong nghiên cứu khoa học giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non	1.1.2	4%	2,5
2.1.1.1	Vận dụng được các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non	2.1.1	10%	2,5
2.2.1.1	Thể hiện ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức khoa học trong nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non	2.2.1	15%	3,5
3.1.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập trong nghiên cứu và thực tiễn, kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập. Thực hiện được các bài thuyết trình hiệu quả.	3.1.1	5%	2,5

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số bài đánh giá	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên, quá trình, giữa kỳ (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO 2.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	25%	Quan sát và đánh giá dựa trên hồ sơ học phần

A1.2	CLO 3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5	25%	Đánh giá dựa trên hồ sơ học phần, qua sát. Thảo luận trên lớp.
A1.3	CLO 1.2.1.1 {điểm số}	2,5	10%	Tự luận
	CLO 1.2.1.2 {điểm số}	2,5	20%	
	CLO 1.2.1.3 {điểm số}	2,5	20%	
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO1.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	100%	Tiểu luận
	CLO1.2.1.2 {điểm số và điểm năng lực}	2,5		
	CLO1.2.1.3 {điểm số và điểm năng lực}	2,5		
	CLO2.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài thi tự luận

Bảng 2. Ma trận đề thi tự luận A1.3 (Bài thảo luận và bài tập tự luận, bài giữa kỳ)

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.1 (25%)	Mức 2	1 Câu 2 điểm	0,8		Xác định được cơ sở giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non
	Mức 3		1,2	0,6	Vận dụng được các lý thuyết giáo dục qua trải nghiệm để xác định mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non
1.1.2.2 (25%)	Mức 2	1 Câu 3 điểm	1,2		Xác định được mục đích, ý nghĩa, phân loại trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non
	Mức 3		1,8	0,9	Vận dụng được các kiến thức cơ bản để xác định quy trình, phương pháp, hình thức giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế.
1.1.2.3 (25%)	Mức 2	1 Câu 5 điểm	2,0		Xác định được kiến thức chuyên sâu, hiện đại về xây dựng môi trường trải nghiệm và tổ chức hoạt động giáo dục qua trải nghiệm trong nghiên cứu khoa học giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non
	Mức 3		3,0	1,5	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu, hiện đại về giáo dục qua trải nghiệm trong nghiên cứu khoa học giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non
Tổng			10	3,0	

4.3. Ma trận đánh giá bài đánh giá A2.1 - Tiểu luận

Bảng 4. Ma trận đề thi tiểu luận A2.1 {Ma trận này công bố trong đề cương}

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	1.0 điểm	0.75 điểm	0.5 điểm	0.25 điểm
Hình thức của bài tiểu luận (2 điểm)	- Cấu trúc đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của một bài tiểu luận trình độ thạc sỹ chuyên ngành GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT - Hình thức đẹp, đúng quy định.	- Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học - Hình thức đẹp, đúng quy định	- Cấu trúc, đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và khoa học. - Hình thức đúng quy định.	- Cấu trúc chưa đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học. - Hình thức chưa đúng quy định.

Nội dung bài tiểu luận (8 điểm)	1/Lựa chọn vấn đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, nhiệm vụ bài tiểu luận (2 điểm)			
	2 điểm	1.5 điểm	1.0 điểm	0.5 điểm
	- Lựa chọn được vấn đề nghiên cứu đúng chuyên ngành, thiết kế tên đề tài và xác định mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài khoa học, phù hợp.	- Lựa chọn được vấn đề nghiên cứu đúng chuyên ngành, thiết kế tên đề tài và xác định mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài khá phù hợp.	- Lựa chọn được vấn đề nghiên cứu đúng chuyên ngành, thiết kế tên đề tài và xác định mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài còn chưa hoàn toàn phù hợp.	- Lựa chọn được vấn đề nghiên cứu đúng chuyên ngành nhưng thiết kế tên đề tài hoặc xác định mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài còn chưa khoa học, phù hợp.
	2/Phân tích được các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến đề tài tiểu luận (2 điểm)			
	2 điểm	1.5 điểm	1.0 điểm	0.5 điểm
	-Trình bày đầy đủ, chi tiết các nội dung lý luận của đề tài tiểu luận - Các kiến thức khoa học, hiện đại và được phân tích, chứng minh một cách khoa học hợp lý.	-Trình bày đầy đủ, chi tiết các nội dung lý luận của đề tài tiểu luận - Các kiến thức khoa học, hiện đại nhưng chưa được phân tích, chứng minh một cách khoa học hợp lý.	-Trình bày các nội dung lý luận của đề tài tiểu luận nhưng còn chưa đầy đủ,chi tiết - Các kiến thức chưa khoa học, hiện đại hoặc chưa được phân tích, chứng minh một cách khoa học hợp lý.	-Trình bày các nội dung lý luận của đề tài tiểu luận sơ sài, chưa đầy đủ chi tiết - Các kiến thức chưa khoa học, hiện đại và chưa được phân tích, chứng minh một cách khoa học hợp lý.
	3/Thử nghiệm/áp dụng các vấn đề lý luận vào tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm (2 điểm)			
	2 điểm	1.5 điểm	1.0 điểm	0.5 điểm
	- Lựa chọn các nội dung thử nghiệm phù hợp, đầy đủ - Thực hiện thử nghiệm trong thực tiễn một cách nghiêm túc, tích cực và hiệu quả	- Lựa chọn các nội dung thử nghiệm phù hợp, đầy đủ - Thực hiện thử nghiệm trong thực tiễn một cách nghiêm túc, tích cực và khá hiệu quả	- Lựa chọn các nội dung thử nghiệm phù hợp nhưng chưa đầy đủ - Thực hiện thử nghiệm trong thực tiễn hiệu quả chưa cao	- Lựa chọn các nội dung thử nghiệm chưa phù hợp hoặc nội dung thử nghiệm sơ sài - Thực hiện thử nghiệm trong thực tiễn chưa đạt yêu cầu
	4/ Kiến nghị, đề xuất giải pháp phù hợp (1 điểm)			
	1.0	0.75	0.5	0.25
	- Đưa ra được hệ thống các kiến nghị đề xuất có căn cứ và phù hợp với thực tiễn - Đưa ra được giải pháp nhằm cải tạo hoạt động trong thực tiễn có tính khả thi và mang lại hiệu quả	- Đưa ra được các kiến nghị đề xuất phù hợp với thực tiễn - Đưa ra được giải pháp nhằm cải tạo hoạt động trong thực tiễn có tính khả thi	- Chỉ đưa ra được các kiến nghị đề xuất phù hợp với thực tiễn nhưng chưa đề xuất được giải pháp hoặc ngược lại.	- Các kiến nghị và giải pháp còn chung chung, chưa cụ thể hoặc chưa phù hợp.
TỔNG ĐIỂM: _____/10 (Bằng chữ:)				

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Giáo dục mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ Bài đánh giá A1.1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO2.2.1.1 (Thể hiện ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức khoa học trong nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non) [mức năng lực: 3,5]			A %
Tiêu chí 1	Tích cực, có trách nhiệm, có kỷ luật		50 %
	Tích cực chủ động hoàn thành các nhiệm vụ NCKH và các nhiệm vụ học tập, đạt 80-100% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	8-10	
	Tích cực chủ động hoàn thành các nhiệm vụ NCKH và các nhiệm vụ học tập, đạt 60-79% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	6-7.9	
	Chủ động hoàn thành các nhiệm vụ NCKH và các nhiệm vụ học tập, 50-69% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	4-5.9	
	Chưa tích cực, GV còn phải nhắc nhở để thực hiện các nhiệm vụ NCKH và các nhiệm vụ học tập, hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	>4	
Tiêu chí 2	Đạo đức khoa học		50 %
	Trung thực, say mê trong NCKH và đạt hiệu quả cao trong NCKH và tổ chức các hoạt động trong thực tiễn	8-10	
	Trung thực, khá tích cực để hoàn thành khá tốt yêu cầu trong NCKH và tổ chức các hoạt động trong thực tiễn	6-7.9	
	Trung thực trong NCKH và đạt yêu cầu trong NCKH và tổ chức các hoạt động trong thực tiễn	4-5.9	
	Chưa tuân thủ nguyên tắc trung thực trong NCKH hoặc chưa đạt hiệu quả cao trong NCKH và tổ chức các hoạt động trong thực tiễn	>4	
Điểm số của CLO2.1.1.1			
Điểm tổng kết: Điểm TC1*50% + TC2*50%			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Giáo dục Mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../

2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:

3. Học phần:.....

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.1.1.1 (Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập trong nghiên cứu và thực tiễn, kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập. Thực hiện được các bài thuyết trình hiệu quả.) [mức năng lực: 2,5]			100%
Tiêu chí 1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập trong NCKH và thực tiễn		20 %
	Chủ động, tích cực làm việc độc lập để tự giải quyết tốt các nhiệm vụ học tập, NCKH và tổ chức các hoạt động trong thực tiễn	8-10	
	Chủ động làm việc độc lập để hoàn thành các nhiệm vụ học tập, NCKH và tổ chức các hoạt động trong thực tiễn	6-7.9	
	Chưa chủ động, chưa tích cực làm việc độc lập nhưng hoàn thành các nhiệm vụ học tập, NCKH và tổ chức các hoạt động trong thực tiễn đạt yêu cầu	4-5.9	
	Chưa chủ động, còn phụ thuộc sự hướng dẫn của GV, nhóm và chưa hoàn thành các nhiệm vụ học tập, NCKH và tổ chức các hoạt động trong thực tiễn theo yêu cầu	>4	
	Kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập		30 %

Tiêu chí 2	Lập kế hoạch hoạt động nhóm rõ ràng, khoa học, phối hợp các bên liên quan để thực hiện các nhiệm vụ NCKH và tổ chức hoạt động trong thực tiễn đạt kết quả cao.	8-10	
	Lập kế hoạch hoạt động nhóm rõ ràng, khoa học, phối hợp các bên liên quan để hoàn thành các nhiệm vụ NCKH và tổ chức hoạt động trong thực tiễn	6-7.9	
	Lập kế hoạch hoạt động nhóm nhưng chưa chi tiết; phối hợp thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ NCKH và tổ chức hoạt động trong thực tiễn đạt yêu cầu	4-5.9	
	Lập kế hoạch hoạt động nhóm sơ sài, chưa có kỹ năng phối hợp thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ NCKH và tổ chức hoạt động trong thực tiễn.	>4	
Tiêu chí 3	Thực hiện các bài thuyết trình hiệu quả		30 %
	Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, lời cuốn, trả lời tốt các câu hỏi; thời gian đúng yêu cầu	8-10	
	Thuyết trình rõ ràng, phong thái khá tự tin, trả lời khá tốt các câu hỏi; thời gian đúng yêu cầu	6-7.9	
	Thuyết trình khá rõ ràng, phong thái chưa tự tin, trả lời các câu hỏi đạt yêu cầu; thời gian chưa đảm bảo.	4-5.9	
	Thuyết trình không rõ ràng, chưa trả lời được các câu hỏi	>4	
Điểm số của CLO3.1.1.1			
Điểm tổng kết: TC1*20% + TC2*30% + TC3*30% + TC4*20%			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

Tài liệu học tập chính

[1]. Hoàng Thị Phương (2018), Giáo trình *Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

5.2 Tài liệu tham khảo

[1] Bộ giáo dục & đào tạo, (2021), *Thông tư Ban hành chương trình giáo dục mầm non*, Số 01/VBHN-BGDĐT

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục qua trải nghiệm (học qua bài giảng Elearning: 10 tiết; học trên lớp: 10 tiết, tự học: 20 tiết)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	4	Học bài giảng E-Learning (LMS) chương 1	CLO2.1.1.1	A1.1
		4	Trả lời câu hỏi và bài tập trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi và bài tập chương 1 ở mức 1 và 2)	CLO.1.1.2.1	A1.1
		2	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]; [2].		A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	6	Làm rõ các vấn đề trên lớp: 1.1. Một số khái niệm 1.2. Bản chất của giáo dục qua trải nghiệm 1.3. Một số lý thuyết về giáo dục qua trải nghiệm 1.4. Đặc điểm của giáo dục qua trải nghiệm 1.5. Giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ mầm non ở một số nước trên thế giới	CLO.1.1.2.1	A1.1 A1.3 A2.1
		2	Bài tập: Phân tích một số lý thuyết về giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ mầm non và hãy liên hệ vận dụng các lý thuyết đó trong giáo dục trẻ ở trường MN.	CLO.1.1.2.1	
		2	Thảo luận nhóm về: Giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ mầm non ở một số nước trên thế giới	CLO1.1.2.1 CLO 3.1.1.1	A1.2
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	10	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy Đọc thêm: tài liệu [2]	CLO.1.1.2.1	A1.2
		20	Làm bài tập chương 1		
2	Chương 2. Giáo dục qua trải nghiệm trong giáo dục mầm non (học trên Elearning: 12 ; Học trên lớp: 10 tiết, tự học: 25 tiết)				
	Giai đoạn 1	6	Học bài giảng E-Learning (LMS): 1. Mục đích của giáo dục qua trải nghiệm trong giáo dục mầm non 2. Phân loại trải nghiệm trong giáo dục mầm non	CLO1.1.2.2 CLO1.2.2.1	A1.2 A1.3

		3	Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập chương 2 (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO1.1.2.2	A1.1
		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1].	CLO1.1.2.2	A1.1 A1.3
	Giai đoạn 2	6	Làm rõ các vấn đề trên lớp: 2.1. Mục đích của giáo dục qua trải nghiệm trong giáo dục mầm non 2.2. Các loại hình trải nghiệm trong giáo dục mầm non 2.3. Quy trình giáo dục trải nghiệm trong giáo dục mầm non 2.4. Xây dựng môi trường giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ mầm non	CLO1.1.2.2 CLO1.2.2.1	A1.1 A1.3 A2.1
		2	Bài tập tự luận: 1. Phân tích quy trình giáo dục trải nghiệm cho trẻ mầm non 2. Lấy ví dụ về các giờ học có sử dụng quy trình tổ chức trải nghiệm	CLO1.1.2.2	A1.2 A1.3
		2	Thảo luận nhóm: 1. Lập kế hoạch các hoạt động giáo dục qua trải nghiệm. 2. Xây dựng môi trường trải nghiệm nhằm tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ?	CLO1.2.2.1	A1.2
	Giai đoạn 3	10	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.2 CLO1.2.2.1	A1.1
		15	Làm bài tập chương 2 trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.1.2.2 CLO1.2.2.1	A1.1
3	Chương 3. Tổ chức hoạt động giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non (Học trên Elearning: 10 tiết; Học trên lớp: 10 tiết, tự học: 25 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung chương 3 và các tài liệu liên quan	CLO1.1.2.2	A1.1
		4	<i>Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS</i>	CLO1.1.2.2	A1.1
		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1].		A1.1

	Giai đoạn 2	2	Hướng dẫn trên lớp các nội dung: 1. Lập kế hoạch giáo dục trải nghiệm 2. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục trẻ 3. Công tác phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục trải nghiệm cho trẻ	CLO1.2.2.1	A1.1 A1.2 A2.1
		4	Bài tập thực hành: 1. Thiết kế một giờ học qua trải nghiệm	CLO1.1.2.2	A1.3
		4	Thảo luận nhóm: 1. Lập kế hoạch giáo dục phát triển các lĩnh vực theo phương thức trải nghiệm 2. Thực trạng tổ chức các hoạt động giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non	CLO1.1.2.2	A1.1 A1.2 A2.1
	Giai đoạn 3	10	Ôn tập: Hệ thống kiến thức của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.2	A1.1 A1.2
		15	Làm bài tập chương 3 trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.1.2.2	A1.2
	Bài thi kết thúc học phần		Tiểu luận theo ma trận bài thi A2.1	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2 CLO1.2.1.3 CLO2.1.1.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả đánh giá	

Nghệ An, ngày 15 tháng 04 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG SƯ PHẠM
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

GIẢNG VIÊN



PGS.TS. Trần Vũ Tài



TS. Trần Thị Hoàng Yến



TS. Nguyễn Thị Thu Hạng

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG GIÁO DỤC MẦM NON

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG GIÁO DỤC MẦM NON	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../202..
		Số trang: 124/8

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Phạm Thị Hải Châu

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục mầm non, Trường Sư phạm, Trường ĐH Vinh

Điện thoại: 0915386787

Email: chaupth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Toán và phương pháp dạy học bộ môn Toán; Ứng dụng phương tiện dạy học hiện đại trong Giáo dục Mầm non.

Giảng viên 2: TS. Trần Thị Hoàng Yến

Địa chỉ liên hệ: 0989146168

Email: yen.gdth@gmail.com; yentth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và phương pháp giáo dục mầm non

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non (tiếng Anh): Active teaching methods in preschool education							
- Mã số học phần: PRE82010							
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục học (bậc mầm non)							
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <table border="0" style="width: 100%;"> <tr> <td>☐ Kiến thức đại cương/chung</td> <td>☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung</td> </tr> <tr> <td>☒ Kiến thức cơ sở ngành</td> <td>☐ Học phần dạy học dự án</td> </tr> <tr> <td>☐ Kiến thức ngành</td> <td>☐ Kiến thức khác</td> </tr> </table>		☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung	☒ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án	☐ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung						
☒ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án						
☐ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác						
- Thuộc loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn							
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận: 15 + Số tiết thực tế: 0 + Số tiết dạy học dự án: 0 + Số tiết tự học: 90							
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: 0							

+ Học phần học trước: 0 + Học phần song hành:
- Yêu cầu của học phần: + Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần; + Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần; + Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp; + Nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS; + Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục Mầm non

2. Mô tả học phần

Phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non).

Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức về một số phương pháp dạy học tích cực đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục mầm non ở Việt Nam nói riêng và phù hợp với xu thế giáo dục mầm non trên thế giới nói chung trong giai đoạn hiện nay, từ đó biết cách vận dụng các phương pháp dạy học này vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ. Từ đó, học viên có kỹ năng thực hiện các phương pháp dạy học tích cực vào hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non, có ý thức tự học và tự nghiên cứu nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp.

- Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành của giáo dục mầm non hiện đại vào nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	2,5 {K3}
2.1.1	Vận dụng được tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {K3}
2.2.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực giáo dục mầm non.	2,5 {A3}
3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2,5 {S3}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO		Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	Vận dụng được kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non vào quá trình lựa chọn, tiến hành thực hiện các phương pháp dạy học tích cực trong tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non.	1.1.2		5%	2,5 {Mức 3}
1.1.2.2	Sử dụng được một số phương pháp dạy học tích cực đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học trong giáo dục mầm non.			5%	2,5 {Mức 3}
1.1.2.3	Vận dụng được một số phương pháp dạy học tích cực vào việc tổ chức hoạt động giáo dục ở các lĩnh vực cụ thể ở trường mầm non.			4%	2,5 {Mức 3}
2.1.1.1	Vận dụng được tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề để lựa chọn các phương pháp dạy học tích cực phù hợp với hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non.	2.1.1		10%	2,5 {Mức 3}
2.2.1.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sự chuyên nghiệp trong học tập, nghiên cứu và tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non.	2.2.1		15%	2,5 {Mức 3}
3.1.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao.	3.1.1		5%	2,5 {Mức 3}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO.2.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	20%	Quan sát
A1.2	CLO.3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	20%	Quan sát
A1.3	CLO.1.1.2.1 {điểm số}	2,5	60%	Tự luận
	CLO.1.1.2.2 {điểm số}	2,5		
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO.1.1.2.3 {điểm số}	2,5	100%	Tiểu luận
	CLO.2.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 20\% + A1.2 \times 20\% + A1.3 \times 60\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 \times 50\% + A2 \times 50\%$$

4.2. Ma trận bài thi tự luận A1.3

Bảng 1. Ma trận đề thi tự luận A1.3

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.1 (50%)	Mức 3	Câu 5 điểm	5	2.5	Vận dụng hiểu biết một số vấn đề cơ bản về phương pháp dạy học tích cực vào việc tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non .
1.1.2.2 (50%)	Mức 3	Câu 5 điểm	5	2.5	Sử dụng kỹ thuật một số phương pháp dạy học tích cực đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học trong giáo dục mầm non..
Tổng			10	5	

Mối liên hệ giữa điểm năng lực với các tỉ lệ % hoàn thành cụ thể của từng mức năng lực có thể xem tại *Bảng 2*.

Bảng 2. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.3. Rubric đánh giá bài thi tiểu luận A2.1

Chủ đề gợi ý: Đề xuất giải pháp sử dụng phương pháp dạy học tích cực vào hoạt động giáo dục ở trường mầm non.

Bảng 3. Ma trận đề thi tiểu luận A2.1

TT	Tiêu chí đánh giá	Mục	Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá	Ghi chú
1	Nội dung bài tiểu luận (7 điểm)	1.1	Thể hiện mục tiêu, các yêu cầu cần đạt.	0,5	
		1.2	Nội dung tiểu luận phù hợp với nghiên cứu của ngành học	1,5	
		1.3	Trình bày đầy đủ, chi tiết những nội dung đã tìm hiểu.	2	
		1.4	Kết quả thực hiện tiểu luận thể hiện sự hiểu biết và năng lực vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non.	1	
		1.5	Kết quả nghiên cứu thể hiện tính mới và tính sáng tạo.	1	

		1.6	Đưa ra được kết luận, kiến nghị từ các nội dung tìm hiểu và đề xuất đề xuất được giải pháp.	1	
2	Hình thức bài tiểu luận (3 điểm)	2.1	Bố cục chặt chẽ, hình thức trình bày đúng quy định, ngôn ngữ diễn đạt trong sáng, đảm bảo văn phong khoa học	1	
		2.2	Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.	1	
		2.3	Kỹ thuật chế bản	1	
Tổng điểm				10	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

* Bài đánh giá A.1.1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Giáo dục Mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ Bài đánh giá A.1.1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO 2.2.1.1. Thể hiện bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sự chuyên nghiệp trong học tập, nghiên cứu và tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non. [mức năng lực: 2.5]			100%
Tiêu chí 1	<i>Thể hiện bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp trong học tập, nghiên cứu và tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non.</i>		50%
	Thể hiện tốt ý thức thường xuyên trau dồi bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp.	8-10	
	Có thể hiện ý thức trau dồi bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp.	5-7.9	
	Không thể hiện tốt ý thức trau dồi bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp.	0-4.9	

Tiêu chí 2	Thể hiện sự chuyên nghiệp trong học tập, nghiên cứu và tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non.		50%
	Thể hiện rõ sự tận tâm, nghiêm túc trước công việc được giao, sẵn sàng giải quyết các tình huống xảy ra trong công việc.	8-10	
	Có thể hiện rõ sự tận tâm, nghiêm túc trước công việc được giao và sự sẵn sàng giải quyết các tình huống xảy ra trong công việc.	5-7.9	
	Không thể hiện rõ sự tận tâm, nghiêm túc trước công việc được giao, sẵn sàng giải quyết các tình huống xảy ra trong công việc.	0-4.9	
Điểm tổng kết			/10

*** Bài đánh giá A.1.2**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Giáo dục Mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
Bài đánh giá A.1.2

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO 3.1.1.1. Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao. [mức năng lực: 2.5]			100%
Tiêu chí 1	Thực hiện nhiệm vụ cá nhân được giao.		50%
	Tự giác tham gia và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra.	8-10	
	Tham gia và hoàn thành một phần trong số các nhiệm vụ được giao	5-7.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.9	
Hợp tác với các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ.			50%

Tiêu chí 2	Phối hợp hiệu quả với tất cả thành viên trong nhóm để thực hiện các nhiệm vụ học tập.	8-10	
	Phối hợp nhưng chưa hiệu quả với các thành viên trong nhóm để thực hiện các nhiệm vụ học tập, hoặc đôi khi chưa phối hợp với các thành viên nhóm.	5-7.9	
	Không phối hợp với các thành viên trong nhóm để thực hiện các nhiệm vụ học tập.	0-4.9	
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO: (Giảng viên có thể thiết kế theo bảng nếu bài đánh giá có nhiều CLO được tính điểm năng lực).

GIẢNG VIÊN THỨ NHẤT

(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIẢNG VIÊN THỨ HAI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Lăng Bình - Đỗ Hương Trà (2019), Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học, NXB ĐHSP.

[2] Ngô Hiểu Huy (2022), Phương pháp giáo dục Montessori - Phương pháp giáo dục tối ưu cho trẻ 0-6 tuổi, NXB Phụ nữ Việt Nam.

[3] Phạm Thị Thu - Nguyễn Thị Phương Dung (2023), Học thông qua chơi trong giáo dục Phần Lan, NXB Phụ nữ.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Một số vấn đề chung về phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	10	Học bài giảng E-Learning (LMS) nghiên cứu một số vấn đề lý luận chung về PPDH tích cực trong GDMN.	CLO.1.1.2.1	A1.3

		10	Làm bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập của Bài 1 (ở mức độ 1 và 2).	CLO.1.1.2.1	A1.3
		10	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1].	CLO.1.1.2.1	A1.3
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	3	- Lý thuyết: 1. Tìm hiểu các vấn đề cơ bản về phương pháp dạy học tích cực như: khái niệm, bản chất, đặc điểm, ý nghĩa của phương pháp dạy học tích cực. 2. Một số lý thuyết về phương pháp dạy học tích cực. 3. Các quan điểm, phân loại phương pháp dạy học tích cực 4. So sánh dạy học tích cực với dạy học truyền thống; Đổi mới PPDH ở MN: xu thế, định hướng đổi mới, - Phương pháp dạy học: thuyết trình, lớp học đảo ngược.	CLO.1.1.2.1	A1.3
		2	Thảo luận nhóm: So sánh các phương pháp dạy học tích cực với phương pháp dạy học truyền thống.	CLO.1.1.2.1 CLO.3.1.1.1	A1.3 A1.2
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}		Ôn tập: Tự tìm hiểu và trình bày thêm một số ý nghĩa của phương pháp dạy học tích cực trong thực tế dạy học ở trường MN của mình.	CLO.1.1.2.1 CLO.2.2.1.1	A1.3 A1.1
	2 Chương 2. Một số phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non (Thực hiện Bài kiểm tra giữa kỳ)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	10	Học bài giảng E-Learning (LMS) về kỹ thuật thực hiện một số PPDH tích cực trong GDMN.	CLO.1.1.2.2	A1.3
		10	Làm bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập của Bài 2 (ở mức độ 1 và 2).	CLO.1.1.2.2	A1.3
		10	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1], [2], [3].	CLO.1.1.2.2	A1.3
	Giai đoạn 2	10	Lý thuyết:	CLO.1.1.2.2	A1.3

	{Ở lớp}		1. Một số phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non, chẳng hạn: PP giải quyết vấn đề, PP đóng vai, PP trò chơi, PP dạy học khám phá, PP thảo luận nhóm, PP dạy học trải nghiệm, PP dạy học theo dự án, PP tình huống, kỹ thuật động não. 2. Lựa chọn vận dụng phương pháp dạy học tích cực như thế nào. Phương pháp dạy học: thuyết trình, lớp học đảo ngược.		
		5	Thảo luận nhóm: Nêu cách thực hiện một số PPDH tích cực nói đến ở nội dung Lý thuyết	CLO.1.1.2.2 CLO.2.2.1.1 CLO.3.1.1.1	A1.3 A1.1 A1.2
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}		Ôn tập: Tìm hiểu những điều kiện thực hiện một số phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non.	CLO.1.1.2.2 CLO.2.2.1.1	A1.3 A1.1
			Bài kiểm tra giữa kỳ: Tự luận theo ngân hàng đề	CLO.1.1.2.1 CLO.1.1.2.2	A1.3
	3 Chương 3: Vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non - (Thực hiện Bài kiểm tra cuối kỳ)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	10	Học bài giảng E-Learning (LMS) về thực hành vận dụng PPDH tích cực trong GDMN.	CLO.1.1.2.3	A2.1
		10	Làm bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập của Bài 2 (ở mức độ 1 và 2).	CLO.1.1.2.1	A2.1
		10	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1], [2], [3].	CLO.1.1.2.3	A2.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	- Lý thuyết: 1. Quy trình thiết kế một hoạt động giáo dục có vận dụng phương pháp dạy học tích cực. 2. Thiết kế hoạt động giáo dục có vận dụng phương pháp dạy học tích cực. 3. Thực hành vận dụng phương pháp dạy học tích cực vào các hoạt động giáo dục ở trường mầm non.	CLO.1.1.2.3	A2.1

			- Phương pháp dạy học: thuyết trình, lớp học đảo ngược.		
		5	Thảo luận nhóm: Vận dụng một số PPDH tích cực để thiết kế một số hoạt động giáo dục cụ thể ở trường mầm non. Phân tích những đặc điểm cơ bản và cách tiến hành các PPDH tích cực đã sử dụng.	CLO.1.1.2.3 CLO.2.2.1.1 CLO.3.1.1.1	A2.1 A1.1 A1.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }		Ôn tập: Thiết kế và tổ chức một hoạt động giáo dục ở lĩnh vực cụ thể (thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, tình cảm-kỹ năng xã hội, thẩm mỹ) và rút ra nhận xét, đánh giá về hoạt động.	CLO.1.1.2.3 CLO.2.2.1.1	A2.1 A1.1
	Bài thi kết thúc HP		Tiểu luận luận theo chủ đề	CLO.1.1.2.3 CLO.2.1.1.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày tháng 5 năm 2024

Hiệu trưởng Trường SP
(ký, ghi rõ họ và tên)



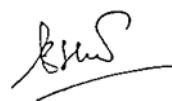
PGS.TS Trần Vũ Tài

Trưởng khoa GDMN
(ký, ghi rõ họ và tên)



TS. Trần Thị Hoàng Yến

Giảng viên phụ trách
(ký, ghi rõ họ và tên)



TS. Phạm Thị Hải Châu

11. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../202..
		Số trang: 134/8

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Phạm Thị Hải Châu

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục mầm non, Trường Sư phạm, Trường ĐH Vinh

Điện thoại: 0915386787

Email: chaupth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Toán và phương pháp dạy học bộ môn Toán; Ứng dụng phương tiện dạy học hiện đại trong Giáo dục Mầm non.

Giảng viên 2: TS. Lê Văn Minh

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Hệ thống và Mạng máy tính, Viện Kỹ thuật và công nghệ, Trường ĐH Vinh

Điện thoại: 0817532999

Email: minhlv@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật thông tin và Truyền thông; An ninh mạng; Blockchain và ứng dụng.

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục mầm non (tiếng Anh): Application of information technology in preschool educational institutions							
- Mã số học phần: PRE82011							
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục học (bậc mầm non)							
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <table border="0"><tr><td>☐ Kiến thức đại cương/chung</td><td>☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung</td></tr><tr><td>☒ Kiến thức cơ sở ngành</td><td>☐ Học phần dạy học dự án</td></tr><tr><td>☐ Kiến thức ngành</td><td>☐ Kiến thức khác</td></tr></table>		☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung	☒ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án	☐ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung						
☒ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án						
☐ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác						
- Thuộc loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn							
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 15 + Số tiết thực hành: 30 + Số tiết thực tế: 0 + Số tiết dạy học dự án: 0 + Số tiết tự học: 90							
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: 0 + Học phần học trước: 0 + Học phần song hành:							
- Yêu cầu của học phần: + Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;							

+ Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần; + Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp; + Nộp đầy đủ bài tập, báo cáo qua hệ thống LMS; + Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục Mầm non

2. Mô tả học phần

Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục mầm non là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non). Học phần này cung cấp kiến thức và kỹ năng cho học viên dùng công cụ hỗ trợ là các phần mềm vào việc tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục nhằm phát triển cho trẻ về các lĩnh vực ngôn ngữ, thể chất, tình cảm - kỹ năng xã hội, thẩm mỹ và nhận thức. Bên cạnh đó, học viên còn được phát triển kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, kỹ năng làm việc nhóm và trình bày ý tưởng qua các phần mềm dạy học.

- Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành của giáo dục mầm non hiện đại vào nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	2,5 {K3}
2.1.1	Vận dụng được tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {K3}
2.1.2	Vận dụng được kỹ năng chuyển đổi số và sử dụng các công nghệ phù hợp trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {S3}
3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2,5 {S3}
3.2.2	Đạt trình độ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và vận dụng được tiếng Anh chuyên ngành trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	2,5 {S3}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO		Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
-----	-----------------------------	------------------	--	----------	-----------------------

1.1.2.1	Vận dụng được hiểu biết về một số vấn đề cơ bản của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, chăm sóc - giáo dục trẻ ở trường mầm non trong thời kỳ 4.0 nhằm đáp ứng sự phát triển toàn diện của trẻ.	1.1.2		5%	2,5 {Mức 3}
1.1.2.2	Sử dụng được một số phần mềm đã được thiết kế sẵn vào công tác quản lý và tổ chức hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ ở trường mầm non.			5%	2,5 {Mức 3}
1.1.2.3	Sử dụng được công cụ là các phần mềm cơ bản để phục vụ việc lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non.			4%	2,5 {Mức 3}
2.1.1.1	Vận dụng được tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề để lựa chọn các hoạt động trong nghiên cứu, chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non có thể ứng dụng công nghệ thông tin cũng như lựa chọn phần mềm phù hợp vào thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non.	2.1.1		10%	2,5 {Mức 3}
2.1.2.1	Vận dụng được kỹ năng chuyển đổi số và sử dụng công nghệ thông tin để hoàn thành các nhiệm vụ học tập và thiết kế các sản phẩm ứng dụng vào hoạt động giáo dục trẻ mầm non.	2.1.2		40%	2,5 {Mức 3}
3.1.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác hiệu quả với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao.	3.1.1		5%	2,5 {Mức 3}
3.2.2.1	Sử dụng được công cụ phần mềm mới ở các nước trên thế giới được trình bày bằng tiếng Anh vào nghiên cứu, chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.	3.2.2		15%	2,5 {Mức 3}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO.2.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	15%	Quan sát
A1.2	CLO.3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	25%	Quan sát
	CLO.3.2.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5		
A1.3	CLO.1.1.2.1 {điểm số}	1,5	60%	Tự luận
	CLO.1.1.2.2 {điểm số}	2,5		
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO.1.1.2.1 {điểm số}	2,5	100%	Tiểu luận
	CLO.1.1.2.3 {điểm số}	2,5		
	CLO.2.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 15\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 60\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

4.2. Ma trận bài thi tự luận A1.3

Bảng 1. Ma trận đề thi tự luận A1.3

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.1 (50%)	Mức 2	Câu 2 điểm	2	1	Hiểu được ý nghĩa, vai trò của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong trường mầm non
	Mức 2	Câu 3 điểm	3	1.5	Làm sáng tỏ được thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường mầm non.
1.1.2.2 (50%)	Mức 3	Câu 5 điểm	5	2.5	Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoặc trong tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non.
Tổng			10	5	

Mối liên hệ giữa điểm năng lực với các tỉ lệ % hoàn thành cụ thể của từng mức năng lực có thể xem tại *Bảng 2*.

Bảng 2. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.3. Rubric đánh giá bài thi tiểu luận A2.1

Chủ đề gợi ý: Đề xuất giải pháp thiết kế hoạt động giáo dục ở trường mầm non có ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng sự phát triển toàn diện cho trẻ.

Bảng 3. Ma trận đề thi tiểu luận A2.1

TT	Tiêu chí đánh giá	Mục	Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá	Ghi chú
1	Nội dung bài tiểu luận (7 điểm)	1.1	Thể hiện mục tiêu, các yêu cầu cần đạt.	0,5	
		1.2	Nội dung tiểu luận phù hợp với nghiên cứu của ngành học	1,5	
		1.3	Trình bày đầy đủ, chi tiết những nội dung đã tìm hiểu.	2	
		1.4	Kết quả thực hiện tiểu luận thể hiện sự hiểu biết và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin vào trường mầm non.	1	
		1.5	Kết quả nghiên cứu thể hiện tính mới và tính sáng tạo.	1	
		1.6	Đưa ra được kết luận, kiến nghị từ các nội dung tìm hiểu và đề xuất đề xuất được giải pháp.	1	
2	Hình thức bài tiểu luận	2.1	Bố cục chặt chẽ, hình thức trình bày đúng quy định, ngôn ngữ diễn đạt trong sáng, đảm bảo văn phong khoa học	1	

	(3 điểm)	2.2	Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.	1	
		2.3	Văn bản đúng quy cách	1	
Tổng điểm				10	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

* Phiếu đánh giá bài A.1.1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TRƯỜNG SƯ PHẠM

Khoa Giáo dục Mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A.1.1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO 2.1.1.1. Vận dụng được tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề để lựa chọn các hoạt động trong nghiên cứu, chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non có thể ứng dụng công nghệ thông tin cũng như lựa chọn phần mềm phù hợp vào thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non. [mức năng lực: 2.5]			100%
Tiêu chí 1	Lập luận phản biện rõ ràng, logic; bằng chứng đầy đủ, tỉ mỉ, khách quan để lựa chọn các phương pháp dạy học tích cực phù hợp với hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non.		50%
	<i>Chỉ báo 1:</i> Có khả năng lập luận phản biện rõ ràng, logic; bằng chứng đầy đủ, tỉ mỉ, khách quan	8-10	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Có khả năng lập luận phản biện rõ ràng, logic; bằng chứng đầy đủ nhưng chưa tỉ mỉ, khách quan	5-7.9	
	<i>Chỉ báo 3:</i> Có khả năng lập luận phản biện rõ ràng, logic nhưng chưa đầy đủ bằng chứng; hoặc đôi khi chưa biết lập luận, phản biện.	0-4.9	
Tiêu chí 2	Có kỹ năng giải quyết vấn đề trong sử dụng phương pháp dạy học tích cực để tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non.		50%
	<i>Chỉ báo 1:</i> Giải quyết tốt tất cả các vấn đề đặt ra trong ứng dụng công nghệ thông tin ở cơ sở giáo dục mầm non.	8-10	

	<i>Chỉ báo 2: Biết cách giải quyết vấn đề đặt ra nhưng đôi khi còn lúng túng trong ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động trong cơ sở giáo dục mầm non.</i>	5-7.9	
	<i>Chỉ báo 3: Không biết giải quyết vấn đề đặt ra trong sử dụng phương pháp dạy học tích cực để ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ sở giáo dục mầm non.</i>	0-4.9	
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO: (*Giảng viên có thể thiết kế theo bảng nếu bài đánh giá có nhiều CLO được tính điểm năng lực*).

GIẢNG VIÊN THỨ NHẤT

(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIẢNG VIÊN THỨ HAI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Lưu ý: Đối với bài đánh giá thường xuyên chỉ cần 01 giảng viên đánh giá; Đối với bài đánh giá cuối kì, cần ít nhất 02 giảng viên đánh giá.

* *Phiếu đánh giá bài A.1.2*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Giáo dục Mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A.1.2

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]	Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO 3.1.1.1. Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác hiệu quả với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ được giao. [2.5]		50%
<i>Thực hiện nhiệm vụ được giao</i>		25%

Tiêu chí 1	<i>Chỉ báo 1:</i> Tự giác hoàn thành nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ	8-10	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	5-7.9	
	<i>Chỉ báo 3:</i> Chỉ tham gia một phần nhiệm vụ được giao hoặc chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.9	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch học tập		25%
	<i>Chỉ báo 1:</i> Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	5-7.9	
	<i>Chỉ báo 3:</i> Chỉ dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	0-4.9	
Điểm số của CLO 3.1.1.1			
CLO 3.2.2.1. Sử dụng được công cụ phần mềm mới ở các nước trên thế giới được trình bày bằng tiếng Anh vào nghiên cứu, chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non. [2.5]			50%
Tiêu chí 1	Hiểu nội dung được trình bày bằng tiếng Anh để nêu được tiện ích và cách sử dụng phần mềm		25%
	<i>Chỉ báo 1:</i> Hiểu 75-100% nội dung được trình bày bằng tiếng Anh để nêu được tiện ích và cách sử dụng phần mềm	8-10	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Hiểu 50-74% nội dung được trình bày bằng tiếng Anh để nêu được tiện ích và cách sử dụng phần mềm	5-7.9	
	<i>Chỉ báo 3:</i> Hiểu dưới 50% nội dung được trình bày bằng tiếng Anh để nêu được tiện ích và cách sử dụng phần mềm	0-4.9	
Tiêu chí 2	Sử dụng được công cụ phần mềm mới ở các nước trên thế giới vào nghiên cứu, chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.		25%
	<i>Chỉ báo 1:</i> Áp dụng được tất cả tiện ích của công cụ phần mềm vào nghiên cứu, chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.	8-10	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Áp dụng được 50% tiện ích của công cụ phần mềm vào nghiên cứu, chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.	5-7.9	
	<i>Chỉ báo 3:</i> Áp dụng được dưới 50% tiện ích của công cụ phần mềm vào nghiên cứu, chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.	0-4.9	
Tổng điểm CLO 3.2.2.1			
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO: (Giảng viên có thể thiết kế theo bảng nếu bài đánh giá có nhiều CLO được tính điểm năng lực).

GIẢNG VIÊN THỨ NHẤT

(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIẢNG VIÊN THỨ HAI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Phó Đức Hòa - Ngô Quang Sơn (2017), *Dạy học tích cực và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học*, NXB Giáo dục.

[2] Trần Trung - Trần Huy Hoàng - Trần Việt Cường - Đặng Xuân Cương (2010), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường*, Nxb Giáo dục Việt nam.

[3] Trần Yên Mai - Phan Đông Phương (2013), *Sử dụng một số phần mềm thiết kế bài dạy kể chuyện cho trẻ mẫu giáo lớn trong trường mầm non*, Đề tài nghiên cứu Viện Khoa học giáo dục Việt Nam.

6. Kế hoạch dạy học

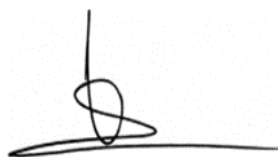
TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Một số vấn đề chung về ứng dụng công nghệ thông tin trong trường mầm non				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	10	Học bài giảng E-Learning (LMS) về một số vấn đề chung về ứng dụng công nghệ thông tin trong trường mầm non: ý nghĩa, vai trò của việc đưa công nghệ thông tin vào trường mầm non trong công tác quản lý và chăm sóc - giáo dục trẻ đáp ứng sự phát triển toàn diện của trẻ.	CLO.1.1.2.1	A2.1
		10	Làm bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập của Bài 1 (ở mức độ 1 và 2).	CLO.1.1.2.1	A2.1
		10	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1], [2], [3].	CLO.1.1.2.1	A2.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	3	1. Lý thuyết: 1.1. Ý nghĩa, vai trò của việc đưa công nghệ thông tin vào trường mầm non trong công tác quản lý và chăm sóc - giáo dục trẻ; 1.2. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong trường mầm non.	CLO.1.1.2.1	A2.1

			2. <i>Phương pháp dạy học</i> : thuyết trình, lớp học đảo ngược.		
		2	<i>Thảo luận nhóm</i> : Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong trường mầm non hiện nay.	CLO.1.1.2.1 CLO.3.1.1.1	A1.3 A2.1
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }		<i>Ôn tập</i> : Vận dụng hiểu biết về các vấn đề cơ bản liên quan đến việc ứng dụng công nghệ thông tin để đưa ra giải pháp trong công tác quản lý/hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ đáp ứng sự phát triển toàn diện của trẻ.	CLO.1.1.2.1 CLO.2.1.1.1	A1.1 A1.3 A2.1
2	Chương 2. Một số phần mềm sử dụng trong trường mầm non (<i>Thực hiện Bài kiểm tra giữa kỳ</i>)				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	10	Học bài giảng E-Learning (LMS) về khái niệm, tiêu chí lựa chọn phần mềm sử dụng trong trường mầm non; giới thiệu và hướng dẫn sử dụng một số phần mềm ứng dụng trong công tác quản lý và hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ ở các trường mầm non.	CLO.1.1.2.2	A1.3
		10	Làm bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập của Bài 2 (ở mức độ 1 và 2).	CLO.1.1.2.2	A1.3
		10	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1], [2], [3].	CLO.1.1.2.2	A1.3
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	5	1. <i>Lý thuyết</i> : 1.1. Khái niệm phần mềm 1.2. Tiêu chí lựa chọn phần mềm sử dụng trong công tác quản lý và chăm sóc - giáo dục trẻ 1.3. Giới thiệu một số phần mềm sử dụng ở trường mầm non. 2. <i>Phương pháp dạy học</i> : thuyết trình, lớp học đảo ngược.	CLO.1.1.2.2 CLO.3.1.1.1	A1.3
		10	<i>Thực hành</i> : Sử dụng một phần mềm mà giảng viên đưa ra để thiết kế nội dung phục vụ cho việc quản lý hoặc hoạt động chăm sóc - giáo dục ở trường mầm non.	CLO.1.1.2.2 CLO.2.1.2.1	A1.3 A2.1
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	5	<i>Bài tập</i> : Tìm hiểu một số phần mềm mới được sử dụng để nghiên cứu hoặc giáo dục trẻ ở bậc mầm non trên thế giới. <i>Thực hành</i> : Chọn một phần mềm có sẵn để thiết kế nội dung quản lý/hoạt động chăm sóc - giáo dục ở trường mầm non.	CLO.3.2.2.1	A1.2
			Bài kiểm tra giữa kỳ: Tự luận theo ngân hàng đề	CLO.1.1.2.1 CLO.1.1.2.2	A1.3

3	Chương 3: Ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế các hoạt động giáo dục (Thực hiện Bài kiểm tra cuối kỳ)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	10	Học bài giảng E-Learning (LMS) về thiết kế phần mềm hỗ trợ hoạt động giáo dục ở trường mầm non: nguyên tắc, quy trình thiết kế phần mềm hỗ trợ hoạt động giáo dục; thiết kế một số bộ sưu tập ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục ở trường mầm non.	CLO.1.1.2.1	A2.1
		10	Làm bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập của Bài 2 (ở mức độ 1 và 2).	CLO.1.1.2.1	A2.1
		10	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1], [2], [3].	CLO.1.1.2.1	A2.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	1. Lý thuyết: 1.1. Nguyên tắc thiết kế phần mềm hỗ trợ hoạt động giáo dục ở trường mầm non. 1.2. Quy trình thiết kế phần mềm hỗ trợ hoạt động giáo dục ở trường mầm non. 1.3. Vận dụng quy trình thiết kế phần mềm hỗ trợ hoạt động giáo dục ở trường mầm non. 2. Phương pháp dạy học: thuyết trình.	CLO.1.1.2.1 CLO.1.1.2.3	A2.1
		5	Thực hành: Thiết kế một hoạt động học ở trường mầm non có ứng dụng công nghệ thông tin.	CLO.1.1.2.1 CLO.1.1.2.3	A2.1
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	10	Thực hành: Mỗi lĩnh vực giáo dục ở trường mầm non, thiết kế một hoạt động có ứng dụng công nghệ thông tin.	CLO.1.1.2.1 CLO.1.1.2.3	A2.1
	Bài thi kết thúc HP		Tiểu luận luận theo chủ đề	CLO.1.1.2.1 CLO.1.1.2.3 CLO.2.1.2.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghe An, ngày 20 tháng 4 năm 2024

Hiệu trưởng Trường SP
(ký, ghi rõ họ và tên)



PGS.TS Trần Vũ Tài

Trưởng khoa GDMN
(ký, ghi rõ họ và tên)



TS. Trần Thị Hoàng Yến

Giảng viên phụ trách
(ký, ghi rõ họ và tên)



TS. Phạm Thị Hải Châu

12. XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CHO TRẺ MẦM NON

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CHO TRẺ MẦM NON	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../202..
		Số trang: 146/8

1. Thông tin tổng quát

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lý- Giáo dục

Điện thoại, email: 0967.586.668

Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học

Giảng viên 2: PGS.TS. Nguyễn Thị Hương

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lý- Giáo dục

Điện thoại, email: 0912742787

Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt): Xây dựng môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non (tiếng Anh): Build an environment to organize play activities for preschool children	
- Mã số học phần: 8.14.01.01	
- Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Cơ sở ngành bắt buộc Mã số HP: + Học phần học trước: Cơ sở ngành bắt buộc Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần: + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 20 tiết + Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo thảo luận qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận.	
- Bộ môn phụ trách học phần: Điện thoại: 0967586668 Email: quynhanhgddhv@gmail.com	

2. Mô tả học phần

Học phần *Xây dựng môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo thạc sỹ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức khái quát về môi trường giáo dục cho trẻ trong trường MN nói chung, môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non nói riêng; đồng thời giúp người học vận dụng được lý luận khoa học, hiện đại vào thực tiễn xây dựng môi trường và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ trong môi trường đó phù hợp bối cảnh đổi mới chương trình GDMN.

Thông qua chuyên đề này, học viên sẽ vận dụng được kiến thức đã học vào trong môi trường thực tiễn một cách độc lập, sáng tạo;

3. Mục tiêu học phần

Sau khi nghiên cứu học phần *Xây dựng môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non*, người học sẽ:

- Nhận diện được những vấn đề tổng quan về xây dựng môi trường giáo dục trẻ mầm non; xu hướng, mô hình, các quan điểm hiện đại về xây dựng môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non phù hợp bối cảnh đổi mới giáo dục ở Việt Nam.
- Xây dựng được môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá.
- Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan và hỗ trợ đồng nghiệp để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu và hoạt động chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

(Thống nhất ký hiệu các CDR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1...)

4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR học phần	Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo			
	PLO1.1	PLO2.1		PLO3.1
	1.1.2	2.1.1	2.1.2	3.1.1
CLO1.1	0.5			
CLO2.1		0.5	1.0	
CLO3.1				0.5

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng được các lý thuyết giáo dục, các mô hình xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong nghiên cứu lý luận và thiết kế môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ	Thuyết trình Vấn đáp gợi mở Thảo luận	Vấn đáp Tự luận
CLO2.1	K4	Vận dụng sáng tạo các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá tài liệu và sử dụng các công nghệ phù hợp vào việc xây dựng môi trường tổ	Thuyết trình Vấn đáp gợi mở Thảo luận Nghiên cứu tình huống	Tiểu luận

		chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non phù hợp với bối cảnh thực tiễn giáo dục mầm non Việt Nam		
CLO3.1	A4	Có khả năng tự học, làm việc độc lập và hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	Làm việc cá nhân/ nhóm	Quan sát

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ cho bài đánh giá	Tỷ lệ cho học phần
A1. Đánh giá thường xuyên					50%
A1.1	Quan sát, thảo luận trên lớp, điểm danh, scorm; GV đánh giá và lưu hồ sơ.	Tự động trên LMS	CLO1.1 CLO3.1	100%	10%
A1.2	Thảo luận: HV nộp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	Rubric 1	CLO1.1	100%	20%
A1.3	Bài tập cá nhân: HV nộp báo cáo qua LMS	Rubric 2	CLO1.1	30%	20%
			CLO2.2	70%	
A2. Đánh giá cuối kỳ					50%
A2.1	Bài tiểu luận; HV nộp báo cáo qua LMS	Rubric 3	CLO2.1	100%	100%
Công thức tính điểm học phần: (A1.1+A1.2+A1.3)*5+A2.1*5)/10					

5.2. Bộ tiêu chí đánh giá

5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.1

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá (theo thang điểm)			
	5,0 - 4,5	4,0 - 3,0	2,5 - 2,0	1,5 - 0
Tham gia lớp học elearning (5 điểm)	Nghe 100% bài giảng SCORM,	- Nghe trên 90% bài SCORM;	- Nghe trên 80% bài SCORM;	- Nghe dưới 80% bài SCORM;
	5,0 - 4,5	4,0 - 3,0	2,5 - 2,0	1,5 - 0

Tham gia lớp học trực tiếp (5 điểm)	- Tham gia 100% tổng số giờ lên lớp theo quy định - Tích cực phát biểu, thể hiện sự am hiểu khi trao đổi thảo luận các vấn đề GV đưa ra	- Tham gia trên 90% tổng số giờ lên lớp quy định - Có phát biểu xây dựng bài; thể hiện sự am hiểu một số vấn đề GV đưa ra	- Tham gia trên 80% tổng số giờ lên lớp quy định - Thỉnh thoảng phát biểu xây dựng bài; trả lời được khi GV yêu cầu	- Tham gia dưới 80% tổng số giờ lên lớp quy định - Không phát biểu xây dựng bài
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Cấu trúc và hình thức (2 điểm)	- Kết cấu đúng yêu cầu, khoa học, logic - Hình thức đẹp, đúng quy định, không có lỗi diễn đạt, chính tả.	- Kết cấu đúng yêu cầu, khá hợp lý, logic - Hình thức khá đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả.	- Kết cấu đúng yêu cầu, nhưng chưa hợp lý, logic. - Hình thức đúng quy định, có một số lỗi chính tả chính tả.	- Kết cấu chưa đúng yêu cầu, không hợp lý, logic. - Hình thức chưa đúng quy định, còn nhiều lỗi chính tả.
	5.0 - 4,5	4.0 - 3.5	3.0 - 2.0	1.5 - 0
Nội dung (5 điểm)	- Giải quyết tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận. - Lập luận logic chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục. - Rút ra được kết luận đúng đối với vấn đề thảo luận.	- Giải quyết khá tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận. - Lập luận khá chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục. - Rút ra được kết luận đúng đối với vấn đề thảo luận.	- Giải quyết được một số tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận. - Lập luận khá chặt chẽ, nhưng chưa đưa ra được minh chứng thuyết phục. - Rút ra được kết luận đúng đối với vấn đề thảo luận.	- Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận. - Lập luận không rõ ràng, không có minh chứng. - Không đưa ra quan điểm đúng đối với vấn đề thảo luận.
	3,0	2,0	1,0	0,5
Trình bày (3 điểm)	- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, tự tin. - Tranh luận hiệu quả, đưa ra được nhiều dẫn chứng thuyết phục, phản bác được các ý kiến sai trái.	- Trình bày khá mạch lạc, rõ ràng, khá tự tin. - Có tranh luận, phản bác và đưa ra được một vài dẫn chứng thuyết phục.	- Trình bày tương đối mạch lạc, rõ ràng, nhưng chưa được tự tin. - Có tranh luận, đưa ra được dẫn chứng nhưng chưa được thuyết phục và chưa thể hiện được khả năng phản bác các ý kiến sai trái	- Trình bày không mạch lạc, rõ ràng, không tự tin. - Không thể hiện được khả năng tranh luận, phản bác lại các ý kiến sai trái.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

5.2.3. Đánh giá bài A1.3

HV làm 01 bài kiểm tra giữa kỳ bằng hình thức tự luận. Điểm của bài thi được tính theo thang điểm 10.

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5
Ý thức (2 điểm)	- Hoàn thành tốt bài tập, đúng tiến độ.	- Hoàn thành trên 80% nội dung bài tập, đúng tiến độ.	- Hoàn thành trên 50% nội dung bài tập, đúng tiến độ.	Hoàn thành dưới 50% nội dung bài tập, chậm tiến độ
	7.0 - 8.0	5.0 - 6.0	3.0 - 4.0	2.1-2.9
Chất lượng bài tập cá nhân (8 điểm)	- Nội dung thể hiện rõ sự nhìn nhận khách quan, đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra - Thể hiện rõ sự hiểu biết về lĩnh vực GDMN và các lĩnh vực liên quan	- Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra - Thể hiện rõ sự hiểu biết về lĩnh vực GDMN	- Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra - Thể hiện rõ sự hiểu biết về lĩnh vực GDMN và các lĩnh vực liên quan	- Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề mà bài tập đưa ra - Chưa thể hiện rõ sự hiểu biết về lĩnh vực GDMN
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

5.2.4. Đánh giá bài A2.1: Bài tiểu luận đánh giá kết quả cuối kỳ. Điểm của bài thi được tính theo thang điểm 10.

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5
Biết/nhớ (2 điểm)	- Nêu đầy đủ các ý theo yêu cầu - Trình bày rõ ràng, tường minh, khoa học	- Nêu được 80% theo yêu cầu - Trình bày rõ ràng, khoa học	- Nêu được 50% ý theo yêu cầu - Trình bày rõ ràng	- Nêu dưới 50% ý theo yêu cầu - Trình bày lộn xộn, không khoa học
	5.0 - 4.0	3.0 -2.5	2.0 - 1.0	1.0 - 0
Hiểu (3 điểm)	- Phân tích được đầy đủ các ý và trình bày nội dung cụ thể, rõ ràng; khoa học - Đưa ra được một số ví dụ thực tiễn khi phân tích	- Phân tích được 60% các ý và trình bày nội dung cụ thể, rõ ràng; khoa học - Đưa ra được một số ví dụ thực tiễn khi phân tích	- Phân tích được 30% các ý và trình bày nội dung cụ thể - Đưa ra được một số ví dụ thực tiễn	- Chỉ nêu được các ý nhưng trình bày nội dung chưa rõ ràng; - Không đưa ra được ví dụ minh hoạ khi phân tích - Trình bày không khoa học
	5.0 - 4.0	3.0 -2.5	2.0 - 1.5	1.0 - 0

Vận dụng (5 điểm)	- Trình bày rõ ràng, khoa học, văn phong sáng rõ - Áp dụng được lý luận vào thực tiễn xây dựng môi trường GD một cách khoa học, rõ ràng, chính xác (ở mức tốt)	- Trình bày khá đẹp, khoa học - Áp dụng được lý luận vào thực tiễn xây dựng môi trường GD một cách khoa học, rõ ràng, chính xác (ở mức khá)	- Trình bày khá rõ, còn một số lỗi diễn đạt - Áp dụng được lý luận vào thực tiễn xây dựng môi trường GD (ở mức trung bình)	- Trình bày không rõ ràng, còn nhiều lỗi diễn đạt. - Chưa gắn được lý luận vào thực tiễn xây dựng môi trường GD
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

6. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

Tài liệu học tập chính

[1] Nguyễn Thị Quỳnh Anh, (2022), Bài giảng *Xây dựng môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non*

5.2 Tài liệu tham khảo

[1] Phạm Hồng Quang (2006), *Môi trường giáo dục*; Nxb Giáo dục

[2] Đinh Văn Vang, (2016), *Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non*, Nxb Giáo dục Việt Nam

7. Kế hoạch dạy học

Đề cương chi tiết học phần

Chương 1. Những vấn đề chung về môi trường giáo dục ở trường mầm non (LT: 15 tiết, tự học: 30 tiết)

1.1. Khái niệm

1.2. Vai trò, ý nghĩa của môi trường giáo dục

1.3. Các loại môi trường giáo dục ở trường mầm non

1.4. Xây dựng môi trường giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm

Chương 2. Xây dựng môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non (LT: 15 tiết, tự học: 30 tiết)

2.1. Các nguyên tắc xây dựng môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường MN;

2.2. Quy trình xây dựng môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường MN;

2.3. Hướng dẫn cách thiết kế môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường MN

Chương 3. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ trong môi trường giáo dục (học trên lớp: 15 tiết, tự học: 30 tiết)

3.1. Các nguyên tắc, yêu cầu khi tổ chức cho trẻ hoạt động vui chơi trong môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm

3.2. Cách thức tổ chức cho trẻ mầm non hoạt động vui chơi trong môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm

3.3. Đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường tổ chức cho trẻ hoạt động vui chơi

Lý thuyết:

Tuần, số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học		Yêu cầu HV chuẩn bị	CĐR học phần	Bài đánh giá
Chương 1. Những vấn đề chung về môi trường giáo dục ở trường mầm non						
Tuần 1 (2)	1.1. Khái niệm 1.2. Vai trò, ý nghĩa của môi trường giáo dục	- Địa điểm: Phòng học - Thuyết trình		- Đọc tài liệu [1] - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS	CLO1.1 CLO 2.1	A1.1 A1.2
Tuần 2 (2)	1.2. Vai trò, ý nghĩa của môi trường giáo dục 1.3. Các loại môi trường giáo dục ở trường mầm non	- Địa điểm: Phòng học - Thuyết trình - Hướng dẫn thảo luận		- Đọc tài liệu [1] - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS	CLO1.1 CLO 2.1	A1.1 A1.2
Tuần 3 (2)	1.3. Các loại môi trường giáo dục ở trường mầm non	- Địa điểm: Phòng học - Thuyết trình - Thảo luận nhóm		- Đọc tài liệu [1] - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS	CLO1.1 CLO 2.1	A1.1
Tuần 4 (2)	1.4. Xây dựng môi trường giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm	- Địa điểm: Phòng học - Thuyết trình - Thảo luận nhóm		- Đọc tài liệu [1] - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS	CLO1.1 CLO 2.1	A1.2
Tuần 5 (2)	1.4. Xây dựng môi trường giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm	- Địa điểm: Phòng học - Thuyết trình - Thảo luận nhóm		- Đọc tài liệu [1] - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS	CLO1.1 CLO 2.1	A1.2
Chương 2. Xây dựng môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non						
Tuần 6 (2)	2.1. Các nguyên tắc xây dựng môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường MN;	- Địa điểm: Phòng học - Thuyết trình - Thảo luận nhóm		- Đọc tài liệu [1] - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS	CLO1.1 CLO 2.1	A1.2

Tuần 7 (2)	2.2. Quy trình xây dựng môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường MN	- Địa điểm: Phòng học - Thuyết trình+ Thảo luận nhóm		- Đọc tài liệu [1], trang ... - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS	CLO1.2 CLO 2.1	A1.1 A1.2
Tuần 8 (2)	2.2. Quy trình xây dựng môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường MN	- Địa điểm: Phòng học - Thuyết trình+ Thảo luận nhóm		- Đọc tài liệu [1], trang ... - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS	CLO1.1 CLO 2.1	A1.2 A1.3
Tuần 9 (2)	2.3. Hướng dẫn cách thiết kế môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường MN	- Địa điểm: Phòng học - Thuyết trình+ Thảo luận nhóm		+ Chuẩn bị bài báo cáo powerpoint + HV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	CLO1.1 CLO 2.1	A1.1 A1.3 A3.1
Tuần 10 (2)	2.3. Hướng dẫn cách thiết kế môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường MN	- Địa điểm: Phòng học - Thuyết trình+ Thảo luận nhóm		+ Chuẩn bị bài báo cáo powerpoint + HV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	CLO1.1 CLO 2.1	A1.1 A1.3 A3.1
Chương 3. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ trong môi trường giáo dục						
Tuần 11 (2)	3.1. Các nguyên tắc, yêu cầu khi tổ chức cho trẻ hoạt động vui chơi trong môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm	- Địa điểm: Phòng học - Thuyết trình+ Thảo luận nhóm - Hướng dẫn làm bài tập		- Đọc tài liệu [1] - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS	CLO1.1 CLO 2.1	A1.2
Tuần 12 (2)	3.2. Cách thức tổ chức cho trẻ mầm non hoạt động vui chơi trong môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm	- Địa điểm: Phòng học - Thuyết trình+ Thảo luận nhóm		- Đọc tài liệu [1] - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS	CLO1.1 CLO 2.1	A1.2
Tuần 13	3.2. Cách thức tổ chức cho trẻ mầm	- Địa điểm: Phòng học		- Đọc tài liệu [1]		A1.2

(2)	non hoạt động vui chơi trong môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm	- Thuyết trình+ Thảo luận nhóm -Hướng dẫn làm bài tập		- Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS		
Tuần 14 (2)	3.3. Đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường tổ chức cho trẻ hoạt động vui chơi	- Địa điểm: Phòng học - Thuyết trình + Thảo luận nhóm Thực hành bài tập		- Đọc tài liệu [1] - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS	CLO1.1 CLO 2.1	A1.2
Tuần 15 (2)	3.3. Đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường tổ chức cho trẻ hoạt động vui chơi	-Giảng dạy lý thuyết (1 tiết) -Thực hành Hoạt động nhóm (1 tiết): - Lập kế hoạch đánh giá thường xuyên		- Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint - Đọc tài liệu [1] - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS	CLO1.1 CLO 2.1	A1.1 A1.3 A3.1

Hiệu trưởng Trường SP
(ký, ghi rõ họ và tên)



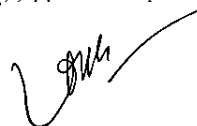
PGS.TS Trần Vũ Tài

Trưởng khoa GDMN
(ký, ghi rõ họ và tên)



TS. Trần Thị Hoàng Yến

Giảng viên phụ trách
(ký, ghi rõ họ và tên)



TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh

13. PHỐI HỢP NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG TRONG CHĂM SÓC - GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: PHỐI HỢP NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG TRONG CHĂM SÓC - GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../202..
		Số trang: 155/8

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

TS. Nguyễn Ngọc Hiền

Địa chỉ liên hệ:

Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Sư phạm, Trường

Đại học Vinh

Điện thoại: 0913598796

Email: hiennn@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

Khoa học sức khỏe và dinh dưỡng trẻ em; Quản lý giáo dục

Giảng viên 2:

TS. Nguyễn Thị Thu Hạnh

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Email: hanhvinhuni@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục mầm non

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non (tiếng Anh): <i>Coordinate schools, families and communities in the care and education of preschool children</i>	
- Mã số học phần: PRE82013	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết thực tế: 0 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết dạy học dự án: 0 + Số tiết bài tập, thảo luận: 15 + Số tiết tự học: 90 + Số tiết thực hành: 0	

- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: không + Học phần học trước: + Học phần song hành: các học phần thuộc nhóm cơ sở ngành tự chọn
- Yêu cầu của học phần: + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80% + Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục mầm non, Trường Sư phạm

2. Mô tả học phần

Học phần *Phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng.

Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu, hiện đại về công tác phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non. Cụ thể là các vấn đề như: Mục đích ý nghĩa của công tác phối hợp; vai trò trách nhiệm của các lực lượng phối hợp; nội dung, phương pháp, hình thức phối hợp đồng thời phát triển cho học viên các kỹ năng như lập kế hoạch, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non. Ngoài ra, học phần này còn giúp người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và thực tiễn nghề nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non.

Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành của giáo dục mầm non hiện đại vào nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
2.1.1	Vận dụng được tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}

2.2.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2,5 {Mức 3}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số của CTĐT	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	Vận dụng được vị trí, vai trò của các lực lượng (nhà trường, gia đình và cộng đồng) trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	1.1.2	4%	2,5
1.1.2.2	Kiểm tra được việc đáp ứng các yêu cầu trong phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non	1.1.2	4%	2,5
1.1.2.3	Áp dụng kiến thức chuyên sâu, hiện đại về phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non trong nghiên cứu khoa học giáo dục và trong thực tiễn giáo dục trẻ ở trường mầm non	1.1.2	4%	2,5
2.1.1.1	Giải quyết được các vấn đề về phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong hoạt động nghiên cứu và tổ chức chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non	2.1.1	10%	2,5
2.2.1.1	Trách nhiệm, tâm huyết trong vận hành các mô hình phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non	2.2.1	15%	2,5
3.1.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập trong nghiên cứu và thực tiễn, kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập. Thực hiện được các bài thuyết trình hiệu quả.	3.1.1	5%	2,5

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số bài đánh giá	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên, quá trình, giữa kỳ (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO 2.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	25%	Quan sát và đánh giá dựa trên hồ sơ học phần
A1.2	CLO 3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	25%	Đánh giá dựa trên hồ sơ học phần, qua sát. Thảo luận trên lớp.
A1.3	CLO 1.2.1.1 {điểm số}	2,5	10%	Tự luận
	CLO 1.2.1.2 {điểm số}	2,5	20%	
	CLO 1.2.1.3 {điểm số}	2,5	20%	
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO1.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	100%	Tiểu luận
	CLO1.2.1.2 {điểm số và điểm năng lực}	2,5		
	CLO1.2.1.3 {điểm số và điểm năng lực}	2,5		
	CLO2.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài thi tự luận

Bảng 2. Ma trận đề thi tự luận A1.3 (Bài thảo luận và bài tập tự luận, bài giữa kỳ)

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.1 (25%)	Mức 2	1 Câu 2 điểm	0,8		Xác định được vị trí, vai trò của các lực lượng giáo dục (nhà trường, gia đình và cộng đồng) trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non
	Mức 3		1,2	0,6	Vận dụng được vị trí, vai trò của nhà trường, gia đình và cộng đồng để đổi mới chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non
1.1.2.2 (25%)	Mức 2	1 Câu 3 điểm	1,2		Xác định được các yêu cầu trong phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ mầm non
	Mức 3		1,8	0,9	Kiểm tra được việc đáp ứng các yêu cầu trong phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non
1.1.2.3 (25%)	Mức 2	1 Câu 5 điểm	2,0		Xác định được một số mô hình phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non
	Mức 3		3,0	1,5	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu, hiện đại về phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non
Tổng			10	3,0	

4.3. Ma trận đánh giá bài đánh giá A2.1 - Tiểu luận

Bảng 4. Ma trận đề thi tiểu luận A2.1 {Ma trận này công bố trong đề cương}

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	1.0 điểm	0.75 điểm	0.5 điểm	0.25 điểm
Hình thức của bài tiểu luận (2 điểm)	- Cấu trúc đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của một bài tiểu luận trình độ thạc sỹ chuyên ngành GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT - Hình thức đẹp, đúng quy định.	- Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học - Hình thức đẹp, đúng quy định	- Cấu trúc, đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và khoa học. - Hình thức đúng quy định.	- Cấu trúc chưa đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học. - Hình thức chưa đúng quy định.
Nội dung bài tiểu luận (8 điểm)	1/Lựa chọn vấn đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, nhiệm vụ bài tiểu luận (2 điểm)			
	2 điểm	1.5 điểm	1.0 điểm	0.5 điểm
	- Lựa chọn được vấn đề nghiên cứu đúng chuyên ngành, thiết kế tên đề tài và xác định mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài khoa học, phù hợp.	- Lựa chọn được vấn đề nghiên cứu đúng chuyên ngành, thiết kế tên đề tài và xác định mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài khá phù hợp.	- Lựa chọn được vấn đề nghiên cứu đúng chuyên ngành, thiết kế tên đề tài và xác định mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài còn chưa hoàn toàn phù hợp.	- Lựa chọn được vấn đề nghiên cứu đúng chuyên ngành nhưng thiết kế tên đề tài hoặc xác định mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài còn chưa khoa học, phù hợp.
	2/Phân tích được các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến đề tài tiểu luận (2 điểm)			
	2 điểm	1.5 điểm	1.0 điểm	0.5 điểm
	-Trình bày đầy đủ, chi tiết các nội dung lý luận của đề tài tiểu luận - Các kiến thức khoa học, hiện đại và được phân tích, chứng minh một cách khoa học hợp lý.	-Trình bày đầy đủ, chi tiết các nội dung lý luận của đề tài tiểu luận - Các kiến thức khoa học, hiện đại nhưng chưa được phân tích, chứng minh một cách khoa học hợp lý.	-Trình bày các nội dung lý luận của đề tài tiểu luận nhưng còn chưa đầy đủ,chi tiết - Các kiến thức chưa khoa học, hiện đại hoặc chưa được phân tích, chứng minh một cách khoa học hợp lý.	-Trình bày các nội dung lý luận của đề tài tiểu luận sơ sài, chưa đầy đủ chi tiết - Các kiến thức chưa khoa học, hiện đại và chưa được phân tích, chứng minh một cách khoa học hợp lý.
	3/Thử nghiệm/áp dụng các vấn đề lý luận vào tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm (2 điểm)			
	2 điểm	1.5 điểm	1.0 điểm	0.5 điểm
	- Lựa chọn các nội dung thử	- Lựa chọn các nội dung thử	- Lựa chọn các nội dung thử nghiệm phù hợp	- Lựa chọn các nội dung thử nghiệm chưa phù

	nghiêm phù hợp, đầy đủ - Thực hiện thử nghiệm trong thực tiễn một cách nghiêm túc, tích cực và hiệu quả	nghiêm phù hợp, đầy đủ - Thực hiện thử nghiệm trong thực tiễn một cách nghiêm túc, tích cực và khá hiệu quả	nhưng chưa đầy đủ - Thực hiện thử nghiệm trong thực tiễn hiệu quả chưa cao	hợp hoặc nội dung thử nghiệm sơ sài - Thực hiện thử nghiệm trong thực tiễn chưa đạt yêu cầu
4/ Kiến nghị, đề xuất giải pháp phù hợp (1 điểm)				
	1.0	0.75	0.5	0.26
	- Đưa ra được hệ thống các kiến nghị đề xuất có căn cứ và phù hợp với thực tiễn - Đưa ra được giải pháp nhằm cải tạo hoạt động trong thực tiễn có tính khả thi và mang lại hiệu quả	- Đưa ra được các kiến nghị đề xuất phù hợp với thực tiễn - Đưa ra được giải pháp nhằm cải tạo hoạt động trong thực tiễn có tính khả thi	- Chỉ đưa ra được các kiến nghị đề xuất phù hợp với thực tiễn nhưng chưa đề xuất được giải pháp hoặc ngược lại.	- Các kiến nghị và giải pháp còn chung chung, chưa cụ thể hoặc chưa phù hợp.
TỔNG ĐIỂM: ____/10 (Bằng chữ:)				

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Giáo dục mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ Bài đánh giá A1.1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]	Khoảng điểm	Trọng số/Điểm số đánh giá
CLO2.2.1.1 (Trách nhiệm, tâm huyết trong vận hành mô hình phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non) [mức năng lực: 2,5]		A%
Tích cực, có trách nhiệm, có kỷ luật		50 %

Tiêu chí 1	Tích cực chủ động hoàn thành các nhiệm vụ NCKH và các nhiệm vụ học tập, đạt 80-100% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	8-10	
	Tích cực chủ động hoàn thành các nhiệm vụ NCKH và các nhiệm vụ học tập, đạt 60-79% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	6-7.9	
	Chủ động hoàn thành các nhiệm vụ NCKH và các nhiệm vụ học tập, 50-69% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	4-5.9	
	Chưa tích cực, GV còn phải nhắc nhở để thực hiện các nhiệm vụ NCKH và các nhiệm vụ học tập, hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	<4	
Tiêu chí 2	<i>Trách nhiệm, tâm huyết trong vận hành mô hình phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ</i>		50 %
	Sáng tạo, say mê trong NCKH, học tập và đạt hiệu quả cao trong NCKH, thực hành các hoạt động tăng cường phối hợp các lực lượng giáo dục trong chăm sóc và giáo dục trẻ	8-10	
	Chủ động, khá tích cực để hoàn thành khá tốt yêu cầu trong NCKH, học tập, thực hành các hoạt động tăng cường phối hợp các lực lượng giáo dục trong chăm sóc và giáo dục trẻ	6-7.9	
	Hoàn thành và đạt yêu cầu trong NCKH, học tập và thực hành các hoạt động tăng cường phối hợp các lực lượng giáo dục trong chăm sóc và giáo dục trẻ	4-5.9	
	Chưa tuân thủ nguyên tắc trung thực trong NCKH, học tập, chưa đạt yêu cầu trong NCKH, học tập, thực hành các hoạt động tăng cường phối hợp các lực lượng giáo dục trong chăm sóc và giáo dục trẻ.	>4	
Điểm số của CLO2.1.1.1			
Điểm tổng kết: Điểm TC1*50% + TC2*50%			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
3. Học phần:.....
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.1.1.1 (Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập trong nghiên cứu và thực tiễn, kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập. Thực hiện được các bài thuyết trình hiệu quả.) [mức năng lực: 2,5]			100%
Tiêu chí 1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập trong NCKH và thực tiễn		20 %
	Chủ động, tích cực làm việc độc lập để tự giải quyết tốt các nhiệm vụ học tập, NCKH và tổ chức các hoạt động trong thực tiễn	8-10	
	Chủ động làm việc độc lập để hoàn thành các nhiệm vụ học tập, NCKH và tổ chức các hoạt động trong thực tiễn	6-7.9	
	Chưa chủ động, chưa tích cực làm việc độc lập nhưng hoàn thành các nhiệm vụ học tập, NCKH và tổ chức các hoạt động trong thực tiễn đạt yêu cầu	4-5.9	
	Chưa chủ động, còn phụ thuộc sự hướng dẫn của GV, nhóm và chưa hoàn thành các nhiệm vụ học tập, NCKH và tổ chức các hoạt động trong thực tiễn theo yêu cầu	<4	
Tiêu chí 2	Kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập		30 %
	Lập kế hoạch hoạt động nhóm rõ ràng, khoa học, phối hợp các bên liên quan để thực hiện các nhiệm vụ NCKH và tổ chức hoạt động trong thực tiễn đạt kết quả cao.	8-10	
	Lập kế hoạch hoạt động nhóm rõ ràng, khoa học, phối hợp các bên liên quan để hoàn thành các nhiệm vụ NCKH và tổ chức hoạt động trong thực tiễn	6-7.9	
	Lập kế hoạch hoạt động nhóm nhưng chưa chi tiết; phối hợp thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ NCKH và tổ chức hoạt động trong thực tiễn đạt yêu cầu	4-5.9	

	Lập kế hoạch hoạt động nhóm sơ sài, chưa có kỹ năng phối hợp thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ NCKH và tổ chức hoạt động trong thực tiễn.	<4	
Tiêu chí 3	Thực hiện các bài thuyết trình hiệu quả		30 %
	Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, lôi cuốn, trả lời tốt các câu hỏi; thời gian đúng yêu cầu	8-10	
	Thuyết trình rõ ràng, phong thái khá tự tin, trả lời khá tốt các câu hỏi; thời gian đúng yêu cầu	6-7.9	
	Thuyết trình khá rõ ràng, phong thái chưa tự tin, trả lời các câu hỏi đạt yêu cầu; thời gian chưa đảm bảo.	4-5.9	
	Thuyết trình không rõ ràng, chưa trả lời được các câu hỏi	<4	
Điểm số của CLO3.1.1.1			
Điểm tổng kết: TC1*20% + TC2*30% + TC3*30% + TC4*20%			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

Tài liệu học tập chính

[1]. Nguyễn Ngọc Hiền, Nguyễn Thị Thu Hạnh (2024), *Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non*, Bài giảng.

[2]. Nguyễn Thanh Bình, Vũ Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Mai Hồng. Đặng Thị Huyền Oanh (2020), *Công tác xã hội với gia đình cộng đồng và hệ thống nhà trường*, NXB Giáo dục Việt Nam

5.2 Tài liệu tham khảo

[1] Bộ giáo dục & đào tạo, (2021), *Thông tư Ban hành chương trình giáo dục mầm non*, Số 01/VBHN-BGDĐT

[2]. Đề tài cấp Nhà nước (2022), *Nghiên cứu mô hình phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo*, Mã số: KHGD/16-20.ĐT.040, Chủ nhiệm đề tài: GS.TS. Thái Văn Thành

[3]. Điều lệ trường mầm non (*Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Những vấn đề chung về công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non (học qua bài giảng Elearning: 10 tiết; học trên lớp: 10 tiết, tự học: 20 tiết)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	4	Học bài giảng E-Learning (LMS) chương 1	CLO2.1.1.1	A1.1
		4	Trả lời câu hỏi và bài tập trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi và bài tập chương 1 ở mức 1 và 2)	CLO.1.1.2.1	A1.1
		2	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]; [2].	CLO2.1.1.1 CLO2.2.1.1 CLO3.1.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	6	Làm rõ các vấn đề trên lớp: 1.1. Một số khái niệm 1.1.1. Phối hợp 1.1.2. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non 1.2. Mục đích ý nghĩa của việc phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non 1.2.1. Mục đích của việc phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non 1.2.2. Ý nghĩa của việc phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non 1.3. Cơ sở của việc phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non 1.3.1. Cơ sở lý luận 1.3.2. Cơ sở thực tiễn - Cơ sở pháp lý - Cơ sở thực tiễn 1.4. Vai trò, trách nhiệm của các lực lượng giáo dục:	CLO.1.1.2.1 CLO.1.1.2.2 CLO.1.1.2.3	A1.1 A1.3 A2.1

			nhà trường; gia đình; cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non 1.4.1. Vai trò của Nhà trường 1.4.2. Vai trò của gia đình 1.4.3. Vai trò của các tổ chức, cộng đồng 1.5. Đổi mới GDMN và yêu cầu về công tác phối hợp nhà trường, gia đình, cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ 1.5.1. Xu hướng đổi mới GDMN ở VN hiện nay 1.5.2. Yêu cầu về công tác phối hợp trong chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở mầm non trong bối cảnh giáo dục hiện nay		
		2	Bài tập: Phân tích cơ sở của việc phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non	CLO.1.1.2.1	
		2	Thảo luận nhóm về: Vai trò, trách nhiệm của các lực lượng giáo dục: nhà trường; gia đình; cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non	CLO2.1.1.1 CLO2.2.1.1 CLO3.1.1.1	A1.2
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	10	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy Đọc thêm: tài liệu [2]	CLO.1.1.2.1	A1.2
		20	Làm bài tập chương 1		
2	Chương 2. Nội dung, phương pháp, hình thức phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non (học trên Elearning: 12 ; Học trên lớp: 15 tiết, tự học: 35 tiết)				
	Giai đoạn 1	6	Học bài giảng E-Learning (LMS): 1. Nội dung phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non	CLO.1.1.2.1	A1.2 A1.3

			2. Hình thức phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non		
		3	Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập chương 2 (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO.1.1.2.2 CLO.1.1.2.3	A1.1
		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1].	CLO1.1.2.2	A1.1 A1.3
	Giai đoạn 2	6	Làm rõ các vấn đề trên lớp: 2.1. Nội dung phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non 2.1.1. Phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ 2.1.2. Phối hợp tham gia xây dựng môi trường, lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ 2.1.3. Phối hợp trong quá trình thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ 2.1.4. Phối hợp trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt 2.1.5. Phối hợp trong đánh giá sự phát triển của trẻ 2.1.6. Phối hợp tham vấn cho các bên liên quan trong chăm sóc giáo dục trẻ 2.2. Một số mô hình phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non 2.2.1. Yêu cầu về mô hình phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ	CLO.1.1.2.1 CLO.1.1.2.2 CLO.1.1.2.3	A1.1 A1.3 A2.1

			2.2.2. Một số mô hình phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non hiện nay 2.2.2.1. Mô hình chung phối hợp nhà trường, gia đình, cộng đồng tại cơ sở giáo dục mầm non (mô hình chung) 2.2.2.2. Một số mô hình đặc thù - Mô hình phối hợp lập kế hoạch, thực hiện và xây dựng môi trường chăm sóc giáo dục trẻ vùng dân tộc thiểu số - Mô hình phối hợp trong công tác chăm sóc trẻ có nhu cầu đặc biệt - Mô hình phối hợp trong chăm sóc giáo dục trẻ dưới 36 tháng		
		2	Bài tập tự luận: 1. Phân tích phương pháp phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non 2. Lấy ví dụ về phương pháp phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non tại đơn vị nơi công tác	CLO1.1.2.2	A1.2 A1.3
		2	Thảo luận nhóm: 1. Một số mô hình phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non 2. Vận dụng mô hình phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non tại trường mầm non nơi công tác	CLO2.1.1.1 CLO2.2.1.1 CLO3.1.1.1	A1.2

	Giai đoạn 3	10	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.2 CLO1.1.2.3	A1.1
		15	Làm bài tập chương 2 trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.1.2.2 CLO1.1.2.3	A1.1
3	Chương 3. Đánh giá công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non (Học trên Elearning: 10 tiết; Học trên lớp: 5 tiết, tự học: 20 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung chương 3 và các tài liệu liên quan	CLO1.1.2.2	A1.1
		4	<i>Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS</i>	CLO1.1.2.2	A1.1
		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1].		A1.1
	Giai đoạn 2	2	Hướng dẫn trên lớp các nội dung: 3.1. Một số vấn đề về đánh giá trong giáo dục 3.2. Mô hình phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng ở cơ sở giáo dục mầm non 3.3. Đánh giá công tác phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng ở cơ sở giáo dục mầm non 3.4. Hướng dẫn thực hiện công tác phối hợp tham vấn cho các bên liên quan trong chăm sóc giáo dục trẻ	CLO.1.1.2.1 CLO.1.1.2.2 CLO.1.1.2.3 CLO2.1.1.1 CLO2.2.1.1 CLO3.1.1.1	A1.1 A1.2 A2.1
		4	Bài tập thực hành: Lập kế hoạch công tác phối hợp giữa gia đình nhà trường và cộng đồng tham gia xây dựng môi trường, lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ	CLO1.1.2.2	A1.3
		4	Thảo luận nhóm: 3. Lập kế hoạch hiện công tác phối hợp giữa gia đình nhà trường và cộng đồng thực hiện các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày	CLO1.1.2.3	A1.1 A1.2 A2.1

			4. Lập kế hoạch công tác phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ		
	Giai đoạn 3	10	Ôn tập: Hệ thống kiến thức của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.2	A1.1 A1.2
		15	Làm bài tập chương 3 trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.1.2.3	A1.2
	Bài thi kết thúc học phần		Tiểu luận theo ma trận bài thi A2.1	CLO.1.1.2.1 CLO.1.1.2.2 CLO.1.1.2.3 CLO2.1.1.1 CLO2.2.1.1 CLO3.1.1.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả đánh giá	

Nghệ An, ngày 01 tháng 06 năm 2024

Hiệu trưởng Trường SP
(ký, ghi rõ họ và tên)



PGS.TS Trần Vũ Tài

Trưởng khoa GDMN
(ký, ghi rõ họ và tên)



TS. Trần Thị Hoàng Yến

Giảng viên phụ trách
(ký, ghi rõ họ và tên)



TS. Nguyễn Ngọc Hiền

14. ĐỔI MỚI QUẢN LÝ TRONG GIÁO DỤC MẦM NON

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ĐỔI MỚI QUẢN LÝ TRONG GIÁO DỤC MẦM NON	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../2024
		Số trang: 171/11

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Thu Hằng

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lý giáo dục, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0915537188

Email: ntthuhang81@gmail.com; hangntt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học quản lý giáo dục, nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục

Giảng viên 2:

TS. Chế Thị Hải Linh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lý giáo dục, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0911172689

Email: linhhvq@gmail.com, linhcth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học quản lý giáo dục, nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Đổi mới quản lý giáo dục mầm non (tiếng Anh): Innovating preschool education management	
- Mã số học phần: PED82014	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết bài tập, thảo luận: 15 + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết thực tế: 0 + Số tiết dạy học dự án: 0 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: không + Học phần học trước: không + Học phần song hành: không	
- Yêu cầu của học phần: + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%	

+ Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS
+ Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm
+ Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Tâm lý giáo dục, Trường Sư phạm

2. Mô tả học phần

Học phần “Đổi mới quản lý giáo dục mầm non” là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non). Học phần này nhằm trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu và hiện đại về lý thuyết quản lý giáo dục (bản chất, chức năng, nguyên tắc, phương pháp, mục tiêu, đặc điểm của quản lý giáo dục), quản lý giáo dục mầm non (mục tiêu, hệ thống quản lý trong giáo dục mầm non, phân cấp quản lý nhà nước); Quản lý trường mầm non (giáo dục mầm non trong thống giáo dục quốc dân, các chủ thể quản lý, kiểm định chất lượng giáo dục); Đổi mới quản lý giáo dục mầm non (xu thế phát triển giáo dục mầm non, cơ sở khoa học và các vấn đề đổi mới quản lý giáo dục mầm non ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay). Trên cơ sở đó, học viên có thể vận dụng để lĩnh hội kiến thức chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non). Bên cạnh đó, thông qua mô hình dạy học kết hợp (Blended Learning), học phần còn giúp học viên phát triển các kỹ năng để giải quyết các vấn đề trong thực hiện các nhiệm vụ học tập và thực tiễn công tác.

Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	<i>Vận dụng</i> kiến thức cơ sở ngành của giáo dục mầm non hiện đại vào nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	2.5 {K3}
2.1.1	<i>Vận dụng</i> được tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2.5 {K3}
2.2.1	<i>Thể hiện</i> bản lĩnh chính trị vững vàng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực giáo dục mầm non.	2.5 {A3}
3.1.1	<i>Vận dụng</i> kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2.5 {S3}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	<i>Vận dụng được</i> lý thuyết khoa học quản lý để xác định và giải thích các vấn đề của quản lý giáo dục mầm non	1.1.2	4%	2,5
1.1.2.2	<i>Xác định được</i> các vấn đề quản lý trường mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân		4%	2,5
1.1.2.3	<i>Giải thích được</i> xu thế và thực tiễn các yêu cầu đổi mới quản lý giáo dục mầm non trong bối cảnh hiện nay		4%	2,5
2.1.1.1	<i>Vận dụng được</i> tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin và sáng tạo trong nghiên cứu ứng dụng quản lý giáo dục mầm non, hoàn thành các nhiệm vụ học tập	2.1.1	10%	2,5
2.2.1.1	<i>Thể hiện được</i> bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong quản lý giáo dục mầm non	2.2.1	20%	3,5
3.1.1.1	<i>Hợp tác</i> hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	3.1.1	5%	2,5

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO2.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	25%	Quan sát
A1.2	CLO3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	25%	Quan sát
A1.3	CLO1.1.2.1 {điểm số}	2,5	50%	Tự luận,
	CLO1.1.2.2 {điểm số}	2,5		
	CLO2.2.1.1 {điểm số}	3,5		
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO.1.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	100%	Tiểu luận
	CLO.1.1.2.2 {điểm số và điểm năng lực}	2,5		

	CLO.1.1.2.3 {điểm số và điểm năng lực}	2,5		
	CLO2.2.1.1 {điểm số}	3,5		
	CLO3.1.1.1 {điểm số}	2,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.3. Ma trận bài thi tự luận

Bảng 2. Ma trận bài đánh giá A1.3

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.1 (20%)	Mức 2	1 câu 3,0 điểm	1,2		So sánh được bản chất của các khái niệm cơ bản của khoa học quản lý giáo dục
	Mức 3		1,8	0,9	Giải thích được các chức năng của quản lý
1.1.2.2 (40%)	Mức 1	1 câu 2,0 điểm	0,8		Phân biệt được các đặc điểm của quản lý giáo dục
	Mức 2		1,2	0,6	So sánh được các phương pháp quản lý

	Mức 1	1 câu 2,0 điểm	0,8		Xác định được các nguyên tắc quản lý giáo dục
	Mức 2		1,2	0,6	Thực hiện được chính sách phát triển giáo dục mầm non
1.1.2.3 (40%)	Mức 2	1 câu 3,0 điểm	1,2		Xác định được tổ chức bộ máy trường mầm non
	Mức 3		1,8	0,9	Phân biệt được vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể quản lý trong trường mầm non
Tổng			10	3,0	

Bảng 3. Ma trận tiểu luận A2.1

A. Chủ đề của tiểu luận

Chia sẻ kinh nghiệm/bài học/biện pháp vận dụng lý thuyết đổi mới quản lý giáo dục mầm vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

B. CẤU TRÚC TIỂU LUẬN (Bài đánh giá A2.1)

I. Thông tin về học viên:

- Họ và tên học viên/sinh viên:
- Ngày sinh:
- Mã học viên:
- Học phần:

II. Nội dung tiểu luận

- Tên đề tài:.....
- Lý do chọn đề tài/ Đặt vấn đề/ Mở đầu:
- Tổng quan tài liệu về vấn đề:
- Mục tiêu nghiên cứu:.....
- Phương pháp nghiên cứu:.....
- Kết quả/ Phát hiện và Thảo luận/ Bàn luận:.....
- Kết luận và Đề xuất (nếu có):.....

C. Phiếu đánh giá

Bảng 4. Ma trận đề thi tiểu luận A2.1 {Ma trận này công bố trong đề cương}

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	1.0 điểm	0.75 điểm	0.5 điểm	0.25 điểm
Hình thức của bài tiểu luận (2 điểm)	- Cấu trúc đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của một bài tiểu luận trình độ thạc	- Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học	- Cấu trúc, đúng yêu cầu, nhưng	

	sỹ chuyên ngành GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT - Hình thức đẹp, đúng quy định.	- Hình thức đẹp, đúng quy định	chưa đầy đủ và khoa học. - Hình thức đúng quy định.	- Cấu trúc chưa đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học. - Hình thức chưa đúng quy định.
Nội dung bài tiểu luận (8 điểm)	1/Lựa chọn vấn đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, nhiệm vụ bài tiểu luận (2 điểm)			
	2 điểm	1.5 điểm	1.0 điểm	0.5 điểm
	- Lựa chọn được vấn đề nghiên cứu đúng chuyên ngành, thiết kế tên đề tài và xác định mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài khoa học, phù hợp.	- Lựa chọn được vấn đề nghiên cứu đúng chuyên ngành, thiết kế tên đề tài và xác định mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài khá phù hợp.	- Lựa chọn được vấn đề nghiên cứu đúng chuyên ngành, thiết kế tên đề tài và xác định mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài còn chưa hoàn toàn phù hợp.	- Lựa chọn được vấn đề nghiên cứu đúng chuyên ngành nhưng thiết kế tên đề tài hoặc xác định mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài còn chưa khoa học, phù hợp.
	2/Phân tích được các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến đề tài tiểu luận (2 điểm)			
	2 điểm	1.5 điểm	1.0 điểm	0.5 điểm
	-Trình bày đầy đủ, chi tiết các nội dung lý luận của đề tài tiểu luận - Các kiến thức khoa học, hiện đại và được phân tích, chứng minh một cách khoa học hợp lý.	-Trình bày đầy đủ, chi tiết các nội dung lý luận của đề tài tiểu luận - Các kiến thức khoa học, hiện đại nhưng chưa được phân tích, chứng minh một cách khoa học hợp lý.	-Trình bày các nội dung lý luận của đề tài tiểu luận nhưng còn chưa đầy đủ,chi tiết - Các kiến thức chưa khoa học, hiện đại hoặc chưa được phân tích, chứng minh một cách khoa học hợp lý.	-Trình bày các nội dung lý luận của đề tài tiểu luận sơ sài, chưa đầy đủ chi tiết - Các kiến thức chưa khoa học, hiện đại và chưa được phân tích, chứng minh một cách khoa học hợp lý.
	3/Thử nghiệm/áp dụng các vấn đề lý luận vào tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm (2 điểm)			
	2 điểm	1.5 điểm	1.0 điểm	0.5 điểm
	- Lựa chọn các nội dung thử nghiệm phù hợp, đầy đủ - Thực hiện thử nghiệm trong thực tiễn một cách nghiêm túc, tích cực và hiệu quả	- Lựa chọn các nội dung thử nghiệm phù hợp, đầy đủ - Thực hiện thử nghiệm trong thực tiễn một cách nghiêm túc, tích cực và khá hiệu quả	- Lựa chọn các nội dung thử nghiệm phù hợp nhưng chưa đầy đủ - Thực hiện thử nghiệm trong thực tiễn hiệu quả chưa cao	- Lựa chọn các nội dung thử nghiệm chưa phù hợp hoặc nội dung thử nghiệm sơ sài - Thực hiện thử nghiệm trong thực tiễn chưa đạt yêu cầu

4/ Kiến nghị, đề xuất giải pháp phù hợp (1 điểm)			
1.0	0.75	0.5	0.27
- Đưa ra được hệ thống các kiến nghị đề xuất có căn cứ và phù hợp với thực tiễn - Đưa ra được giải pháp nhằm cải tạo hoạt động trong thực tiễn có tính khả thi và mang lại hiệu quả	- Đưa ra được các kiến nghị đề xuất phù hợp với thực tiễn - Đưa ra được giải pháp nhằm cải tạo hoạt động trong thực tiễn có tính khả thi	- Chỉ đưa ra được các kiến nghị đề xuất phù hợp với thực tiễn nhưng chưa đề xuất được giải pháp hoặc ngược lại.	- Các kiến nghị và giải pháp còn chung chung, chưa cụ thể hoặc chưa phù hợp.
TỔNG ĐIỂM: /10 (Bằng chữ:)			

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Giáo dục mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/Điểm số đánh giá
CLO2.1.1.1 (Vận dụng được tư duy phản biện, kĩ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin và sáng tạo trong nghiên cứu ứng dụng quản lý giáo dục mầm non, hoàn thành các nhiệm vụ học tập) [mức năng lực: 2,5]			A%
Tiêu chí 1	Vận dụng được tư duy phản biện, kĩ năng khai thác học liệu số		50 %
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành 80-100% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	8-10	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành 60-80% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	6-7.9	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành 50-70% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	5-6.9	

	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	0-4.0	
Tiêu chí 2	Vận dụng được kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản		50 %
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 80-100% các nhiệm vụ học tập	8-10	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 60-80% các nhiệm vụ học tập	6-7.9	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 50-70% các nhiệm vụ học tập	5-6.9	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập	0-4.0	
Điểm số của CLO2.1.1.1			
Điểm tổng kết: Điểm TC1*50% + TC2*50%			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TRƯỜNG SƯ PHẠM

Khoa Giáo dục mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../

2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:

3. Học phần:.....

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.1.1.1 (Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập) [mức năng lực: 2,5]			100 %
	Xác định mục đích và phương thức hợp tác		20 %
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết các nhiệm vụ học tập và lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	8-10	

Tiêu chí 1	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ và xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm	6-7.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	5-6.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; chưa xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ học tập		30 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 3	Thực hiện nhiệm vụ được giao		30 %
	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
Tiêu chí 4	Đánh giá hoạt động hợp tác		20 %
	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-6.9	
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	0-4.0	
Điểm số của CLO3.1.1.1			

Điểm tổng kết: TC1*20% + TC2*30% + TC3*30% + TC4*20%	/10
---	-----------------

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

[1] Bùi Việt Phú (chủ biên), Trần Xuân Bách (2022), *Giáo trình Quản lý giáo dục mầm non*, NXB Thông tin và truyền thông, Trường ĐHSP Đà Nẵng

[2] Nguyễn Vũ Bích Hiền (chủ biên) (2022): *Cẩm nang Quản lý và lãnh đạo nhà trường phổ thông trong bối cảnh đổi mới giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Trần Kiểm (2013), *Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục*, NXB ĐHSP, Hà Nội

[2] Đặng Xuân Hải, Nguyễn Xuân Thu (2012), *Quản lý giáo dục, quản lý nhà trường trong bối cảnh thay đổi*, NXB Giáo dục Việt Nam

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương /chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC MẦM NON (Lí thuyết: 10, Thảo luận: 5 tiết, tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học qua bài giảng e-Learning (LMS) 1.1. Những vấn đề chung về QLGD		
		3	Trả lời câu hỏi và bài tập trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi và bài tập chương 1 ở mức 1 và 2)	CLO2.1.1.1	A1.1
		4	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 1.2 (trang 15-19) và mục 1.3 (trang 20-32).		
	Giai đoạn 2		Học lý thuyết các nội dung sau: 1.2. Quản lý giáo dục mầm non 1.2.1. Mục tiêu quản lý giáo dục mầm non 1.2.2. Phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục		

		6	1.2.3. Chính sách phát triển giáo dục mầm non 1.2.4. Nhà trường mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân 1.2.5. Kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non Phương pháp dạy học: trực quan, thuyết trình và giải quyết vấn đề	CLO1.1.2.1 CLO1.1.2.2 CLO2.2.1.1	A1.3 A2.1
		2	Bài tập tự luận 1		
		2	Thảo luận 1	CLO3.1.1.1	A1.2
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy	CLO2.1.1.1	A1.1
		5	Làm bài tập chương 1 (trang 33) trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]		
2	Chương 2: ĐỔI MỚI QUẢN LÝ GIÁO DỤC MẦM NON TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY (Lí thuyết: 10 tiết, thảo luận; 05, tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học bài giảng E-Learning (LMS): 2.1. Sự cần thiết phải đổi mới quản lý giáo dục mầm non trong bối cảnh hiện nay 2.2. Định hướng và yêu cầu đổi mới quản lý giáo dục mầm non		
		3	Trả lời các câu hỏi trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi ở mức độ 1 và 2)	CLO2.1.1.1	A1.1
		4	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1], [2]		
	Giai đoạn 2	6	Học lý thuyết các nội dung sau: 2.3. Nội dung đổi mới quản lý giáo dục mầm non 2.3.1. Đổi mới quản trị nhà trường 2.3.2. Đổi mới xây dựng môi trường giáo dục 2.3.3. Đổi mới tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non 2.3.4. Huy động các nguồn lực phát triển giáo dục mầm non 2.4. Đảm bảo các điều kiện đổi mới quản lý giáo dục mầm non. Phương pháp dạy học: Thuyết trình, giải quyết vấn đề	CLO1.1.2.1 CLO1.1.2.2 CLO2.2.1.1 CLO3.1.1.1	A1.3 A2.1

		4	Thảo luận nhóm 2.	CLO3.1.1.1	A1.2
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO2.1.1.1	A1.1
		5	Làm bài tập chương 2 (trang 53-54) trong tài liệu [1]		
3	Chương 3: MỘT SỐ VĂN BẢN QUẢN LÝ GIÁO DỤC MẦM NON VÀ BÀI TẬP VẬN DỤNG (Lí thuyết: 10 tiết, thảo luận: 05 tiết, tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS): cập nhật các văn bản liên quan đến quản lý giáo dục mầm non		
		5	Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO2.1.1.1	A1.1
		4	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1], [2]		
	Giai đoạn 2	5	Học lý thuyết các nội dung sau: 3.2. Các bài tập vận dụng Phương pháp dạy học: thuyết trình, giải quyết vấn đề	CLO1.1.2.1 CLO1.1.2.2 CLO2.2.1.1 CLO3.1.1.1	A1.3 A2.1
		3	Thảo luận nhóm 3	CLO3.1.1.1	A1.2
		3	Bài tập tự luận 2		
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập: Hệ thống hóa nội dung chính của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO2.1.1.1	A1.1
		5	Làm bài tập chương 4 (trang 102) trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]		
	Thi kết thúc học phần		Tự luận theo ma trận bài thi A2.1	CLO1.1.2.1 CLO1.1.2.2 CLO1.1.2.3 CLO3.1.1.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2024

**Phó Hiệu trưởng
trường Sư phạm**

Trưởng khoa

Giảng viên phụ trách



Trần Vũ Tài



Trần Thị Hoàng Yến



Nguyễn Thị Thu Hằng

15. CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TRẺ EM

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TRẺ EM	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../2024
		Số trang: 184/11

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

TS. Nguyễn Ngọc Hiền

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0913598796

Email: hiennn@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học sức khỏe và dinh dưỡng trẻ em; Quản lý giáo dục

Giảng viên 2:

TS. Nguyễn Thị Giang An

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sinh học, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0917113207

Email: nguyengianganbio@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giải phẫu, Sinh lý người

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em (tiếng Anh): Health care, nurturing and safety for early childhood	
- Mã số học phần: PRE83015	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục mầm non	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☒ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc	☐ Tự chọn
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết bài tập, thảo luận + Số tiết thực tế + Số tiết dạy học dự án: 15 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: không	

+ Học phần học trước: không
+ Học phần song hành: không
- Yêu cầu của học phần { <i>giảng viên cụ thể hóa các yêu cầu</i> }:
+ Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%.
+ Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS
+ Tham gia đầy đủ, hoàn thành các bài tập, thảo luận
+ Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Sư phạm

2. Mô tả học phần

Chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này trang bị cho học viên các kiến thức lý thuyết chuyên sâu về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng và đảm bảo an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em độ tuổi mầm non. Trên cơ sở đó, học viên có thể vận dụng để lĩnh hội kiến thức, phát triển năng lực nghiên cứu và chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Bên cạnh đó, học phần còn giúp học viên phát triển tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu, hiện đại của giáo dục mầm non trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
2.2.2	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia và chịu trách nhiệm với những kết luận chuyên môn trong học tập và thực hành nghề nghiệp	2,5 {Mức 3}
3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2,5 {Mức 3}
3.1.2	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2,5 {Mức 3}
4.1.1	Phân tích bối cảnh khoa học và xu hướng phát triển của giáo dục mầm non đối với hoạt động nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp	3,5 {Mức 4}
4.2.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}

4.2.2	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non một cách khoa học.	3,5 {Mức 4}
4.2.3	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận chuyên gia trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
4.2.4	Đánh giá các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non và đưa ra các giải pháp cải tiến.	3,5 {Mức 4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO		Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1	Vận dụng kiến thức về sức khỏe trẻ em vào nghiên cứu, tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.	1.2.1		5%	2,5 {Mức 3}
1.2.1.2	Vận dụng kiến thức về đảm bảo an toàn cho trẻ em vào nghiên cứu, tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ em mầm non đảm bảo an toàn.			5%	2,5 {Mức 3}
1.2.1.3	Vận dụng kiến thức về dinh dưỡng trẻ em vào nghiên cứu, tổ chức các hoạt động chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ mầm non.			10%	2,5 {Mức 3}
2.2.2.1	Thực hiện đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành nghề nghiệp.	2.2.2		20%	2,5 {Mức 3}
3.1.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	3.1.1		10%	2,5 {Mức 3}
3.1.2.1	Vận dụng kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	3.1.2		30%	2,5 {Mức 3}
4.1.1.1	Phân tích được bối cảnh, yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em trong nghiên cứu	4.1.1		5%	3,5 {Mức 4}

	và tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non				
4.2.1.1	Đề xuất được các nghiên cứu, ứng dụng về chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	4.2.1		10%	3,5 {Mức 4}
4.2.2.1	Thiết kế được các nghiên cứu, ứng dụng chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ trong lĩnh vực Giáo dục mầm non	4.2.2		15%	3,5 {Mức 4}
4.2.3.1	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ trong lĩnh vực Giáo dục mầm non	4.2.3		10%	3,5 {Mức 4}
4.2.4.1	Đánh giá được các nghiên cứu, ứng dụng chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ trong lĩnh vực giáo dục mầm non và đề xuất các giải pháp cải tiến.	4.2.4		5%	3,5 {Mức 4}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO.2.2.2.1 {điểm số}	2,5	25%	Quan sát
A1.2	CLO.3.1.1.1 {điểm số}	2,5	10%	Quan sát, Nghiên cứu hồ sơ học tập
	CLO.3.1.2.1 {điểm số }	2,5	15%	
A1.3	CLO.1.2.1.1 {điểm số}	2,5	50%	Tự luận
	CLO.1.2.1.2 {điểm số}	2,5		
	CLO.1.2.1.3 {điểm số}	2,5		
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO.4.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5	100%	Đồ án
	CLO.4.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO.4.2.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO.4.2.3.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO.4.2.4.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 \times 50\% + A2 \times 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài thi tự luận A1.3

Bảng 2. Ma trận đề thi tự luận A1.3

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.1 (15%)	Mức 2	1 Câu 2 điểm	0,8		Xác định được yêu cầu chăm sóc sức khỏe trẻ em lứa tuổi mầm non
	Mức 3		1,2	0,6	Vận dụng được các kiến thức về sức khỏe trẻ em vào nghiên cứu và đổi mới chăm sóc sức khỏe trẻ em lứa tuổi mầm non
1.2.1.2 (15%)	Mức 2	1 Câu 3 điểm	1,2		Xác định được các yếu tố nguy cơ mất an toàn cho trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non
	Mức 3		1,8	0,9	Vận dụng được các kiến thức về đảm bảo an toàn cho trẻ em vào nghiên cứu, xây dựng trường mầm non an toàn, phòng chống tai nạn thương tích

1.2.1.3 (20%)	Mức 2	1 Câu 5 điểm	2,0		Xác định được nhu cầu chăm sóc dinh dưỡng của trẻ em lứa tuổi mầm non
	Mức 3		3,0	1,5	Vận dụng được kiến thức dinh dưỡng trẻ em vào nghiên cứu và đổi mới chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ mầm non.
Tổng			10	3,0	

4.3. Ma trận đánh giá bài đánh giá A2.1 - Đồ án

Bảng 3. Ma trận đánh giá Đồ án A2.1

Chuẩn đầu ra đánh giá {mức năng lực, trọng số %}: 3,5 CLO4.1.1.1; CLO4.2.1.1; CLO4.2.2.1; CLO4.2.3.1; CLO4.1.4.1		Điểm số	Điểm năng lực
1. Kỹ năng giao tiếp {mức 4, trọng số 20%}: 		.../10	3,5
Tiêu chí 1	Viết được bản thuyết minh hoàn chỉnh về cấu trúc và hình thức	.../5	
	Chỉ báo 1: Xây dựng thuyết minh đồ án có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc hợp lý	2,0	
	Chỉ báo 2: Trình bày rõ ý tưởng đồ án, lối viết cô đọng, ngôn ngữ phù hợp với văn phong khoa học	1,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh được thu thập từ các nguồn tham khảo khác nhau để minh họa, chứng minh cho các lập luận đưa ra	1,0	
	Chỉ báo 4: Trích dẫn các văn bản, tài liệu tham khảo từ các nguồn theo quy chuẩn của ngành/lĩnh vực	1,0	
Tiêu chí 2	Thiết kế được slide đảm bảo tính dễ nhìn, dễ đọc, logic, cân đối	.../3	
	Chỉ báo 1: Thiết kế được các slide theo trình tự logic, mỗi slide không quá 5 ý, mỗi báo cáo không quá 25 slide (hoặc 20 phút clip)	1,0	
	Chỉ báo 2: Sử dụng kích cỡ chữ, phối hợp màu sắc hài hòa, đảm bảo tính dễ nhìn và tính thẩm mỹ	1,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng đồ họa đa phương tiện (hình ảnh, video, hình ảnh hiệu ứng động,...) để tăng tính thuyết phục và hấp dẫn	1,0	
Tiêu chí 3	Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, trả lời được các câu hỏi	.../2	
	Chỉ báo 1: Thuyết trình rõ ràng trong thời lượng cho phép	1,0	
	Chỉ báo 2: Thể hiện được phong thái tự tin, lời cuốn, giọng điệu phù hợp, ngôn ngữ hình thể thu hút sự chú ý của người nghe	1,0	
2. Phân tích được bối cảnh của đồ án {mức 4, trọng số 10%}		.../10	
Tiêu chí 1	Phân tích được bối cảnh liên quan đến đồ án	.../10	
	Chỉ báo 1: Phân tích tổng quan về tình hình nghiên cứu, ứng dụng, kinh tế, xã hội liên quan đến đồ án	5,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được tính cấp thiết của đồ án trên cơ sở phân tích tổng quan	5,0	

3. Hình thành ý tưởng về đề án {mức 4, trọng số 15%}		.../10	
Tiêu chí 1	Hình thành ý tưởng về đề án	.../10	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Dẫn ra được câu hỏi nghiên cứu hoặc giả thuyết khoa học, thực tiễn về đề án	3,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Luận giải được ý tưởng đề án là mới so với các đề án/dự án liên quan đã được thực hiện trước đó	4,0	
	<i>Chỉ báo 3:</i> Phát biểu rõ ràng mục tiêu đề án	3,0	
4. Xây dựng nội dung thực hiện đề án {mức 4, trọng số 15%}		.../10	
Tiêu chí 1	Xây dựng được nội dung và phương pháp thực hiện đề án	.../5	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Thiết kế được các nội dung thực hiện ứng với từng mục tiêu của đề án	3,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Xác định được phương pháp/cách thức thực hiện phù hợp với từng nội dung của đề án	2,0	
Tiêu chí 2	Xây dựng được kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện đề án	.../5	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Xây dựng được kế hoạch và tiến độ thực hiện chi tiết, rõ ràng cho từng nội dung	3,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Bố trí, sắp xếp được nguồn lực hợp lý để thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả	2,0	
5. Triển khai các nội dung đề án {mức 4, trọng số 30%}		.../10	
Tiêu chí 1	Thu thập và phân tích được số liệu, chứng cứ khoa học	.../5	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Thu thập được (hoặc tạo ra được) số liệu/luận cứ đảm bảo tính khoa học cho từng nội dung thực hiện của đề án	3,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Trình bày được các kết quả thu được một cách khoa học, đảm bảo tính trực quan và thu hút	2,0	
Tiêu chí 2	Phân tích, thảo luận về kết quả nghiên cứu	.../5	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Phân tích, thảo luận về các kết quả đạt được theo các mục tiêu của đề án	3,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> So sánh kết quả thu được với kết quả của các đề án, dự án trước đó và giải thích sự khác biệt	2,0	
6. Đánh giá kết quả dự án và đưa ra các đề xuất {mức 4, trọng số 10%}		.../10	
Tiêu chí 1	Đánh giá được các kết quả và đưa ra được các đề xuất	.../10	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Đánh giá được đóng góp về khoa học của đề án	3,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Đánh giá được hiệu quả về xã hội của đề án	3,0	
	<i>Chỉ báo 3:</i> Chỉ ra được tồn tại và/hoặc phạm vi của đề án	2,0	
	<i>Chỉ báo 4:</i> Đề xuất được các biện pháp để có thể ứng dụng kết quả vào thực tiễn giáo dục mầm non	2,0	
Kết quả toàn bài đánh giá		.../10	

4.3. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa GDMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
-Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....
-Học phần:
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO 2.2.2.1. (Thực hiện đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành) [mức năng lực: 2,5]			100 %
Tiêu chí 1	Chấp hành đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành		50 %
	Chủ động, tự giác chấp hành đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành	8 - 10	
	Tự giác thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	6 - 7.9	
	Chưa thực sự chủ động thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	5 - 6.9	
	Không chủ động trong thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	0 - 4	
Tiêu chí 2	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nhiệm vụ trong học tập và thực hành		50%
	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ	8 -10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6 - 7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5 - 6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0 - 4	
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

GIẢNG VIÊN THỨ NHẤT
(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIẢNG VIÊN THỨ HAI
(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- 2.....Mã
học viên/sinh viên:; Lớp:.....
- 3.....Học
phần:
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.1.1.1 (Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập) [mức năng lực: 2,5]			100%
Tiêu chí 1	Xác định mục đích và phương thức hợp tác		20 %
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết các nhiệm vụ học tập và lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	8-10	
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ và xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm	6-7.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	5-6.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; chưa xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ học tập		30 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 3	Thực hiện nhiệm vụ được giao		30 %
	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	

	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
Tiêu chí 4	Đánh giá hoạt động hợp tác		20 %
	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-6.9	
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	0-4.0	
Điểm số của CLO3.1.1.1			
Điểm tổng kết: TC1*20% + TC2*30% + TC3*30% + TC4*20%			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../.....

2.....Mã

học viên/sinh viên:; Lớp:

3.....Học phần:.....

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/Điểm số đánh giá
CLO3.1.2.1. Vận dụng kỹ năng lãnh đạo nhóm để giải quyết các nhiệm vụ học tập [mức năng lực: 2.5]			100 %
Tiêu chí 1	Tổ chức thành lập nhóm		20 %
	Tự giác hoàn thành nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	

	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch học tập		30 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 3	Thực hiện nhiệm vụ được giao		30 %
	Tự giác hoàn thành nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
	Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng		20 %
Tiêu chí 4	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm.	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-6.9	
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	0-4.0	
Điểm số của CLO 3.1.2.1			
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Bài giảng:

[1] Nguyễn Ngọc Hiền, Nguyễn Thị Giang An (2024), *Chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em*, Bài giảng dành cho học viên cao học, Trường Đại học Vinh.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Lynn R. Marotz (2009), *Health, Safety, and Nutrition for the Young Child, Eighth edition*, Published by Wadsworth, Cengage Learning.

[3] Jennifer Paris (2020), *Safety, Health, and Nutrition in Early Childhood Education*, Publication by College of the Canyons, California

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1: Chăm sóc sức khỏe trẻ em mầm non (Học trên Elearning: 10 tiết; Học trên lớp: 10 tiết; tự học: 10 tiết)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về Những vấn đề chung về sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em	CLO1.2.1.1 CLO2.2.2.1	A1.3 A1.1
		3	Trả lời câu hỏi và bài tập trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi và bài tập chương 1 ở mức 1 và 2)	CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1	A1.1 A1.2
		2	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1];	CLO1.2.1.1	A1.3
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	6	Nghe giảng lý thuyết về các nội dung: 1.1. Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em 1.2. Chăm sóc, giáo dục sức khỏe cho trẻ trong cơ sở giáo dục mầm non 1.3. Vệ sinh cơ sở giáo dục mầm non	CLO1.2.1.1	A1.3
		2	Bài tập: Xác định các ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em	CLO1.2.1.1 CLO2.2.2.1	A1.3 A1.1
		2	Thảo luận nhóm về: Mô hình bệnh tật của trẻ em lứa tuổi mầm non	CLO1.2.1.1 CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1	A1.3 A1.1 A1.2

				CLO3.1.2.1	
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	5	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.2.1.1	A1.3
		5	Làm bài tập chương 1	CLO1.2.1.1	A1.3
2	Chương 2: Chăm sóc dinh dưỡng trẻ em mầm non (Học trên Elearning: 10 tiết; Học trên lớp: 10 tiết; tự học: 10 tiết)				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về: Đặc điểm phát triển các lĩnh vực ở trẻ em mầm non	CLO1.2.1.3 CLO2.2.2.1	A1.3 A1.1
		3	Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1	A1.1 A1.2
		2	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]	CLO1.2.1.3	A1.3
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	6	Nghe giảng lý thuyết về các nội dung: 2.1. Tổng quan về dinh dưỡng trẻ em 2.2. Chăm sóc dinh dưỡng trẻ mầm non 2.3. Giáo dục dinh dưỡng trong nhà trường mầm non	CLO1.2.1.3	A1.3
		2	Bài tập: Xác định nhu cầu dinh dưỡng của trẻ em lứa tuổi mầm non	CLO1.2.1.3 CLO2.2.2.1	A1.3 A1.1
		2	Thảo luận nhóm: Phân tích những thách thức trong cải thiện sức khỏe dinh dưỡng trẻ em mầm non trong bối cảnh hiện nay	CLO1.2.1.3 CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1 CLO3.1.2.1	A1.3 A1.1 A1.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	5	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 2 bằng sơ đồ tư duy Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.2.1.3	A1.3
		5	Làm bài tập chương 2	CLO1.2.1.3	A1.3
3	Chương 3: Đảm bảo an toàn trong cơ sở giáo dục mầm non (Học trên Elearning: 10 tiết; Học trên lớp: 10 tiết; tự học: 10 tiết)				

	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về Giám sát, đánh giá sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em độ tuổi mầm non	CLO1.2.1.2 CLO2.2.2.1	A1.3 A1.1
		3	Trả lời câu hỏi và bài tập trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi và bài tập chương 3 ở mức 1 và 2)	CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1	A1.1 A1.2
		2	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1];	CLO1.2.1.2	A1.3
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	6	Nghe giảng lý thuyết về các nội dung: 3.1. Tổng quan về tai nạn thương tích ở trẻ em 3.2. Phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em lứa tuổi mầm non 3.3. Xử lý tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ em 3.4. Mô hình nhà trường mầm non an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích	CLO1.2.1.2	A1..3
		2	Bài tập: Xác định các yếu tố nguy cơ mất an toàn cho trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1	A1.1 A1.2
		2	Thảo luận: Phân tích thực trạng công tác đảm bảo an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong nhà trường mầm non	CLO1.2.1.2 CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1 CLO3.1.2.1	A1.3 A1.1 A1.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	5	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 3 bằng sơ đồ tư duy Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.2.1.2	A1.3
		5	Làm bài tập chương 3	CLO1.2.1.2 CLO2.2.2.1	A1.3 A1.1
4	Hướng dẫn Đồ án môn học (15 tiết) (Học trên lớp: 5 tiết; tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung hướng dẫn thực hiện đồ án các tài liệu liên quan	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
		2	<i>Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS</i>		

		1	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1].		
	Giai đoạn 2	5	Hướng dẫn yêu cầu của quy trình thực hiện đồ án Định hướng, gợi ý các đề tài đồ án Phân công các nhóm thực hiện đồ án	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
	Giai đoạn 3	10	Các nhóm lập kế hoạch, cemina kế hoạch, nội dung đồ án bằng hình thức online	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
	Báo cáo Đồ án kết thúc HP	10	Báo cáo Đồ án theo rubric A2.1	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài đánh giá A2.1		

Nghệ An, ngày 22 tháng 05 năm 2024

**KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG SƯ PHẠM
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



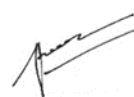
PGS.TS. Trần Vũ Tài

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thị Hoàng Yến

GIẢNG VIÊN



TS. Nguyễn Ngọc Hiền

16. MỘT SỐ VẤN ĐỀ HIỆN ĐẠI CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN MỘT SỐ VẤN ĐỀ HIỆN ĐẠI CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:...../.../2024
		Số trang: 199/11

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

TS. Trần Thị Hoàng Yến

Địa chỉ liên hệ: Đại học Vinh

Điện thoại: 0989146168 Email: yen.gdth@gmail.com; yentth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và phương pháp giáo dục mầm non

Giảng viên 2:

TS. Phan Xuân Phồn

Địa chỉ liên hệ: Đại học Vinh

Điện thoại: 09894545499 Email: phonhiendhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và Phương pháp giáo dục mầm non

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Một số vấn đề hiện đại của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non (tiếng Anh): One modern issues of language development for children	
- Mã số học phần: PRE 83016	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung
☐ Kiến thức cơ sở ngành	☒ Học phần dạy học dự án
☒ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: Bắt buộc	☐ Tự chọn:
- Số tín chỉ: 3	+ Số tiết thực tế: 0
+ Số tiết lý thuyết: 30	+ Số tiết dạy học dự án: 15
+ Số tiết bài tập, thảo luận:	+ Số tiết tự học: 90
+ Số tiết thực hành:	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: không	
+ Học phần học trước:	
+ Học phần song hành: các học phần thuộc nhóm chuyên ngành bắt buộc	
- Yêu cầu của học phần:	
+ Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%	
+ Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS	
+ Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm	
+ Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên	
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục mầm non, Trường Sư phạm	

2. Mô tả học phần

Học phần “*Một số vấn đề hiện đại về việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*” thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục Mầm non) theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng. Học phần này trang bị cho người học những vấn đề mang tính hệ thống, khoa học, hiện đại về lý luận phát triển ngôn ngữ cho trẻ, các xu hướng phát triển ngôn ngữ tiến tiến, hiện đại trong, ngoài nước và thực tiễn vận dụng phương pháp, hình thức phát triển ngôn ngữ phù hợp yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non. Thông qua mô hình dạy học kết hợp, người học được phát triển kỹ năng tư duy hệ thống, sáng tạo, kỹ năng hợp tác trong nghiên cứu và thực tiễn phát triển ngôn ngữ cho trẻ phù hợp xu thế đổi mới giáo dục mầm non.

Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu, hiện đại của giáo dục mầm non trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
2.2.2	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia và chịu trách nhiệm với những kết luận chuyên môn trong học tập và thực hành nghề nghiệp.	2,5 {Mức 3}
3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2,5 {Mức 3}
3.1.2	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động nghiên cứu và hoạt động chuyên môn	2,5 {Mức 3}
4.1.1	Phân tích bối cảnh khoa học và xu hướng phát triển của giáo dục mầm non đối với hoạt động nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp.	3,5 {Mức 4}
4.2.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
4.2.2	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non một cách khoa học.	3,5 {Mức 4}
4.2.3	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận chuyên gia trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
4.2.4	Đánh giá các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non và đưa ra các giải pháp cải tiến.	3,5 {Mức 4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số của CTĐT	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1	Vận dụng được các vấn đề lý luận của phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong nghiên cứu khoa học ứng dụng và thực tiễn giáo dục mầm non.	1.2.1	5%	2,5
1.2.1.2	Vận dụng được các mô hình, phương pháp trong phát triển ngôn ngữ hiện đại trong nghiên cứu khoa học ứng dụng và thực tiễn giáo dục mầm non.	1.2.2	10%	2,5
2.2.2.1	Thực hiện đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành nghề nghiệp.	2.2.2	20%	2,5
3.1.1.1	Vận dụng thành thạo kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập và thực hành nghề nghiệp.	3.1.1	10%	2,5
3.1.2.1	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động nghiên cứu và hoạt động ứng dụng.	3.1.2	30%	2,5
4.1.1.1	Phân tích bối cảnh để rút ra được tính cấp thiết của những nghiên cứu, ứng dụng của vấn đề phát triển ngôn ngữ cho trẻ theo xu thế hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.1.1	10%	3,5
4.2.1.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, ứng dụng vấn đề phát triển ngôn ngữ cho trẻ theo xu thế hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.2.1	10%	3,5
4.2.2.1	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu, ứng dụng vấn đề phát triển ngôn ngữ cho trẻ theo xu thế giáo dục hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.2.3	15%	3,5
4.2.3.1	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận có giá trị khoa học góp phần nâng cao hiệu quả vấn đề phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong xu thế giáo dục hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.2.3	10%	3,5
4.2.4.1	Đánh giá, cải tiến được các kết quả nghiên cứu, ứng dụng phát triển ngôn ngữ cho trẻ theo xu thế giáo dục hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.2.4	10%	3,5

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số bài đánh giá	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên, quá trình, giữa kỳ (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO 2.2.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	25%	Quan sát
A1.2	CLO 3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	15%	Quan sát
	CLO 3.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	10%	Quan sát
A1.3	CLO 1.2.1.1 {điểm số}	2,5	25%	Bài đánh giá tự luận trên LMS
	CLO 1.2.1.2 {điểm số}	2,5	25%	
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
	CLO4.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5	100%	Đồ án
	CLO4.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.3.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.4.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8

8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài đánh giá A1.3

Bảng 2. Ma trận bài đánh giá A1.3

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.1 (50%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2,0	1,0	Trình bày cơ sở khoa học của sự phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non
	Mức 3		3,0	1,5	Liên hệ việc vận dụng các cơ sở khoa học trong thực tiễn phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.
1.2.1.2 (50%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2,0	1,0	Xác định các nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong một số chương trình giáo dục mầm non trong và ngoài nước.
	Mức 3		3,0	1,5	So sánh các chương trình phát triển ngôn ngữ cho trẻ và rút ra bài học kinh nghiệm thực tiễn.
Tổng			10		

4.3. Ma trận đánh giá bài đánh giá A2.1 - Đồ án

Bảng 3. Ma trận đề thi tự luận A2.1

Chuẩn đầu ra đánh giá {mức năng lực, trọng số %}: 3,5 CLO4.1.1.1; CLO4.2.1.1; CLO4.2.2.1; CLO4.2.3.1; CLO4.1.4.1		Điểm số	Điểm năng lực
1. Kỹ năng giao tiếp {mức 4, trọng số 20%}: 		.../10	3,5
Tiêu chí 1	Viết được bản thuyết minh hoàn chỉnh về cấu trúc và hình thức	.../5	
	Chỉ báo 1: Xây dựng thuyết minh dự án có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc hợp lý	2,0	
	Chỉ báo 2: Trình bày rõ ý tưởng dự án, lối viết cô đọng, ngôn ngữ phù hợp với văn phong khoa học	1,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh được thu thập từ các nguồn tham khảo khác nhau để minh họa, chứng minh cho các lập luận đưa ra	1,0	
	Chỉ báo 4: Trích dẫn các văn bản, tài liệu tham khảo từ các nguồn theo quy chuẩn của ngành/lĩnh vực	1,0	
Tiêu chí 2	Thiết kế được slide đảm bảo tính dễ nhìn, dễ đọc, logic, cân đối	.../3	

	<i>Chỉ báo 1:</i> Thiết kế được các slide theo trình tự logic, mỗi slide không quá 5 ý, mỗi báo cáo không quá 25 slide (hoặc 20 phút clip)	1,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Sử dụng kích cỡ chữ, phối hợp màu sắc hài hòa, đảm bảo tính dễ nhìn và tính thẩm mỹ	1,0	
	<i>Chỉ báo 3:</i> Sử dụng đồ họa đa phương tiện (hình ảnh, video, hình ảnh hiệu ứng động,...) để tăng tính thuyết phục và hấp dẫn	1,0	
Tiêu chí 3	<i>Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, trả lời được các câu hỏi</i>	.../2	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Thuyết trình rõ ràng trong thời lượng cho phép	1,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Thể hiện được phong thái tự tin, lời cuốn, giọng điệu phù hợp, ngôn ngữ hình thể thu hút sự chú ý của người nghe	1,0	
2. Phân tích được bối cảnh của dự án {mức 4, trọng số 10%}		.../10	
Tiêu chí 1	<i>Phân tích được bối cảnh liên quan đến dự án</i>	.../10	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Phân tích tổng quan về tình hình nghiên cứu, ứng dụng, kinh tế, xã hội liên quan đến dự án	5,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Luận giải được tính cấp thiết của dự án trên cơ sở phân tích tổng quan	5,0	
3. Hình thành ý tưởng về dự án {mức 4, trọng số 15%}		.../10	
Tiêu chí 1	<i>Hình thành ý tưởng về dự án</i>	.../10	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Dẫn ra được câu hỏi nghiên cứu hoặc giả thuyết khoa học, thực tiễn về dự án	3,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Luận giải được ý tưởng dự án là mới so với các dự án liên quan đã được thực hiện trước đó	4,0	
	<i>Chỉ báo 3:</i> Phát biểu rõ ràng mục tiêu dự án	3,0	
4. Xây dựng nội dung thực hiện dự án {mức 4, trọng số 15%}		.../10	
Tiêu chí 1	<i>Xây dựng được nội dung và phương pháp thực hiện dự án</i>	.../5	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Thiết kế được các nội dung thực hiện ứng với từng mục tiêu của dự án	3,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Xác định được phương pháp/cách thức thực hiện phù hợp với từng nội dung của dự án	2,0	
Tiêu chí 2	<i>Xây dựng được kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện dự án</i>	.../5	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Xây dựng được kế hoạch và tiến độ thực hiện chi tiết, rõ ràng cho từng nội dung	3,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Bố trí, sắp xếp được nguồn lực hợp lý để thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả	2,0	
5. Triển khai các nội dung dự án {mức 4, trọng số 30%}		.../10	
Tiêu chí 1	<i>Thu thập và phân tích được số liệu, chứng cứ khoa học</i>	.../5	

	<i>Chỉ báo 1</i> : Thu thập được (hoặc tạo ra được) số liệu/luận cứ đảm bảo tính khoa học cho từng nội dung thực hiện của dự án	3,0	
	<i>Chỉ báo 2</i> : Trình bày được các kết quả thu được một cách khoa học, đảm bảo tính trực quan và thu hút	2,0	
Tiêu chí 2	<i>Phân tích, thảo luận về kết quả nghiên cứu</i>	.../5	
	<i>Chỉ báo 1</i> : Phân tích, thảo luận về các kết quả đạt được theo các mục tiêu của dự án	3,0	
	<i>Chỉ báo 2</i> : So sánh kết quả thu được với kết quả của các dự án trước đó và giải thích sự khác biệt	2,0	
6. Đánh giá kết quả dự án và đưa ra các đề xuất {mức 4, trọng số 10%}		.../10	
Tiêu chí 1	<i>Đánh giá được các kết quả và đưa ra được các đề xuất</i>	.../10	
	<i>Chỉ báo 1</i> : Đánh giá được đóng góp về khoa học của dự án	3,0	
	<i>Chỉ báo 2</i> : Đánh giá được hiệu quả về xã hội của dự án	3,0	
	<i>Chỉ báo 3</i> : Chỉ ra được tồn tại và/hoặc phạm vi của dự án	2,0	
	<i>Chỉ báo 4</i> : Đề xuất được các biện pháp để có thể ứng dụng kết quả vào thực tiễn giáo dục mầm non	2,0	
Kết quả toàn bài đánh giá		.../10	

4.3. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa GDMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO 2.2.2.1. (Thực hiện đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành) [mức năng lực: 2,5]			100 %
Tiêu chí 1	<i>Chấp hành đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành</i>		50 %
	Chủ động, tự giác chấp hành đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành	8 - 10	
	Tự giác thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	6 - 7.9	
	Chưa thực sự chủ động thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	5 - 6.9	

	Không chủ động trong thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	0 - 4	
	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nhiệm vụ trong học tập và thực hành		50%
Tiêu chí 2	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ	8 -10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6 - 7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5 - 6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0 - 4	
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

GIẢNG VIÊN THỨ NHẤT

(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIẢNG VIÊN THỨ HAI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TRƯỜNG SƯ PHẠM

Khoa Giáo dục Mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../

2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....

3. Học phần:.....

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.1.1.1 (Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập) [mức năng lực: 2,5]			100%
	Xác định mục đích và phương thức hợp tác		20 %
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết các nhiệm vụ học tập và lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	8-10	

Tiêu chí 1	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ và xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm	6-7.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	5-6.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; chưa xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ học tập		30 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 3	Thực hiện nhiệm vụ được giao		30 %
	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
Tiêu chí 4	Đánh giá hoạt động hợp tác		20 %
	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-6.9	
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	0-4.0	
Điểm số của CLO3.1.1.1			
Điểm tổng kết: TC1*20% + TC2*30% + TC3*30% + TC4*20%			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
3. Học phần:.....
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.1.2.1. Vận dụng kỹ năng lãnh đạo nhóm để giải quyết các nhiệm vụ học tập [mức năng lực: 2.5]			100 %
Tiêu chí 1	Tổ chức thành lập nhóm		20 %
	Tự giác hoàn thành nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch học tập		30 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 3	Thực hiện nhiệm vụ được giao		30 %
	Tự giác hoàn thành nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
	Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng		20 %
Tiêu chí 4	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm.	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	

	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-6.9
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	0-4.0
Điểm số của CLO 3.1.2.1		
Điểm tổng kết		/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

Tài liệu học tập chính

[1]. Trần Nguyễn Nguyên Hân (2018), *Giáo dục ngôn ngữ cho trẻ mầm non*, Nxb Văn hóa Văn Nghệ

[2]. Trần Thị Hoàng Yến (2020), *Bài giảng Một số vấn đề hiện đại của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ*, Trường Đại học Vinh.

5.2 Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ GD và ĐT (2021), *Chương trình Giáo dục mầm non - VBHN 01/2021*. Nxb Giáo dục Việt Nam.

[2] Đinh Hồng Thái (2005), *Giáo trình Phương pháp phát triển lời nói trẻ em*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

[3] Trần Thị Thiệp, Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho, Trần Thị Minh Thành (2010), *Giáo trình Can thiệp sớm và giáo dục trẻ khuyết tật*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

[4]. Vụ Giáo dục mầm non (2001), *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên cốt cán: Can thiệp sớm và giáo dục trẻ khuyết tật mầm non*.

[5]. Trần Thị Hoàng Yến (2009), *Giáo trình Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ*, Nxb Đại học Vinh.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Cơ sở khoa học của sự phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non (học bài giảng Elearning: 5 tiết; học trên lớp: 8 tiết, tự học: 10 tiết)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) chương 1	CLO1.2.1.1	A1.1
		2	Trả lời câu hỏi và bài tập trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi và bài tập chương 1 ở mức 1 và 2)	CLO1.2.1.1	A1.1
		2	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]. [2]	CLO1.2.1.1.	A1.1

	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	5	Nghe giảng lý thuyết về các nội dung: 1.1. Cơ sở sinh lý học 1.1.1 Hệ thống tạo ra tiếng nói 1.1.2. Hệ thống tạo ra chữ viết 1.2. Cơ sở tâm lý học 1.2.1. Các lý thuyết liên quan đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non 1.2.2. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy 1.1.3. Vai trò của ngôn ngữ đối với sự phát triển toàn diện của trẻ 1.3. Cơ sở ngôn ngữ học 1.3.1. Định nghĩa ngôn ngữ 1.3.2. Chức năng của ngôn ngữ 1.3.3. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết 1.4. Cơ sở giáo dục học 1.4.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ mầm non 1.4.2. Các cách tiếp cận về giáo dục ngôn ngữ cho trẻ mầm non (cách tiếp cận trọng tâm phá âm; cách tiếp cận ngôn ngữ trọn vẹn; cách tiếp cận ngôn ngữ cân bằng) Hình thức: nghe giảng, thuyết trình	CLO1.2.1.1	A1.1 A1.3
		1	Bài tập: Anh/chị hãy trình bày quan điểm cá nhân về sự phát triển ngôn ngữ của trẻ.	CLO1.2.1.1 CLO 2.2.2.1	
		2	Thảo luận nhóm: Phân tích cơ sở khoa học của sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non.	CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1	A1.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	3	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy Đọc thêm: tài liệu [3]; [4]	CLO.1.2.1.1	A1.2
		6	Làm bài tập chương 1		
2	Chương 2. Nội dung chương trình phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non (Học trên Elearning: 6 tiết; Học trên lớp: 9 tiết, tự học: 9 tiết)				

	Giai đoạn 1	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung chương 2 và các tài liệu liên quan	CLO1.2.1.1 CLO 2.2.2.1	A1.1
		2	<i>Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS</i>	CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1	A1.1
		2	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1], [2], [3], [4]	CLO.1.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2	6	Lý thuyết: 2.1. Lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ trong chương trình Giáo dục mầm non hiện hành ở Việt Nam 2.1.1. Lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ độ tuổi nhà trẻ (3 - 36 tháng) 2.1.2. Lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ độ tuổi mẫu giáo (3 - 6 tuổi) 2.2. Nội dung một số chương trình giáo dục ngôn ngữ cho trẻ trên thế giới 2.3. So sánh chương trình giáo dục ngôn ngữ cho trẻ của Việt Nam với các quốc gia khác 2.4. Nội dung chương trình giáo dục ngôn ngữ cho trẻ chậm phát triển Hình thức dạy học: thuyết trình, giảng giải	CLO1.2.1.1	A1.1 A1.2
		1	Bài tập: So sánh chương trình phát triển ngôn ngữ độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo trong chương trình GDMN hiện hành của Việt Nam.	CLO1.2.1.1 CLO 2.2.2.1	A1.3
		2	Thảo luận nhóm: Phân tích các ưu/nhược điểm của chương trình phát triển ngôn ngữ của trẻ ở Việt Nam và các chương trình giáo dục mầm non trên thế giới.	CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1	A1.1 A1.2
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập: Hệ thống kiến thức của chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO.1.2.1.1	A1.1 A1.2
		6	Làm bài tập chương 2 trong tài liệu [2] Đọc thêm: tài liệu [3], [4], [5]	CLO1.2.1.1	A1.2

3	Chương 3. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non (Học trên Elearning: 6 tiết; Học trên lớp: 7 tiết; tự học: 9 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung chương 3 và các tài liệu liên quan	CLO 1.2.1.2 CLO 2.2.2.1	A1.1
		2	<i>Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS</i>	CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1	A1.1
		2	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1].	CLO.1.2.1.2	A1.1
	Giai đoạn 2	3	Lý thuyết: 3.1. Hướng dẫn nghe, nói cho trẻ mầm non 3.2. Hướng dẫn đọc - viết cho trẻ mầm non 3.3. Lập kế hoạch và tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ 3.3.1. Nguyên tắc lập kế hoạch giáo dục ngôn ngữ cho trẻ 3.3.2. Xây dựng kế hoạch giáo dục ngôn ngữ cho trẻ 3.3.3. Tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ Hình thức dạy học: thuyết trình, giảng giải	CLO1.2.1.2	A1.1 A1.2
		1	Bài tập tự luận Lập 01 kế hoạch hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ phù hợp bối cảnh địa phương.	CLO1.2.1.2 CLO 2.2.2.1	A1.3
		2	Thảo luận nhóm: Đề xuất một số phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ theo xu thế đổi mới giáo dục mầm non và bối cảnh địa phương.	CLO2.2.2.2 CLO3.1.1.2	A1.1 A1.2
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập: Hệ thống kiến thức của chương 4 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.2	A1.1 A1.2
		6	Làm bài tập chương 3 trong tài liệu [2] Đọc thêm: tài liệu [3], [4], [5]	CLO1.2.1.2	A1.2
4	Hướng dẫn Đồ án môn học (15 tiết) (Học trên lớp: 5 tiết; tự học: 30 tiết)				

	Giai đoạn 1	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung hướng dẫn thực hiện đồ án các tài liệu liên quan	CLO 1.2.1.2 CLO 2.2.2.1	A2.1
		2	Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS	CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1	
		1	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: - Nghiên cứu đề cương học phần - Đề xuất một số đề tài dự án học phần	CLO 1.2.1.2 CLO 2.2.2.1	
	Giai đoạn 2	5	Hướng dẫn yêu cầu của quy trình thực hiện đồ án Định hướng, gợi ý các đề tài đồ án Phân công các nhóm thực hiện đồ án	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
	Giai đoạn 3	10	Các nhóm lập kế hoạch, cemina kế hoạch, nội dung đồ án bằng hình thức trực tiếp, online. Các nhóm thực hiện đồ án.	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
7	Báo cáo Đồ án kết thúc HP	10	Báo cáo Đồ án theo rubric A2.1	CLO4.1.1.1 CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày 14 tháng 05 năm 2024

**KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG SƯ PHẠM
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Trần Vũ Tài

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thị Hoàng Yến

GIẢNG VIÊN



TS. Trần Thị Hoàng Yến

17. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CHO TRẺ MẦM NON

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CHO TRẺ MẦM NON	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../2024
		Số trang: 214/11

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

TS. Phạm Thị Huyền

Địa chỉ liên hệ: Khoa Quản lý, Học viện Quản lý Giáo dục

Điện thoại: 0931395996

email: phamthihuyen.vinh@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Nghiên cứu về Khoa học Giáo dục và Giáo dục mầm non

Giảng viên 2:

TS. Phạm Thị Hải Châu

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0915386787

email: chaupth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Toán và khoa học giáo dục mầm non

1.2. Thông tin về học phần

PRE83017	
- Tên học phần (tiếng Việt): Phát triển nhận thức cho trẻ mầm non (tiếng Anh): The Cognitive Deverlopment for Preschool Children	
- Mã số học phần: PRE 83017	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☒ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lí thuyết: 30 Số tiết tự học: 90 + Số tiết thực hành: + Số tiết thực tế: + Số tiết dạy học dự án: 15	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Không + Học phần học trước: + Học phần song hành: các học phần thuộc nhóm chuyên ngành bắt buộc	
- Yêu cầu của học phần {giảng viên cụ thể hóa các yêu cầu}: + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80% + Người học phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.	
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục mầm non	

2. Mô tả học phần

- Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu và thạc sĩ định hướng giáo dục chuyên ngành giáo dục học (giáo dục mầm non). Học học phần này, người học sẽ trao đổi, chia sẻ những vấn đề về phát triển nhận thức cho trẻ. Qua đó, người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác trong nghiên cứu và thực tiễn về vấn đề phát triển tính tích cực nhận thức cho trẻ phù hợp xu thế đổi mới giáo dục mầm non.

- Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số 3537/QĐ-ĐHV ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
PLO1.2.1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu, hiện đại của giáo dục mầm non trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2.5 {K3}
PLO2.2.2	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia và chịu trách nhiệm với những kết luận chuyên môn trong học tập và thực hành nghề nghiệp.	2.5 {S3}
PLO3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2.5 {S3}
PLO3.1.2	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2.5 {S3}
PLO4.1.1	Phân tích bối cảnh khoa học và xu hướng phát triển của giáo dục mầm non đối với hoạt động nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp.	3,5 {S4}
PLO4.2.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3,5 {S 4}
PLO4.2.2	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non một cách khoa học	3,5 {S 4}
PLO4.2.3	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận chuyên gia trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3,5 {S 4}
PLO4.2.4	Đánh giá các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non và đưa ra các giải pháp cải tiến.	3,5 {S 4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1	Vận dụng được những lý thuyết phát triển nhận thức, đặc điểm và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển nhận thức của trẻ vào thực tiễn giáo dục mầm non tại đơn vị công tác	1.2.1	5%	2,5 {Mức 3}
1.2.1.2	Vận dụng được các vấn đề cơ bản về mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện phát triển nhận thức vào các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non		10%	2,5 {Mức 3}
2.2.2.1	Thực hiện đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành nghề nghiệp.	2.2.2	25%	2,5 {Mức 3}
3.1.1.1	Vận dụng thành thạo kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập và thực hành nghề nghiệp.	3.1.1	10%	2.5
3.1.2.1	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	3.1.2	40%	2.5
4.1.1.1	Phân tích bối cảnh để rút ra được tính cấp thiết của việc nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực phát triển nhận thức cho trẻ phù hợp với bối cảnh đổi mới giáo dục.	4.1.1	10%	3.5
4.2.1.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu ứng dụng phát triển nhận thức cho trẻ mầm non phù hợp với bối cảnh đổi mới giáo dục mầm non.	4.2.1	10%	3,5 {Mức 4}
4.2.2.1	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu, ứng dụng phát triển nhận thức cho trẻ mầm non phù hợp bối cảnh đổi mới giáo dục mầm non.	4.2.2	15%	3,5 {Mức 4}
4.2.3.1	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận có giá trị khoa học góp phần phát triển nhận thức cho trẻ mầm non	4.2.3	10%	3,5 {Mức 4}
4.2.4.1	Đánh giá được các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong lý luận và thực tiễn về phát triển nhận thức cho trẻ mầm non phù hợp và hiệu quả.	4.2.4	10%	3,5 {Mức 4}

4. Kiểm tra, đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên, quá trình, giữa kỳ (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO 2.2.2.1	2,5	25%	Quan sát
A1.2	CLO 3.1.1.1	2,5	15%	Quan sát
	CLO 3.1.2.1	2,5	10%	Quan sát
A1.3	CLO 1.2.1.1	2,5	20%	Bài đánh giá tự luận trên LMS
	CLO 1.2.1.2	2,5	30%	
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO4.1.1.1	3,5	100%	Đồ án
	CLO4.2.1.1	3,5		
	CLO4.2.2.1	3,5		
	CLO4.2.3.1	3,5		
	CLO4.2.4.1	3,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài thi A1.3

Bảng 2. Ma trận đề thi A1.3

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.1 (20%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2.0	1,0	Xác định được đặc điểm và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển nhận thức của trẻ mầm non
	Mức 3		3,0	1,5	Đánh giá được thực trạng về đặc điểm và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển nhận thức của trẻ mầm non tại cơ sở giáo dục mầm non nơi anh/chị công tác
1.2.1.2 (30%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2.0	1,0	Xác định được mục tiêu, nội dung, các phương tiện phát triển nhận thức cho trẻ mầm non
	Mức 3		3.0	1,5	Đánh giá được thực trạng về phát triển nhận thức cho trẻ mầm non tại cơ sở giáo dục mầm non nơi anh/chị công tác

4.3. Ma trận bài thi đồ án A2

Chuẩn đầu ra đánh giá {mức năng lực, trọng số %}: CLO4.1.1.1; CLO4.2.1.1; CLO4.2.2.1; CLO4.2.3.1; CLO4.1.4.1		Điểm số	Điểm năng lực
1. Phân tích được bối cảnh của dự án {mức 4, trọng số 10%} PLO4.1.1 PLO4.2		.../10	
Tiêu chí 1	Phân tích được bối cảnh liên quan đến dự án	.../10	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Phân tích tổng quan về tình hình nghiên cứu, ứng dụng, kinh tế, xã hội liên quan đến dự án	5,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Luận giải được tính cấp thiết của dự án trên cơ sở phân tích tổng quan	5,0	
3. Hình thành ý tưởng về dự án {mức 4, trọng số 15%}		.../10	
Tiêu chí 1	Hình thành ý tưởng về dự án	.../10	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Dẫn ra được câu hỏi nghiên cứu hoặc giả thuyết khoa học, thực tiễn về dự án	3,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Luận giải được ý tưởng dự án là mới so với các dự án liên quan đã được thực hiện trước đó	4,0	
	<i>Chỉ báo 3:</i> Phát biểu rõ ràng mục tiêu dự án	3,0	
2. Xây dựng nội dung thực hiện dự án {mức 4, trọng số 15%}		.../10	
Tiêu chí 1	Xây dựng được nội dung và phương pháp thực hiện dự án	.../5	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Thiết kế được các nội dung thực hiện ứng với từng mục tiêu của dự án	3,0	

	<i>Chỉ báo 2: Xác định được phương pháp/cách thức thực hiện phù hợp với từng nội dung của dự án</i>	2,0	
Tiêu chí 2	<i>Xây dựng được kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện dự án</i>	.../5	
	<i>Chỉ báo 1: Xây dựng được kế hoạch và tiến độ thực hiện chi tiết, rõ ràng cho từng nội dung</i>	3,0	
	<i>Chỉ báo 2: Bố trí, sắp xếp được nguồn lực hợp lý để thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả</i>	2,0	
3. Triển khai các nội dung dự án {mức 4, trọng số 30%}		.../10	
Tiêu chí 1	<i>Thu thập và phân tích được số liệu, chứng cứ khoa học</i>	.../5	
	<i>Chỉ báo 1: Thu thập được (hoặc tạo ra được) số liệu/luận cứ đảm bảo tính khoa học cho từng nội dung thực hiện của dự án</i>	3,0	
	<i>Chỉ báo 2: Trình bày được các kết quả thu được một cách khoa học, đảm bảo tính trực quan và thu hút</i>	2,0	
Tiêu chí 2	<i>Phân tích, thảo luận về kết quả nghiên cứu</i>	.../5	
	<i>Chỉ báo 1: Phân tích, thảo luận về các kết quả đạt được theo các mục tiêu của dự án</i>	3,0	
	<i>Chỉ báo 2: So sánh kết quả thu được với kết quả của các dự án trước đó và giải thích sự khác biệt</i>	2,0	
4. Đánh giá kết quả dự án và đưa ra các đề xuất {mức 4, trọng số 10%}		.../10	
Tiêu chí 1	<i>Đánh giá được các kết quả và đưa ra được các đề xuất</i>	.../10	
	<i>Chỉ báo 1: Đánh giá được đóng góp về khoa học của dự án</i>	3,0	
	<i>Chỉ báo 2: Đánh giá được hiệu quả về kinh tế, xã hội của dự án</i>	3,0	
	<i>Chỉ báo 3: Chỉ ra được tồn tại và/hoặc phạm vi của dự án</i>	2,0	
	<i>Chỉ báo 4: Đề xuất được các cơ chế, chính sách hoặc giải pháp để thể ứng dụng kết quả vào thực tiễn giáo dục mầm non</i>	2,0	
Kết quả toàn bài đánh giá		.../10	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Giáo dục mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ Bài đánh giá A.1.1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../.../...
2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
3. Học phần:.....
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt] Cần mô tả sát với CLO2.2.2		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO.2.2.2.1. (Thực hiện đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành) [mức năng lực: 2,5]			100 %
Tiêu chí 1	Chấp hành đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành		50 %
	Chủ động, tự giác chấp hành đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành	8 - 10	
	Tự giác thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	6 - 7.9	
	Chưa thực sự chủ động thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	5 - 6.9	
	Không chủ động trong thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	0 - 4	
Tiêu chí 2	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nhiệm vụ trong học tập và thực hành		50%
	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ	8 - 10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6 - 7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5 - 6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0 - 4	
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO: (Giảng viên có thể thiết kế theo bảng nếu bài đánh giá có nhiều CLO được tính điểm năng lực).

GIẢNG VIÊN THỨ NHẤT

(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIẢNG VIÊN THỨ HAI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Giáo dục Mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../.../.....
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....
- Học phần:.....

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.1.1.1 (Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập) [mức năng lực: 2,5]			100 %
Tiêu chí 1	Xác định mục đích và phương thức hợp tác		20 %
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết các nhiệm vụ học tập và lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	8-10	
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ và xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm	6-7.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	5-6.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; chưa xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ học tập		30 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 3	Thực hiện nhiệm vụ được giao		30 %
	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
Tiêu chí 4	Đánh giá hoạt động hợp tác		20 %
	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-6.9	
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	0-4.0	

Điểm số của CLO3.1.1.1	
Điểm tổng kết: TC1*20% + TC2*30% + TC3*30% + TC4*20%	/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

[1] Nguyễn Thị Hoà, *Phát huy tính tích cực nhận thức cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi học tập*, NXBGD, 2022.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1][2] Đỗ Thị Minh Liên, (2014), *Phương pháp hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non*, NXBĐHQG,

[3] Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân, *Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh*, NXBĐHSP Hà Nội, tái bản 2012.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1: Một số vấn đề chung về phát triển nhận thức cho trẻ mầm non (học bài giảng Elearning: 5 tiết; học trên lớp: 10 tiết, tự học: 15 tiết)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) về...	CLO.1.2.1.1	A1.1
		1	Làm bài tập trên LMS: Trả lời các câu hỏi và bài tập của chương 1		...
		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2:....;	CLO.1.2.1.1	A1.2
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	8	Trình bày về các nội dung của chương 1: - Khái niệm phát triển nhận thức cho trẻ mầm non - Một số học thuyết về phát triển nhận thức của trẻ mầm non - Đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non - Các yếu tố ảnh hưởng phát triển nhận thức của trẻ	CLO1.2.1.1	A1.2

		1	Bài tập: Chỉ ra các biểu hiện về phát triển nhận thức của trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non.	CLO.1.2.1.1	A1.2
		1	Thảo luận nhóm: Điểm mạnh và hạn chế của các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển nhận thức của trẻ	CLO.1.2.1.1	A1.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	5	Ôn tập các nội dung	CLO.1.2.1.1	A1.2
		10	Làm bài tập tự luận 1	CLO 1.2.1.1	A1.2
2	Chương 2: Phát triển nhận thức cho trẻ mầm non (Học trên Elearning: 5 tiết; Học trên lớp: 10 tiết, tự học: 15 tiết)				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	1	Học bài giảng E-Learning (LMS)	CLO.1.2.1.2	A1.1
		1	Làm bài tập trên LMS: Trả lời các câu hỏi và bài tập của chương 2		...
		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2:....;	CLO.1.2.1.2	A1.2
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	8	Trình bày các nội dung về: - Mục tiêu phát triển nhận thức cho trẻ mầm non - Nội dung phát triển nhận thức cho trẻ mầm non - Phương pháp phát triển nhận thức cho trẻ mầm non - Phương tiện để phát triển nhận thức cho trẻ mầm non - Đánh giá phát triển nhận thức cho trẻ mầm non	CLO.1.2.1.2	A1.2
		1	Bài tập: Hãy viết ra các nội dung phát triển nhận thức cho trẻ mầm non	CLO.1.2.1.2	A1.2
		1	Thảo luận nhóm về: Các phương pháp phát triển nhận thức cho trẻ mầm non	CLO.1.2.1.2	A1.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	5	Ôn tập các nội dung chương 2	CLO.1.2.1.2	A1.2
		10	Làm bài tập tự luận 2	CLO.1.2.1.2	A1.2
3	Chương 3: Tổ chức hoạt động giáo dục để nhận thức cho trẻ mầm non (Học trên Elearning: 5 tiết; Học trên lớp: 10 tiết; tự học: 15 tiết)				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	1	Học bài giảng E-Learning (LMS)	CLO.1.2.1.2	A1.1
		1	Làm bài tập trên LMS: Trả lời các câu hỏi và bài tập của chương 3		...
		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2:....;	CLO.1.2.1.2	A1.2

	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	8	Nghe giảng về: - Các nguyên tắc tích cực hoá hoạt động nhận thức cho trẻ mầm non - Các biện pháp tích cực hoá hoạt động nhận thức cho trẻ	CLO.1.2.1.2	A1.2
		1	Bài tập: Chia sẻ các biện pháp phát triển tính tích cực cho trẻ	CLO.1.2.1.2	A1.2
		1	Thảo luận nhóm về: các nguyên tắc tích cực hoá hoạt động nhận thức	CLO.1.2.1.2	A1.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	5	Ôn tập các nội dung chương 2	CLO.1.2.1.2	A1.2
		10	Làm bài tập tự luận 2	CLO.1.2.1.2	A1.2
	Bài thi kết thúc HP		Tự luận theo ma trận bài thi A2.1	...	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày 30 tháng 4 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG SƯ PHẠM
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Trần Vũ Tài

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thị Hoàng Yến

GIẢNG VIÊN



TS. Phạm Thị Huyền

18. GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO TRẺ CÓ NHU CẦU ĐẶC BIỆT Ở TRƯỜNG MẦM NON

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO TRẺ CÓ NHU CẦU ĐẶC BIỆT Ở TRƯỜNG MẦM NON	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../202..
		Số trang: 225/8

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

GVC.TS. Dương Thị Thanh Thanh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0904 768 538. Email: thanhdt@vinhuni.edu.vn;

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học sư phạm, Tâm lý học quản lý.

Giảng viên 2:

GVC.TS. Lê Thực Anh

Điện thoại: 0912657006. Email: anhlt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học chuyên ngành

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non (tiếng Anh): Inclusive education for children with special needs in preschool	
- Mã số học phần: PRE83018	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục học - Giáo dục mầm non	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☒ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết bài tập, thảo luận: 0 + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết thực tế: 0 + Số tiết dạy học dự án: 15 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: không + Học phần học trước: không + Học phần song hành: không	
- Yêu cầu của học phần: + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80% + Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên	
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường Sư phạm	

2. Mô tả học phần

Giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non là học phần dạy học dự án thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn trong Chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng Nghiên cứu, cung cấp cho người học những tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về trẻ có nhu cầu đặc biệt, về đặc điểm trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non và cơ sở tâm lý học của giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt. Đồng thời, học phần giúp học viên phát triển tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực giáo dục hòa nhập ở trường mầm non.

Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu, hiện đại của giáo dục mầm non trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	2.5 {Mức 3}
2.1.2	Vận dụng được kỹ năng chuyển đổi số và sử dụng các công nghệ phù hợp trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2.5 {Mức 3}
2.2.2	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia và chịu trách nhiệm với những kết luận chuyên môn trong học tập và thực hành nghề nghiệp.	2.5 {Mức 3}
3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2.5 {Mức 3}
3.2.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong hoạt động nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	2.5 {Mức 3}
4.1.1	Phân tích bối cảnh khoa học và xu hướng phát triển của giáo dục mầm non đối với hoạt động nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp.	3.5 {Mức 4}
4.2.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3.5 {Mức 4}
4.2.2	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non một cách khoa học.	3.5 {Mức 4}
4.2.3	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận chuyên gia trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3.5 {Mức 4}
4.2.4	Đánh giá các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non và đưa ra các giải pháp cải tiến.	3.5 {Mức 4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1	Hiểu được kiến thức chuyên sâu trong nghiên cứu trẻ em có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non	1.2.1	10%	2.5
1.2.1.2	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu, hiện đại vào thực tiễn giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non		15%	2.5
2.1.2.1	Có kỹ năng sử dụng các công nghệ phù hợp để nghiên cứu vấn đề giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non một cách khoa học	2.1.2	20%	2.5
2.2.2.1	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân	2.2.2	15%	2.5
3.1.1.1	Vận dụng thành thạo kỹ năng hợp tác hiệu quả trong giải quyết nhiệm vụ học tập	3.1.1	10%	2.5
3.2.1.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức với người khác trong hoạt động nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	3.2.1	25%	2.5
4.1.1.1	Phân tích được bối cảnh khoa học và xu hướng phát triển của giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non	4.1.1	20%	3.5
4.2.1.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non	4.2.1	15%	3.5
4.2.2.1	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu vấn đề giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non một cách khoa học.	4.2.2	15%	3.5
4.2.3.1	Triển khai được nghiên cứu và rút ra được các kết luận giá trị khoa học và thực tiễn trong giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non	4.2.3	15%	3.5
4.2.4.1	Đánh giá được các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non và đưa ra các giải pháp cải tiến	4.2.4	10%	3.5

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số bài đánh giá	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên, quá trình, giữa kỳ (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO 2.1.2.1 { điểm số và điểm năng lực}	2,5	10%	Quan sát

	CLO 2.2.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	15%	Quan sát
A1.2	CLO 3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	15%	Quan sát
	CLO 3.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	10%	Quan sát
A1.3	CLO 1.2.1.1 {điểm số}	2,5	25%	Bài đánh giá tự luận
	CLO 1.2.1.2 {điểm số}	2,5	25%	
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
	CLO4.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5	100%	Đồ án
	CLO4.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.3.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.4.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.3. Ma trận bài thi tự luận

Bảng 2. Ma trận bài đánh giá A1.3

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo mức NL	Điểm số cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.1 (50%)	Mức 2	1 câu 5 điểm	2,0		Trình bày được những vấn đề cơ bản về trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non
	Mức 3		3,0	1,5	Phân biệt được các dạng trẻ có nhu cầu đặc biệt
1.2.1.2 (50%)	Mức 2	1 câu 5 điểm	2,0		Khái quát được những vấn đề giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non
	Mức 3		3,0	1,5	Vận dụng tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non
Tổng			10	3.0	

Bảng 3. Ma trận bài đánh giá cuối kỳ bằng tiểu luận A2.1

Chuẩn đầu ra đánh giá {mức năng lực, trọng số %} CLO4.1.1.1; CLO4.2.1.1; CLO4.2.2.1; CLO4.2.3.1; CLO4.1.4.1		Điểm số	Điểm năng lực
1. Kỹ năng giao tiếp {mức 4, trọng số 20%}:		.../10	3,5
Tiêu chí 1	Trình bày được bản thuyết minh hoàn chỉnh về cấu trúc và hình thức	.../5	
	Chỉ báo 1: Xây dựng thuyết minh dự án có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc logic	2,0	
	Chỉ báo 2: Trình bày rõ ý tưởng dự án, lối viết cô đọng, văn phong khoa học	1,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh, các văn bản, tài liệu tham khảo từ các nguồn theo quy chuẩn của ngành/ lĩnh vực	1,0	
Tiêu chí 2	Thiết kế được slide đảm bảo tính dễ nhìn, logic, cân đối	.../3	
	Chỉ báo 1: Thiết kế được các slide (video) có tính logic, số lượng slide (thời gian video) phù hợp với nội dung và quy định về thời gian trình bày.	1,0	
	Chỉ báo 2: Sử dụng kích cỡ chữ, phối hợp màu sắc hài hòa, đảm bảo tính dễ nhìn và tính thẩm mỹ	1,0	

	<i>Chỉ báo 3: Sử dụng đồ họa đa phương tiện (hình ảnh, video, hình ảnh hiệu ứng động,...) để tăng tính thuyết phục và hấp dẫn</i>	<i>1,0</i>	
<i>Tiêu chí 3</i>	<i>Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, trả lời được các câu hỏi</i>	<i>.../3</i>	
	<i>Chỉ báo 1: Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ thông tin trong thời gian cho phép</i>	<i>1,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Thể hiện được phong thái tự tin, giọng điệu, ngôn ngữ phù hợp, thu hút sự chú ý của người nghe</i>	<i>1,0</i>	
	<i>Chỉ báo 3: Trả lời đầy đủ câu hỏi đặt ra bởi người nghe, số lượng câu trả lời sai hoặc không đúng trọng tâm không quá 20%</i>	<i>1,0</i>	
2. Phân tích được bối cảnh của dự án {mức 4, trọng số 10%}		.../10	3,5
<i>Tiêu chí</i>	<i>Xây dựng được bối cảnh liên quan đến dự án</i>	<i>.../10</i>	
	<i>Chỉ báo 1: Phân tích tổng quan về tình hình nghiên cứu, ứng dụng, tình hình kinh tế, xã hội liên quan đến dự án</i>	<i>5,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Luận giải được tính cấp thiết của dự án trên cơ sở phân tích tổng quan</i>	<i>5,0</i>	
3. Hình thành ý tưởng về dự án {mức 4, trọng số 15%}		.../10	3,5
<i>Tiêu chí</i>	<i>Hình thành ý tưởng về dự án</i>	<i>.../10</i>	
	<i>Chỉ báo 1: Dẫn ra được câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết khoa học hoặc yêu cầu thực tiễn về dự án</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Luận giải được ý tưởng dự án là mới so với các dự án liên quan đã được thực hiện trước đó</i>	<i>4,0</i>	
	<i>Chỉ báo 3: Phát biểu rõ ràng mục tiêu dự án</i>	<i>3,0</i>	
4. Xây dựng nội dung thực hiện dự án {mức 4, trọng số 15%}		.../10	3,5
<i>Tiêu chí 1</i>	<i>Xây dựng được nội dung và phương pháp thực hiện dự án</i>	<i>.../5</i>	
	<i>Chỉ báo 1: Thiết kế được các nội dung thực hiện phù hợp với từng mục tiêu của dự án</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Xác định được phương pháp/ cách thức thực hiện phù hợp với từng nội dung của dự án</i>	<i>2,0</i>	
<i>Tiêu chí 2</i>	<i>Xây dựng được kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện dự án</i>	<i>.../5</i>	
	<i>Chỉ báo 1: Xây dựng được kế hoạch và tiến độ thực hiện chi tiết, rõ ràng cho từng nội dung</i>	<i>3,0</i>	

	<i>Chỉ báo 2:</i> Bố trí, sắp xếp được nguồn lực hợp lý để thực hiện kế hoạch hiệu quả	2,0	
5. Triển khai các nội dung dự án {mức 4, trọng số 30%}		.../10	3,5
<i>Tiêu chí 1</i>	Thu thập và phân tích được số liệu, chứng cứ khoa học	.../5	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Thu thập được số liệu/ luận cứ đảm bảo tính khoa học cho từng nội dung thực hiện của từng dự án	3,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> So sánh kết quả thu được với kết quả của các dự án trước đó và giải thích rõ ràng sự khác biệt	2,0	
<i>Tiêu chí 2</i>	Phân tích, thảo luận về kết quả nghiên cứu	.../5	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Phân tích, thảo luận về các kết quả của các dự án trước đó và giải thích rõ ràng sự khác biệt	3,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> So sánh kết quả thu được với kết quả của các dự án trước đó và giải thích rõ ràng sự khác biệt	2,0	
6. Đánh giá kết quả dự án và đưa ra các đề xuất		.../10	3,5
<i>Tiêu chí</i>	Đánh giá được các kết quả và đưa ra được các đề xuất	.../10	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Đánh giá được đóng góp về khoa học của dự án	3,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Đánh giá được hiệu quả về kinh tế, xã hội của dự án	3,0	
	<i>Chỉ báo 3:</i> Chỉ ra được tồn tại hoặc phạm vi của dự án	2,0	
	<i>Chỉ báo 4:</i> Đề xuất được các cơ chế, chính sách hoặc giải pháp để thể ứng dụng kết quả vào thực tiễn đời sống và sản xuất	2,0	
Kết quả toàn bài đánh giá		.../10	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG SƯ PHẠM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khoa Tâm lý Giáo dục

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO2.1.2.1. Có kỹ năng sử dụng các công nghệ phù hợp để nghiên cứu vấn đề giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non một cách khoa học [mức năng lực: 2.5]			50%
Tiêu chí 1	Kỹ năng sử dụng các công nghệ phù hợp để nghiên cứu vấn đề giáo dục hòa nhập		50 %
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 80-100% các nhiệm vụ học tập	8-10	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 60-80% các nhiệm vụ học tập	6-7.9	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 50-70% các nhiệm vụ học tập	5-6.9	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập	0-4.0	
Điểm số của CLO 3.1.2.1			
CLO2.2.2.1.Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân [mức năng lực: 2.5]			50%
Tiêu chí 2	Nhận định được năng lực của cá nhân		25%
	Nhận định chính xác mục tiêu, đam mê, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân	8-10	
	Nhận định được mục tiêu, đam mê, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân	6-7.9	
	Nhận định chưa đầy đủ mục tiêu, đam mê, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân	5-6.9	
	Chưa nhận định được mục tiêu, đam mê, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân	0-4.0	
Tiêu chí 3	Có khả năng tự học hỏi, tự nghiên cứu và tự đánh giá		25%
	Tìm kiếm được nhiều cơ hội học tập mới; Tự tìm hiểu và áp dụng tốt các kiến thức mới; tự đánh giá đúng mức độ thành công, tiến bộ và mức độ phát triển cá nhân của mình	8-10	
	Tìm kiếm được một số cơ hội học tập mới; Tự tìm hiểu và áp dụng được các kiến thức mới; tự đánh giá tương đối tốt mức độ thành công, tiến bộ và mức độ phát triển cá nhân của mình	4-7.9	
	Chưa tìm kiếm được cơ hội học tập mới; Chưa tự tìm hiểu và áp dụng được các kiến thức mới; tự đánh giá chưa tốt mức độ thành công, tiến bộ và mức độ phát triển cá nhân của mình	0-4.0	
Điểm số của CLO2.2.2.1			
Điểm tổng kết: TC1*50% + TC2*25% + TC3*25%			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....
3. Học phần:.....
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoản g điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.1.1.1. Vận dụng thành thạo kỹ năng hợp tác hiệu quả trong giải quyết nhiệm vụ học tập [mức năng lực: 2.5]			50%
Tiêu chí 1	Xác định mục đích và phương thức hợp tác		10 %
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết các nhiệm vụ học tập và lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	8-10	
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ và xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm	6-7.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	5-6.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; chưa xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ học tập		15 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 3	Thực hiện nhiệm vụ được giao		15 %
	Tự giác hoàn thành nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
	Đánh giá hoạt động hợp tác		10 %
Tiêu chí 4	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	8-10	

	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-6.9
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	0-4.0
Điểm số của CLO 3.1.1.1		
CLO3.2.1.1. Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức với người khác trong hoạt động nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non [mức năng lực: 2.5]		50%
	<i>Vận dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp</i>	20%
Tiêu chí 5	Thành thạo các kỹ năng giao tiếp có hiệu quả như: trao đổi, tương tác trực tiếp, email, văn bản, các nhóm tương tác qua các nền tảng zalo, ...	8-10
	Có khả năng sử dụng đa dạng các phương thức giao tiếp: trao đổi, tương tác trực tiếp, email, văn bản, các nhóm tương tác qua các nền tảng zalo, ...	6-7.9
	Sử dụng đa dạng phương thức giao tiếp ở mức độ cơ bản	5-6.9
	Hạn chế trong sử dụng các loại phương thức giao tiếp	0-4.0
Tiêu chí 6	<i>Kỹ năng truyền thông, truyền đạt tri thức trong hoạt động học tập và thực tiễn</i>	15%
	Thành thạo kỹ năng xây dựng kế hoạch và thực hiện truyền thông các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	8-10
	Thực hiện khá tốt việc xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác truyền thông cho nhà trường, đồng nghiệp và phụ huynh trong các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	4-7.9
	Thực hiện đúng quy định công tác truyền thông cho nhà trường, đồng nghiệp và phụ huynh trong các nhiệm vụ học tập và thực tiễn	0-4.0
Tiêu chí 7	<i>Kỹ năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ học tập và thực tiễn</i>	15%
	Tích cực thực hiện hiệu quả trong việc hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	
	Chủ động hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	
	Thực hiện đúng yêu cầu việc hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện trong các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	
	Chưa có kỹ năng hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	
Điểm số của CLO3.2.1.1		
Điểm tổng kết: TC1*10% + TC2*15% + TC3*15% + TC4*10%+ TC5*20% + TC6*15% + TC7*15%		/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

[1]. Dương Thị Thanh Thanh, Bài giảng Giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non 2023. (dành cho chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành GDH (GDMN), Trường Đại học Vinh

[2]. Lê Thị Bắc Lý (chủ biên), Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non, NXB ĐHSP 2016.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Nguyễn Thị Hoàng Yến (chủ biên). Đại cương giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ. NXB ĐHSP 2010.

[4] Trần Thị Thiệp (chủ biên), Giáo trình Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật, NXB ĐHSP 2016.

6. Kế hoạch dạy học

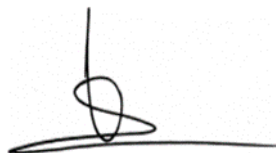
TT	Chương/ chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TRẺ CÓ NHU CẦU ĐẶC BIỆT (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 6 tiết, tự học: 12 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học qua bài giảng e-Learning (LMS)		
		3	Trả lời câu hỏi và bài tập trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi và bài tập chương 1 ở mức 1 và 2)	CLO2.1.2.1	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 1.2 và mục 1.3.		
	Giai đoạn 2	4	Học lý thuyết các nội dung sau: 1.1. Khái niệm trẻ em có nhu cầu đặc biệt 1.2. Phân loại trẻ em có nhu cầu đặc biệt 1.3. Hỗ trợ trẻ em có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non hòa nhập Phương pháp dạy học: trực quan, thuyết trình và giải quyết vấn đề	CLO1.2.1.1	A1.3
		1	Thảo luận:	CLO3.2.1.1	A2.1
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy	CLO2.1.2.1	A1.1
		5	Làm bài tập chương 1 (trang 33) trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]		
2	Chương 2. GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRẺ CÓ NHU CẦU ĐẶC BIỆT PHÂN LOẠI TRẺ CÓ NHU CẦU ĐẶC BIỆT (Học qua bài giảng E-learning: 3; học trên lớp: 12 tiết, tự học: 22 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học bài giảng E-Learning (LMS)		
		4	Trả lời các câu hỏi trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi ở mức độ 1 và 2)	CLO2.1.2.1	A1.1
		4	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 2.2 và mục 2.3		

	Giai đoạn 2	4	Học lý thuyết các nội dung sau: 2.1. Các mô hình giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non 2.2. Quy trình cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non 2.3. Cộng đồng tham gia giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non 2.4. Tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non Phương pháp dạy học: Thuyết trình, giải quyết vấn đề	CLO1.2.1.2	A2.1
		1	Thảo luận nhóm:	CLO3.2.1.1	A1.3
		1	Bài kiểm tra giữa kỳ: Theo ma trận của bài đánh giá A1.3	CLO1.2.1.1	A1.3
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO2.2.2.1	A1.1
		5	Làm bài tập chương 2 trong tài liệu [1]		
3	Chương 3. HỖ TRỢ TRẺ CÓ NHU CẦU ĐẶC BIỆT Ở TRƯỜNG MẦM NON (Học qua bài giảng E-learning: 3; học trên lớp: 12 tiết, tự học: 22 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học bài giảng E-Learning (LMS)		
		3	Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO2.1.2.1	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 3.1, mục 3.2		
	Giai đoạn 2	4	Học lý thuyết các nội dung sau: 3.1. Tạo môi trường học tập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non 3.2. Hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt trong lớp mẫu giáo hòa nhập Phương pháp dạy học: thuyết trình, giải quyết vấn đề	CLO1.2.1.2	A2.1
		1	Thảo luận nhóm:	CLO3.2.1.1	A1.2
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập: Hệ thống hóa nội dung chính của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO2.2.2.1	A1.1
		5	Làm bài tập chương 4 (trang 102) trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]		
	Hướng dẫn Đồ án môn học (15 tiết) (Học trên lớp: 5 tiết; tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1		Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung hướng dẫn thực hiện đồ án các tài liệu liên quan		
			<i>Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS</i>		
			Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1].		

	Giai đoạn 2		Hướng dẫn yêu cầu của quy trình thực hiện đồ án Định hướng, gợi ý các đề tài đồ án Phân công các nhóm thực hiện đồ án		
	Giai đoạn 3		Các nhóm lập kế hoạch, cemina kế hoạch, nội dung đồ án bằng hình thức online		
			Bài kiểm tra giữa kỳ: Theo ma trận của bài đánh giá A1.3	CLO2.2.1.1	A1.1
	Tiểu luận kết thúc học phần		Đồ án theo ma trận bài tiểu luận A2.1	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài tiểu luận A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2024

**KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG SƯ PHẠM
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Trần Vũ Tài

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thị Hoàng Yến

GIẢNG VIÊN



TS. Phạm Thị Huyền

19. ĐỔI MỚI ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC MẦM NON

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: ĐỔI MỚI ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC MẦM NON	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../202..
		Số trang: 238/8

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh

Địa chỉ liên hệ: Đại học Vinh

Điện thoại: 0967.586.668

Email: anhntq@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học

Giảng viên 2: PGS.TS Nguyễn Như An

Địa chỉ liên hệ: Đại học Vinh

Điện thoại: 0912.742.787

Email: annn@inhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Đổi mới đánh giá trong giáo dục mầm non (tiếng Anh): Assessment innovation in early childhood education	
- Mã số học phần: PRE83019	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung
☐ Kiến thức cơ sở ngành	☒ Học phần dạy học dự án
☒ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3	
+ Số tiết lý thuyết: 30	+ Số tiết thực tế: 0
+ Số tiết bài tập, thảo luận:	+ Số tiết dạy học dự án: 15
+ Số tiết thực hành: 0	+ Số tiết tự học: 90
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết:	
+ Học phần học trước: ...	
+ Học phần song hành: ...	
- Yêu cầu của học phần:	
+ Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%	
+ Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS	
+ Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm	
+ Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên	
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục mầm non, Trường Sư phạm	

2. Mô tả học phần

Học phần *Đổi mới đánh giá trong giáo dục mầm non* là học phần dạy học dự án thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn trong Chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng nghiên cứu. Học phần giúp người học nhận diện tổng quan những vấn đề lý luận cơ bản, hiện đại về đánh giá trong giáo dục mầm non, nhận định được bối cảnh khoa học và xu hướng đổi mới trong đánh giá, từ đó đề xuất được vấn đề nghiên cứu. Đồng thời, người học thiết kế, triển khai và đánh giá được các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực đánh giá; đưa ra được các giải pháp cải tiến một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới trong GDMN.

Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu, hiện đại của giáo dục mầm non trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2.5 {Mức 3}
2.1.2	Vận dụng được kỹ năng chuyên đổi số và sử dụng các công nghệ phù hợp trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	2.5 {Mức 3}
2.2.2	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia và chịu trách nhiệm với những kết luận chuyên môn trong học tập và thực hành nghề nghiệp	2.5 {Mức 3}
3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2.5 {Mức 3}
3.2.2	Đạt trình độ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và vận dụng được tiếng Anh chuyên ngành trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	2.5 {Mức 3}
4.1.1	Phân tích bối cảnh khoa học và xu hướng phát triển của giáo dục mầm non đối với hoạt động nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp	3.5 {Mức 4}
4.2.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non.	3.5 {Mức 4}
4.2.2	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non một cách khoa học.	3.5 {Mức 4}
4.2.3	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục mầm non.	3.5 {Mức 4}
4.2.4	Đánh giá các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non và đưa ra các giải pháp cải tiến.	3.5 {Mức 4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1	Vận dụng được các quan điểm khoa học, các lý thuyết chuyên sâu, hiện đại của đánh giá trong nghiên cứu về đổi mới đánh giá giáo dục mầm non.	1.2.1	10%	2.5
1.2.1.2	Vận dụng các nghiên cứu về đánh giá hiện đại để cải tiến thực tiễn đánh giá trong GDMN một cách độc lập, sáng tạo.		10%	2.5
1.2.1.3	Vận dụng được các quan điểm khoa học, các lý thuyết hiện đại, chuyên sâu về đánh giá để đề xuất đổi mới đánh giá trong GDMN.		10%	2.5
2.1.2.1	Vận dụng được kỹ năng khai thác học liệu số và sử dụng CNTT, các phương tiện kỹ thuật hiện đại vào hoạt động đánh giá trong giáo dục mầm non	2.1.2	20%	2.5
2.2.2.1	Chủ động trong đổi mới phương thức đánh giá ở mầm non; tự chịu trách nhiệm với những quyết định đó	2.2.2	15%	2.5
3.1.1.1	Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm trong giải quyết các nhiệm vụ học tập và thực tiễn nghề nghiệp	3.1.1	10%	2.5
3.2.2.1	Sử dụng được tiếng Anh để tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu liên quan tới hoạt động đánh giá trong GDMN	3.2.2	25%	2.5
4.1.1.1	Phân tích được bối cảnh thể hiện sự cần thiết phải đổi mới đánh giá trong GDMN	4.1.1	20%	3.5
4.2.1.1	Đề xuất được các nghiên cứu, ứng dụng về đổi mới cách thức đánh giá trong GDMN	4.2.1	15%	3.5
4.2.2.1	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu, ứng dụng về đổi mới cách thức đánh giá trong GDMN một cách khoa học	4.2.2	15%	3.5
4.2.3.1	Triển khai được quy trình kiểm tra đánh giá đáp ứng yêu cầu đổi mới đánh giá giáo dục mầm non	4.2.3	5%	3.5
4.2.4.1	Đề xuất được các biện pháp đổi mới đánh giá GDMN phù hợp với thực tiễn	4.2.4	10%	3.5

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO 2.1.2.1 {điểm số}	2.5	35%	Quan sát + LMS
	CLO 2.2.2.1 {điểm số }	2.5	20%	
A1.2	CLO.1.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	1.5	15%	Tự luận
	CLO.1.2.1.2 {điểm số và điểm năng lực}	1.5	15%	
	CLO.1.2.1.3 {điểm số và điểm năng lực}	1.5	15%	
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO.3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2.5	10%	Đồ án
	CLO.3.2.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2.5	15%	
	CLO.4.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3.5	10%	
	CLO.4.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3.5	15%	
	CLO.4.2.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	3.5	15%	
	CLO.4.2.3.1 {điểm số và điểm năng lực}	3.5	15%	
	CLO.4.2.4.1 {điểm số và điểm năng lực}	3.5	30%	

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 55\% + A1.2 \times 45\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 \times 50\% + A2 \times 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7

5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài thi tự luận A1.3

Bảng 1. Ma trận đề thi tự luận A1.3 {Ma trận này công bố trong đề cương}

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.1 (30%)	Mức 2	Câu 3 điểm	1,0		Khái quát hoá được tổng quan lý luận về đánh giá trong giáo dục mầm non
	Mức 3		2,0	1,0	Vận dụng được các quan điểm khoa học, hiện đại về đánh giá trong giáo dục, các xu hướng đổi mới trong giáo dục mầm non giải thích lý do cần thiết đổi mới đánh giá giáo dục mầm non.
1.2.1.2 (30%)	Mức 2	Câu 3 điểm	1,0		Thu thập được các nghiên cứu mới về đánh giá trong giáo dục mầm non
	Mức 3		2,0	1,0	Vận dụng các kết quả nghiên cứu về đánh giá hiện đại vào thực tiễn đánh giá trong GDMN một cách độc lập, sáng tạo.
1.2.1.3 (40%)	Mức 2	Câu 4 điểm	1,4		Nhận diện được các quan điểm đổi mới và cách tiếp cận hiện đại về đánh giá trong giáo dục hiện nay
	Mức 3		2,6	1,3	Vận dụng được các quan điểm khoa học, các lý thuyết hiện đại, chuyên sâu về đánh giá để đề xuất đổi mới đánh giá trong GDMN.
Tổng			10	3,3	

4.3. Ma trận bài đồ án A2.1

Bảng 3. Ma trận đánh giá Đồ án A2.1 {Ma trận này công bố trong đề cương}

Chuẩn đầu ra đánh giá {Mức năng lực, Trọng số } CLO3.1.1.1; CLO3.2.2.1; CLO4.1.1.1; CLO4.2.1.1; CLO4.2.2.1; CLO4.2.3.1; CLO4.2.4.1		Điểm số	Điểm năng lực
1. Kỹ năng giao tiếp {mức 4, trọng số 20%}; CLO3.1.1.1; CLO3.2.2.1		.../10	
Tiêu chí 1	Trình bày được bản thuyết minh hoàn chỉnh về cấu trúc và hình thức	.../4	
	Chỉ báo 1: Xây dựng thuyết minh dự án có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc logic	2.0	
	Chỉ báo 2: Trình bày rõ ý tưởng dự án, lối viết cô đọng, văn phong khoa học	1.0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh, các văn bản, tài liệu tham khảo từ các nguồn theo quy chuẩn của ngành	1.0	
Tiêu chí 2	Thiết kế được slide/video đảm bảo dễ nhìn, logic, cân đối	.../3	
	Chỉ báo 1: Thiết kế được slide/video có tính logic, số lượng slide/thời lượng video phù hợp với nội dung và quy định về thời gian trình bày	1.0	
	Chỉ báo 2: Sử dụng cỡ chữ, phối hợp màu sắc hài hoà, đảm bảo dễ nhìn và thẩm mỹ	1.0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng đồ hoạ đa phương tiện (hình ảnh, video, hiệu ứng...) để tăng tính thuyết phục và hấp dẫn	1.0	
Tiêu chí 3	Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, trả lời được các câu hỏi	.../3	
	Chỉ báo 1: Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ thông tin trong thời gian cho phép	1.0	
	Chỉ báo 2: Thể hiện được phong thái tự tin, giọng điệu, ngôn ngữ phù hợp, thu hút sự chú ý của người nghe	1.0	
	Chỉ báo 3: Trả lời đầy đủ câu hỏi đặt ra bởi người nghe, số lượng câu trả lời sai/không đúng trọng tâm không quá 20%	1.0	
2. Phân tích được bối cảnh của dự án {mức 4, trọng số 10%} CLO4.1.1.1		/10	
Tiêu chí	Phân tích được bối cảnh liên quan đến dự án	.../10	
	Chỉ báo 1: Phân tích tổng quan về tình hình nghiên cứu, ứng dụng, tình hình kinh tế, xã hội liên quan đến dự án	5.0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được tính cấp thiết của dự án trên cơ sở phân tích tổng quan	5.0	

3. Hình thành ý tưởng về dự án {mức 4, trọng số 15%}; CLO4.2.1.1		/10	
Tiêu chí	Hình thành ý tưởng về dự án	/10	
	Chỉ báo 1: Dẫn ra được câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết khoa học hoặc yêu cầu thực tiễn về dự án	3.0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được ý tưởng dự án là mới so với các dự án liên quan đã được thực hiện trước đó	4.0	
	Chỉ báo 3: Phát biểu rõ ràng mục tiêu dự án	3.0	
4. Xây dựng nội dung thực hiện dự án {mức 4, trọng số 15%}; CLO4.2.2.1		/10	...
Tiêu chí 1	Xây dựng được nội dung và phương pháp thực hiện dự án	/5	
	Chỉ báo 1: Thiết kế được các nội dung thực hiện phù hợp với từng mục tiêu của dự án	3.0	
	Chỉ báo 2: Xác định được phương pháp/cách thức thực hiện phù hợp với từng nội dung của dự án	2.0	
Tiêu chí 2	Xây dựng được nội dung và phương pháp thực hiện dự án	/5	
	Chỉ báo 1: Xây dựng được kế hoạch và tiến độ thực hiện chi tiết, rõ ràng cho từng nội dung	3.0	
	Chỉ báo 2: Bố trí, sắp xếp được nguồn lực hợp lý để thực hiện kế hoạch hiệu quả	2.0	
5. Triển khai các nội dung dự án {mức 4, trọng số 30%}; CLO4.2.3.1		/10	
Tiêu chí 1	Thu thập và phân tích được số liệu, chứng cứ khoa học	/5	
	Chỉ báo 1: Thu thập được số liệu/luận cứ đảm bảo tính khoa học cho từng nội dung thực hiện của dự án	3.0	
	Chỉ báo 2: Phân tích và trình bày được các kết quả đảm bảo tính chính xác, tin cậy và khoa học	2.0	
Tiêu chí 2	Phân tích, thảo luận về kết quả nghiên cứu	/5	
	Chỉ báo 1: Phân tích, thảo luận về các kết quả đạt được theo các mục tiêu của dự án	3.0	
	Chỉ báo 2: So sánh kết quả thu được với kết quả của các dự án trước đó và giải thích rõ ràng sự khác biệt	2.0	
6. Đánh giá kết quả dự án và đưa ra các đề xuất {mức 4, trọng số 10%}; CLO4.2.4.1		.../10	
Tiêu chí	Đánh giá được các kết quả và đưa ra được các đề xuất	.../10	
	Chỉ báo 1: Đánh giá được đóng góp về khoa học của dự án	3.0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá được hiệu quả về kinh tế, xã hội của dự án	3.0	
	Chỉ báo 3: Chỉ ra được tồn tại và/hoặc phạm vi của dự án	2.0	
	Chỉ báo 4: Đề xuất được các cơ chế, chính sách/giải pháp để ứng dụng kết quả vào thực tiễn đời sống và sản xuất	2.0	
Kết quả toàn bài đánh giá		.../10	

Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

5.2. Điểm năng lực của CLO:

CLO	x.y.z.t	a.b.c.d	
Điểm NL	.../2,5	.../3,5	...

CÁN BỘ CHẤM THI 1

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CÁN BỘ CHẤM THI 2

(Ký, ghi rõ họ và tên)

4.3. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Giáo dục mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.1

1. Họ và tên học viên: ; Ngày sinh: .../...../.....

2. Mã học viên: ; Lớp:

3. Học phần:

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO 2.1.2.1 Vận dụng được kỹ năng khai thác học liệu số và sử dụng dụng CNTT, các phương tiện kỹ thuật hiện đại vào hoạt động đánh giá trong giáo dục mầm non [mức năng lực: 2,5]			50%
Tiêu chí 1	Chủ động xác định phương thức ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và các phương tiện kỹ thuật hiện đại		20 %
	Chủ động, tích cực ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và các phương tiện kỹ thuật hiện đại có hiệu quả, phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	8-10	
	Chủ động ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và các phương tiện kỹ thuật hiện đại phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	6-7.9	

	Chủ động ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và các phương tiện kỹ thuật hiện đại phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ nhưng chưa hiệu quả	5-6.9	
	Chưa chủ động ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và các phương tiện kỹ thuật hiện đại phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	0-4.0	
Tiêu chí 2	<i>Sử dụng CNTT, chuyển đổi số và các phương tiện kỹ thuật hiện đại</i>		30 %
	Sử dụng thành thạo CNTT, khai thác tốt học liệu số và các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong hoạt động đánh giá GDMN	8-10	
	Sử dụng được CNTT, chuyển đổi số và các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong hoạt động đánh giá GDMN	6-7.9	
	Có thể sử dụng CNTT và các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong hoạt động đánh giá GDMN khi có hướng dẫn	5-6.9	
	Khó khăn trong sử dụng CNTT và các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong hoạt động đánh giá GDMN cả khi có hướng dẫn	0-4.0	
CLO 2.2.2.1 Chủ động trong đổi mới phương thức đánh giá ở mầm non; tự chịu trách nhiệm với những quyết định đó [mức năng lực: 3,5]			50%
Tiêu chí 1	<i>Chủ động xác định mục đích đổi mới phương thức đánh giá</i>		15%
	Chủ động xác định mục đích đổi mới phương thức đánh giá và lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	8-10	
	Chủ động xác định mục đích đổi mới phương thức đánh giá khi được giao nhiệm vụ và xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm	6-7.9	
	Đề xuất mục đích đổi mới phương thức đánh giá khi được giao nhiệm vụ; xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	5-6.9	
	Đề xuất mục đích đổi mới phương thức đánh giá khi được chỉ dẫn; chưa xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 2	<i>Lập kế hoạch thực hiện đổi mới phương thức đánh giá</i>		15%
	Dự kiến các bước phải thực hiện theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc đổi mới	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải thực hiện theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	0-4.0	

Tiêu chí 3	Thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm với những quyết định đó		10 %
	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
Tiêu chí 4	Đánh giá hoạt động		10%
	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-6.9	
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	0-4.0	
Điểm số của CLO 2.2.2.1			
Điểm số của CLO 2.1.2.1			
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

[1] Nguyễn Thị Kim Anh, (2015), *Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non*, Nxb Văn hoá-Văn nghệ

5.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Công Khanh, Đào Thị Oanh (2023), *Giáo trình Kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, Nxb ĐHSP

[3]. Sái Công Hồng (2017), *Giáo trình Kiểm tra đánh giá trong dạy học*, Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Những vấn đề chung về đổi mới đánh giá trong giáo dục mầm non (học trên lớp: 9 tiết, tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	10	Học bài giảng E-Learning (LMS) Một số khái niệm cơ bản; Mục đích, vai trò của đánh giá; Nguyên tắc đánh giá; Nội dung đánh giá ...; Vấn đề đổi mới đánh giá trong GDMN	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2	A1.1 A1.2 A2.1
		5	Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập chương 1 (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2	A2.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2 CLO1.2.1.3	A1.1 A1.3
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	6	<i>Lý thuyết:</i> 1.1. Một số khái niệm cơ bản; 1.2. Mục đích, vai trò của đánh giá trong GDMN 1.3. Chức năng của đánh giá trong GDMN 1.4. Yêu cầu đối với đánh giá trong GDMN hiện nay; 1.5. Cơ sở định hướng đổi mới đánh giá trong giáo dục mầm non hiện nay;	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2 CLO1.2.1.3	A1.1 A1.3 A2.1
		4	Bài tập: Tìm hiểu xu hướng chung của đổi mới đánh giá trong giáo dục mầm non hiện nay	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2 CLO1.2.1.3	A1.1 A1.3 A2.1
		3	Thảo luận nhóm: - Nguyên tắc đánh giá trong giáo dục mầm non - Phân biệt các quan điểm đánh giá truyền thống với đánh giá hiện đại	CLO3.1.2.1	A1.2
	Giai đoạn 3	5	Ôn tập: hệ thống kiến thức của chương 1 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2 CLO1.2.1.3	A1.1 A1.3 A2.1
		5	Làm bài tập chương 1 (trang ...), chương trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2 CLO1.2.1.3	A1.1 A1.3 A2.1

2	Chương 2. Nội dung đánh giá trong giáo dục mầm non (học trên lớp: 9 tiết, tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1	10	Học bài giảng E-Learning (LMS): Các nội dung đánh giá cơ bản trong GDMN	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2 CLO1.2.1.3	A1.1 A1.3 A2.1
		5	Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập chương 2 (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2 CLO1.2.1.3	A1.1 A1.3 A2.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 2.1 (trang ...), mục 2.2 (trang ...), mục 2.3 (trang ...).	CLO2.2.2.1 CLO3.1.2.1	A1.1 A1.2
	Giai đoạn 2	6	<i>Lý thuyết:</i> Các nội dung đánh giá trong GDMN, gồm 2.1. Đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục trường mầm non; 2.2. Đánh giá hoạt động nghề nghiệp của người giáo viên mầm non; 2.3. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non; 2.4. Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2 CLO1.2.1.3	A1.1 A1.3 A2.1
		4	Bài tập: Xu hướng chung của đổi mới đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non hiện nay	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2 CLO1.2.1.3	A1.1 A1.3 A2.1
		3	Thảo luận nhóm: - Tìm hiểu tiêu chuẩn đánh giá chất lượng GDMN - Tìm hiểu cách đánh giá kết quả theo chuẩn nghề nghiệp GVMN - Tìm hiểu hình thức, nội dung, cách thức đánh giá sự phát triển của trẻ	CLO3.1.2.1	A1.2
	Giai đoạn 3	4	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2 CLO1.2.1.3	A1.1 A1.3 A2.1
		6	Làm bài tập chương 2 (trang ...) trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.1.1.1 CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2	A1.1 A1.3 A2.1
3	Chương 3. Đổi mới phương pháp, hình thức và công cụ đánh giá (học trên lớp: 9 tiết, tự học: 30 tiết)				

	Giai đoạn 1	10	Học bài giảng E-Learning (LMS): Các phương pháp, kỹ thuật; hình thức đánh giá trong GDMN và vấn đề đổi mới	CLO1.1.1.1 CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2	A1.1 A1.3 A2.1
		5	Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS: Câu hỏi và bài tập chương 2 (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO1.1.1.1 CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2	A1.1 A2.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 2.1 (trang ...), mục 2.2 (trang ...), mục 2.3 (trang ...).	CLO2.2.2.1 CLO3.1.2.1	A1.1 A1.2
	Giai đoạn 2	6	Lý thuyết: 2.1. Đổi mới phương pháp và kỹ thuật đánh giá trong GDMN 2.2. Đổi mới hình thức đánh giá trong GDMN 2.3. Thiết kế công cụ đánh giá trong GDMN đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN <i>Phương pháp dạy học:</i> thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2	A1.3 A2.1
		4	Bài tập tự luận: Vận dụng các quan điểm khoa học, các lý thuyết hiện đại, chuyên sâu về đánh giá để đổi mới phương pháp, hình thức đánh giá tại cơ sở công tác; đề xuất một số đổi mới đánh giá trong GDMN.	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2 CLO1.2.1.3	A1.3 A2.1
		3	Thảo luận nhóm: Chỉ ra điểm khác trong đánh giá trẻ hiện nay so với đánh giá truyền thống	CLO3.1.2.1	A1.2
	Giai đoạn 3	4	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.1.1 CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2	A1.1 A1.3 A2.1
		6	Làm bài tập chương 2 (trang ...) trong tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2 CLO1.2.1.3	A1.1 A1.3 A2.1
	Hướng dẫn Đồ án môn học (15 tiết) (Học trên lớp: 5 tiết; tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung hướng dẫn thực hiện đồ án các tài liệu liên quan	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1	A2.1

				CLO4.2.4.1	
		2	<i>Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS</i>		
	Giai đoạn 2	1	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1].		
		5	- Hướng dẫn yêu cầu của quy trình thực hiện đồ án - Định hướng, gợi ý các đề tài đồ án - Phân công các nhóm thực hiện đồ án	CLO3.1.1.1 CLO3.2.2.1 CLO4.1.1.1 CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
	Giai đoạn 3	10	Các nhóm lập kế hoạch, cemina kế hoạch, nội dung đồ án bằng hình thức online	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
	Báo cáo Đồ án kết thúc HP	10	Báo cáo Đồ án theo rubric A2.1	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày tháng năm 2024

**KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG SƯ PHẠM
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Trần Vũ Tài

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thị Hoàng Yên

GIẢNG VIÊN



TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh

20. PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CHO TRẺ QUA HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CHO TRẺ QUA HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:...../.../2024
		Số trang: 252/11

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hạnh
 Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
 Địa điểm làm việc: Khoa GDMN, Trường Sư phạm, Trường ĐH Vinh
 Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
 Email: hanhvinhuni@gmail.com
 Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục mầm non

Giảng viên 2:

Họ và tên: Phạm Thị Huyền
 Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
 Địa chỉ liên hệ: Khoa Quản lý, Học viện Quản lý Giáo dục
 Email: phamhuyen@gmail.com
 Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp Giáo dục mầm non

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học (tiếng Anh): Developing children's problem-solving skills through scientific discovery activities	
- Mã số học phần: PRE83020	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☒ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn:	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết bài tập, thảo luận: + Số tiết thực hành: + Số tiết thực tế: 0 + Số tiết dạy học dự án: 15 + Số tiết tự học: 90	

- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: không + Học phần học trước: + Học phần song hành: các học phần thuộc nhóm chuyên ngành bắt buộc
- Yêu cầu của học phần: + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80% + Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục mầm non, Trường Sư phạm

2. Mô tả học phần

Học phần *Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học* là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng nghiên cứu.

Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học ở trường mầm non và qua đó giúp học viên phát triển các kỹ năng: lên ý tưởng, thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động nhằm phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề thông qua tổ chức cho trẻ khám phá khoa học. Ngoài ra, học phần này còn giúp người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp và thái độ khoa học tích cực để trong nghiên cứu lĩnh vực giáo dục mầm non.

Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu, hiện đại của giáo dục mầm non trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
2.2.2	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia và chịu trách nhiệm với những kết luận chuyên môn trong học tập và thực hành nghề nghiệp.	2,5 {Mức 3}
3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2,5 {Mức 3}

3.2.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong hoạt động nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	2,5 {Mức 3}
4.1.1	Phân tích bối cảnh khoa học và xu hướng phát triển của giáo dục mầm non đối với hoạt động nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp.	3,5 {Mức 4}
4.2.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
4.2.2	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non một cách khoa học.	3,5 {Mức 4}
4.2.3	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận chuyên gia trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
4.2.4	Đánh giá các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non và đưa ra các giải pháp cải tiến.	3,5 {Mức 4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số của CTĐT	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1	Vận dụng được các vấn đề lý luận của việc phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ trong nghiên cứu khoa học và thực tiễn giáo dục mầm non.	1.2.1	10%	2,5
1.2.1.2	Vận dụng được các phương pháp, hình thức trong phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề qua hoạt động khám phá khoa học cho trẻ	1.2.2	15%	2,5
2.2.2.1	Tích cực, có trách nhiệm trong thực hiện các quy định trong học tập học phần và thực hành nghề nghiệp.	2.2.2	20%	2,5
3.1.1.1	Vận dụng thành thạo kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học.	3.1.1	20%	2,5
3.2.1.1	Vận dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác việc phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua	3.1.2	25%	2,5

	hoạt động khám phá khoa học trong nghiên cứu khoa học và thực tiễn giáo dục mầm non.			
4.1.1.1	Phân tích bối cảnh để rút ra được tính cấp thiết của những nghiên cứu, ứng dụng việc phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học theo xu thế hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.1.1	25%	3.5
4.2.1.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, ứng dụng vấn đề phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học theo xu thế hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.2.1	15%	3,5
4.2.2.1	Thiết kế được các bước triển khai nghiên cứu, ứng dụng vấn đề phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học theo xu thế giáo dục hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.2.3	15%	3,5
4.2.3.1	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận có giá trị khoa học góp phần nâng cao hiệu quả của việc phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học trong xu thế giáo dục hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.2.3	15%	3,5
4.2.4.1	Đánh giá, cải tiến được các kết quả nghiên cứu, ứng dụng về phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học theo xu thế giáo dục hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.2.4	25%	3,5

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số bài đánh giá	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên, quá trình, giữa kỳ (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO 2.2.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	25%	Quan sát
A1.2	CLO 3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	15%	Quan sát
	CLO 3.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	10%	Quan sát
A1.3	CLO 1.2.1.1 {điểm số}	2,5	25%	Bài đánh giá tự luận trên LMS
	CLO 1.2.1.2 {điểm số}	2,5	25%	

A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)

	CLO4.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5	100%	Đồ án
	CLO4.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.3.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.4.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài đánh giá A1.3

Bảng 2. Ma trận bài đánh giá A1.3

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.1 (50%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2,0	1,0	Trình bày cơ sở khoa học của việc phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học
	Mức 3		3,0	1,5	Vận dụng các lý luận về phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề vào thực tiễn tổ chức cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học ở trường mầm non.
1.2.1.2 (50%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2,0	1,0	Xác định các phương pháp, hình thức phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học ở trường MN
	Mức 3		3,0	1,5	Vận dụng các phương pháp, hình thức phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học ở trường MN
Tổng			10		

4.3. Ma trận đánh giá bài đánh giá A2.1 - Đồ án

Bảng 3. Ma trận đề thi tự luận A2.1

Chuẩn đầu ra đánh giá {mức năng lực, trọng số %}: 3,5 CLO4.1.1.1; CLO4.2.1.1; CLO4.2.2.1; CLO4.2.3.1; CLO4.1.4.1		Điểm số	Điểm năng lực
1. Kỹ năng giao tiếp {mức 4, trọng số 20%}: 		.../10	3,5
Tiêu chí 1	Trình bày bản thuyết minh hoàn chỉnh về nội dung, cấu trúc và hình thức	.../5	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Xây dựng thuyết minh dự án có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc hợp lý	<i>2,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Trình bày rõ ý tưởng dự án, diễn đạt súc tích, văn phong khoa học	<i>1,0</i>	
	<i>Chỉ báo 3:</i> Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh được thu thập từ các nguồn tham khảo khác nhau một cách phù hợp để minh họa, chứng minh cho các lập luận đưa ra	<i>1,0</i>	
	<i>Chỉ báo 4:</i> Trích dẫn các văn bản, tài liệu tham khảo từ các nguồn theo quy chuẩn của ngành/lĩnh vực	<i>1,0</i>	
	Thiết kế được slide đảm bảo tính khoa học, súc tích, cân đối	.../2	

Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Thiết kế được các slide theo trình tự logic, mỗi slide không quá 5 ý, mỗi báo cáo không quá 25 slide (hoặc 20 phút clip)	1,0	
	Chỉ báo 2: Sử dụng kích cỡ chữ, phối hợp màu sắc hài hòa, đảm bảo tính dễ nhìn và tính thẩm mỹ. Sử dụng đồ họa đa phương tiện (hình ảnh, video, hình ảnh hiệu ứng động,...) để tăng tính thuyết phục và hấp dẫn	1,0	
Tiêu chí 3	Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, trả lời được các câu hỏi	.../3	
	Chỉ báo 1: Thuyết trình rõ ràng trong thời lượng cho phép	1,0	
	Chỉ báo 2: Thể hiện được phong thái tự tin, lời cuốn, giọng điệu phù hợp, ngôn ngữ hình thể thu hút sự chú ý của người nghe	1,0	
	Chỉ báo 3: Trả lời các câu hỏi của hội đồng	1,0	
2. Phân tích được bối cảnh của dự án {mức 4, trọng số 10%}		.../10	
Tiêu chí 1	Phân tích được bối cảnh liên quan đến dự án	.../10	
	Chỉ báo 1: Phân tích tổng quan về tình hình nghiên cứu, ứng dụng, kinh tế, xã hội, đặc điểm các cơ sở MN liên quan đến dự án	5,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được tính cấp thiết của dự án trên cơ sở phân tích tổng quan	5,0	
3. Hình thành ý tưởng về dự án {mức 4, trọng số 15%}		.../10	
Tiêu chí 1	Hình thành ý tưởng về dự án	.../10	
	Chỉ báo 1: Dẫn ra được câu hỏi nghiên cứu hoặc giả thuyết khoa học, thực tiễn về dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được ý tưởng dự án là mới so với các dự án liên quan đã được thực hiện trước đó	4,0	
	Chỉ báo 3: Phát biểu rõ ràng mục tiêu dự án	3,0	
4. Xây dựng nội dung thực hiện dự án {mức 4, trọng số 15%}		.../10	
Tiêu chí 1	Xây dựng được nội dung và phương pháp thực hiện dự án	.../5	
	Chỉ báo 1: Thiết kế được các nội dung thực hiện ứng với từng mục tiêu của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Xác định được phương pháp/cách thức thực hiện phù hợp với từng nội dung của dự án	2,0	
Tiêu chí 2	Xây dựng được kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện dự án	.../5	

	<i>Chỉ báo 1: Xây dựng được kế hoạch và tiến độ thực hiện chi tiết, rõ ràng cho từng nội dung</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Bố trí, sắp xếp được nguồn lực hợp lý để thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả</i>	<i>2,0</i>	
5. Triển khai các nội dung dự án {mức 4, trọng số 30%}		.../10	
	<i>Thu thập và phân tích được số liệu, chứng cứ khoa học</i>	.../5	
<i>Tiêu chí 1</i>	<i>Chỉ báo 1: Thu thập được (hoặc tạo ra được) số liệu/luận cứ đảm bảo tính khoa học cho từng nội dung thực hiện của dự án</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Trình bày được các kết quả thu được một cách khoa học, đảm bảo tính trực quan và thu hút</i>	<i>2,0</i>	
	<i>Phân tích, thảo luận về kết quả nghiên cứu</i>	.../5	
<i>Tiêu chí 2</i>	<i>Chỉ báo 1: Phân tích, thảo luận về các kết quả đạt được theo các mục tiêu của dự án</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: So sánh kết quả thu được với kết quả của các dự án trước đó và giải thích sự khác biệt</i>	<i>2,0</i>	
6. Đánh giá kết quả dự án và đưa ra các đề xuất {mức 4, trọng số 10%}		.../10	
	<i>Đánh giá được các kết quả và đưa ra được các đề xuất</i>	.../10	
<i>Tiêu chí 1</i>	<i>Chỉ báo 1: Đánh giá được đóng góp về khoa học của dự án</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Đánh giá được hiệu quả về xã hội của dự án</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 3: Chỉ ra được tồn tại và/hoặc phạm vi của dự án</i>	<i>2,0</i>	
	<i>Chỉ báo 4: Đề xuất được các biện pháp để có thể ứng dụng kết quả vào thực tiễn giáo dục mầm non</i>	<i>2,0</i>	
Kết quả toàn bài đánh giá		.../10	

4.3. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa GDMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ Bài đánh giá A1.1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO 2.2.2.1. (Tích cực, có trách nhiệm trong thực hiện các quy định trong học tập học phần và thực hành nghề nghiệp.) [mức năng lực: 2,5]			100 %
Tiêu chí 1	<i>Tích cực chủ động chấp hành các quy định trong học tập và thực hành</i>		50 %
	Chủ động, tích cực, tự giác chấp hành đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành	8 - 10	
	Tự giác thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	6 - 7.9	
	Chưa thực sự chủ động thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	5 - 5.9	
	Không chủ động trong thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	<5	
Tiêu chí 2	<i>Có trách nhiệm trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực tiễn</i>		50%
	Tự giác hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ	8 -10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đúng yêu cầu và tiến độ	6 - 7.9	
	Hoàn thành các nhiệm vụ cơ bản được giao tuy nhiên còn thụ động và chất lượng chưa cao	5 - 5.9	
	Chưa thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc thực hiện nhưng không đạt yêu cầu	<5	
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

GIẢNG VIÊN THỨ NHẤT

(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIẢNG VIÊN THỨ HAI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
3. Học phần:.....
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.1.1.1 (Vận dụng thành thạo kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học.) [mức năng lực: 2,5]			100 %
Tiêu chí 1	Xác định mục đích và phương thức hợp tác		20 %
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết các nhiệm vụ học tập và lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	8-10	
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ và xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm	6-7.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	5-5.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; chưa xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	<5	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ học tập		30 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-5.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	<5	
Thực hiện nhiệm vụ được giao			30 %

Tiêu chí 3	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-5.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	<5	
Tiêu chí 4	Đánh giá hoạt động hợp tác		20 %
	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-5.9	
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	<5	
Điểm số của CLO3.1.1.1			
Điểm tổng kết: TC1*20% + TC2*30% + TC3*30% + TC4*20%			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
3. Học phần:.....
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoả ng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.2.1.1. Vận dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác việc phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học trong nghiên cứu khoa học và thực tiễn giáo dục mầm non. [mức năng lực: 2.5]			100%
Tiêu chí 1	Vận dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp		40 %
	Thành thạo các kỹ năng giao tiếp có hiệu quả như: trao đổi, tương tác trực tiếp, email, văn bản, các nhóm tương tác qua các nền tảng zalo, ...	8-10	
	Có khả năng sử dụng đa dạng các phương thức giao tiếp: trao đổi, tương tác trực tiếp, email, văn bản, các nhóm tương tác qua các nền tảng zalo, ...	6-7.9	
	Sử dụng đa dạng phương thức giao tiếp ở mức độ cơ bản	5-5.9	
	Hạn chế trong sử dụng các loại phương thức giao tiếp	<5	
Tiêu chí 2	Kỹ năng truyền thông, truyền đạt tri thức nhằm phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học		30 %
	Thành thạo kỹ năng xây dựng kế hoạch và thực hiện truyền thông cho nhà trường, đồng nghiệp và phụ huynh trong việc phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học	8-10	
	Thực hiện khá tốt việc xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác truyền thông cho nhà trường, đồng nghiệp và phụ huynh trong việc phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học	6-7.9	
	Thực hiện đúng quy định công tác truyền thông cho nhà trường, đồng nghiệp và phụ huynh trong việc phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học	5-5.9	
	Chưa có năng lực truyền thông, truyền đạt tri thức nhằm phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học	<5	

Tiêu chí 3	Kỹ năng hướng dẫn người khác thực hiện phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học	30 %
	Tích cực thực hiện hiệu quả trong việc hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học	8-10
	Chủ động hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học đúng phương pháp.	6-7.9
	Thực hiện đúng yêu cầu việc hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học	5-5.9
	Chưa có kỹ năng hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học	<5
Điểm số của CLO 3.1.2.1		
Điểm tổng kết		/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

Tài liệu học tập chính

[1]. Hoàng Thị Phương (2017), *Lý luận và phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh*, Nxb ĐHSP

5.2 Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ GD và ĐT (2021), *Chương trình Giáo dục mầm non - VBHN 01/2021*. Nxb Giáo dục Việt Nam.

[2]. David Cotton (2020), *Rèn luyện kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề*, NXB Lao Động.

[3]. Trần Bá Hoành (2003), *Lý luận cơ bản về dạy và học tích cực*, Dự án Đào tạo GV THCS.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Khái quát chung về kỹ năng giải quyết vấn đề của trẻ mầm non (học bài giảng Elearning: 5 tiết; học trên lớp: 8 tiết, tự học: 10 tiết)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) chương 1	CLO1.2.1.1	A1.1
		2	Trả lời câu hỏi và bài tập trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi và bài tập chương 1 ở mức 1 và 2)	CLO1.2.1.1	A1.1
		2	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]. [2]	CLO1.2.1.1.	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	-Phát vấn và giảng, giải tổng kết các vấn đề: 1. Khái niệm kỹ năng giải quyết vấn đề 2. Đặc điểm kỹ năng giải quyết vấn đề của trẻ MN 3. Biểu hiện kỹ năng giải quyết vấn đề của trẻ mầm non 4. Cấu trúc của kỹ năng giải quyết vấn đề ở trẻ mầm non 5. Khái niệm tổ chức cho trẻ khám phá khoa học 6. Khám phá khoa học là con đường cơ bản để giáo dục kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ mầm non 7. Mục đích ý nghĩa của việc phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ thông qua tổ chức hoạt động khám phá khoa học	CLO1.2.1.1	A1.1 A1.3
		1	Bài tập: Anh/chị hãy phân tích bản chất kỹ năng giải quyết vấn đề của trẻ mầm non	CLO1.2.1.1 CLO 2.2.2.1	
		2	Thảo luận nhóm: Phân tích cơ sở khoa học của việc phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ mầm non.	CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1	A1.2
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	3	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy Đọc thêm: tài liệu [3]; [4]	CLO.1.2.1.1	A1.2
		6	Làm bài tập chương 1		

2	Chương 2. Giáo dục kỹ năng giải quyết vấn đề thông qua hoạt động khám phá khoa học cho trẻ ở trường mầm non (Học trên Elearning: 6 tiết; Học trên lớp: 9 tiết, tự học: 9 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung chương 2 và các tài liệu liên quan	CLO1.2.1.1 CLO 2.2.2.1	A1.1
		2	<i>Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS</i>	CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1	A1.1
		2	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1], [2], [3], [4]	CLO.1.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2	6	1. Nội dung giáo dục kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ thông qua khám phá khoa học ở trường MN 2. PP, hình thức giáo dục kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ thông qua khám phá khoa học ở trường MN 3. Quy trình phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học 4. Thực hành thiết kế các hoạt động khám phá khoa học nhằm phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ ở trường MN	CLO1.2.1.1	A1.1 A1.2
		1	Bài tập: Phân tích PP, hình thức giáo dục kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ thông qua khám phá khoa học ở trường MN	CLO1.2.1.1 CLO 2.2.2.1	A1.3
		2	Thảo luận nhóm: Xây dựng kế hoạch phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề thông qua tổ chức cho trẻ khám phá khoa học theo từng độ tuổi	CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1	A1.1 A1.2
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập: Hệ thống kiến thức của chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO.1.2.1.1	A1.1 A1.2
		6	Làm bài tập chương 2 trong tài liệu [2] Đọc thêm: tài liệu [3], [4], [5]	CLO1.2.1.1	A1.2
3	Hướng dẫn Đồ án môn học (15 tiết) (Học trên lớp: 5 tiết; tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung hướng dẫn thực hiện đồ án các tài liệu liên quan	CLO 1.2.1.2 CLO 2.2.2.1	A2.1
		2	Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS	CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1	
		1	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2:	CLO 1.2.1.2	

			- Nghiên cứu đề cương học phần - Đề xuất một số đề tài dự án học phần	CLO 2.2.2.1	
	Giai đoạn 2	5	Hướng dẫn yêu cầu của quy trình thực hiện đồ án Định hướng, gợi ý các đề tài đồ án Phân công các nhóm thực hiện đồ án	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 LO4.2.4.1	A2.1
	Giai đoạn 3	10	Các nhóm lập kế hoạch, cemina kế hoạch, nội dung đồ án bằng hình thức trực tiếp, online. Các nhóm thực hiện đồ án.	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
7	Báo cáo Đồ án kết thúc HP	10	Báo cáo Đồ án theo rubric A2.1	CLO4.1.1.1 CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày 17 tháng 05 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG SƯ PHẠM
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Trần Vũ Tài

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thị Hoàng Yên

GIẢNG VIÊN



TS. Nguyễn Thị Thu Hạnh

21. SỬ DỤNG TÁC PHẨM VĂN HỌC TRONG GIÁO DỤC TRẺ EM

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN SỬ DỤNG TÁC PHẨM VĂN HỌC TRONG GIÁO DỤC TRẺ EM	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:...../.../2024
		Số trang: 268/11

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS Phan Xuân Phồn

Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0943325688

Email: phonhiendhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ học và Phương pháp giáo dục mầm non

Giảng viên 2: TS Trần Thị Hoàng Yến

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Mầm non - Trường Sư phạm- Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0989146168

Email: yen.gdth@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ học và Phương pháp giáo dục mầm non

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em (tiếng Anh): Use of literary works in educating children	
- Mã số học phần:	
- Thuộc CTĐT thạc sĩ chuyên ngành: Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức cơ bản ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần:	Bắt buộc ☒ Tự chọn
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết bài tập: + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 15 + Số tiết tự học: 90 + Số tiết thực hành:	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: không + Học phần học trước: + Học phần song hành:	
- Yêu cầu của học phần: + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80% + Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên	
- Khoa phụ trách học phần: Khoa GDMN - Trường Sư phạm - Trường ĐH Vinh Điện thoại: Email: khoagdmn@vinhuni.edu.vn	

2. Mô tả học phần

Học phần: Sử dụng tác phẩm văn học giáo dục trẻ em là học phần tự chọn trong khung chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu giáo dục chuyên ngành giáo dục học (giáo dục mầm non). Học phần này trang bị cho người học những vấn đề mang tính hệ thống, khoa học, hiện đại về lý luận Sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em và thực tiễn vận dụng phương pháp, hình thức sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em phù hợp yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay. Thông qua mô hình dạy học kết hợp, người học được phát triển kỹ năng tư duy hệ thống, sáng tạo, kỹ năng hợp tác trong nghiên cứu và thực tiễn sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em.

Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu, hiện đại của giáo dục mầm non trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
2.2.2	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia và chịu trách nhiệm với những kết luận chuyên môn trong học tập và thực hành nghề nghiệp.	2,5 {Mức 3}
3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2,5 {Mức 3}
3.2.1	Sử dụng hiệu quả các các hình thức giao tiếp để truyền thông truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong hoạt động nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
4.1.1	Phân tích bối cảnh khoa học và xu hướng phát triển của giáo dục mầm non đối với hoạt động nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp.	3,5 {Mức 4}
4.2.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
4.2.2	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non một cách khoa học.	3,5 {Mức 4}
4.2.3	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận chuyên gia trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
4.2.4	Đánh giá các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non và đưa ra các giải pháp cải tiến.	3,5 {Mức 4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số của CTĐT	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1	Vận dụng được các vấn đề lý luận của việc sử dụng tác phẩm văn học trong các hoạt động giáo dục mầm non.	1.2.1	5%	2,5
1.2.1.2	Vận dụng được các phương pháp trong việc sử dụng tác phẩm văn học trong các hoạt động giáo dục mầm non.	1.2.2	10%	2,5
2.2.2.1	Thực hiện đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành nghề nghiệp.	2.2.2	20%	2,5
3.1.1.1	Vận dụng thành thạo kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập và thực hành nghề nghiệp.	3.1.1	10%	2,5
3.2.1.1	Thành thạo kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng lý thuyết hiện đại về sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em	3.1.2	30%	2,5
4.1.1.1	Phân tích được kiến thức cơ bản của nhiệm vụ, phương pháp, hình thức sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em để áp dụng vào nghiên cứu và tổ chức hoạt động giáo dục thông qua tác phẩm văn học.	4.1.1	10%	3,5
4.2.1.1	Thành thạo kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới, sử dụng công cụ phù hợp trong hoạt động nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn tổ chức hoạt động sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em trường mầm non	4.2.1	10%	3,5
4.2.2.1	Thành thạo kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới, sử dụng công cụ phù hợp trong hoạt động nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn tổ chức hoạt động sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em trường mầm non.	4.2.3	15%	3,5
4.2.3.1	Thiết kế các hoạt động nghiên cứu khoa học trên cơ sở áp dụng các kiến thức, kỹ năng và phương pháp nghiên cứu về lĩnh vực sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em.	4.2.3	10%	3,5
4.2.4.1	Thành thạo kỹ năng báo cáo kết quả nghiên cứu, kỹ năng trình bày các văn bản khoa học thuộc lĩnh vực sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em mầm non.	4.2.4	10%	3,5

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số bài đánh giá	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên, quá trình, giữa kỳ (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO 2.2.2.1 {điểm số}	2,5	25%	Quan sát
A1.2	CLO 3.1.1.1 {điểm số}	2,5	15%	Quan sát
	CLO 3.2.1.1 {điểm số}	2,5	10%	Quan sát
A1.3	CLO 1.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực }	2,5	25%	Bài đánh giá tự luận trên LMS
	CLO 1.2.1.2 {điểm số và điểm năng lực }	2,5	25%	
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
	CLO4.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5	100%	Đồ án
	CLO4.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.3.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.4.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8

8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài đánh giá A1.3

Bảng 2. Ma trận bài đánh giá A1.3

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.1 (50%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2,0	1,0	Trình bày cơ sở khoa học về việc sử dụng tác phẩm văn học trong hoạt động giáo dục nghệ thuật ở trường mầm non.
	Mức 3		3,0	1,5	Tìm hiểu thực trạng việc vận dụng các cơ sở khoa học trong thực tiễn việc sử dụng tác phẩm văn học trong hoạt động giáo dục nghệ thuật ở trường mầm non.
1.2.1.2 (50%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2,0	1,0	Xác định các nội dung việc sử dụng tác phẩm văn học trong hoạt động giáo dục nghệ thuật ở trường mầm non.trong và ngoài nước.
	Mức 3		3,0	1,5	So sánh việc sử dụng tác phẩm văn học trong hoạt động giáo dục nghệ thuật ở trường mầm non, từ đó rút ra ưu điểm và hạn chế.
Tổng			10		

4.3. Ma trận đánh giá bài đánh giá A2.1 - Đồ án

Bảng 3. Ma trận đề thi tự luận A2.1

Chuẩn đầu ra đánh giá {mức năng lực, trọng số %}: 3,5 CLO4.1.1.1; CLO4.2.1.1; CLO4.2.2.1; CLO4.2.3.1; CLO4.1.4.1		Điểm số	Điểm năng lực
1. Kỹ năng giao tiếp {mức 4, trọng số 20%}:		.../10	3,5
Tiêu chí 1	Viết được bản thuyết minh hoàn chỉnh về cấu trúc và hình thức	.../5	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Xây dựng thuyết minh dự án có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc hợp lý	2,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Trình bày rõ ý tưởng dự án, lối viết cô đọng, nội dung phù hợp với văn phong khoa học	1,0	
	<i>Chỉ báo 3:</i> Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh được thu thập từ các nguồn tham khảo khác nhau để minh họa, chứng minh cho các lập luận đưa ra	1,0	

	<i>Chỉ báo 4: Trích dẫn các văn bản, tài liệu tham khảo từ các nguồn theo quy chuẩn của ngành/lĩnh vực</i>	<i>1,0</i>	
Tiêu chí 2	<i>Thiết kế được slide đảm bảo tính dễ nhìn, dễ đọc, logic, cân đối</i>	<i>.../3</i>	
	<i>Chỉ báo 1: Thiết kế được các slide theo trình tự logic, mỗi slide không quá 5 ý, mỗi báo cáo không quá 25 slide (hoặc 20 phút clip)</i>	<i>1,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Sử dụng kích cỡ chữ, phối hợp màu sắc hài hòa, đảm bảo tính dễ nhìn và tính thẩm mỹ</i>	<i>1,0</i>	
	<i>Chỉ báo 3: Sử dụng đồ họa đa phương tiện (hình ảnh, video, hình ảnh hiệu ứng động,...) để tăng tính thuyết phục và hấp dẫn</i>	<i>1,0</i>	
Tiêu chí 3	<i>Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, trả lời được các câu hỏi</i>	<i>.../2</i>	
	<i>Chỉ báo 1: Thuyết trình rõ ràng trong thời lượng cho phép</i>	<i>1,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Thể hiện được phong thái tự tin, lời cuốn, giọng điệu phù hợp, ngôn ngữ hình thể thu hút sự chú ý của người nghe</i>	<i>1,0</i>	
2. Phân tích được bối cảnh của dự án {mức 4, trọng số 10%}		<i>.../10</i>	
Tiêu chí 1	<i>Phân tích được bối cảnh liên quan đến dự án</i>	<i>.../10</i>	
	<i>Chỉ báo 1: Phân tích tổng quan về tình hình nghiên cứu, ứng dụng, kinh tế, xã hội liên quan đến dự án</i>	<i>5,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Luận giải được tính cấp thiết của dự án trên cơ sở phân tích tổng quan</i>	<i>5,0</i>	
3. Hình thành ý tưởng về dự án {mức 4, trọng số 15%}		<i>.../10</i>	
Tiêu chí 1	<i>Hình thành ý tưởng về dự án</i>	<i>.../10</i>	
	<i>Chỉ báo 1: Dẫn ra được câu hỏi nghiên cứu hoặc giả thuyết khoa học, thực tiễn về dự án</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Luận giải được ý tưởng dự án là mới so với các dự án liên quan đã được thực hiện trước đó</i>	<i>4,0</i>	
	<i>Chỉ báo 3: Phát biểu rõ ràng mục tiêu dự án</i>	<i>3,0</i>	
4. Xây dựng nội dung thực hiện dự án {mức 4, trọng số 15%}		<i>.../10</i>	
Tiêu chí 1	<i>Xây dựng được nội dung và phương pháp thực hiện dự án</i>	<i>.../5</i>	
	<i>Chỉ báo 1: Thiết kế được các nội dung thực hiện ứng với từng mục tiêu của dự án</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Xác định được phương pháp/cách thức thực hiện phù hợp với từng nội dung của dự án</i>	<i>2,0</i>	
Tiêu chí 2	<i>Xây dựng được kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện dự án</i>	<i>.../5</i>	
	<i>Chỉ báo 1: Xây dựng được kế hoạch và tiến độ thực hiện chi tiết, rõ ràng cho từng nội dung</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Bố trí, sắp xếp được nguồn lực hợp lý để thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả</i>	<i>2,0</i>	

5. Triển khai các nội dung dự án {mức 4, trọng số 30%}		.../10	
Tiêu chí 1	Thu thập và phân tích được số liệu, chứng cứ khoa học	.../5	
	Chỉ báo 1: Thu thập được (hoặc tạo ra được) số liệu/luận cứ đảm bảo tính khoa học cho từng nội dung thực hiện của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Trình bày được các kết quả thu được một cách khoa học, đảm bảo tính trực quan và thu hút	2,0	
Tiêu chí 2	Phân tích, thảo luận về kết quả nghiên cứu	.../5	
	Chỉ báo 1: Phân tích, thảo luận về các kết quả đạt được theo các mục tiêu của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: So sánh kết quả thu được với kết quả của các dự án trước đó và giải thích sự khác biệt	2,0	
6. Đánh giá kết quả dự án và đưa ra các đề xuất {mức 4, trọng số 10%}		.../10	
Tiêu chí 1	Đánh giá được các kết quả và đưa ra được các đề xuất	.../10	
	Chỉ báo 1: Đánh giá được đóng góp về khoa học của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá được hiệu quả về xã hội của dự án	3,0	
	Chỉ báo 3: Chỉ ra được tồn tại và/hoặc phạm vi của dự án	2,0	
	Chỉ báo 4: Đề xuất được các biện pháp để có thể ứng dụng kết quả vào thực tiễn giáo dục mầm non	2,0	
Kết quả toàn bài đánh giá		.../10	

5. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa GDMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ Bài đánh giá A1.1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../.../.....
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO 2.2.2.1. (Thực hiện đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành) [mức năng lực: 2,5]			100 %
Tiêu chí 1	Chấp hành đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành		50 %
	Chủ động, tự giác chấp hành đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành	8 - 10	
	Tự giác thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	6 - 7.9	

	Chưa thực sự chủ động thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	5 - 6.9	
	Không chủ động trong thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	0 - 4	
Tiêu chí 2	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nhiệm vụ trong học tập và thực hành		50%
	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ	8 -10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6 - 7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5 - 6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0 - 4	
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

GIẢNG VIÊN THỨ NHẤT

(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIẢNG VIÊN THỨ HAI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Giáo dục Mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../

2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....

3. Học phần:.....

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]	Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.1.1.1 (Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập) [mức năng lực: 2,5]		100%
<i>Xác định mục đích và phương thức hợp tác</i>		20 %

Tiêu chí 1	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết các nhiệm vụ học tập và lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	8-10	
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ và xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm	6-7.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	5-6.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; chưa xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ học tập		30 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 3	Thực hiện nhiệm vụ được giao		30 %
	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
Tiêu chí 4	Đánh giá hoạt động hợp tác		20 %
	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-6.9	
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	0-4.0	
Điểm số của CLO3.1.1.1			
Điểm tổng kết: TC1*20% + TC2*30% + TC3*30% + TC4*20%			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../

2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:

3. Học phần:.....

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoả ng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.1.2.1. Vận dụng kỹ năng lãnh đạo nhóm để giải quyết các nhiệm vụ học tập [mức năng lực: 2.5]			100 %
Tiêu chí 1	Tổ chức thành lập nhóm		20 %
	Tự giác hoàn thành nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch học tập		30 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 3	Thực hiện nhiệm vụ được giao		30 %
	Tự giác hoàn thành nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
	Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng		20 %
Tiêu chí 4	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm.	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-6.9	

	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	0-4.0
Điểm số của CLO 3.1.2.1		
Điểm tổng kết		/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

6. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính:

[1]. Phan Xuân Phồn (2020), Bài giảng Sử dụng tác phẩm văn học trong các hoạt động giáo dục ở trường mầm non

Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Phạm Thị Việt, Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, NXB ĐHQG Hà Nội, 2006.

[3]. Nguyễn Hà Kim Giang, Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học, NXB GD Hà Nội, 2018.

[4]. Giáo trình Tổ chức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, Nguyễn Thị Hoa, Trần Thị Ngọc - NXB Đại học Thái Nguyên - 2022.

7. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Những vấn đề chung của việc sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em. (học bài giảng Elearning: 11 tiết; học trên lớp: 18 tiết, tự học: 19 tiết)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) chương 1	CLO1.2.1.1	A1.1
		2	Trả lời câu hỏi và bài tập trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi và bài tập chương 1 ở mức 1 và 2)	CLO1.2.1.1	A1.1
		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]. [2]	CLO1.2.1.1.	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	4	Nghe giảng lý thuyết về các nội dung: 1. Một số đặc trưng cơ bản của văn học thiếu nhi và văn học dành cho trẻ em lứa tuổi mầm non 1.1.Sự hồn nhiên ngay thơ 1.2.Ngắn gọn và rõ ràng 1.3.Giàu hình ảnh, giàu vần điệu và nhạc điệu 1.4.Yếu tố truyện trong thơ và yếu tố thơ trong truyện	CLO1.2.1.1	A1.1 A1.3

			1.5.Yếu tố giáo dục nhẹ nhàng mà sâu lắng 2. Một số đặc điểm tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ mầm non 2.1.Tiếp nhận gián tiếp 2.2.Tiếp nhận phụ thuộc vào sự lớn khôn, kinh nghiệm sống của trẻ có được qua quá trình phát triển phát triển. 2.3.Chịu ảnh hưởng của yếu tố tâm lý 3. Ý nghĩa tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em 3.1.Giá trị thẩm mỹ 3.2.Tác phẩm văn học với việc giáo dục lòng nhân ái cho trẻ em lứa tuổi mầm non 3.3.Tác phẩm văn học với việc giáo dục lòng nhân ái cho trẻ em lứa tuổi mầm non 3.4.Tác phẩm văn học với việc giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi mầm non		
		1	Bài tập: Phân tích tính tích cực nhận thức của trẻ	CLO1.2.1.1 CLO 2.2.2.1	A1.3
		2	Thảo luận nhóm: Phân tích một số đặc điểm ảnh hưởng đến quá trình nhận thức của trẻ mầm non	CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1	A1.1 A1.2
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập: Hệ thống kiến thức của chương 1 bằng sơ đồ tư duy	CLO.1.2.1.1	A1.1 A1.2
		4	Làm bài tập chương 1 trong tài liệu [1]; [2] Đọc thêm: tài liệu [3], [4], [5]	CLO1.2.1.1	A1.2
3	Chương 2. Sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em (Học trên Elearning: 6 tiết; Học trên lớp: 7 tiết; tự học: 9 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung chương 3 và các tài liệu liên quan	CLO 1.2.1.2 CLO 2.2.2.1	A1.1
		2	<i>Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS</i>	CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1	A1.1
		2	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1].	CLO.1.2.1.2	A1.1
	Giai đoạn 2	3	- Thông qua hoạt động chơi - Thông qua hoạt động học + Hoạt động thể dục + Hoạt động khoa học và khám phá xã hội + Hoạt động tạo hình + Hoạt động giáo dục âm nhạc +Hoạt động hình thành các biểu tượng toán sơ đẳng + Hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ	CLO1.2.1.2	A1.1 A1.2
		1	Bài tập tự luận Thiết kế một hoạt động sử dụng tác phẩm văn học	CLO1.2.1.2 CLO 2.2.2.1	A1.3

			trong hoạt động giáo dục ở trường mầm non		
		2	Thảo luận nhóm: Những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động sử dụng tác phẩm văn học trong các hoạt động giáo dục	CLO2.2.2.2 CLO3.1.1.2	A1.1 A1.2
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập: Hệ thống kiến thức của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.2	A1.1 A1.2
		6	Làm bài tập chương 3 trong tài liệu	CLO1.2.1.2	A1.2
4	Hướng dẫn Đồ án môn học (15 tiết) (Học trên lớp: 5 tiết; tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung hướng dẫn thực hiện đồ án các tài liệu liên quan	CLO 1.2.1.2 CLO 2.2.2.1	A2.1
		2	Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS	CLO2.2.2.1 CLO3.1.1.1	
		1	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: - Nghiên cứu đề cương học phần - Đề xuất một số đề tài dự án học phần	CLO 1.2.1.2 CLO 2.2.2.1	
	Giai đoạn 2	5	Hướng dẫn yêu cầu của quy trình thực hiện đồ án Định hướng, gợi ý các đề tài đồ án Phân công các nhóm thực hiện đồ án	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
	Giai đoạn 3	10	Các nhóm lập kế hoạch, cemina kế hoạch, nội dung đồ án bằng hình thức trực tiếp, online. Các nhóm thực hiện đồ án.	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
7	Báo cáo Đồ án kết thúc HP	10	Báo cáo Đồ án theo rubric A2.1	CLO4.1.1.1 CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày tháng 03 năm 2024

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG SƯ PHẠM
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Trần Vũ Tài

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thị Hoàng Yến

GIẢNG VIÊN



TS. Phan Xuân Phồn

22. GIÁO DỤC KỸ NĂNG XÃ HỘI CHO TRẺ MẦM NON THEO TIẾP CẬN ĐA VĂN HOÁ

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GIÁO DỤC KỸ NĂNG XÃ HỘI CHO TRẺ MẦM NON THEO TIẾP CẬN ĐA VĂN HOÁ	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../2024
		Số trang: 281/11

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hạnh
 Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
 Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh
 Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
 Email: hanhvinhuni@gmail.com
 Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục mầm non

Giảng viên 2:

Họ và tên: Trần Thị Hoàng Yến
 Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
 Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh
 Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
 Email: yentth@vinhuni.edu.vn
 Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ học và Khoa học Giáo dục

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hóa (tiếng Anh): Teaching social skills to kindergarten children following a multicultural approach	
- Mã số học phần: PRE83022	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành	
☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☒ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Tự chọn:	

- Số tín chỉ: 3	+ Số tiết thực tế: 0
+ Số tiết lý thuyết: 30	+ Số tiết dạy học dự án: 15
+ Số tiết bài tập, thảo luận:	+ Số tiết tự học: 90
+ Số tiết thực hành:	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: không	
+ Học phần học trước:	
+ Học phần song hành: các học phần thuộc nhóm chuyên ngành bắt buộc	
- Yêu cầu của học phần:	
+ Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%	
+ Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS	
+ Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm	
+ Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên	
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục mầm non, Trường Sư phạm	

2. Mô tả học phần

Học phần *Giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hóa* là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng ứng dụng.

Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu, hiện đại về giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá và qua đó giúp học viên phát triển các năng lực: hình thành ý tưởng, thiết kế, tổ chức, đánh giá, và phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hiệu quả hoạt động. Ngoài ra, học phần này còn giúp người học có tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng công nghệ phù hợp để thực hiện thành công các hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non trong xu thế đổi mới.

Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu, hiện đại của giáo dục mầm non trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
2.1.2	Vận dụng được kỹ năng chuyển đổi số và sử dụng các công nghệ phù hợp trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}

3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2,5 {Mức 3}
3.2.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong hoạt động nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	2,5 {Mức 3}
4.1.1	Phân tích bối cảnh khoa học và xu hướng phát triển của giáo dục mầm non đối với hoạt động nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp.	3,5 {Mức 4}
4.2.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
4.2.2	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non một cách khoa học.	3,5 {Mức 4}
4.2.3	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận chuyên gia trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
4.2.4	Đánh giá các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non và đưa ra các giải pháp cải tiến.	3,5 {Mức 4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số của CTĐT	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1	Vận dụng được các vấn đề lý luận của giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá trong học tập, nghiên cứu và trong thực tiễn giáo dục mầm non.	1.2.1	10%	2,5
1.2.1.2	Vận dụng được các phương pháp, hình thức giáo dục phù hợp trong giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá	1.2.1	15%	2,5
2.1.2.1	Vận dụng được các kỹ năng công nghệ thông tin phù hợp trong học tập và trong thực tiễn tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ theo tiếp cận đa văn hoá.	2.1.2	5%	2,5
3.1.1.1	Vận dụng thành thạo kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các học viên trong nhóm và các giáo viên, phụ huynh, trẻ nơi ứng dụng để giải quyết các nhiệm vụ học tập và trong thực tiễn tổ chức giáo	3.1.1	10%	2,5

	dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá.			
3.2.1.1	Vận dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá trong học tập và thực tiễn giáo dục mầm non.	3.2.1	30%	2,5
4.1.1.1	Phân tích bối cảnh để rút ra được tính cấp thiết của những nghiên cứu, ứng dụng việc giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá theo xu thế hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.1.1	20%	3.5
4.2.1.1	Đề xuất được các vấn đề để ứng dụng giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá theo xu thế hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.2.1	15%	3,5
4.2.2.1	Thiết kế được các bước triển khai ứng dụng giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá theo xu thế giáo dục hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.2.2	15%	3,5
4.2.3.1	Triển khai ứng dụng và rút ra được các kết luận có giá trị khoa học góp phần nâng cao hiệu quả của việc giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá trong xu thế giáo dục hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.2.3	20%	3,5
4.2.4.1	Đánh giá, cải tiến được các kết quả ứng dụng về giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá theo xu thế giáo dục hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.2.4	10%	3,5

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số bài đánh giá	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên, quá trình, giữa kỳ (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO 2.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	25%	Quan sát, phân tích sản phẩm
A1.2	CLO 3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	15%	Quan sát
	CLO 3.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	10%	Quan sát

A1.3	CLO 1.2.1.1 {điểm số}	2,5	25%	Bài đánh giá tự luận trên LMS
	CLO 1.2.1.2 {điểm số}	2,5	25%	
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
	CLO3.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5	100%	Đồ án
	CLO4.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.3.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.4.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài đánh giá A1.3

Bảng 2. Ma trận bài đánh giá A1.3

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.1 (50%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2,0	1,0	Trình bày cơ sở lý luận của việc giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá
	Mức 3		3,0	1,5	Vận dụng các cơ lý luận trong thực tiễn giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá ở trường mầm non.
1.2.1.2 (50%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2,0	1,0	Xác định các nội dung giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá ở trường MN
	Mức 3		3,0	1,5	Vận dụng các phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá ở trường MN
Tổng			10		

4.3. Rubric đánh giá bài đánh giá A2.1 - Đồ án

Bảng 3. Ma trận đề thi A2.1

Chuẩn đầu ra đánh giá {mức năng lực, trọng số %}: 3,5 CLO4.1.1.1; CLO4.2.1.1; CLO4.2.2.1; CLO4.2.3.1; CLO4.1.4.1		Điểm số	Điểm năng lực
1. Kỹ năng giao tiếp {mức 4, trọng số 20%}: 		.../10	3,5
Tiêu chí 1	Trình bày bản thuyết minh hoàn chỉnh về nội dung, cấu trúc và hình thức	.../7	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Xây dựng thuyết minh dự án có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc hợp lý	2,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Trình bày rõ ý tưởng dự án, diễn đạt súc tích, văn phong khoa học	1,0	
	<i>Chỉ báo 3:</i> Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh được thu thập từ các nguồn tham khảo khác nhau một cách phù hợp để minh họa, chứng minh cho các lập luận đưa ra	1,0	
	<i>Chỉ báo 4:</i> Trích dẫn các văn bản, tài liệu tham khảo từ các nguồn theo quy chuẩn của ngành/lĩnh vực	1,0	

Tiêu chí 2	Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, trả lời được các câu hỏi	.../3	
	Chỉ báo 1: Thuyết trình rõ ràng trong thời lượng cho phép	1,0	
	Chỉ báo 2: Thể hiện được phong thái tự tin, lời cuốn, giọng điệu phù hợp, ngôn ngữ hình thể thu hút sự chú ý của người nghe	1,0	
	Chỉ báo 3: Trả lời các câu hỏi của hội đồng	1,0	
2. Phân tích được bối cảnh của dự án {mức 4, trọng số 10%}		.../10	
Tiêu chí 1	Phân tích được bối cảnh liên quan đến dự án	.../10	
	Chỉ báo 1: Phân tích tổng quan về tình hình nghiên cứu, ứng dụng, kinh tế, xã hội, văn hoá đặc điểm các cơ sở MN liên quan đến dự án về giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá	5,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được tính cấp thiết của dự án trên cơ sở phân tích tổng quan	5,0	
3. Hình thành ý tưởng về dự án {mức 4, trọng số 15%}		.../10	
Tiêu chí 1	Hình thành ý tưởng về dự án	.../10	
	Chỉ báo 1: Dẫn ra được câu hỏi nghiên cứu hoặc giả thuyết khoa học, thực tiễn về dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được ý tưởng dự án là mới so với các dự án liên quan đã được thực hiện trước đó	4,0	
	Chỉ báo 3: Phát biểu rõ ràng mục tiêu dự án	3,0	
4. Xây dựng nội dung thực hiện dự án {mức 4, trọng số 15%}		.../10	
Tiêu chí 1	Xây dựng được nội dung và phương pháp thực hiện dự án	.../5	
	Chỉ báo 1: Thiết kế được các nội dung thực hiện ứng với từng mục tiêu của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Xác định được phương pháp/cách thức thực hiện phù hợp với từng nội dung của dự án	2,0	
Tiêu chí 2	Xây dựng được kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện dự án	.../5	
	Chỉ báo 1: Xây dựng được kế hoạch và tiến độ thực hiện chi tiết, rõ ràng cho từng nội dung	3,0	
	Chỉ báo 2: Bố trí, sắp xếp được nguồn lực hợp lý để thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả	2,0	
5. Triển khai các nội dung dự án {mức 4, trọng số 30%}		.../10	

Tiêu chí 1	Thu thập và phân tích được số liệu, chứng cứ khoa học	.../5	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Thực hiện thử nghiệm các dự án giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá tại các cơ sở Giáo dục Mầm non đảm bảo tính khoa học cho từng nội dung thực hiện của dự án	3,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Trình bày được các kết quả thu được một cách khoa học, đảm bảo tính trực quan và thu hút	2,0	
Tiêu chí 2	Phân tích, thảo luận về kết quả nghiên cứu	.../5	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Phân tích, thảo luận về các kết quả đạt được theo các mục tiêu của dự án	3,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> So sánh kết quả thu được với kết quả của các dự án trước đó và giải thích sự khác biệt	2,0	
6. Đánh giá kết quả dự án và đưa ra các đề xuất {mức 4, trọng số 10%}		.../10	
Tiêu chí 1	Đánh giá được các kết quả và đưa ra được các đề xuất	.../10	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Đánh giá được đóng góp về mặt thực tiễn giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá của dự án	3,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Đánh giá được hiệu quả về xã hội của dự án	3,0	
	<i>Chỉ báo 3:</i> Chỉ ra được tồn tại và/hoặc phạm vi của dự án	2,0	
	<i>Chỉ báo 4:</i> Đề xuất được các biện pháp để có thể ứng dụng kết quả vào thực tiễn giáo dục mầm non	2,0	
Kết quả toàn bài đánh giá		.../10	

4.3. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa GDMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ Bài đánh giá A1.1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO 2.1.2.1. (Vận dụng được các kỹ năng công nghệ thông tin phù hợp trong học tập và trong thực tiễn tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ theo tiếp cận đa văn hoá) [mức năng lực: 2,5]			100 %
Tiêu chí 1	Kỹ năng khai thác học liệu số		50 %
	Thành thạo kỹ năng tìm kiếm và sử dụng đúng quy định thông tin, tài liệu từ nguồn tài liệu số	8 - 10	
	Có kỹ năng cơ bản để tìm kiếm và sử dụng đúng quy định thông tin, tài liệu từ các trang web cơ bản	6 - 7.9	
	Chưa thực sự chủ động và chưa biết nhiều cách tìm kiếm tài liệu để học tập và ứng dụng	5 - 5.9	
	Không có kỹ năng hoặc thực hiện không đúng quy định việc tìm kiếm và sử dụng thông tin, tài liệu từ nguồn tài liệu số	<5	
Tiêu chí 2	Kỹ năng xây dựng video, thiết kế slide trình chiếu Powerpoint		50%
	Thiết kế, sử dụng hình ảnh, video, hình ảnh hiệu ứng động,...mang tính thuyết phục và hấp dẫn. Thiết kế được các slide theo trình tự logic, cỡ chữ, màu sắc hài hoà, mỗi slide không quá 5 ý, mỗi báo cáo không quá 25 slide (hoặc 20 phút clip)	8 -10	
	Thiết kế, sử dụng hình ảnh, video, hình ảnh hiệu ứng động,...phản ánh đúng nội dung trình bày. Thiết kế được các slide theo trình tự logic, cỡ chữ, mỗi slide không quá 5 ý, mỗi báo cáo không quá 25 slide (hoặc 20 phút clip)	6 - 7.9	
	Sử dụng hình ảnh, video, slide đúng quy định nhưng còn sơ sài và chưa sinh động	5 - 5.9	
	Sử dụng hình ảnh, video, slide chưa quy định	<5	
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

GIẢNG VIÊN THỨ NHẤT

(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIẢNG VIÊN THỨ HAI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
Bài đánh giá A1.2

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.1.1.1 (Vận dụng thành thạo kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập và trong thực tiễn tổ chức giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá.) [mức năng lực: 2,5]			100 %
Tiêu chí 1	Xác định mục đích và phương thức hợp tác		20 %
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết các nhiệm vụ học tập và lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	8-10	
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ và xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm	6-7.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	5-5.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; chưa xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	<5	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ học tập		30 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-5.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	<5	
Thực hiện nhiệm vụ được giao			30 %

Tiêu chí 3	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-5.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	<5	
Tiêu chí 4	Đánh giá hoạt động hợp tác		20 %
	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-5.9	
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	<5	
Điểm số của CLO3.1.1.1			
Điểm tổng kết: TC1*20% + TC2*30% + TC3*30% + TC4*20%			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../

2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:

3. Học phần:.....

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]	Khoảng điểm	Trọng số/Điểm số đánh giá
CLO3.2.1.1. (Vận dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác việc giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá trong học tập và thực tiễn giáo dục mầm non. [mức năng lực: 2.5])		100%

Tiêu chí 1	Vận dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp		40 %
	Thành thạo các kỹ năng giao tiếp có hiệu quả như: trao đổi, tương tác trực tiếp, email, văn bản, các nhóm tương tác qua các nền tảng zalo, ...	8-10	
	Có khả năng sử dụng đa dạng các phương thức giao tiếp: trao đổi, tương tác trực tiếp, email, văn bản, các nhóm tương tác qua các nền tảng zalo, ...	6-7.9	
	Sử dụng đa dạng phương thức giao tiếp ở mức độ cơ bản	5-5.9	
	Hạn chế trong sử dụng các loại phương thức giao tiếp	<5	
Tiêu chí 2	Kỹ năng truyền thông, truyền đạt tri thức nhằm giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá		30 %
	Thành thạo kỹ năng xây dựng kế hoạch và thực hiện truyền thông cho nhà trường, đồng nghiệp và phụ huynh trong việc giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá	8-10	
	Thực hiện khá tốt việc xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác truyền thông cho nhà trường, đồng nghiệp và phụ huynh trong giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá	6-7.9	
	Thực hiện đúng quy định công tác truyền thông cho nhà trường, đồng nghiệp và phụ huynh trong giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá	5-5.9	
	Chưa có năng lực truyền thông, truyền đạt tri thức nhằm phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá	<5	
Tiêu chí 3	Kỹ năng hướng dẫn người khác thực hiện giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá		30 %
	Tích cực thực hiện hiệu quả trong việc hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá	8-10	
	Chủ động hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá đúng phương pháp.	6-7.9	
	Thực hiện đúng yêu cầu việc hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá	5-5.9	
	Chưa có kỹ năng hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá	<5	
Điểm số của CLO 3.1.2.1			
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

Tài liệu học tập chính

[1]. Cao Thị Hồng Nhung, Vũ Huyền Trinh, Lương Thị Bình, Nguyễn Thị Thu Hạnh, Nguyễn Thị Hoài (2022), *Hướng dẫn nâng cao chất lượng Giáo dục KNXH cho trẻ mầm non*, Nhà xuất bản GD Việt Nam

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Lương Thị Bình, Cao Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Thu Hạnh, Phan Vũ Quỳnh Nga, Đinh Thanh Hương 2018, *Lập kế hoạch phát triển tình cảm kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non*, Nhà xuất bản GD Việt Nam

[2]. Bộ GD và ĐT (2021), *Chương trình Giáo dục mầm non* - VBHN 01/2021. Nxb Giáo dục Việt Nam.

[3] Bùi Thị Lâm, ĐHSP HN (chủ biên); Trần Thị Kim Liên, ĐHSPHN; Nguyễn Thị Trang, TTNCGDMN; Nguyễn Thị Thu Hạnh (2021), Chuyên đề bồi dưỡng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non (ĐỀ ÁN 33), *phát triển chương trình giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non theo tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và tiếp cận đa văn hóa*, Bộ GD và ĐT.

[4] Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp bộ năm 2018, *Tích hợp nội dung giáo dục đa văn hóa trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non vùng dân tộc thiểu số*, Mã số: B 2018. VKG - 01, Bộ GD và ĐT (Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Trinh)

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hóa (học bài giảng Elearning: 5 tiết; học trên lớp: 10 tiết, tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) chương 1	CLO1.2.1.1	A1.1
		2	Trả lời câu hỏi và bài tập trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi và bài tập chương 1 ở mức 1 và 2)	CLO1.2.1.1	A1.1
		2	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]. [2]	CLO1.2.1.1.	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}		- Phát vấn và giảng giải tổng kết các vấn đề: 1.1. Khái niệm - Giáo dục KNXH		

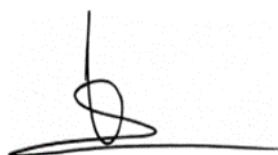
		5	- Giáo dục theo tiếp cận đa văn hoá - Giáo dục KNXH theo tiếp cận đa văn hoá 1.2. Kỹ năng xã hội của trẻ mầm non 1.2.1. Đặc điểm KNXH của trẻ mầm non 1.2.2. Phân loại KNXH của trẻ mầm non 1.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục KNXH cho trẻ mầm non 1.3. Giáo dục KNXH cho trẻ mầm non 1.3.1. Sự cần thiết của việc giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hóa 1.3.2. Yêu cầu đối với giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hóa 1.3.3. Nội dung giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hóa 1.3.4. Phương pháp và hình thức giáo dục KNXH cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá	CLO1.2.1.1	A1.1 A1.3
		1	Bài tập: Anh/chị hãy phân tích yêu cầu của hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hóa	CLO1.2.1.1 CLO 2.1.2.1	
		2	Thảo luận nhóm: Phân tích các phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hóa	CLO2.1.2.1 CLO3.1.1.1	A1.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	3	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy Đọc thêm: tài liệu [3]; [4]	CLO.1.2.1.1	A1.2
		6	Làm bài tập chương 1		
2	Chương 2. Lập kế hoạch tổ chức giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hóa (Học trên Elearning: 5 tiết; Học trên lớp:10 tiết, tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung chương 2 và các tài liệu liên quan	CLO1.2.1.1 CLO 2.1.2.1	A1.1
		2	<i>Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS</i>	CLO2.1.2.1 CLO3.1.1.1	A1.1
		2	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1], [2], [3], [4]	CLO.1.2.1.1	A1.1

	Giai đoạn 2	6	- Phát vấn và giảng giải tổng kết các vấn đề: 2.1. Nội dung giáo dục KNXH cho trẻ MN trong Chương trình Giáo dục mầm non hiện nay Nguyên tắc xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hóa 2.2. Xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng xã hội theo tiếp cận đa văn hóa cho trẻ ở vùng thành phố 2.3. Xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng xã hội theo tiếp cận đa văn hóa cho trẻ ở vùng nông thôn 2.4. Xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng xã hội theo tiếp cận đa văn hóa cho trẻ ở vùng miền núi 2.5. Phối hợp gia đình, nhà trường và cộng đồng trong giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hóa 2.6. Đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hóa ở trường mầm non	CLO1.2.1.1	A1.1 A1.2
		1	Bài tập: xây dựng kế hoạch giáo dục giờ học giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hóa của từng độ tuổi	CLO1.2.1.1 CLO2.1.2.1	A1.3
		2	Thảo luận nhóm: Xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng xã hội theo tiếp cận đa văn hóa cho trẻ ở các vùng đại diện: miền núi, nông thôn, thành phố	CLO2.1.2.1 CLO3.1.1.1	A1.1 A1.2
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập: Hệ thống kiến thức của chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO.1.2.1.1	A1.1 A1.2
		6	Làm bài tập chương 2 trong tài liệu [2] Đọc thêm: tài liệu [3], [4], [5]	CLO1.2.1.1	A1.2
3	Hướng dẫn Đồ án môn học (15 tiết) (Học trên lớp: 5 tiết; tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung hướng dẫn thực hiện đồ án các tài liệu liên quan	CLO 1.2.1.2 CLO 2.1.2.1	A2.1
		2	Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS	CLO2.1.2.1 CLO3.1.1.1	

		1	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: - Nghiên cứu đề cương học phần - Đề xuất một số đề tài dự án học phần	CLO 1.2.1.2 CLO 2.1.2.1	
	Giai đoạn 2	5	Hướng dẫn yêu cầu của quy trình thực hiện đồ án Định hướng, gợi ý các đề tài đồ án Phân công các nhóm thực hiện đồ án Thử nghiệm nội dung của đồ án tại các cơ sở giao dịch mầm non	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
	Giai đoạn 3	10	Các nhóm lập kế hoạch, seminar kế hoạch, nội dung đồ án bằng hình thức trực tiếp, online. Các nhóm thực hiện đồ án.	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
7	Báo cáo Đồ án kết thúc HP	10	Báo cáo Đồ án theo rubric A2.1	CLO4.1.1.1 CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 LO4.2.4.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày 22 tháng 05 năm 2024

**KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG SƯ PHẠM
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Trần Vũ Tài

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thị Hoàng Yến

GIẢNG VIÊN



TS. Nguyễn Thị Thu Hạnh

23. XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC AN TOÀN, LÀNH MẠNH, THÂN THIỆN TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC AN TOÀN, LÀNH MẠNH, THÂN THIỆN TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../2024
		Số trang: 297/11

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

PGS.TS Nguyễn Thị Mỹ Trinh

Địa chỉ liên hệ: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Điện thoại: 0912480506

Các hướng nghiên cứu chính:

Giảng viên 2:

TS. Trần Thị Hoàng Yến

Địa chỉ liên hệ: 0989146168 Email: yen.gdth@gmail.com; yentth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và phương pháp giáo dục mầm non

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện trong các cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục (tiếng Anh): Creating a safe, healthy, friendly educational environment in preschool institutions to meet the requirements of educational innovation.	
- Mã số học phần: PRE 83023	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☒ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: Bắt buộc ☒ Tự chọn:	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết bài tập, thảo luận: + Số tiết thực hành:	+ Số tiết thực tế: 0 + Số tiết dạy học dự án: 15 + Số tiết tự học: 90
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: không + Học phần học trước: + Học phần song hành: các học phần thuộc nhóm chuyên ngành bắt buộc	

- Yêu cầu của học phần:
+ Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%
+ Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS
+ Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm
+ Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục mầm non, Trường Sư phạm

2. Mô tả học phần

Học phần “*Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*” thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục Mầm non) theo định hướng ứng dụng. Học phần này trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn về xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện trong các cơ sở giáo dục mầm non; các quy định hiện hành liên quan đến việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện trong các cơ sở giáo dục mầm non. Thông qua mô hình dạy học kết hợp, người học được phát triển kỹ năng tư duy hệ thống, sáng tạo, kỹ năng hợp tác trong nghiên cứu và thực tiễn xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện trong các cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu, hiện đại của giáo dục mầm non trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
2.1.2	Vận dụng kỹ năng chuyển đổi số và sử dụng công nghệ phù hợp trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	2,5 {Mức 3}
2.2.2	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia và chịu trách nhiệm với những kết luận chuyên môn trong học tập và thực hành nghề nghiệp.	2,5 {Mức 3}
3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2,5 {Mức 3}
3.2.1.	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong hoạt động nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
4.1.1	Phân tích bối cảnh khoa học và xu hướng phát triển của giáo dục mầm non đối với hoạt động nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp.	3,5 {Mức 4}
4.2.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}

4.2.2	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non một cách khoa học.	3,5 {Mức 4}
4.2.3	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận chuyên gia trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
4.2.4	Đánh giá các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non và đưa ra các giải pháp cải tiến.	3,5 {Mức 4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số của CTĐT	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1	Vận dụng được các vấn đề lý luận cơ bản về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện ở các cơ sở giáo dục mầm non.	1.2.1	5%	2,5
1.2.1.2	Vận dụng được các vấn đề lý luận và thực tiễn về xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện ở cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.	1.2.2	10%	2,5
2.1.2.1	Vận dụng kỹ năng chuyển đổi số và sử dụng công nghệ phù hợp trong học tập và thực tiễn nghề nghiệp.	2.1.2	5%	2,5
2.2.2.1	Thực hiện đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành nghề nghiệp.	2.2.2	20%	2,5
3.1.1.1	Vận dụng thành thạo kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập và thực hành nghề nghiệp.	3.1.1	10%	2,5
3.2.1.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong hoạt động học tập và thực tiễn nghề nghiệp.	3.2.1	20%	2,5
4.1.1.1	Phân tích bối cảnh để rút ra được tính cấp thiết của những nghiên cứu, ứng dụng của vấn đề xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.	4.1.1	20%	3,5
4.2.1.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, ứng dụng vấn đề xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.	4.2.1	15%	3,5
4.2.2.1	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng vấn đề xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh,	4.2.3	15%	3,5

	thân thiện trong cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.			
4.2.3.1	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận có giá trị khoa học góp phần nâng cao hiệu quả vận đề xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.	4.2.3	5%	3,5
4.2.4.1	Đánh giá, cải tiến được các kết quả nghiên cứu, ứng dụng xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.	4.2.4	10%	3,5

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số bài đánh giá	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên, quá trình, giữa kỳ (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO 2.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	10%	Quan sát
	CLO 2.2.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	15%	Quan sát
A1.2	CLO 3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	15%	Quan sát
	CLO 3.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	10%	Quan sát
A1.3	CLO 1.2.1.1 {điểm số}	2,5	25%	Bài đánh giá tự luận
	CLO 1.2.1.2 {điểm số}	2,5	25%	
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
	CLO4.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5	100%	Đồ án
	CLO4.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.3.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.4.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 \times 50\% + A2 \times 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài đánh giá A1.3**Bảng 2.** Ma trận bài đánh giá A1.3

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.1 (50%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2,0	1,0	Trình bày được những vấn đề về môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lành mạnh ở các cơ sở giáo dục mầm non
	Mức 3		3,0	1,5	Phân tích thực trạng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện ở các cơ sở giáo dục mầm non.
1.2.1.2 (50%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2,0	1,0	Xác định nguyên tắc, quy trình xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.
	Mức 3		3,0	1,5	Vận dụng lập kế hoạch xây dựng/điều chỉnh môi trường giáo dục cho trẻ ở trường mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.
Tổng			10		

4.3. Ma trận đánh giá bài đánh giá A2.1 - Đồ án

Bảng 3. Ma trận đề thi tự luận A2.1

Chuẩn đầu ra đánh giá {mức năng lực, trọng số %}: 3,5 CLO4.1.1.1; CLO4.2.1.1; CLO4.2.2.1; CLO4.2.3.1; CLO4.1.4.1		Điểm số	Điểm năng lực
1. Kỹ năng giao tiếp {mức 4, trọng số 20%}: 		.../10	3,5
Tiêu chí 1	Viết được bản thuyết minh hoàn chỉnh về cấu trúc và hình thức	.../5	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Xây dựng thuyết minh dự án có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc hợp lý	2,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Trình bày rõ ý tưởng dự án, lối viết cô đọng, ngôn ngữ phù hợp với văn phong khoa học	1,0	
	<i>Chỉ báo 3:</i> Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh được thu thập từ các nguồn tham khảo khác nhau để minh họa, chứng minh cho các lập luận đưa ra	1,0	
	<i>Chỉ báo 4:</i> Trích dẫn các văn bản, tài liệu tham khảo từ các nguồn theo quy chuẩn của ngành/lĩnh vực	1,0	
Tiêu chí 2	Thiết kế được slide đảm bảo tính dễ nhìn, dễ đọc, logic, cân đối	.../3	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Thiết kế được các slide theo trình tự logic, mỗi slide không quá 5 ý, mỗi báo cáo không quá 25 slide (hoặc 20 phút clip)	1,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Sử dụng kích cỡ chữ, phối hợp màu sắc hài hòa, đảm bảo tính dễ nhìn và tính thẩm mỹ	1,0	
	<i>Chỉ báo 3:</i> Sử dụng đồ họa đa phương tiện (hình ảnh, video, hình ảnh hiệu ứng động,...) để tăng tính thuyết phục và hấp dẫn	1,0	
Tiêu chí 3	Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, trả lời được các câu hỏi	.../2	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Thuyết trình rõ ràng trong thời lượng cho phép	1,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Thể hiện được phong thái tự tin, lời cuốn, giọng điệu phù hợp, ngôn ngữ hình thể thu hút sự chú ý của người nghe	1,0	
2. Phân tích được bối cảnh của dự án {mức 4, trọng số 10%}		.../10	
Tiêu chí 1	Phân tích được bối cảnh liên quan đến dự án	.../10	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Phân tích tổng quan về tình hình nghiên cứu, ứng dụng, kinh tế, xã hội liên quan đến dự án	5,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Luận giải được tính cấp thiết của dự án trên cơ sở phân tích tổng quan	5,0	
3. Hình thành ý tưởng về dự án {mức 4, trọng số 15%}		.../10	
Tiêu chí 1	Hình thành ý tưởng về dự án	.../10	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Dẫn ra được câu hỏi nghiên cứu hoặc giả thuyết khoa học, thực tiễn về dự án	3,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Luận giải được ý tưởng dự án là mới so với các dự án liên quan đã được thực hiện trước đó	4,0	

	<i>Chỉ báo 3: Phát biểu rõ ràng mục tiêu dự án</i>	<i>3,0</i>	
4. Xây dựng nội dung thực hiện dự án {mức 4, trọng số 15%}		.../10	
Tiêu chí 1	<i>Xây dựng được nội dung và phương pháp thực hiện dự án</i>	.../5	
	<i>Chỉ báo 1: Thiết kế được các nội dung thực hiện ứng với từng mục tiêu của dự án</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Xác định được phương pháp/cách thức thực hiện phù hợp với từng nội dung của dự án</i>	<i>2,0</i>	
Tiêu chí 2	<i>Xây dựng được kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện dự án</i>	.../5	
	<i>Chỉ báo 1: Xây dựng được kế hoạch và tiến độ thực hiện chi tiết, rõ ràng cho từng nội dung</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Bố trí, sắp xếp được nguồn lực hợp lý để thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả</i>	<i>2,0</i>	
5. Triển khai các nội dung dự án {mức 4, trọng số 30%}		.../10	
Tiêu chí 1	<i>Thu thập và phân tích được số liệu, chứng cứ khoa học</i>	.../5	
	<i>Chỉ báo 1: Thu thập được (hoặc tạo ra được) số liệu/luận cứ đảm bảo tính khoa học cho từng nội dung thực hiện của dự án</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Trình bày được các kết quả thu được một cách khoa học, đảm bảo tính trực quan và thu hút</i>	<i>2,0</i>	
Tiêu chí 2	<i>Phân tích, thảo luận về kết quả nghiên cứu</i>	.../5	
	<i>Chỉ báo 1: Phân tích, thảo luận về các kết quả đạt được theo các mục tiêu của dự án</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: So sánh kết quả thu được với kết quả của các dự án trước đó và giải thích sự khác biệt</i>	<i>2,0</i>	
6. Đánh giá kết quả dự án và đưa ra các đề xuất {mức 4, trọng số 10%}		.../10	
Tiêu chí 1	<i>Đánh giá được các kết quả và đưa ra được các đề xuất</i>	.../10	
	<i>Chỉ báo 1: Đánh giá được đóng góp về khoa học của dự án</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Đánh giá được hiệu quả về xã hội của dự án</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 3: Chỉ ra được tồn tại và/hoặc phạm vi của dự án</i>	<i>2,0</i>	
	<i>Chỉ báo 4: Đề xuất được các biện pháp để có thể ứng dụng kết quả vào thực tiễn giáo dục mầm non</i>	<i>2,0</i>	
Kết quả toàn bài đánh giá		.../10	

4.3. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa GDMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO2.1.2.1 Vận dụng được kỹ năng khai thác học liệu số và ứng dụng công nghệ thông tin để hoàn thành các nhiệm vụ học tập [mức năng lực: 2,5]			A %
Tiêu chí 1	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành 80-100% các nhiệm vụ học tập trên E-learning		50 %
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành 60-80% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	8-10	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành 50-70% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	6-7.9	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	5-6.9	
Tiêu chí 2	Vận dụng được kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản	0-4.0	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 80-100% các nhiệm vụ học tập		50 %
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 60-80% các nhiệm vụ học tập	8-10	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 50-70% các nhiệm vụ học tập	6-7.9	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập	5-6.9	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành 80-100% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	0-4.0	
Điểm số của CLO2.1.2.1			
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TRƯỜNG SƯ PHẠM

Khoa GDMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.1

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../

2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....

3. Học phần:.....

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO 2.2.2.1. (Thực hiện đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành) [mức năng lực: 2,5]			100 %
Tiêu chí 1	<i>Chấp hành đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành</i>		50 %
	Chủ động, tự giác chấp hành đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành	8 - 10	
	Tự giác thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	6 - 7.9	
	Chưa thực sự chủ động thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	5 - 6.9	
	Không chủ động trong thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	0 - 4	
Tiêu chí 2	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nhiệm vụ trong học tập và thực hành</i>		50%
	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ	8 -10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6 - 7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5 - 6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0 - 4	
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

GIẢNG VIÊN THỨ NHẤT

GIẢNG VIÊN THỨ HAI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Giáo dục Mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.1.1.1 (Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập) [mức năng lực: 2,5]			100 %
Tiêu chí 1	Xác định mục đích và phương thức hợp tác		20 %
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết các nhiệm vụ học tập và lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	8-10	
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ và xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm	6-7.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	5-6.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; chưa xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ học tập		30 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	0-4.0	
Tiêu chí 3	Thực hiện nhiệm vụ được giao		30 %
	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	

	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
Tiêu chí 4	Đánh giá hoạt động hợp tác		20 %
	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-6.9	
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	0-4.0	
Điểm số của CLO3.1.1.1			
Điểm tổng kết: TC1*20% + TC2*30% + TC3*30% + TC4*20%			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]	Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.2.1.1. Vận dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong hoạt động học tập và thực tiễn. [mức năng lực: 2.5]		100%
Vận dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp		40 %

Tiêu chí 1	Thành thạo các kỹ năng giao tiếp có hiệu quả như: trao đổi, tương tác trực tiếp, email, văn bản, các nhóm tương tác qua các nền tảng zalo, ...	8-10	
	Có khả năng sử dụng đa dạng các phương thức giao tiếp: trao đổi, tương tác trực tiếp, email, văn bản, các nhóm tương tác qua các nền tảng zalo, ...	6-7.9	
	Sử dụng đa dạng phương thức giao tiếp ở mức độ cơ bản	5-5.9	
	Hạn chế trong sử dụng các loại phương thức giao tiếp	<5	
Tiêu chí 2	Kỹ năng truyền thông, truyền đạt tri thức trong hoạt động học tập và thực tiễn		30 %
	Thành thạo kỹ năng xây dựng kế hoạch và thực hiện truyền thông các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	8-10	
	Thực hiện khá tốt việc xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác truyền thông cho nhà trường, đồng nghiệp và phụ huynh trong các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	6-7.9	
	Thực hiện đúng quy định công tác truyền thông cho nhà trường, đồng nghiệp và phụ huynh trong các nhiệm vụ học tập và thực tiễn	5-5.9	
	Chưa có năng lực truyền thông, truyền đạt tri thức các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	<5	
Tiêu chí 3	Kỹ năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ học tập và thực tiễn		30 %
	Tích cực thực hiện hiệu quả trong việc hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	8-10	
	Chủ động hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	6-7.9	
	Thực hiện đúng yêu cầu việc hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện trong các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	5-5.9	
	Chưa có kỹ năng hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	<5	
Điểm số của CLO 3.1.2.1			
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình

[1]. PGS.TS Nguyễn Thị Mỹ Trinh, **Bài giảng Xây dựng MTGD an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở GDMN, PT trong bối cảnh hiện nay.**

5.2 Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Thị Mai Chi, Nguyễn Thị Bách Chiến (2013), *Nâng cao năng lực hiểu biết và xây dựng môi trường giáo dục của giáo viên*, Bộ GD&ĐT Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, NXB ĐHSP.

[2]. Bộ GD và ĐT (2021), *Chương trình Giáo dục mầm non - VBHN 01/2021*. Nxb Giáo dục Việt Nam.

[3]. Trịnh Thị Xim, *Xây dựng MTGD trong trường MN. Tạp chí Giáo dục số 185 kì 1-3/2008. trang 44, 45.*

[4]. Báo cáo đề tài KH&CN cấp Nhà nước, chủ nhiệm: PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Trinh, *Xây dựng MTGD an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở GDMN, PT trong bối cảnh hiện nay.*

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Những vấn đề chung về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện ở cơ sở giáo dục mầm non (học bài giảng Elearning: 15 tiết; học trên lớp: 10 tiết, tự học: 15 tiết)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) chương 1	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
		5	Trả lời câu hỏi và bài tập trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi và bài tập chương 1 ở mức 1 và 2)	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1], [3], [4]	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	6	Nghe giảng lý thuyết về các nội dung: 1.1. Một số khái niệm: Môi trường giáo dục; MTGD an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở GDMN 1.2. Vai trò của MTGD đối với chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ MN 1.3. Cấu trúc và đặc điểm, biểu hiện của MTGD an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở GDMN 1.3.1. Môi trường vật chất an toàn, lành mạnh, thân thiện 1.3.2. Môi trường tinh thần hay môi trường tâm lý-xã hội an toàn, lành mạnh, thân thiện 1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng MTGD an toàn, lành mạnh, thân thiện 1.5. Các quy định pháp lý liên quan đến MTGD an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở GDMN Hình thức: nghe giảng, thuyết trình	CLO1.2.1.1	A1.1 A1.3
		1	Bài tập: Anh/chị hãy trình bày cấu trúc và đặc điểm, biểu hiện của MTGD an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở GDMN	CLO 3.1.1.1 CLO 3.2.1.1	A1.2
		3	Thảo luận nhóm: Các quy định pháp lý liên quan đến MTGD an toàn, lành mạnh, thân	CLO3.1.1.1 CLO3.2.1.1	A1.2

			thiện trong cơ sở GDMN và vấn đề vận dụng thực tiễn.		
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	7	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy Đọc thêm: tài liệu [2]	CLO3.1.1.1 CLO3.2.1.1	A1.2
		8	Làm bài tập chương 1	CLO1.2.1.1	A1.3
2	Chương 2. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện trong các cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục (Học trên Elearning: 15 tiết; Học trên lớp: 12 tiết, tự học: 15 tiết)				
	Giai đoạn 1	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung chương 2 và các tài liệu liên quan	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
		5	Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1], [2], [3], [4]	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
	Giai đoạn 2	8	Lý thuyết: 2.1. Bối cảnh đổi mới GDMN và sự cần thiết phải xây dựng MTGD an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở GDMN 2.2. Nguyên tắc, quy trình, phương pháp xây dựng MTGD an toàn, lành mạnh, thân thiện ở cơ sở GDMN 2.2.1. Nguyên tắc xây dựng MTGD an toàn, lành mạnh, thân thiện ở cơ sở GDMN 2.2.2. Quy trình và phương pháp xây dựng MTGD an toàn, lành mạnh, thân thiện ở các cơ sở GDMN: Đánh giá môi trường giáo dục; Lên kế hoạch xây dựng/điều chỉnh MTGD; Tổ chức thực hiện kế hoạch; Kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh 2.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả xây dựng MTGD an toàn, lành mạnh, thân thiện ở cơ sở GDMN Hình thức dạy học: thuyết trình, giảng giải	CLO1.2.1.1	A1.1 A1.2
		2	Bài tập: Phân tích bối cảnh đổi mới GDMN và sự cần thiết phải xây dựng MTGD an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở GDMN.	CLO 3.1.1.1 CLO 3.2.1.1	A1.2
		2	Thảo luận nhóm: Lập kế hoạch xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện phù hợp bối cảnh địa phương.	CLO3.1.1.1 CLO3.2.1.1	A1.2
	Giai đoạn 3	7	Ôn tập: Hệ thống kiến thức của chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO3.1.1.1 CLO3.2.1.1	A1.2

		8	Làm bài tập chương 2 Đọc thêm: tài liệu [3], [4], [5]	CLO1.2.1.2	A1.3
3	Hướng dẫn Đồ án môn học (15 tiết) (Học trên lớp: 5 tiết; tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung hướng dẫn thực hiện đồ án các tài liệu liên quan	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
		2	Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
		1	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: - Nghiên cứu đề cương học phần - Đề xuất một số đề tài dự án học phần	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
	Giai đoạn 2	4	Hướng dẫn yêu cầu của quy trình thực hiện đồ án Định hướng, gợi ý các đề tài đồ án Phân công các nhóm thực hiện đồ án	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
	Giai đoạn 3	11	Các nhóm lập kế hoạch, cemina kế hoạch, nội dung đồ án bằng hình thức trực tiếp, online. Các nhóm thực hiện đồ án.	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
7	Báo cáo Đồ án kết thúc HP	10	Báo cáo Đồ án theo rubric A2.1	CLO4.1.1.1 CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày 14 tháng 03 năm 2024

**KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG SƯ PHẠM
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Trần Vũ Tài

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thị Hoàng Yên

GIẢNG VIÊN



TS. Trần Thị Hoàng Yên

24. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../2024
		Số trang: 312/11

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

TS. Trần Thị Hoàng Yến

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0989146168

Email: yen.gdth@gmail.com; yentth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và phương pháp giáo dục mầm non

Giảng viên 2:

TS. Phạm Thị Huyền

Địa chỉ liên hệ: 0931395996 Email: phamthihuyen.vinh@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục mầm non

Giảng viên 3:

TS. Nguyễn Thị Thu Hạnh

Địa chỉ liên hệ: 0915217680 Email: nguyenhanhvunhuni@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục mầm non

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Phát triển chương trình giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới giáo dục (tiếng Anh): Developing Early Childhood Education Programs in context of educational innovation	
- Mã số học phần: PRE83024	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☒ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: Bắt buộc ☒ Tự chọn: ☐	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết bài tập, thảo luận: + Số tiết thực hành: + Số tiết thực tế: 0 + Số tiết dạy học dự án: 15 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: không + Học phần học trước: + Học phần song hành: các học phần thuộc nhóm chuyên ngành bắt buộc	

- Yêu cầu của học phần:
+ Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%
+ Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS
+ Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm
+ Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục mầm non, Trường Sư phạm

2. Mô tả học phần

Học phần “*Phát triển chương trình giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới giáo dục*” thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục Mầm non) theo định hướng ứng dụng. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu, hiện đại về lý luận và thực tiễn phát triển chương trình giáo dục mầm non tại Việt Nam và một số nước trên thế giới; trên cơ sở đó giúp người học phát triển năng lực nghiên cứu, phát triển chương trình giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non trong xu thế đổi mới. Bên cạnh đó, học phần còn giúp học viên phát triển tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu, hiện đại của giáo dục mầm non trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
2.1.2	Vận dụng kỹ năng chuyển đổi số và sử dụng công nghệ phù hợp trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	2,5 {Mức 3}
2.2.2	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia và chịu trách nhiệm với những kết luận chuyên môn trong học tập và thực hành nghề nghiệp.	2,5 {Mức 3}
3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2,5 {Mức 3}
3.2.1.	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong hoạt động nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
4.1.1	Phân tích bối cảnh khoa học và xu hướng phát triển của giáo dục mầm non đối với hoạt động nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp.	3,5 {Mức 4}
4.2.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
4.2.2	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non một cách khoa học.	3,5 {Mức 4}
4.2.3	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận chuyên gia trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
4.2.4	Đánh giá các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non và đưa ra các giải pháp cải tiến.	3,5 {Mức 4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số của CTĐT	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1	Vận dụng được các vấn đề lý luận phát triển chương trình giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới.	1.2.1	10%	2,5
1.2.1.2	Vận dụng được các vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển chương trình giáo dục mầm non nhà trường và chương trình giáo dục nhóm/lớp trong bối cảnh đổi mới.	1.2.2	15%	2,5
2.1.2.1	Vận dụng kỹ năng chuyển đổi số và sử dụng công nghệ phù hợp trong học tập và thực tiễn nghề nghiệp.	2.1.2	15%	2,5
2.2.2.1	Thực hiện đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành nghề nghiệp.	2.2.2	35%	2,5
3.1.1.1	Vận dụng thành thạo kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập và thực hành nghề nghiệp.	3.1.1	10%	2,5
3.2.1.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong hoạt động học tập và thực tiễn nghề nghiệp.	3.2.1	30%	2,5
4.1.1.1	Phân tích bối cảnh để rút ra được tính cấp thiết của những nghiên cứu, ứng dụng của vấn đề phát triển chương trình giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới giáo dục.	4.1.1	25%	3,5
4.2.1.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, ứng dụng vấn đề phát triển chương trình giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới giáo dục.	4.2.1	15%	3,5
4.2.2.1	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng phát triển chương trình giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới giáo dục.	4.2.3	15%	3,5
4.2.3.1	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận có giá trị khoa học góp phần nâng cao hiệu quả nhiệm vụ phát triển chương trình giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới giáo dục.	4.2.3	5%	3,5
4.2.4.1	Đánh giá, cải tiến được các kết quả nghiên cứu, ứng dụng nhiệm vụ phát triển chương trình giáo dục mầm non xu bối cảnh đổi mới giáo dục.	4.2.4	10%	3,5

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số bài đánh giá	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên, quá trình, giữa kỳ (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO 2.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	10%	Quan sát
	CLO 2.2.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	15%	Quan sát
A1.2	CLO 3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	15%	Quan sát
	CLO 3.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	10%	Quan sát
A1.3	CLO 1.2.1.1 {điểm số}	2,5	25%	Bài đánh giá tự luận
	CLO 1.2.1.2 {điểm số}	2,5	25%	
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
	CLO4.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5	100%	Đồ án
	CLO4.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.3.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.4.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 \times 50\% + A2 \times 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9

9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài đánh giá A1.3

Bảng 2. Ma trận bài đánh giá A1.3

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.1 (50%)	Mức 2	Câu	2,0	1,0	Trình bày cơ sở khoa học hoặc thực tiễn của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non.
	Mức 3	5 điểm	3,0	1,5	Thực trạng vận dụng các cơ sở khoa học và thực tiễn trong thực tiễn phát triển chương trình giáo dục mầm non tại nơi anh/chị công tác.
1.2.1.2 (50%)	Mức 2	Câu	2,0	1,0	Trình bày quy trình phát triển chương trình giáo dục mầm non nhà trường/nhóm lớp trong bối cảnh đổi mới.
	Mức 3	5 điểm	3,0	1,5	Thiết kế 01 kế hoạch hoạt động giáo dục ở nhóm lớp theo tiếp cận phát triển hiện đại trong bối cảnh đổi mới giáo dục
Tổng			10		

4.3. Ma trận đánh giá bài đánh giá A2.1 - Đồ án

Bảng 3. Ma trận đề thi tự luận A2.1

Chuẩn đầu ra đánh giá {mức năng lực, trọng số %}: 3,5 CLO4.1.1.1; CLO4.2.1.1; CLO4.2.2.1; CLO4.2.3.1; CLO4.1.4.1		Điểm số	Điểm năng lực
1. Kỹ năng giao tiếp {mức 4, trọng số 20%}: 		.../10	3,5
Tiêu chí 1	Viết được bản thuyết minh hoàn chỉnh về cấu trúc và hình thức	.../5	
	Chỉ báo 1: Xây dựng thuyết minh dự án có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc hợp lý	2,0	
	Chỉ báo 2: Trình bày rõ ý tưởng dự án, lối viết cô đọng, ngôn ngữ phù hợp với văn phong khoa học	1,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh được thu thập từ các nguồn tham khảo khác nhau để minh họa, chứng minh cho các lập luận đưa ra	1,0	
	Chỉ báo 4: Trích dẫn các văn bản, tài liệu tham khảo từ các nguồn theo quy chuẩn của ngành/lĩnh vực	1,0	
Tiêu chí 2	Thiết kế được slide đảm bảo tính dễ nhìn, dễ đọc, logic, cân đối	.../3	
	Chỉ báo 1: Thiết kế được các slide theo trình tự logic, mỗi slide không quá 5 ý, mỗi báo cáo không quá 25 slide (hoặc 20 phút clip)	1,0	
	Chỉ báo 2: Sử dụng kích cỡ chữ, phối hợp màu sắc hài hòa, đảm bảo tính dễ nhìn và tính thẩm mỹ	1,0	

	<i>Chỉ báo 3: Sử dụng đồ họa đa phương tiện (hình ảnh, video, hình ảnh hiệu ứng động,...) để tăng tính thuyết phục và hấp dẫn</i>	<i>1,0</i>	
Tiêu chí 3	<i>Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, trả lời được các câu hỏi</i>	<i>.../2</i>	
	<i>Chỉ báo 1: Thuyết trình rõ ràng trong thời lượng cho phép</i>	<i>1,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Thể hiện được phong thái tự tin, lời cuốn, giọng điệu phù hợp, ngôn ngữ hình thể thu hút sự chú ý của người nghe</i>	<i>1,0</i>	
2. Phân tích được bối cảnh của dự án {mức 4, trọng số 10%}		<i>.../10</i>	
Tiêu chí 1	<i>Phân tích được bối cảnh liên quan đến dự án</i>	<i>.../10</i>	
	<i>Chỉ báo 1: Phân tích tổng quan về tình hình nghiên cứu, ứng dụng, kinh tế, xã hội liên quan đến dự án</i>	<i>5,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Luận giải được tính cấp thiết của dự án trên cơ sở phân tích tổng quan</i>	<i>5,0</i>	
3. Hình thành ý tưởng về dự án {mức 4, trọng số 15%}		<i>.../10</i>	
Tiêu chí 1	<i>Hình thành ý tưởng về dự án</i>	<i>.../10</i>	
	<i>Chỉ báo 1: Dẫn ra được câu hỏi nghiên cứu hoặc giả thuyết khoa học, thực tiễn về dự án</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Luận giải được ý tưởng dự án là mới so với các dự án liên quan đã được thực hiện trước đó</i>	<i>4,0</i>	
	<i>Chỉ báo 3: Phát biểu rõ ràng mục tiêu dự án</i>	<i>3,0</i>	
4. Xây dựng nội dung thực hiện dự án {mức 4, trọng số 15%}		<i>.../10</i>	
Tiêu chí 1	<i>Xây dựng được nội dung và phương pháp thực hiện dự án</i>	<i>.../5</i>	
	<i>Chỉ báo 1: Thiết kế được các nội dung thực hiện ứng với từng mục tiêu của dự án</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Xác định được phương pháp/cách thức thực hiện phù hợp với từng nội dung của dự án</i>	<i>2,0</i>	
Tiêu chí 2	<i>Xây dựng được kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện dự án</i>	<i>.../5</i>	
	<i>Chỉ báo 1: Xây dựng được kế hoạch và tiến độ thực hiện chi tiết, rõ ràng cho từng nội dung</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Bố trí, sắp xếp được nguồn lực hợp lý để thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả</i>	<i>2,0</i>	
5. Triển khai các nội dung dự án {mức 4, trọng số 30%}		<i>.../10</i>	
Tiêu chí 1	<i>Thu thập và phân tích được số liệu, chứng cứ khoa học</i>	<i>.../5</i>	
	<i>Chỉ báo 1: Thu thập được (hoặc tạo ra được) số liệu/luận cứ đảm bảo tính khoa học cho từng nội dung thực hiện của dự án</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Trình bày được các kết quả thu được một cách khoa học, đảm bảo tính trực quan và thu hút</i>	<i>2,0</i>	
Tiêu chí 2	<i>Phân tích, thảo luận về kết quả nghiên cứu</i>	<i>.../5</i>	
	<i>Chỉ báo 1: Phân tích, thảo luận về các kết quả đạt được theo các mục tiêu của dự án</i>	<i>3,0</i>	

	Chỉ báo 2: So sánh kết quả thu được với kết quả của các dự án trước đó và giải thích sự khác biệt	2,0	
6. Đánh giá kết quả dự án và đưa ra các đề xuất {mức 4, trọng số 10%}		.../10	
Tiêu chí 1	Đánh giá được các kết quả và đưa ra được các đề xuất	.../10	
	Chỉ báo 1: Đánh giá được đóng góp về khoa học của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá được hiệu quả về xã hội của dự án	3,0	
	Chỉ báo 3: Chỉ ra được tồn tại và/hoặc phạm vi của dự án	2,0	
	Chỉ báo 4: Đề xuất được các biện pháp để có thể ứng dụng kết quả vào thực tiễn giáo dục mầm non	2,0	
Kết quả toàn bài đánh giá		.../10	

4.3. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa GDMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../.../.....
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....
- Học phần:
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO2.1.2.1 Vận dụng được kỹ năng khai thác học liệu số và ứng dụng công nghệ thông tin để hoàn thành các nhiệm vụ học tập [mức năng lực: 2,5]			A%
Tiêu chí 1	Vận dụng được kỹ năng khai thác học liệu số		50 %
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành 80-100% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	8-10	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành 60-80% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	6-7.9	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành 50-70% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	5-6.9	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	<5	
Tiêu chí 2	Vận dụng được kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản		
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 80-100% các nhiệm vụ học tập	8-10	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 60-80% các nhiệm vụ học tập	6-7.9	
	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành 50-70% các nhiệm vụ học tập	5-6.9	

	Sử dụng có hiệu quả các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập	<5	
Điểm số của CLO2.1.2.1			
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa GDMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.1

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../.../.....

2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....

3. Học phần:

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO 2.2.2.1. Thực hiện đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành [mức năng lực: 2,5]			100 %
Tiêu chí 1	Chấp hành đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành		50 %
	Chủ động, tự giác chấp hành đầy đủ các quy định trong học tập và thực hành	8 - 10	
	Tự giác thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	6 - 7.9	
	Chưa thực sự chủ động thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	5 - 6.9	
	Không chủ động trong thực hiện các quy định trong học tập và thực hành	0 - 4	
Tiêu chí 2	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nhiệm vụ trong học tập và thực hành		50%
	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ	8 - 10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6 - 7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5 - 6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	<5	
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

GIẢNG VIÊN THỨ NHẤT

(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIẢNG VIÊN THỨ HAI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TRƯỜNG SƯ PHẠM

Khoa Giáo dục Mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../.../.....

2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....

3. Học phần:

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.1.1.1. Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập [mức năng lực: 2,5]			100%
Tiêu chí 1	Xác định mục đích và phương thức hợp tác		20 %
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết các nhiệm vụ học tập và lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	8-10	
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ và xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm	6-7.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	5-6.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; chưa xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	0-4	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ học tập		30 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-6.9	

	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	<5	
Tiêu chí 3	Thực hiện nhiệm vụ được giao		30 %
	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-6.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	0-4.0	
Tiêu chí 4	Đánh giá hoạt động hợp tác		20 %
	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-6.9	
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	<5	
Điểm số của CLO3.1.1.1			
Điểm tổng kết: TC1*20% + TC2*30% + TC3*30% + TC4*20%			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../.../.....

2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....

3. Học phần:

4. Tiêu chí đánh giá:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../.../.....

2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....

3. Học phần:

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.2.1.1. Vận dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong hoạt động học tập và thực tiễn. [mức năng lực: 2.5]			100%
Tiêu chí 1	Vận dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp		40 %
	Thành thạo các kỹ năng giao tiếp có hiệu quả như: trao đổi, tương tác trực tiếp, email, văn bản, các nhóm tương tác qua các nền tảng zalo, ...	8-10	
	Có khả năng sử dụng đa dạng các phương thức giao tiếp: trao đổi, tương tác trực tiếp, email, văn bản, các nhóm tương tác qua các nền tảng zalo, ...	6-7.9	
	Sử dụng đa dạng phương thức giao tiếp ở mức độ cơ bản	5-5.9	
	Hạn chế trong sử dụng các loại phương thức giao tiếp	<5	
Tiêu chí 2	Kỹ năng truyền thông, truyền đạt tri thức trong hoạt động học tập và thực tiễn		30 %
	Thành thạo kỹ năng xây dựng kế hoạch và thực hiện truyền thông các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	8-10	
	Thực hiện khá tốt việc xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác truyền thông cho nhà trường, đồng nghiệp và phụ huynh trong các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	6-7.9	
	Thực hiện đúng quy định công tác truyền thông cho nhà trường, đồng nghiệp và phụ huynh trong các nhiệm vụ học tập và thực tiễn	5-5.9	
	Chưa có năng lực truyền thông, truyền đạt tri thức các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	<5	
Tiêu chí 3	Kỹ năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ học tập và thực tiễn		30 %
	Tích cực thực hiện hiệu quả trong việc hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	8-10	
	Chủ động hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	6-7.9	
	Thực hiện đúng yêu cầu việc hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện trong các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	5-5.9	
	Chưa có kỹ năng hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện các nhiệm vụ học tập và thực tiễn.	<5	
Điểm số của CLO 3.1.2.1			
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình

[1]. Trần Thị Minh Huế (2017), *Phát triển chương trình giáo dục mầm non*, Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2021), *Thông tư ban hành chương trình giáo dục mầm non* (Số 01/VBHN-BGDDT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2020), *Thông tư số 50/2020/TT-BGDDT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo*.

[3]. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, (2022), *Chuyên đề Hướng dẫn phát triển chương trình giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non theo chương trình giáo dục mầm non mới*, Hà Nội.

[4]. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-BGDDT-2021-Thong-tu-Chuong-trinh-Giao-duc-mam-non-472930.aspx>

[5]. <https://moet.gov.vn/van-ban/vanban/Pages/chi-tiet-van-ban.aspx?ItemID=1393>.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Những vấn đề cơ bản về chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới giáo dục (học bài giảng Elearning: 15 tiết; học trên lớp: 10 tiết, tự học: 15 tiết)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) chương 1	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
		5	Trả lời câu hỏi và bài tập trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi và bài tập chương 1 ở mức 1 và 2)	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1], [3], [4]	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	6	Nghe giảng các nội dung lý thuyết sau: 1.1. Khái quát về chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non trong xu thế đổi mới 1.1.1. Khái quát về chương trình giáo dục mầm non 1.1.2. Khái quát về phát triển chương trình giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới 1.2. Cơ sở khoa học và pháp lý về phát triển chương trình giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới 1.2.1. Cơ sở khoa học 1.2.1.1. Các quan điểm tiếp cận trong phát triển chương trình giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới 1.2.1.2. Nguyên tắc phát triển chương trình giáo dục mầm non theo trong bối cảnh đổi mới	CLO1.2.1.1	A1.1 A1.3

			1.2.1.3. Các hình thức thiết kế chương trình giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới 1.2.1.4. Quy trình phát triển chương trình giáo dục mầm non theo trong bối cảnh đổi mới 1.2.2. Cơ sở pháp lý 1.3. Cơ sở thực tiễn về phát triển chương trình giáo dục mầm non theo bối cảnh đổi mới 1.3.1. Phát triển chương trình giáo dục mầm non tại Việt Nam 1.3.2. Phát triển chương trình giáo dục mầm non ở một số nước trên thế giới Hình thức: nghe giảng, thuyết trình		
		1	Bài tập: [1]. Nghiên cứu chương trình giáo dục trẻ mầm non ở một số nước trên thế giới [2]. Phân tích chương trình giáo dục mầm non của một nước (tự chọn) và chỉ ra những ưu thế của chương trình trong giáo dục trẻ trong xu thế phát triển giáo dục mầm non hiện nay.	CLO 3.1.1.1 CLO 3.2.1.1	A1.2
		3	Thảo luận nhóm: [1]. Phân tích nội dung các quan điểm hiện đại trong phát triển chương trình giáo dục trẻ mầm non và liên hệ biện pháp vận dụng các quan điểm này trong phát triển chương trình giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục.	CLO3.1.1.1 CLO3.2.1.1	A1.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	7	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy Đọc thêm: tài liệu [2]	CLO3.1.1.1 CLO3.2.1.1	A1.2
		8	Làm bài tập chương 1	CLO1.2.1.1	A1.3
2	Chương 2. Phát triển chương trình giáo dục nhà trường cho trẻ mầm non trong xu thế đổi mới (Học trên Elearning: 15 tiết; Học trên lớp: 12 tiết, tự học: 15 tiết)				
	Giai đoạn 1	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung chương 2 và các tài liệu liên quan	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
		5	Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1], [2], [3], [4]	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
	Giai đoạn 2	8	Nghe giảng các nội dung lý thuyết sau: 2.1. Mục đích, yêu cầu trong phát triển chương trình giáo dục nhà trường cho trẻ mầm non trong bối cảnh đổi mới 2.2. Quy trình phát triển chương trình giáo dục nhà trường cho trẻ mầm non trong bối cảnh đổi mới 2.2.1. Lập kế hoạch phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo bối cảnh thực tiễn 2.2.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển chương trình giáo dục theo bối cảnh thực tiễn	CLO1.2.1.1	A1.1 A1.2

			2.2.3. Đánh giá kết quả thực hiện và điều chỉnh chương trình giáo dục theo bối cảnh thực tiễn 2.3. Điều kiện đảm bảo chất lượng phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo bối cảnh thực tiễn		
		2	Bài tập: [1]. Nghiên cứu chương trình giáo dục nhà trường theo năm học của một cơ sở giáo dục mầm non công lập và một cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, để: a. Chỉ ra những điểm giống và khác nhau của hai văn bản chương trình này. b. Đánh giá những ưu điểm có thể học tập hoặc rút kinh nghiệm trong phát triển chương trình giáo dục nhà trường cho trẻ tại trường mầm non anh/chị công tác trước yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay. [2]. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo năm học để sử dụng cho tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non anh/chị công tác. [3]. Xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả thực hiện chương trình giáo dục nhà trường tại cơ sở giáo dục mầm non anh/chị công tác (dựa vào sản phẩm của bài tập [2]).	CLO 3.1.1.1 CLO 3.2.1.1	A1.2
		2	Thảo luận nhóm: [1]. Nghiên cứu chương trình giáo dục nhà trường theo năm học của một cơ sở giáo dục mầm non công lập và một cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, để: a. Chỉ ra những điểm giống và khác nhau của hai văn bản chương trình này. b. Đánh giá những ưu điểm có thể học tập hoặc rút kinh nghiệm trong phát triển chương trình giáo dục nhà trường cho trẻ tại trường mầm non anh/chị công tác trước yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay. [2]. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo năm học để sử dụng cho tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non anh/chị công tác. [3]. Xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả thực hiện chương trình giáo dục nhà trường tại cơ sở giáo dục mầm non anh/chị công tác (dựa vào sản phẩm của bài tập [2]).	CLO3.1.1.1 CLO3.2.1.1	A1.2
	Giai đoạn 3	7	Ôn tập: Hệ thống kiến thức của chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO3.1.1.1 CLO3.2.1.1	A1.2
		8	Làm bài tập chương 2 Đọc thêm: tài liệu [3], [4], [5]	CLO1.2.1.2	A1.3

Chương 3. Phát triển chương trình giáo dục nhóm/lớp cho trẻ mầm non trong bối cảnh đổi mới (Học trên Elearning: 15 tiết; Học trên lớp: 12 tiết, tự học: 15 tiết)					
			Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung chương 2 và các tài liệu liên quan	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
			Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
			Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1], [2], [3], [4]	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
			Nghe giảng các nội dung lý thuyết sau: 3.1. Mục đích, yêu cầu trong phát triển chương trình giáo dục trẻ theo độ tuổi trong bối cảnh đổi mới 3.2. Quy trình phát triển chương trình giáo dục trẻ theo độ tuổi 3.2.1. Lập kế hoạch phát triển chương trình giáo dục trẻ theo độ tuổi trong bối cảnh đổi mới 3.2.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển chương trình giáo dục trẻ trong bối cảnh đổi mới 3.2.3. Đánh giá kết quả thực hiện và điều chỉnh chương trình giáo dục trẻ trong bối cảnh đổi mới 3.3. Điều kiện đảm bảo chất lượng phát triển chương trình giáo dục trẻ theo độ tuổi	CLO1.2.1.1	A1.1 A1.2
			Bài tập: Phân tích vai trò, nhiệm vụ của các lực lượng giáo dục trong phát triển chương trình giáo dục nhà trường cho trẻ. Liên hệ việc thực hiện vai trò, nhiệm vụ của từng lực lượng trong phát triển chương trình giáo dục nhà trường cho trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non anh/chị công tác; đề xuất biện pháp giúp mỗi lực lượng đóng góp hiệu quả trong phát triển chương trình giáo dục nhà trường cho trẻ.	CLO 3.1.1.1 CLO 3.2.1.1	A1.2
			Thảo luận nhóm: [1]. Nghiên cứu chương trình giáo dục trẻ theo độ tuổi của một cơ sở giáo dục mầm non công lập và một cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, để: a. Chỉ ra những điểm giống và khác nhau của hai văn bản chương trình này. b. Đánh giá những điểm có thể học tập hoặc rút kinh nghiệm trong phát triển chương trình giáo dục trẻ theo độ tuổi tại trường mầm non anh/chị công tác theo tiếp cận hiện đại. [2]. Xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ theo độ tuổi (kế hoạch giáo dục trẻ 24-36 tháng; kế hoạch giáo dục trẻ 3-4 tuổi; kế hoạch giáo dục trẻ 4-5 tuổi; kế hoạch giáo dục trẻ 5-6 tuổi) áp dụng tại cơ sở giáo dục mầm non anh/chị công tác.	CLO3.1.1.1 CLO3.2.1.1	A1.2

			[3]. Xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả thực hiện chương trình giáo dục trẻ ở một độ tuổi áp dụng tại cơ sở giáo dục mầm non anh/chị công tác (dựa vào sản phẩm của bài tập [2]).		
	Giai đoạn 3	7	Ôn tập: Hệ thống kiến thức của chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO3.1.1.1 CLO3.2.1.1	A1.2
		8	Làm bài tập chương 2 Đọc thêm: tài liệu [3], [4], [5]	CLO1.2.1.2	A1.3
3	Hướng dẫn Đồ án môn học (15 tiết) (Học trên lớp: 5 tiết; tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung hướng dẫn thực hiện đồ án các tài liệu liên quan	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
		2	Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
		1	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: - Nghiên cứu đề cương học phần - Đề xuất một số đề tài dự án học phần	CLO2.1.2.1 CLO2.2.2.1	A1.1
	Giai đoạn 2	4	Hướng dẫn yêu cầu của quy trình thực hiện đồ án Định hướng, gợi ý các đề tài đồ án Phân công các nhóm thực hiện đồ án	CLO4.1.1.1 CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
	Giai đoạn 3	11	Các nhóm lập kế hoạch, cemina kế hoạch, nội dung đồ án bằng hình thức trực tiếp, online. Các nhóm thực hiện đồ án.	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
7	Báo cáo Đồ án kết thúc HP	10	Báo cáo Đồ án theo rubric A2.1	CLO4.1.1.1 CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày 14 tháng 05 năm 2024

**KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG SƯ PHẠM
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Trần Vũ Tài

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thị Hoàng Yến

GIẢNG VIÊN



TS. Trần Thị Hoàng Yến

25. PHÁT TRIỂN TÍNH TÍCH CỰC VẬN ĐỘNG CHO TRẺ MẦM NON

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHÁT TRIỂN TÍNH TÍCH CỰC VẬN ĐỘNG CHO TRẺ MẦM NON	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:...../.../2024
		Số trang: 328/11

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Họ và tên: Đặng Hồng Phương
 Chức danh, học hàm, học vị: PGS. Tiến sĩ
 Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Mầm non, Trường ĐHSP Hà Nội
 Địa chỉ:
 Email: phuonghd@gmail.com
 Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục Mầm non

Giảng viên 2:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hạnh
 Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
 Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh
 Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
 Email: hanhvinhuni@gmail.com
 Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục mầm non

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non (tiếng Anh): Developing active movement skills for preschool children	
- Mã số học phần: PRE83025	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☒ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Tự chọn:	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: 30 + Số tiết bài tập, thảo luận: + Số tiết thực hành:	
+ Số tiết thực tế: 0 + Số tiết dạy học dự án: 15 + Số tiết tự học: 90	

- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: không + Học phần học trước: + Học phần song hành: các học phần thuộc nhóm chuyên ngành bắt buộc
- Yêu cầu của học phần: + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80% + Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục mầm non, Trường Sư phạm

2. Mô tả học phần

Học phần *Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non* là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng ứng dụng.

Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu, hiện đại về việc phát triển tính tích cực vận động cho trẻ em, vận dụng được những kiến thức đó vào công tác quản lý, tổ chức quá trình phát triển tính tích cực vận động cho trẻ ở trường mầm non nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ. Qua đó giúp học viên phát triển các năng lực: hình thành ý tưởng, thiết kế, tổ chức, đánh giá, và phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hiệu quả hoạt động này. Ngoài ra, học phần này còn giúp người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng công nghệ phù hợp để thực hiện thành công các hoạt động phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non theo xu thế đổi mới.

Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu, hiện đại của giáo dục mầm non trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
2.1.2	Vận dụng được kỹ năng chuyển đổi số và sử dụng các công nghệ phù hợp trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}

3.1.1	Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn.	2,5 {Mức 3}
3.2.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong hoạt động nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	2,5 {Mức 3}
4.1.1	Phân tích bối cảnh khoa học và xu hướng phát triển của giáo dục mầm non đối với hoạt động nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp.	3,5 {Mức 4}
4.2.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
4.2.2	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non một cách khoa học.	3,5 {Mức 4}
4.2.3	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận chuyên gia trong lĩnh vực Giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
4.2.4	Đánh giá các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non và đưa ra các giải pháp cải tiến.	3,5 {Mức 4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số của CTĐT	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1	Vận dụng được các vấn đề lý luận của phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non trong học tập, nghiên cứu và trong thực tiễn giáo dục mầm non.	1.2.1	10%	2,5
1.2.1.2	Vận dụng được các phương pháp, hình thức giáo dục phù hợp trong phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.	1.2.1	15%	2,5
2.1.2.1	Vận dụng được các kỹ năng công nghệ thông tin phù hợp trong học tập và trong thực tiễn tổ chức các hoạt động phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.	2.1.2	15%	2,5
3.1.1.1	Vận dụng thành thạo kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập và trong thực tiễn tổ chức phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.	3.1.1	10%	2,5

3.2.1.1	Vận dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.	3.2.1	20%	2,5
4.1.1.1	Phân tích bối cảnh để rút ra được tính cấp thiết của những nghiên cứu, ứng dụng việc phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.	4.1.1	25%	3.5
4.2.1.1	Đề xuất được các vấn đề để phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non theo xu thế hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.2.1	15%	3,5
4.2.2.1	Thiết kế được các bước triển khai ứng dụng vấn đề phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non theo xu thế giáo dục hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.2.2	15%	3,5
4.2.3.1	Triển khai ứng dụng và rút ra được các kết luận có giá trị khoa học góp phần nâng cao hiệu quả của việc phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non trong xu thế giáo dục hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.2.3	10%	3,5
4.2.4.1	Đánh giá, cải tiến được các kết quả ứng dụng về phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non theo xu thế giáo dục hiện đại và đổi mới giáo dục mầm non.	4.2.4	25%	3,5

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số bài đánh giá	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên, quá trình, giữa kỳ (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO 2.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	25%	Quan sát, phân tích sản phẩm
A1.2	CLO 3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	15%	Quan sát
	CLO 3.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	10%	Quan sát
A1.3	CLO 1.2.1.1 {điểm số}	2,5	25%	Bài đánh giá tự luận trên LMS
	CLO 1.2.1.2 {điểm số}	2,5	25%	
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
	CLO4.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5	100%	

	CLO4.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		Đồ án
	CLO4.2.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.3.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		
	CLO4.2.4.1 {điểm số và điểm năng lực}	3,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài đánh giá A1.3

Bảng 2. Ma trận bài đánh giá A1.3

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.1 (50%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2,0	1,0	Trình bày cơ sở lý luận của việc phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non
	Mức 3		3,0	1,5	Liên hệ vận dụng kiến thức lý luận trong thực tiễn phát triển tính tích cực vận động cho trẻ ở trường mầm non.
1.2.1.2 (50%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2,0	1,0	Hiểu được các phương pháp, hình thức phát triển tính tích cực vận động cho trẻ ở trường mầm non
	Mức 3		3,0	1,5	Vận dụng các phương pháp, hình thức phát triển tính tích cực vận động cho trẻ ở trường mầm non
Tổng			10		

4.3. Ma trận đánh giá bài đánh giá A2.1 - Đồ án

Bảng 3. Ma trận đề thi tự luận A2.1

Chuẩn đầu ra đánh giá {mức năng lực, trọng số %}: 3,5 CLO4.1.1.1; CLO4.2.1.1; CLO4.2.2.1; CLO4.2.3.1; CLO4.1.4.1		Điểm số	Điểm năng lực
1. Kỹ năng giao tiếp {mức 4, trọng số 20%}: 		.../10	3,5
Tiêu chí 1	Trình bày bản thuyết minh hoàn chỉnh về nội dung, cấu trúc và hình thức	.../7	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Xây dựng thuyết minh dự án có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc hợp lý	2,0	
	<i>Chỉ báo 2:</i> Trình bày rõ ý tưởng dự án, diễn đạt súc tích, văn phong khoa học	1,0	
	<i>Chỉ báo 3:</i> Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh được thu thập từ các nguồn tham khảo khác nhau một cách phù hợp để minh họa, chứng minh cho các lập luận đưa ra	1,0	
	<i>Chỉ báo 4:</i> Trích dẫn các văn bản, tài liệu tham khảo từ các nguồn theo quy chuẩn của ngành/lĩnh vực	1,0	
Tiêu chí 2	Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, trả lời được các câu hỏi	.../3	
	<i>Chỉ báo 1:</i> Thuyết trình rõ ràng trong thời lượng cho phép	1,0	

	<i>Chỉ báo 2: Thể hiện được phong thái tự tin, lời cuốn, giọng điệu phù hợp, ngôn ngữ hình thể thu hút sự chú ý của người nghe</i>	<i>1,0</i>	
	<i>Chỉ báo 3: Trả lời các câu hỏi của hội đồng</i>	<i>1,0</i>	
2. Phân tích được bối cảnh của dự án {mức 4, trọng số 10%}		.../10	
Tiêu chí 1	<i>Phân tích được bối cảnh liên quan đến dự án</i>	.../10	
	<i>Chỉ báo 1: Phân tích tổng quan về tình hình nghiên cứu, ứng dụng, kinh tế, xã hội, văn hoá đặc điểm các cơ sở MN liên quan đến dự án về phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non</i>	<i>5,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Luận giải được tính cấp thiết của dự án trên cơ sở phân tích tổng quan</i>	<i>5,0</i>	
3. Hình thành ý tưởng về dự án {mức 4, trọng số 15%}		.../10	
Tiêu chí 1	<i>Hình thành ý tưởng về dự án</i>	.../10	
	<i>Chỉ báo 1: Dẫn ra được câu hỏi nghiên cứu hoặc giả thuyết khoa học, thực tiễn về dự án</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Luận giải được ý tưởng dự án là mới so với các dự án liên quan đã được thực hiện trước đó</i>	<i>4,0</i>	
	<i>Chỉ báo 3: Phát biểu rõ ràng mục tiêu dự án</i>	<i>3,0</i>	
4. Xây dựng nội dung thực hiện dự án {mức 4, trọng số 15%}		.../10	
Tiêu chí 1	<i>Xây dựng được nội dung và phương pháp thực hiện dự án</i>	.../5	
	<i>Chỉ báo 1: Thiết kế được các nội dung thực hiện ứng với từng mục tiêu của dự án</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Xác định được phương pháp/cách thức thực hiện phù hợp với từng nội dung của dự án</i>	<i>2,0</i>	
Tiêu chí 2	<i>Xây dựng được kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện dự án</i>	.../5	
	<i>Chỉ báo 1: Xây dựng được kế hoạch và tiến độ thực hiện chi tiết, rõ ràng cho từng nội dung</i>	<i>3,0</i>	
	<i>Chỉ báo 2: Bố trí, sắp xếp được nguồn lực hợp lý để thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả</i>	<i>2,0</i>	
5. Triển khai các nội dung dự án {mức 4, trọng số 30%}		.../10	
Tiêu chí 1	<i>Thu thập và phân tích được số liệu, chứng cứ khoa học</i>	.../5	
	<i>Chỉ báo 1: Thực hiện thử nghiệm các dự án phát triển tính tích cực vận động cho trẻ tại các cơ sở Giáo dục Mầm non đảm bảo tính khoa học cho từng nội dung thực hiện của dự án</i>	<i>3,0</i>	

	<i>Chỉ báo 2: Trình bày được các kết quả thu được một cách khoa học, đảm bảo tính trực quan và thu hút</i>	2,0	
Tiêu chí 2	<i>Phân tích, thảo luận về kết quả nghiên cứu</i>	.../5	
	<i>Chỉ báo 1: Phân tích, thảo luận về các kết quả đạt được theo các mục tiêu của dự án</i>	3,0	
	<i>Chỉ báo 2: So sánh kết quả thu được với kết quả của các dự án trước đó và giải thích sự khác biệt</i>	2,0	
6. Đánh giá kết quả dự án và đưa ra các đề xuất {mức 4, trọng số 10%}		.../10	
Tiêu chí 1	<i>Đánh giá được các kết quả và đưa ra được các đề xuất</i>	.../10	
	<i>Chỉ báo 1: Đánh giá được đóng góp về mặt thực tiễn giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá của dự án</i>	3,0	
	<i>Chỉ báo 2: Đánh giá được hiệu quả về xã hội của dự án</i>	3,0	
	<i>Chỉ báo 3: Chỉ ra được tồn tại và/hoặc phạm vi của dự án</i>	2,0	
	<i>Chỉ báo 4: Đề xuất được các biện pháp để có thể ứng dụng kết quả vào thực tiễn giáo dục mầm non</i>	2,0	
Kết quả toàn bài đánh giá		.../10	

4.3. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa GDMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ Bài đánh giá A1.1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO 2.1.2.1. (Vận dụng được các kỹ năng công nghệ thông tin phù hợp trong học tập và trong thực tiễn tổ chức các hoạt động phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.) [mức năng lực: 2,5]			100 %
Tiêu chí 1	<i>Kỹ năng khai thác học liệu số</i>		50 %
	Thành thạo kỹ năng tìm kiếm và sử dụng đúng quy định thông tin, tài liệu từ nguồn tài liệu số	8 - 10	

	Có kỹ năng cơ bản để tìm kiếm và sử dụng thông tin, tài liệu đúng quy định từ các trang web cơ bản	6 - 7.9	
	Chưa thực sự chủ động và chưa biết nhiều cách tìm kiếm tài liệu để học tập và ứng dụng	5 - 5.9	
	Không có kỹ năng hoặc thực hiện không đúng quy định việc tìm kiếm và sử dụng thông tin, tài liệu từ nguồn tài liệu số	<5	
Tiêu chí 2	Kỹ năng xây dựng video, thiết kế slide trình chiếu Powerpoint		50%
	Thiết kế, sử dụng hình ảnh, video, hình ảnh hiệu ứng động,...mang tính thuyết phục và hấp dẫn. Thiết kế được các slide theo trình tự logic, cỡ chữ, màu sắc hài hoà, mỗi slide không quá 5 ý, mỗi báo cáo không quá 25 slide (hoặc 20 phút clip)	8 -10	
	Thiết kế, sử dụng hình ảnh, video, hình ảnh hiệu ứng động,...phản ánh đúng nội dung trình bày. Thiết kế được các slide theo trình tự logic, cỡ chữ, mỗi slide không quá 5 ý, mỗi báo cáo không quá 25 slide (hoặc 20 phút clip)	6 - 7.9	
	Sử dụng hình ảnh, video, slide đúng quy định nhưng còn sơ sài và chưa sinh động	5 - 5.9	
	Sử dụng hình ảnh, video, slide chưa quy định	<5	
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
Khoa Giáo dục Mầm non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../

2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:

3. Học phần:.....

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO 3.1.1.1 (Vận dụng thành thạo kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập và trong thực tiễn tổ chức phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non.) [mức năng lực: 2,5]			100 %
Tiêu chí 1	Xác định mục đích và phương thức hợp tác		20 %
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết các nhiệm vụ học tập và lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	8-10	
	Chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ và xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm	6-7.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	5-5.9	
	Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; chưa xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm	<5	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ học tập		30 %
	Dự kiến các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian hợp lý và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc	8-10	
	Dự kiến được các công việc phải làm cho từng thành viên theo trình tự thời gian	6-7.9	
	Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV	5-5.9	
	Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm cho từng thành viên trong nhóm	<5	
Tiêu chí 3	Thực hiện nhiệm vụ được giao		30 %
	Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao	8-10	
	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao	6-7.9	
	Tham gia một phần nhiệm vụ được giao	5-5.9	
	Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao	<5	
Đánh giá hoạt động hợp tác			20 %

Tiêu chí 4	Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên trong nhóm thông qua bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	8-10	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các thành viên khác trong nhóm với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm	6-7.9	
	Đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của bản thân với bảng tiêu chí khi tham gia hoạt động nhóm nhưng chưa đánh giá được mức độ thực hiện nhiệm vụ của các thành viên khác trong nhóm	5-5.9	
	Chưa đánh giá đúng kết quả các hoạt động của bản thân và các thành viên khác trong nhóm	<5	
Điểm số của CLO3.1.1.1			
Điểm tổng kết: TC1*20% + TC2*30% + TC3*30% + TC4*20%			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A1.2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../

2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:

3. Học phần:.....

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO3.2.1.1. (Vận dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non) [mức năng lực: 2.5]			100%
Tiêu chí 1	Vận dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp		40 %
	Thành thạo các kỹ năng giao tiếp có hiệu quả như: trao đổi, tương tác trực tiếp, email, văn bản, các nhóm tương tác qua các nền tảng zalo, ...	8-10	
	Có khả năng sử dụng đa dạng các phương thức giao tiếp: trao đổi, tương tác trực tiếp, email, văn bản, các nhóm tương tác qua các nền tảng zalo, ...	6-7.9	

	Sử dụng đa dạng phương thức giao tiếp ở mức độ cơ bản	5-5.9	
	Hạn chế trong sử dụng các loại phương thức giao tiếp	<5	
Tiêu chí 2	Kỹ năng truyền thông, truyền đạt tri thức nhằm phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non		30 %
	Thành thạo kỹ năng xây dựng kế hoạch và thực hiện truyền thông cho nhà trường, đồng nghiệp và phụ huynh trong việc phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	8-10	
	Thực hiện khá tốt việc xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác truyền thông cho nhà trường, đồng nghiệp và phụ huynh trong phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	6-7.9	
	Thực hiện đúng quy định công tác truyền thông cho nhà trường, đồng nghiệp và phụ huynh trong phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	5-5.9	
	Chưa có năng lực truyền thông, truyền đạt tri thức nhằm phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	<5	
Tiêu chí 3	Kỹ năng hướng dẫn người khác thực hiện phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non		30 %
	Tích cực thực hiện hiệu quả trong việc hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	8-10	
	Chủ động hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non đúng phương pháp.	6-7.9	
	Thực hiện đúng yêu cầu việc hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	5-5.9	
	Chưa có kỹ năng hướng dẫn đồng nghiệp, phụ huynh thực hiện phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	<5	
Điểm số của CLO 3.1.2.1			
Điểm tổng kết			/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

Tài liệu học tập chính

[1]. Đặng Hồng Phương (2012), *Giáo trình về Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non*, Nxb Đại học Sư phạm, 2012.

[2]. Bộ GD và ĐT (2021), *Chương trình Giáo dục mầm non* - VBHN 01/2021. Nxb Giáo dục Việt Nam.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Đặng Hồng Phương (2021). *Phương pháp hình thành kỹ năng vận động cho trẻ mầm non*, Nxb Đại học Sư Phạm.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Một số vấn đề chung về triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non (học bài giảng Elearning: 5 tiết; học trên lớp: 10 tiết, tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) chương 1	CLO1.2.1.1	A1.1
		2	Trả lời câu hỏi và bài tập trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi và bài tập chương 1 ở mức 1 và 2)	CLO1.2.1.1	A1.1
		2	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]. [2]	CLO1.2.1.1.	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	- Phát vấn và giảng giải, tổng kết các vấn đề: 1.1. Khái niệm tính tích cực vận động cho trẻ mầm non 1.2. Ý nghĩa phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non 1.3. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non 1.3.1. Bản chất của quá trình dạy học phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non 1.3.2. Một số lý thuyết về phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non 1.3.3. Đặc điểm phát triển sinh lý - vận động cho trẻ mầm non 1.3.4. Đặc điểm phát triển tâm lý - vận động cho trẻ mầm non ○	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.2	A1.1 A1.3
		1	Bài tập: Anh/chị hãy phân tích bản chất của quá trình dạy học phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	CLO1.2.1.1 CLO 2.1.2.1	

		2	Thảo luận nhóm: Phân tích đặc điểm phát triển tâm sinh lý - v động của trẻ mầm non	CLO2.1.2.1 CLO3.1.1.1 CLO3.2.1.1.	A1.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	3	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy Đọc thêm: tài liệu [3]; [4]	CLO.1.2.1.1	A1.2
		6	Làm bài tập chương 1		
2	Chương 2. Tổ chức các hoạt động phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non (Học trên Elearning: 5 tiết; Học trên lớp:10 tiết, tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung chương 2 và các tài liệu liên quan	CLO1.2.1.1 CLO 2.1.2.1	A1.1
		2	<i>Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS</i>	CLO2.1.2.1 CLO3.1.1.1	A1.1
		2	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1], [2], [3], [4]	CLO.1.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2	6	- Phát vấn và giảng giải tổng kết các vấn đề: 2.1. Nguyên tắc tổ chức các hoạt động triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non 2.2. Nội dung phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non 2.3. Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non 2.4. Phối hợp gia đình, nhà trường và cộng đồng trong phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non 2.5. Đánh giá sự phát triển tính tích cực vận động cho trẻ ở trường mầm non	CLO1.2.1.1	A1.1 A1.2
		1	Bài tập: Phân tích phương pháp, hình thức phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non theo từng độ tuổi	CLO1.2.1.1 CLO3.1.1.1 CLO3.2.1.1	A1.3
		2	Thảo luận nhóm: Xây dựng kế hoạch phát triển tính tích cực vận động cho trẻ ở trường mầm non theo từng độ tuổi	CLO2.1.2.1 CLO3.1.1.1 CLO3.2.1.1	A1.1 A1.2
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập: Hệ thống kiến thức của chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO.1.2.1.1	A1.1 A1.2
		6	Làm bài tập chương 2 trong tài liệu [2]	CLO1.2.1.1	A1.2

			Đọc thêm: tài liệu [3], [4], [5]		
4	Hướng dẫn Đồ án môn học (15 tiết) (Học trên lớp: 5 tiết; tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) các nội dung hướng dẫn thực hiện đồ án các tài liệu liên quan	CLO 1.2.1.2 CLO 2.1.2.1	A2.1
		2	Hoàn thành các nhiệm vụ tự học trên LMS	CLO2.1.2.1 CLO3.1.1.1	
		1	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: - Nghiên cứu đề cương học phần - Đề xuất một số đề tài dự án học phần	CLO 1.2.1.2 CLO 2.1.2.1	
	Giai đoạn 2	5	Hướng dẫn yêu cầu của quy trình thực hiện đồ án Định hướng, gợi ý các đề tài đồ án Phân công các nhóm thực hiện đồ án Thử nghiệm nội dung của đồ án tại các cơ sở giaoos dục mầm non	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
	Giai đoạn 3	10	Các nhóm lập kế hoạch, cemina kế hoạch, nội dung đồ án bằng hình thức trực tiếp, online. Các nhóm thực hiện đồ án.	CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A2.1
7	Báo cáo Đồ án kết thúc HP	10	Báo cáo Đồ án theo rubric A2.1	CLO4.1.1.1 CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1 CLO4.2.3.1 LO4.2.4.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Ngệ An, ngày 24 tháng 05 năm 2024

**KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG SƯ PHẠM
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Trần Vũ Tài

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thị Hoàng Yến

GIẢNG VIÊN



TS. Nguyễn Thị Thu Hạnh

26. LUẬN VĂN

	ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THẠC SỸ: LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 01/2024
		Trang: 343/8

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: PGS.TS Nguyễn Như An

Địa chỉ liên hệ: Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0986774388; Email: annn@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học, Quản lý Giáo dục

Giảng viên 2: TS. Phạm Thị Hải Châu

Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN, Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: chauphamhai@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học (GDMN)

Giảng viên 3: TS. Nguyễn Thị Thu Hạnh

Địa chỉ liên hệ: - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0915027505; Email: hanhnttdhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục mầm non

Giảng viên 4: TS. Nguyễn Ngọc Hiền

Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 09831227300913598796; Email: ngochiendhv@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Dinh dưỡng và bệnh học trẻ em, Quản lý giáo dục

Giảng viên 5: TS. Trần Thị Hoàng Yến

Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0989146168; Email: yen.gdth@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục mầm non

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần: Luận văn tốt nghiệp Graduation Thesis	
- Mã số học phần: PRE83026	
- Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục học (GDMN) ; Trình độ đào tạo: Thạc sỹ	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc	☐ Tự chọn
- Số tín chỉ: 15:	
+ Số tiết lý thuyết, bài tập và thảo luận: 225	

+ Số tiết thực hành: 0	
+ Số tiết tự học và báo cáo dự án: 450	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết:	Mã số HP:
+ Học phần học trước: Các HP trong CTĐT	Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần:	
+ Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp:	
+ Học viên học đầy đủ bài giảng qua hệ thống LMS:	
+ Làm đầy đủ các bài tập, thảo luận và làm việc nhóm theo phân công.	
- Đơn vị khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục Mầm non - Trường Sư phạm	

2. Mô tả học phần

Luận văn tốt nghiệp là học phần chuyên ngành bắt buộc của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học (GDMN) theo định hướng nghiên cứu. Trong học phần này học viên tổng hợp, đánh giá các kiến thức chuyên ngành một cách hệ thống; vận dụng các kỹ năng cá nhân nghề nghiệp để nâng cao năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và đánh giá các kiến thức đã học vào công việc thực tế trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

Học phần này đảm nhận các chuẩn đầu ra chương trình đào tạo sau:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL cần đạt {Mức NL}
1.2.1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu, hiện đại của giáo dục mầm non trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
2.1.1	Vận dụng được tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
2.2.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực giáo dục mầm non.	2,5 {Mức 3}
3.2.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong hoạt động nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	2,5 {Mức 3}
4.1.1	Phân tích bối cảnh khoa học và xu hướng phát triển của giáo dục mầm non đối với hoạt động nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp	3,5 {Mức 4}
4.2.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
4.2.2	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non một cách khoa học.	3,5 {Mức 4}
4.2.3	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
4.2.4	Đánh giá các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non và đưa ra các giải pháp cải tiến.	3,5 {Mức 4}

Để học tốt học phần này, học viên cần nắm vững những các kiến thức cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực nghiên cứu của chuyên ngành.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLOs	CDR học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu của Giáo dục mầm non vào lĩnh vực nghiên cứu của đề tài.	1.2.1	20 %	2,5 {Mức 3}
2.1.1.1	Vận dụng được tư duy phản biện vào nghiên cứu thực hiện đề tài luận văn.	2.1.1	20 %	2,5 {Mức 3}
2.1.1.2	Vận dụng được kỹ năng giải quyết vấn đề vào nghiên cứu thực hiện đề tài luận văn.		20 %	2,5 {Mức 3}
2.2.1.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và hành xử chuyên nghiệp trong nghiên cứu thực hiện đề tài luận văn.	2.2.1	40 %	2,5 {Mức 3}
3.2.1.1	Trình bày luận văn theo đúng quy định.	3.2.1	25 %	2,5 {Mức 3}
3.2.1.2	Trình bày báo cáo phản ánh chính xác kết quả nghiên cứu.		25 %	2,5 {Mức 3}
4.1.1.1	Phân tích được bối cảnh khoa học và giáo dục trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài về giáo dục mầm non.	4.1.1	80 %	3,5 {Mức 4}
4.2.1.1	Đề xuất được vấn đề nghiên cứu trong lý luận và thực tiễn giáo dục mầm non.	4.2.1	40 %	3,5 {Mức 4}
4.2.2.1	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu trong lý luận và thực tiễn giáo dục mầm non.	4.2.2	40 %	3,5 {Mức 4}
4.2.3.1	Triển khai được các nghiên cứu trong lý luận và thực tiễn giáo dục mầm non.	4.2.3	50 %	3,5 {Mức 4}
4.2.4.1	Đánh giá các kết quả nghiên cứu trong lý luận và thực tiễn giáo dục mầm non và đưa ra các giải pháp cải tiến.	4.2.4	50 %	3,5 {Mức 4}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm NL cần đạt	Trọng số trong bài	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 10% điểm số học phần)				
A1.1 Đánh giá của người hướng dẫn (GVHD)	CLO 1.2.1.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	2,5	25%	Phiếu đánh giá 1
	CLO 2.1.1.2 [chấm điểm học phần và điểm NL]	2,5	25%	
	CLO 3.2.1.1 [chấm điểm học phần]	2,5	25%	
	CLO 2.1.1.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	2,5	25%	
A2. Đánh giá cuối kỳ (hình thức bảo vệ luận văn chiếm 90% điểm số học phần)				
A2.1. Hội đồng đánh giá luận văn tốt nghiệp	CLO2.2.1.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	2,5	5%	Phiếu đánh giá 2
	CLO3.2.1.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	2,5	5%	
	CLO3.2.1.2 [chấm điểm học phần và điểm NL]	2,5	15%	
	CLO4.1.1.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	3,5	15%	
	CLO4.2.1.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	3,5	10%	
	CLO4.2.2.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	3,5	10%	
	CLO4.2.3.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	3,5	30%	
	CLO4.2.4.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	3,5	10%	

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1.1 * 0,1 + A2.1 * 0,9$$

4.2. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

4.2.1. Phiếu đánh giá dành cho GVHD (Phiếu đánh giá 1)

(Xem chi tiết tại Phụ lục 1)

4.2.3. Phiếu đánh giá dành cho Hội đồng (Phiếu đánh giá 2)

(Xem chi tiết tại Phụ lục 2)

5. Tài liệu học tập

Người hướng dẫn cung cấp/hướng dẫn học viên tìm tài liệu theo yêu cầu và nội dung và định hướng nghiên cứu của luận văn.

6. Kế hoạch dạy học

6.1. Kế hoạch thực hiện

- Học phần luận văn tốt nghiệp được thực hiện trong khoảng thời gian 6 tháng. Trong thời gian này, học viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên (tập thể) hướng dẫn, thu thập tài liệu, xây dựng đề cương, bảo vệ đề cương, triển khai thực hiện các chương luận văn và thực hiện bảo vệ luận văn.

TT	Chủ đề	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLOs	Bài đánh giá
2.1.	Xây dựng, bảo vệ đề cương luận văn	50	- Tìm hiểu cấu trúc và cách viết đề cương luận văn. - Thảo luận với GVHD về chủ đề luận văn. - Thu thập tài liệu tham khảo và các tài liệu khác liên quan đến chủ đề luận văn. - Viết dự thảo đề cương luận văn. - GVHD góp ý cho đề cương luận văn; HV chỉnh sửa dự thảo đề cương luận văn. - Trình bày với Hội đồng ngành (nếu ngành tổ chức bảo vệ) về đề cương luận văn. - Hoàn thiện đề cương luận văn. - Chủ nhiệm chuyên ngành phê duyệt đề cương luận văn.	1.2.1.1 2.1.1.1 2.1.1.2 4.1.1.1 4.2.1.1 4.2.2.1	A2.1
2.2.	Triển khai thực hiện luận văn	150	- HV triển khai thu thập số liệu, sử dụng các phương pháp đã lựa chọn, các phần mềm CNTT... để giải quyết các nội dung đề tài luận văn dưới sự hướng dẫn của GVHD. - HV trao đổi với GVHD về các nội dung, kết quả nghiên cứu, dự thảo các chương của luận văn; thảo luận với GVHD các phương án giải quyết các yêu cầu phát sinh (nếu có). - HV viết dự thảo báo cáo luận văn.	1.2.1.1 2.1.1.1 2.1.1.2 2.2.1.1 3.2.1.1 4.1.1.1 4.2.1.1 4.2.2.1 4.2.3.1 4.2.4.1	

			- GVHD góp ý cho báo cáo luận văn; HV chỉnh sửa báo cáo luận văn.		
2.3.	Bảo vệ luận văn	25	- Bảo vệ luận văn: + HV trình bày tóm tắt nội dung báo cáo luận văn; + Hội đồng chấm luận văn đặt câu hỏi; + HV trả lời các câu hỏi của Hội đồng; + Hội đồng đánh giá và cho điểm đối với luận văn. - HV hoàn thiện quyền báo cáo luận văn theo yêu cầu của Hội đồng. - HV nộp các sản phẩm luận văn theo yêu cầu Nhà trường.	1.2.1.1 2.1.1.1 2.1.1.2 2.2.1.1 3.2.1.1 3.2.1.2 4.1.1.1 4.2.1.1 4.2.2.1 4.2.3.1 4.2.4.1	

6.2. Định hướng nội dung đề tài luận văn

- Các ngành thiết kế định hướng nội dung đề tài luận văn phù hợp.

Học viên cần thực hiện các sản phẩm sau:

- Báo cáo luận văn tốt nghiệp (theo mẫu)
- Sản phẩm đề tài luận văn (nếu có)
- Slide thuyết trình

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG SƯ PHẠM
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Trần Vũ Tài

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thị Hoàng Yến

GIẢNG VIÊN



TS. Phạm Thị Huyền

PHỤ LỤC

Phụ lục 1 - Phiếu đánh giá luận văn dành cho cán bộ hướng dẫn (Rubric 1)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
KHOA GIÁO DỤC MẦM NON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ (Dành cho cán bộ hướng dẫn)

1. Họ và tên học viên:
2. Mã học viên: ...; Khóa học: 2022-2024; Ngành: Giáo dục học (GDMN)
3. Tên đề tài:
4. Người đánh giá (*họ tên, học vị, học hàm*):
5. Tiêu chí và điểm đánh giá

Tiêu chí đánh giá [3,5]		Điểm số đánh giá	Điểm năng lực
CLO1.2.1.1 Vận dụng được kiến thức chuyên sâu của GDMN vào lĩnh vực nghiên cứu của đề tài. [MNL: 4] {trọng số 25%}		.../10	2,5-3,4
Tiêu chí 1	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu của GDMN vào lĩnh vực nghiên cứu của đề tài.	.../10	
	Chỉ báo 1. Vận dụng được các lý thuyết, các quan điểm dạy học vào việc thiết kế các biện pháp/tình huống dạy học cụ thể.	5	
	Chỉ báo 2. Vận dụng được các phương pháp dạy học vào việc thiết kế các biện pháp/tình huống dạy học cụ thể.	5	
CLO 2.1.1.1 Vận dụng được tư duy phản biện vào nghiên cứu thực hiện đề tài luận văn. [MNL: 4] {trọng số 25%}		.../10	2,5-3,4
Tiêu chí 1	Vận dụng được tư duy phản biện vào nghiên cứu thực hiện đề tài luận văn.	.../10	
	Chỉ báo 1: Có kỹ năng nhận biết, xác định các vấn đề mới liên quan đến đề tài luận văn.	2.5	
	Chỉ báo 2: Có kỹ năng phân tích, suy luận để có các lập luận, kết luận khách quan, chặt chẽ.	2.5	
	Chỉ báo 3: Có kỹ năng trình bày quan điểm cá nhân một cách rõ ràng và thuyết phục.	2.5	
	Chỉ báo 4: Đánh giá được các rủi ro và đưa ra được các giải pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến luận văn.	2.5	

CLO 2.1.1.2 Vận dụng được kỹ năng giải quyết vấn đề vào nghiên cứu thực hiện đề tài luận văn. [MNL: 3] {trọng số 25%}		.../10	2,5-3,4
Tiêu chí 1	Vận dụng được kỹ năng giải quyết vấn đề để triển khai các nội dung nghiên cứu	.../5.0	
	Chỉ báo 1: Nội dung tổng quan nghiên cứu được xác định và triển khai dựa trên việc phân tích khoa học, logic vấn đề nghiên cứu	.../2.5	
	Chỉ báo 2: Cơ sở lý thuyết, thực tiễn của nghiên cứu được xây dựng dựa trên việc đánh giá tổng quan và lựa chọn hướng đi phù hợp nhất cho đề tài nghiên cứu	1.5	
	Chỉ báo 3: Sử dụng nhuần nhuyễn các kiến thức chuyên môn, thực tiễn để giải quyết các câu hỏi nghiên cứu được đặt ra	1.0	
Tiêu chí 2	Đưa ra những sáng kiến quan trọng trong giải quyết những vấn đề nghiên cứu	.../5.0	
	Chỉ báo 1: Tổng quan nghiên cứu chỉ ra được những lỗ hổng trong nghiên cứu và đề xuất được hướng nghiên cứu mới cho luận văn	2.5	
	Chỉ báo 2: Luận văn phát hiện được vấn đề mới của đối tượng nghiên cứu, có khả năng ứng dụng hoặc phát triển, nghiên cứu lên bậc học cao hơn.	1.5	
	Chỉ báo 3: Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể viết thành bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành (thuộc danh mục của HĐCDGSNN)	1.0	
CLO 3.2.1.1 Trình bày luận văn theo đúng quy định. [MNL: 3] {trọng số 25%}		.../10	2,5-3,4
Tiêu chí 1	Trình bày bố cục và hình thức của luận văn đúng theo quy định	.../10	
	Chỉ báo 1: Bố cục của luận văn đầy đủ các phần và độ dài (số lượng trang) theo quy định, đảm bảo logic.	4.0	
	Chỉ báo 2: Luận văn ít lỗi chính tả; các hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ/đồ thị trình bày rõ ràng, cân đối.	3	
	Chỉ báo 3: Tài liệu tham khảo phong phú, cập nhật, được sắp xếp theo quy định.	3	

6. Nhận xét khác (nếu có)

7. Kết luận

CLO	1.2.1.1	2.1.1.1	2.1.1.2	3.2.1.1	Tổng điểm
Trọng số (%)	25	25	25	25	
Điểm số					
Quy đổi					

- Điểm: (bằng chữ:)

- Đồng ý cho bảo vệ: ☐

Không đồng ý cho bảo vệ: ☐

Nghệ An, ngày tháng năm 20...

Giảng viên hướng dẫn

Phụ lục 2 - Phiếu đánh giá luận văn dành cho Hội đồng chấm luận văn (Rubric 2)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
KHOA GIÁO DỤC MẦM NON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
(Dành cho Hội đồng chấm luận văn)

1. Họ và tên học viên:
2. Mã học viên: ...; Khóa học: 2022-2024. Ngành: Giáo dục học (GDMN)
3. Tên đề tài:.....
4. Thành viên hội đồng
- 1. - Chủ tịch
 - 2. - Ủy viên - Thư ký
 - 3. - Ủy viên - Phản biện 1
 - 4. - Ủy viên - Phản biện 2
 - 5. - Ủy viên
5. Tiêu chí và điểm đánh giá

Tiêu chí đánh giá [3,5]		Điểm chấm / Điểm tối đa	Điểm năng lực
CLO 2.2.1.1 Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và hành xử chuyên nghiệp trong nghiên cứu thực hiện đề tài luận văn. [MNL: 3] {trọng số 5%}		.../10	2,5-3,4
Tiêu chí 1	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và hành xử chuyên nghiệp trong nghiên cứu thực hiện đề tài luận văn.	.../10	
	Chỉ báo 1. Tuân thủ đầy đủ các quy định về quyền tác giả và sở hữu trí tuệ đối với các trích dẫn	5	
	Chỉ báo 2. Đảm bảo luận văn nghiên cứu không sao chép nội dung nguyên bản từ các tài liệu khác.(tỷ lệ trùng lặp qua phần mềm doIt < 25%).	5	
CLO 3.2.1.1. Trình bày luận văn theo đúng quy định. [MNL: 3] {trọng số 5%}		.../10	2,5-3,4
	Bố cục và hình thức của luận văn đúng quy định	.../10	
	Chỉ báo 1: Bố cục của luận văn đầy đủ các phần và độ dài (số lượng trang) theo đúng quy định, đảm bảo logic.	4.0	

Tiêu chí 1	Chỉ báo 2: Luận văn ít lỗi chính tả; các hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ/đồ thị được trình bày rõ ràng, cân đối.	3	
	Chỉ báo 3: Tài liệu tham khảo phong phú, cập nhật, được sắp xếp theo quy định.	3	
CLO 3.2.1.2. Trình bày báo cáo thuyết phục, phản ánh chính xác kết quả nghiên cứu. [MNL: 3] {trọng số 15%}		.../10	2,5-3,4
Tiêu chí 1	Thiết kế slide	.../2.0	
	Chỉ báo 1: Slide trình bày tóm tắt, ngắn gọn nhưng phản ánh được đầy đủ cấu trúc, nội dung và kết quả chính của luận văn.	1.0	
	Chỉ báo 2: Trình bày các slide đẹp, màu sắc tương phản; ít lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ/đồ thị đúng quy định.	1.0	
	Chỉ báo 3: Số lượng các slide phù hợp.		
Tiêu chí 2	Thực hiện kỹ năng thuyết trình	.../3.0	
	Chỉ báo 1: Học viên thuyết trình nội dung luận văn lưu loát, mạch lạc, rõ ràng, tự tin, đúng thời gian.	1.0	
	Chỉ báo 2: Trình bày của học viên thể hiện kiến thức chuyên sâu và được chuẩn bị kỹ lưỡng.	1.0	
	Chỉ báo 3: Trình bày của học viên đã mô tả và thực hiện thành thạo các phương pháp nghiên cứu.	1.0	
Tiêu chí 3	Trả lời câu hỏi của Hội đồng	.../5.0	
	Chỉ báo 1: Học viên trả lời trực tiếp, ngắn gọn và đúng trọng tâm các câu hỏi của Hội đồng thể hiện sự nắm vững kiến thức liên quan.	2.0	
	Chỉ báo 2: Có đưa ra quan điểm cá nhân mang tính khoa học; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng và toàn diện.	2.0	
	Chỉ báo 3: Học viên trả lời rõ ràng, mạch lạc, logic các câu hỏi của Hội đồng.	1.0	
CLO 4.1.1.1. Phân tích được bối cảnh khoa học và giáo dục trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài về GDMN. [MNL: 4] {trọng số 15%}		.../10	3,5-4,4
Tiêu chí 1	Phân tích bối cảnh khoa học và giáo dục trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài về giáo dục mầm non.	.../5.0	
	Chỉ báo 1. Khái quát được tổng quan tình hình nghiên cứu trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài trong dạy học môn Toán.	3.0	
	Chỉ báo 2. Luận giải được tính cấp thiết của đề tài trên cơ sở phân tích tổng quan.	2.0	
CLO 4.2.1.1. Đề xuất được vấn đề nghiên cứu trong lý luận và thực tiễn GDMN. [MNL: 4] {trọng số 10%}		.../10	3,5-4,4
	Phân tích được lý do lựa chọn vấn đề nghiên cứu	.../6.0	

Tiêu chí 1	Chỉ báo 1. Phân tích được lý do lựa chọn vấn đề nghiên cứu về phương diện lý luận.	3.0	
	Chỉ báo 2. Phân tích được lý do lựa chọn vấn đề nghiên cứu về phương diện thực tiễn	3.0	
Tiêu chí 2	Đề xuất được vấn đề nghiên cứu	.../4.0	
	Chỉ báo 1. Đề xuất tên của đề tài đề nghiên cứu	2.0	
	Chỉ báo 2. Thể hiện được sự phù hợp của tên đề tài với lĩnh vực nghiên cứu.	2.0	
CLO 4.2.2.1. Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu trong lý luận và thực tiễn GDMN. [MNL: 4] {trọng số 10%}		.../10	3,5-4,4
Tiêu chí 1	Xác định được mục tiêu nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, PPNC và dự kiến các nội dung của luận văn.	.../8.0	
	Chỉ báo 1. Xác định được mục tiêu nghiên cứu cụ thể, rõ ràng	2.0	
	Chỉ báo 2. Xác định được nhiệm vụ nghiên cứu/câu hỏi nghiên cứu đầy đủ, rõ ràng.	2.0	
	Chỉ báo 3. Xác định được các PPNC khoa học phù hợp.	2.0	
	Chỉ báo 4. Dự kiến được các nội dung chi tiết của luận văn.	2.0	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch nghiên cứu	.../2.0	
	Chỉ báo 1: Kế hoạch nghiên cứu được xác định rõ ràng và phù hợp.	1.0	
	Chỉ báo 2: Tiến độ nghiên cứu được phân phối hợp lý với nội dung nghiên cứu.	1.0	
CLO 4.2.3.1 Triển khai được các nghiên cứu trong lý luận và thực tiễn GDMN. [MNL: 4] {trọng số 30%}		.../10	3,5-4,4
Tiêu chí 1	Triển khai các nghiên cứu và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục mầm non	.../10	
	Chỉ báo 1: Phân tích được kết quả nghiên cứu phù hợp với mục tiêu đặt ra	2.5	
	Chỉ báo 2: Triển khai, sử dụng được các phương pháp nghiên cứu để thu thập thông tin, xử lý số liệu phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và theo đúng kế hoạch đã lập.	2.5	
	Chỉ báo 3: Thực hiện được đầy đủ các nhiệm vụ nghiên cứu đã xác định trong kế hoạch.	2.5	
	Chỉ báo 4: Rút ra những kết luận mang tính chuyên gia của từng chương.	2.5	
CLO 4.2.4.1. Đánh giá các kết quả nghiên cứu trong lý luận và thực tiễn GDMN và đưa ra các giải pháp cải tiến. [MNL: 4]{trọng số 10%}		.../10	3,5-4,4
	Đưa ra kết luận và kiến nghị	.../5	

Tiêu chí 1	Chỉ báo 1: Kết luận phù hợp với số liệu, được rút ra từ các kết quả nghiên cứu và dựa trên cơ sở khoa học chắc chắn.	2.0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá được ý nghĩa khoa học và thực tiễn của kết quả nghiên cứu.	2.0	
	Chỉ báo 3: Kết luận có tính chuyên gia và đánh giá được những đóng góp mới và đánh giá được hiệu quả về kinh tế và xã hội sau khi thực hiện nghiên cứu.	1.0	
Tiêu chí 2	Phân tích được những tồn tại và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo	.../5	
	Chỉ báo 1: Trình bày và đưa ra được những biện pháp khắc phục các vấn đề còn hạn chế, tồn tại của luận văn	2.0	
	Chỉ báo 2: Đề xuất các giải pháp để có thể ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.	2.0	
	Chỉ báo 3: Đề xuất về các nghiên cứu tiếp theo của đề tài luận văn.	1.0	

6. Nhận xét khác (nếu có)

.....

7. Kết luận

- Điểm số:

CLO	2.2.1.1	3.2.1.1	3.2.1.2	4.1.1.1	4.2.1.1	4.2.2.1	4.2.3.1	4.2.4.1	Tổng điểm
Trọng số (%)	5	5	15	15	10	10	30	10	
Điểm số									
Quy đổi									

- Điểm năng lực CLO:

CLO	2.2.1.1	3.2.1.1	3.2.1.1	4.1.1.1	4.2.1.1	4.2.2.1	4.2.3.1	4.2.4.1
Điểm NL								
Mức NL								

Thư ký

Nghệ An, ngày tháng năm 20...

Chủ tịch Hội đồng

Phụ lục 3- Tổng hợp điểm của học viên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
KHOA GIÁO DỤC MẦM NON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC PHẦN LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

1. Họ và tên học viên:...
2. Mã học viên:...; Khóa học: 2022-2024. Ngành: GDH (GDMN)
3. Tên đề tài:.....
4. Người hướng dẫn (*họ tên, học hàm, học vị*): ...
5. Tổng hợp kết quả đánh giá
- 5.1. Tổng hợp điểm đánh giá HP

ĐIỂM QUÁ TRÌNH	ĐIỂM ĐỒ ÁN	ĐIỂM HỌC PHẦN
A1	A2	A3

- 5.2. Tổng hợp điểm năng lực theo CLO của HP

TT	CLO	ĐIỂM NĂNG LỰC	MỨC NĂNG LỰC	KẾT LUẬN
1	1.2.1.1	3,7	4	Đạt
2	2.1.1.1			
3	2.1.1.2	3,0	4	Không đạt
4	2.2.1.1			
5	3.2.1.1			
6	3.2.1.2			
7	4.1.1.1			
8	4.2.1.1			
9	4.2.2.1			
10	4.2.3.1			
11	4.2.4.1			

Lưu ý:

+ Điểm tổng kết tính theo công thức:

$$A3 = A1 + A2 * 0,9$$

+ Điểm năng lực và mức năng lực a4 đối chiếu theo Bảng 1 và Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Quy đổi điểm số CLO sang điểm năng lực mức 4:

Điểm số của CLO	5,0	5,5	6,0	6,5	7,0	7,5	8,0	8,5	9,0	9,5	10,0
ĐNL của CLO	3,5	3,6	3,7	3,8	3,9	4,0	4,0	4,1	4,2	4,3	4,4

Bảng 2. Quy đổi điểm số CLO sang điểm năng lực mức 4:

Điểm số của CLO	5,0	5,5	6,0	6,5	7,0	7,5	8,0	8,5	9,0	9,5	10,0
ĐNL của CLO	4,5	4,6	4,6	4,7	4,7	4,8	4,8	4,9	4,9	5,0	5,0

Phụ lục 3 - Mẫu trình bày luận văn thạc sĩ

CÁCH THỨC TRÌNH BÀY LUẬN VĂN

I. VỀ BỐ CỤC

- Trang bìa luận văn:

Trang bìa.

Trang bìa phụ.

- Lời cảm ơn/cam đoan

- Mục lục

- Bảng ký hiệu các chữ viết tắt (nếu có)

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài (Nên theo hướng: Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận văn; nêu những vấn đề còn tồn tại, từ đó làm rõ lý do chọn đề tài, ý nghĩa khoa học, tính cấp thiết và tính khả thi của đề tài)

2. Mục đích nghiên cứu (*các kết quả cần đạt được*)

3. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu

4. Giả thuyết khoa học

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

6. Phương pháp nghiên cứu

7. Cấu trúc của luận văn

Chương 1.....

1.1. ...

1.2. ...

1.3. ...

Chương 2.....

2.1. ...

2.2. ...

2.3. ...

Chương 3.....

3.1. ...

3.2. ...

3.3. ...

- KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

+ Trình bày những kết quả mới của luận văn một cách ngắn gọn, không có lời bàn và bình luận thêm

+ Kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo

- DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

- DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO (*xem hướng dẫn trong phần trình bày*)

- PHỤ LỤC

II. VỀ TRÌNH BÀY

Luận văn phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không được tẩy xóa, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị. Luận văn đóng trang bìa ngoài (xem Mẫu 1), trang bìa phụ (xem Mẫu 2). Luận văn được in trên một mặt giấy trắng khổ A4 (210 x 297mm), có số trang tối đa 80 trang (*không tính mục lục, tài liệu tham khảo và phụ lục*);

1. Soạn thảo văn bản

Luận văn sử dụng phông chữ Time New Roman cỡ 13 hoặc 14 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3 cm; lề dưới 3 cm; lề trái 3 cm; lề phải 2 cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên mỗi trang giấy. Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này.

2. Tiểu mục

Các tiểu mục của luận văn được trình bày và đánh số thành nhóm số, nhiều nhất gồm bốn chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ 4.1.2.1 chỉ tiểu mục 1 nhóm tiểu mục 2 mục 1 chương 4). Tại mỗi nhóm tiểu mục phải có ít nhất hai tiểu mục, nghĩa là không thể có tiểu mục 2.1.1 mà không có tiểu mục 2.1.2 tiếp theo.

3. Bảng biểu, hình vẽ, phương trình

Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ, phương trình phải gắn với số chương (ví dụ hình 3.4 có nghĩa là hình thứ 4 trong chương 3). Mọi đồ thị, bảng biểu lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ (ví dụ “Nguồn: Bộ Tài chính 1996”). Nguồn được trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong danh mục tài liệu tham khảo. Đầu đề của bảng biểu ghi phía trên bảng, đầu đề của hình vẽ ghi phía dưới hình. Thông thường, những bảng ngắn và đồ thị nhỏ phải đi liền với phần nội dung đề cập tới các bảng và đồ thị này ở lần thứ nhất.

Các bảng dài có thể để ở những trang riêng nhưng cũng phải tiếp theo ngay phần nội dung đề cập tới bảng này ở lần đầu tiên.

Trong luận văn, các hình vẽ phải được vẽ sạch sẽ bằng mực đen để có thể sao chụp lại; có đánh số và ghi đầy đủ đầu đề, cỡ chữ phải bằng cỡ chữ sử dụng trong văn bản luận văn. Khi đề cập đến các bảng biểu và hình vẽ phải nêu rõ số của hình và bảng biểu đó (ví dụ “... được nêu trong bảng 4.1” hoặc “(xem hình 3.2)” mà không được viết “... được nêu trong bảng dưới đây” hoặc “trong đồ thị của X và Y sau”).

Việc trình bày phương trình toán học trên một dòng đơn hoặc dòng kép là tùy ý, tuy nhiên phải thống nhất trong toàn luận văn. Khi ký hiệu xuất hiện lần đầu tiên thì phải giải thích và đơn vị tính phải đi kèm ngay trong phương trình có ký hiệu đó. Nếu cần thiết, danh mục của tất cả các ký hiệu, chữ viết tắt và nghĩa của chúng cần được liệt kê và để ở phần đầu của luận văn. Tất cả các phương trình cần được đánh số và để trong ngoặc đơn đặt bên phía lẻ phải. Nếu một nhóm phương trình mang cùng một số thì những số này cũng được để trong ngoặc, hoặc mỗi phương trình trong nhóm phương trình (5.1) có thể được đánh số là (5.1.1), (5.1.2), (5.1.3).

4. Viết tắt

Không lạm dụng việc viết tắt trong luận văn. Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong luận văn. Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong luận văn. Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên các cơ quan, tổ chức... thì được viết tắt sau lần viết thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu luận văn có nhiều chữ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu luận văn.

5. Tài liệu tham khảo

5.1. Tài liệu tham khảo được xếp riêng theo từng ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật ...). Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch, kể cả tài liệu bằng tiếng Trung Quốc, Nhật ... (đối với những tài liệu bằng ngôn ngữ còn ít người biết có thể thêm phần dịch tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu).

5.2. Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự ABC họ tên tác giả luận văn theo thông lệ của từng nước hoặc từng ngành khoa học:

- Tác giả là người nước ngoài: xếp thứ tự ABC theo họ.
- Tác giả là người Việt Nam: xếp thứ tự ABC theo tên nhưng vẫn giữ nguyên thứ tự thông thường của tên người Việt Nam, không đảo tên lên trước họ.
- Tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự ABC từ đầu của tên cơ quan ban hành báo cáo hay ấn phẩm, ví dụ: Tổng cục Thống kê xếp vào vần T, Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp vào vần B, v.v...

5.3. Tài liệu tham khảo là sách, luận văn, báo cáo phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Tên các tác giả hoặc cơ quan ban hành (không có dấu ngăn cách)
- (năm xuất bản), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)
- *Tên sách, luận văn hoặc báo cáo*, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- Nhà xuất bản, (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản)
- Nơi xuất bản. (dấu chấm kết thúc tài liệu tham khảo)

5.4. Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, bài trong một cuốn sách... phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Tên các tác giả (không có dấu ngăn cách)
- (năm công bố), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)
- “Tên bài báo”, (đặt trong ngoặc kép, không in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- *Tên tạp chí hoặc tên sách*, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- Tập (không có dấu ngăn cách)
- (số), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)
- Các số trang (gạch ngang giữa hai chữ số, dấu chấm kết thúc)

5.5. Số thứ tự của tài liệu tham khảo đánh trong móc [].

6. Cách trích dẫn tài liệu tham khảo

Mọi ý kiến, khái niệm có ý nghĩa, mang tính chất gợi ý không phải của riêng tác giả và mọi tham khảo khác phải được trích dẫn và chỉ rõ nguồn trong danh mục Tài liệu tham khảo. Phải nêu rõ cả việc sử dụng những đề xuất hoặc kết quả của đồng tác giả.

Không trích dẫn những kiến thức phổ biến, mọi người đều biết. Việc trích dẫn, tham khảo chủ yếu nhằm thừa nhận nguồn của những ý tưởng có giá trị và giúp người đọc theo được mạch suy nghĩ của tác giả.

Tài liệu tham khảo trích dẫn trong luận văn cần được trích dẫn theo số thứ tự của tài liệu tham khảo ở danh mục tài liệu tham khảo của luận văn và số thứ tự đó được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang, ví dụ..... [4, tr.314-315]. Đối với phần trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông, theo thứ tự tăng dần, ví dụ [19], [22].

7. Phụ lục của luận văn

Phụ lục có tối đa 40 trang bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc bổ trợ cho nội dung luận văn như số liệu, chương trình máy tính, mẫu biểu, hình vẽ, ... Nếu luận văn sử dụng những câu trả lời cho một bản câu hỏi thì bản câu hỏi mẫu này phải được đưa vào phần Phụ lục ở dạng nguyên bản đã dùng để điều tra, thăm dò ý kiến; không được tóm tắt hoặc sửa đổi. Các tính toán mẫu trình bày tóm tắt trong bảng biểu cũng cần nêu trong Phụ lục của luận văn. Phụ lục không được dày hơn phần chính của luận văn.

8. Mục lục

Nên sắp xếp sao cho mục lục của luận văn gọn trong một trang giấy. Ví dụ:

MỤC LỤC	
	Trang
Lời cảm ơn	
Mục lục	
Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt	
Danh mục các bảng	
Danh mục các hình vẽ, đồ thị	
MỞ ĐẦU	
Chương 1 ...	
1.1	
1.2	
...	
Chương 2 ...	
2.1.	
2.2.	
....	
Chương 3	
3.1.	
3.2.	
....	
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



HỌ VÀ TÊN

(Tác giả luận văn)

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN VĂN THẠC SĨ

LUẬN VĂN THẠC SĨ.....

(Ghi ngành khoa học được cấp học vị)

Nghệ An,

(Ghi năm hoàn thành luận văn)

MẪU BÌA LÓT TRONG CỦA LUẬN VĂN

(Khổ 210 x 297 mm)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



HỌ VÀ TÊN

(Tác giả luận văn)

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN VĂN THẠC SĨ

LUẬN VĂN THẠC SĨ

(Ghi ngành khoa học được cấp học vị)

Chuyên ngành:

Mã số:

Người hướng dẫn khoa học:

(Chức danh khoa học, học vị, họ tên)

Nghệ An,

(Ghi năm hoàn thành luận văn)

THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

	ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THẠC SỸ: THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 01/2024
		Trang: 365/41

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: PGS.TS Nguyễn Như An

Địa chỉ liên hệ: Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0986774388; Email: annn@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học, Quản lý Giáo dục

Giảng viên 2: TS. Phạm Thị Hải Châu

Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN, Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: chauphamhai@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục học (GDMN)

Giảng viên 3: TS. Nguyễn Thị Thu Hạnh

Địa chỉ liên hệ: - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0915027505; Email: hanhnttdhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Giáo dục mầm non

Giảng viên 4: TS. Nguyễn Ngọc Hiền

Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 09831227300913598796; Email: ngochiendhv@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Dinh dưỡng và bệnh học trẻ em, Quản lý giáo dục

Giảng viên 5: TS. Trần Thị Hoàng Yến

Địa chỉ liên hệ: Khoa GDMN - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0989146168; Email: yen.gdth@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giáo dục mầm non

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần Tiếng Việt): Thực tập và Đồ án tốt nghiệp (Tiếng Anh): Graduation Internship and Project	
- Mã số học phần: PRE83027	
- Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục học (Giáo dục Mầm non); Trình độ đào tạo: Thạc sỹ	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Học phần dạy học dự án ☐ Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	

- Số tín chỉ: 15 (6 + 9): + Số tiết lý thuyết, bài tập và thảo luận: 135 + Số tiết thực hành: 90 + Số tiết tự học và báo cáo dự án: 450	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: + Học phần học trước: Các HP trong CTĐT	
	Mã số HP: Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần: + Học viên tham dự đầy đủ các buổi thực tập tại cơ sở thực tập. + Học viên thực hiện đầy đủ các yêu cầu của người hướng dẫn.	
- Đơn vị khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục Mầm non - Trường Sư phạm	

2. Mô tả học phần

Thực tập và Đồ án tốt nghiệp là học phần chuyên ngành bắt buộc của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học (Giáo dục Mầm non) theo định hướng ứng dụng, trong đó học viên kết hợp thực tập và thực hiện đồ án tốt nghiệp tại đơn vị thực tập. Học phần này có hai giai đoạn: Thực tập và làm đồ án tốt nghiệp. Giai đoạn thực tập yêu cầu học viên vận dụng các kiến thức ngành Giáo dục học (Giáo dục Mầm non) một cách hệ thống; vận dụng các kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; phát triển năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và đánh giá các kiến thức đã học vào công việc thực tiễn giáo dục mầm non. Giai đoạn thực hiện đồ án được thực hiện sau khi học viên kết thúc thực tập tại cơ sở giáo dục. Học viên tổng hợp các kiến thức chuyên ngành một cách hệ thống; vận dụng các kỹ năng cá nhân nghề nghiệp và phẩm chất, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp để nâng cao năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và đánh giá các kiến thức đã học vào công việc thực tế trong thực tiễn giáo dục mầm non.

Học phần này đảm nhận các chuẩn đầu ra chương trình đào tạo sau:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL cần đạt {Mức NL}
1.2.1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu, hiện đại của giáo dục mầm non trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
2.1.1	Vận dụng được tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
2.2.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
3.2.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong hoạt động nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non	3,5 {Mức 4}
4.1.1	Phân tích bối cảnh khoa học và xu hướng phát triển của giáo dục mầm non đối với hoạt động nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp	3,5 {Mức 4}

4.2.1	Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
4.2.2	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non một cách khoa học.	3,5 {Mức 4}
4.2.3	Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục mầm non.	3,5 {Mức 4}
4.2.4	Đánh giá các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non và đưa ra các giải pháp cải tiến.	3,5 {Mức 4}

Để học tốt học phần này, học viên cần nắm vững những kiến thức cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực nghiên cứu của chuyên ngành.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLOs	CDR học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu của giáo dục mầm non vào lĩnh vực nghiên cứu của đề tài.	1.2.1	20 %	3,5 {Mức 4}
2.1.1.1	Vận dụng được tư duy phản biện vào thực tập và thực hiện đồ án.	2.1.1	20 %	3,5 {Mức 4}
2.1.1.2	Vận dụng được kỹ năng giải quyết vấn đề vào thực tập và thực hiện đồ án.		20 %	3,5 {Mức 4}
2.2.1.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và hành xử chuyên nghiệp trong thực hành nghề nghiệp và thực hiện đồ án.	2.2.1	40 %	3,5 {Mức 4}
3.2.1.1	Trình bày báo cáo sản phẩm thực tập và đồ án tốt nghiệp theo đúng quy định.	3.2.1	25 %	3,5 {Mức 4}
3.2.1.2	Trình bày báo cáo thuyết phục, phản ánh chính xác kết quả nghiên cứu.		25 %	3,5 {Mức 4}
4.1.1.1	Phân tích được bối cảnh khoa học và giáo dục trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài về giáo dục mầm non.	4.1.1	80 %	3,5 {Mức 4}
4.2.1.1	Đề xuất được vấn đề nghiên cứu ứng dụng trong thực tiễn giáo dục mầm non.	4.2.1	40 %	3,5 {Mức 4}
4.2.2.1	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu ứng dụng trong giáo dục mầm non	4.2.2	40 %	3,5 {Mức 4}
4.2.3.1	Triển khai được các nghiên cứu ứng dụng trong giáo dục mầm non.	4.2.3	50 %	3,5 {Mức 4}
4.2.4.1	Đánh giá các kết quả nghiên cứu ứng dụng trong thực tiễn giáo dục mầm non và đưa ra các giải pháp cải tiến.	4.2.4	50 %	3,5 {Mức 4}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm NL cần đạt	Trọng số trong bài	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá Thực tập (chiếm 40% điểm số học phần)				
A1.1. GVHD đánh giá báo cáo thực tập				Phiếu đánh giá 1 (Rubric 1)
	CLO2.1.1.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	3,5	40%	
	CLO3.2.1.1 [chấm điểm học phần]	3,5	40%	
	CLO4.1.1.1 [chấm điểm học phần]	3,5	20%	
A2. Đánh giá quá trình (chiếm 5 % điểm số học phần)				
A2.1. GVĐA đánh giá quá trình làm đồ án	CLO1.2.1.1. [chấm điểm học phần và điểm NL]	3,5	40 %	Phiếu đánh giá 2 (Rubric 2)
	CLO2.1.1.2 [chấm điểm học phần và điểm NL]	3,5	40 %	
	CLO3.2.1.1 [chấm điểm học phần]		20%	
A3. Đánh giá Đồ án tốt nghiệp (chiếm 55 % điểm số học phần)				
A3.1. Hội đồng đánh giá đồ án tốt nghiệp	CLO2.2.1.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	3,5	5%	Phiếu đánh giá 2 (Rubric 2)
	CLO3.2.1.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	3,5	5%	
	CLO3.2.1.2. [chấm điểm học phần và điểm NL]	3,5	15%	
	CLO4.1.1.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	4,5	15%	
	CLO4.2.1.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	4,5	10%	
	CLO4.2.2.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	4,5	10%	
	CLO4.2.3.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	4,5	30%	
	CLO4.2.4.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	4,5	10%	

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 0.4 + A2 * 0.05 + A3 * 0.55$$

4.2. Phiếu đánh giá cho các bài đánh giá

4.2.1. Phiếu nhận xét dành cho Đơn vị thực tập

(Xem chi tiết tại Phụ lục 1)

4.2.2. Phiếu đánh giá dành cho GVHD thực tập (Rubric 1)

(Xem chi tiết tại Phụ lục 2)

4.2.3. Phiếu đánh giá dành cho GVHD đồ án (Rubric 2)

(Xem chi tiết tại Phụ lục 3)

4.2.4. Phiếu đánh giá dành cho Hội đồng đánh giá đồ án (Rubric 3)

(Xem chi tiết tại Phụ lục 4)

5. Tài liệu học tập

Người hướng dẫn cung cấp/hướng dẫn học viên tìm tài liệu theo yêu cầu và nội dung định hướng nghiên cứu của đồ án.

6. Kế hoạch dạy học

6.1. Kế hoạch thực hiện

Học phần Thực tập và Đồ án tốt nghiệp được thực hiện trong khoảng thời gian 6 tháng. Trong thời gian thực tập (02 tháng đầu), học viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên Nhà trường và hỗ trợ của một cán bộ tại đơn vị thực tập nhằm giải quyết các bài toán phù hợp với yêu cầu của thực tiễn nhà trường... Thời gian còn lại, học viên hoàn thành đồ án dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn của trường.

TT	Chủ đề	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLOs	Bài đánh giá
PHẦN 1. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP					
1.1.	Xây dựng kế hoạch thực tập	15	- HV xây dựng dự thảo kế hoạch thực tập theo hướng dẫn của GVHD và nạp lên LMS. - GVHD góp ý, trao đổi với HV về kế thực tập. - HV chỉnh sửa, trình bày kế hoạch thực tập theo mẫu của đơn vị đào tạo và nạp lên LMS. - GVHD và đơn vị đào tạo phê duyệt kế hoạch thực tập của HV.	1.2.1.1 2.1.1.1 2.1.1.2 3.2.1.1 4.1.1.1	A1.1
1.2.	Triển khai thực tập tại đơn vị thực tập	60	- HV tìm hiểu về đơn vị thực tập. - Triển khai các nội dung thực tập tại đơn vị thực tập theo kế hoạch đã phê duyệt. - Viết nhật ký thực tập và trao đổi với GVHD về những kết quả đã đạt		

			được và xác định những nội dung cụ thể cần tiếp tục giải quyết.		
1.3.	Viết báo cáo thực tập	15	- Tổng hợp thông tin, minh chứng về hoạt động thực tập. - Viết dự thảo báo cáo. - Hoàn thiện báo cáo. - Nạp báo cáo lên LMS. - GVHD đánh giá và cho điểm đối với báo cáo thực tập.		
PHẦN 2. ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP					
2.1.	Xây dựng đề cương đồ án	15	- Tìm hiểu cấu trúc và cách viết đề cương đồ án. - Viết dự thảo đề cương đồ án. - GVHD góp ý cho đề cương đồ án; HV chỉnh sửa dự thảo đề cương đồ án. - Trình bày với Hội đồng về đề cương đồ án. - Hoàn thiện đề cương đồ án. - Hội đồng/Ngành đào tạo góp ý cho nội dung đề cương đồ án (thông qua việc tổ chức seminar hoặc phân công của Chủ nhiệm chuyên ngành. - HV hoàn thiện đề cương đồ án. - Chủ nhiệm chuyên ngành phê duyệt đề cương đồ án.	2.2.1.1 3.2.1.1 3.2.1.2 4.1.1.1 4.2.1.1 4.2.2.1 4.2.3.1 4.2.4.1	A2.1
2.2.	Triển khai thực hiện đồ án	90	- HV triển khai thu thập số liệu, sử dụng các phương pháp đã lựa chọn, các phần mềm CNTT... để giải quyết các nội dung đề tài đồ án dưới sự hướng dẫn của GVHD. - HV trình bày với GVHD về các nội dung, kết quả nghiên cứu, dự thảo các chương của đồ án; thảo luận với GVHD các phương án giải quyết các yêu cầu phát sinh (nếu có).		
2.3.	Viết và bảo vệ đồ án	30	- HV viết dự thảo báo cáo đồ án.		

			- GVHD góp ý cho báo cáo đồ án; HV chỉnh sửa báo cáo đồ án. - Bảo vệ đồ án: + HV trình bày tóm tắt nội dung báo cáo đồ án; + Hội đồng chấm đồ án đặt câu hỏi; + HV trả lời các câu hỏi của Hội đồng; + Hội đồng đánh giá và cho điểm đối với đồ án. - HV hoàn thiện quyền báo cáo đồ án theo yêu cầu của Hội đồng. - HV nộp các sản phẩm đồ án theo yêu cầu Nhà trường.		
--	--	--	---	--	--

6.2. Định hướng nội dung đề tài (định hướng ứng dụng)

- Các GVHD/ngành xây dựng định hướng cụ thể.

Học viên cần thực hiện các sản phẩm sau:

- Giấy xác nhận của địa điểm thực tập (theo mẫu)
- Báo cáo thực tập (theo mẫu)
- Báo cáo đồ án tốt nghiệp (theo mẫu)
- Các sản phẩm khác khi thực tập, thực hiện đồ án (nếu có)
- Slide thuyết trình

7. Ngày phê duyệt: .../ /2024

8. Cấp phê duyệt:

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3

Giảng viên

A. Phụ lục 1 - Phiếu nhận xét thực tập dành cho đơn vị thực tập

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

PHIẾU NHẬN XÉT¹

của đơn vị nơi học viên thực tập về kết quả thực tập tốt nghiệp

**của học viên thạc sĩ ngành - Trường Đại học
Vinh**

- Đơn vị thực tập:

Địa chỉ:

Điện thoại: Website:

- Họ và tên học viên:

Mã số học viên:.....

Ngành:

Thời gian thực tập tốt nghiệp: Từ ngày:/...../..... đến ngày/...../.....

NỘI DUNG NHẬN XÉT

1. Về mức độ chuyên cần, tinh thần và thái độ trong thời gian thực tập của học viên ở đơn vị thực tập
2. Về mức độ tiếp cận các vấn đề thực tiễn của học viên ở đơn vị thực tập
3. Về tinh thần hợp tác làm việc trong các hoạt động tại đơn vị thực tập
4. Về mức độ trình bày/thực hiện các ý tưởng/giải pháp/quy trình thuộc lĩnh vực nghiên cứu của học viên ở đơn vị thực tập
5. Nhận xét khác:

....., ngày ... tháng năm 2023

Xác nhận của đơn vị thực tập
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên và chức vụ)

Người nhận xét
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Phiếu được đóng vào trang cuối cùng của Báo cáo thực tập.

B. Phụ lục 2 - Phiếu đánh giá Thực tập dành cho cán bộ hướng dẫn (Rubric 1)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
KHOA GIÁO DỤC MẦM NON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP TỐT NGHIỆP
(Dành cho cán bộ hướng dẫn)

- Họ và tên học viên:.....; Ngày sinh: / /
- Mã học viên: ...; Ngành đào tạo: Ngành: Giáo dục học (GDMN)
- Thời gian thực tập: Từ ngày ...đến ngày...
- Giảng viên hướng dẫn:... ; Điện thoại: ...
- Đơn vị thực tập: ...
- Tiêu chí và điểm đánh giá theo chuẩn đầu ra phần Thực tập (Học phần Thực tập và Đồ án tốt nghiệp):

Tiêu chí đánh giá [3,5]		Điểm chấm / Điểm tối đa	Điểm năng lực
CLO 2.1.1.1. Vận dụng được kỹ năng tư duy phản biện để lập luận, thảo luận các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp. [MNL: 4] {trọng số 40%}			3.5-4.4
Tiêu chí	Vận dụng được kỹ năng tư duy phản biện để lập luận, thảo luận các vấn đề trong thực tập	.../10	
	Chỉ báo 1: Có kỹ năng nhận biết, xác định các vấn đề mới liên quan đến đề tài thực tập.	4.0	
	Chỉ báo 2: Có kỹ năng phân tích, suy luận để có các lập luận, kết luận khách quan, chặt chẽ.	3.0	
	Chỉ báo 3: Có kỹ năng trình bày quan điểm cá nhân một cách rõ ràng và thuyết phục.	3.0	
CLO 3.2.1.1. Trình bày thuyết phục các kết quả thực tập và đồ án tốt nghiệp. [MNL: 4] {trọng số 40%}		.../10	3.5-4.4
Tiêu chí 1	Bố cục và hình thức của báo cáo thực tập đúng theo quy định	.../10	
	Chỉ báo 1: Bố cục của báo cáo thực tập đầy đủ các phần và độ dài (số lượng trang) theo quy định, đảm bảo logic.	4.0	
	Chỉ báo 2: Báo cáo thực tập ít lỗi chính tả; các hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ/đồ thị trình bày rõ ràng, cân đối.	3	
	Chỉ báo 3: Tuân thủ đầy đủ các quy định về trích dẫn tài liệu, không vi phạm bản quyền.	3	

CLO 4.1.1.1. Phân tích/tổng quan được bối cảnh xã hội và khoa học - kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp [MNL: 4] {Trọng số 20%}.		.../10	3.5-4.4
Tiêu chí	Chỉ báo 1: Giới thiệu được chủ đề thực tập và phân tích được bối cảnh thực tiễn của giáo dục liên quan đến chủ đề thực tập.	5.0	
	Chỉ báo 2: Chỉ ra được vấn đề cần giải quyết và giải thích được tính cấp thiết của vấn đề cần đánh giá, khảo sát, nghiên cứu.	5.0	

6. Nhận xét khác (nếu có)

.....

7. Kết luận

- Điểm số:

CLO	2.1.1.1	3.2.1.1	4.1.1.1	Tổng điểm
Trọng số (%)	40	40	20	
Điểm số				
Quy đổi				

- Điểm năng lực CLO:

CLO	2.1.1.1
Điểm NL	
Mức NL	

Nghệ An, ngày tháng năm 20...

Giảng viên hướng dẫn

C. Phụ lục 3 - Phiếu đánh giá quá trình thực hiện đề án dành cho cán bộ hướng dẫn (Rubric 2)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
KHOA GIÁO DỤC MẦM NON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
(Dành cho cán bộ hướng dẫn)

- Họ và tên học viên:
- Mã học viên:...; Khóa học: 2022-2024; Ngành: GDH (GDMN)
- Tên đề tài:
- Người đánh giá (họ tên, học vị, học hàm):
- Tiêu chí và điểm đánh giá

Tiêu chí đánh giá [3,5]		Điểm số đánh giá	Điểm năng lực
CLO1.2.1.1 Vận dụng được kiến thức chuyên sâu của GDMN vào lĩnh vực nghiên cứu của đề tài. [MNL: 4] {trọng số 40%}		.../10	3,5-4,4
Tiêu chí 1	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu của GDMN vào lĩnh vực nghiên cứu của đề tài.	.../10	
	Chỉ báo 1. Vận dụng được các lý thuyết, các quan điểm giáo dục vào việc thiết kế các biện pháp/tình huống sư phạm cụ thể.	5	
	Chỉ báo 2. Vận dụng được các phương pháp, phương tiện giáo dục vào việc thiết kế các biện pháp/tình huống sư phạm cụ thể.	5	
CLO 2.1.1.2 Vận dụng được kỹ năng giải quyết vấn đề vào thực tập và thực hiện đề án. [MNL: 4] {trọng số 40%}		.../10	3,5-4,4
Tiêu chí 1	Vận dụng được kỹ năng giải quyết vấn đề để triển khai các nội dung nghiên cứu	.../5.0	
	Chỉ báo 1: Nội dung tổng quan nghiên cứu được xác định và triển khai dựa trên việc phân tích khoa học, logic vấn đề nghiên cứu	2.5	
	Chỉ báo 2: Cơ sở lý thuyết, thực tiễn của nghiên cứu được xây dựng dựa trên việc đánh giá tổng quan và lựa chọn hướng đi phù hợp nhất cho đề tài nghiên cứu	1.5	
	Chỉ báo 3: Sử dụng nhuần nhuyễn các kiến thức chuyên môn, thực tiễn để giải quyết các câu hỏi nghiên cứu được đặt ra.	1.0	

Tiêu chí 2	Đưa ra những sáng kiến quan trọng trong giải quyết những vấn đề nghiên cứu	.../5.0	
	Chỉ báo 1: Tổng quan nghiên cứu chỉ ra được những lỗ hổng trong nghiên cứu và đề xuất được hướng nghiên cứu mới cho đề án	2.5	
	Chỉ báo 2: Đề án phát hiện được vấn đề mới của đối tượng nghiên cứu, có khả năng ứng dụng hoặc phát triển, nghiên cứu lên bậc học cao hơn.	1.5	
	Chỉ báo 3: Kết quả nghiên cứu của đề án có thể viết thành bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành (thuộc danh mục của HƯCĐGSNN)	1.0	
CLO 3.2.1.1 Trình bày đề án theo đúng quy định. [MNL: 4] {trọng số 20%}		.../10	3,5-4,4
Tiêu chí 1	Trình bày bố cục và hình thức của đề án đúng theo quy định	.../10	
	Chỉ báo 1: Bố cục của đề án đầy đủ các phần và độ dài (số lượng trang) theo quy định, đảm bảo logic.	4.0	
	Chỉ báo 2: Đề án ít lỗi chính tả; các hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ/đồ thị trình bày rõ ràng, cân đối.	3	
	Chỉ báo 3: Tài liệu tham khảo phong phú, cập nhật, được sắp xếp theo quy định.	3	

6. Nhận xét khác (nếu có)

.....

7. Kết luận

CLO	1.2.1.1	2.1.1.2	3.2.1.1	Tổng điểm
Trọng số (%)	40	40	20	
Điểm số				
Quy đổi				

- Điểm năng lực CLO:

CLO	1.2.1.1	2.1.1.2
Điểm NL		
Mức NL		

- Điểm: (bằng chữ:)

- Đồng ý cho bảo vệ: ☐

Không đồng ý cho bảo vệ: ☐

Nghệ An, ngày tháng năm 20...

Giảng viên hướng dẫn

D. Phụ lục 4 - Phiếu đánh giá dành cho Hội đồng (Rubric 3)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
KHOA GIÁO DỤC MẦM NON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
(Dành cho Hội đồng chấm đồ án)

1. Họ và tên học viên:...
2. Mã học viên: ...; Khóa học: 2022-2024. Ngành: GDH (GDMN)
3. Tên đề tài:.....
4. Thành viên hội đồng

1.

- Chủ tịch

2.

- Ủy viên - Thư ký

3.

- Ủy viên - Phản biện 1

4.

- Ủy viên - Phản biện 2

5.

- Ủy viên
5. Tiêu chí và điểm đánh giá

Tiêu chí đánh giá [4,5]		Điểm chấm / Điểm tối đa	Điểm năng lực
CLO 2.2.1.1 Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và hành xử chuyên nghiệp trong thực hành nghề nghiệp và thực hiện đồ án [MNL: 4] {trọng số 5%}		.../10	3,5-4,4
Tiêu chí 1	Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và hành xử chuyên nghiệp trong thực hiện đồ án.	.../10	
	Chỉ báo 1. Tuân thủ đầy đủ các quy định về quyền tác giả và sở hữu trí tuệ đối với các trích dẫn	5	
	Chỉ báo 2. Đảm bảo đồ án nghiên cứu không sao chép nội dung nguyên bản từ các tài liệu khác.(tỷ lệ trùng lặp qua phần mềm doIt < 25%).	5	
CLO 3.2.1.1. Trình bày đồ án theo đúng quy định. [MNL: 4] {trọng số 5%}		.../10	3,5-4,4
Tiêu chí 1	Bố cục và hình thức của đồ án đúng quy định	.../10	
	Chỉ báo 1: Bố cục của đồ án đầy đủ các phần và độ dài (số lượng trang) theo đúng quy định, đảm bảo logic.	4.0	
	Chỉ báo 2: Đồ án ít lỗi chính tả; các hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ/đồ thị được trình bày rõ ràng, cân đối.	3	
	Chỉ báo 3: Tài liệu tham khảo phong phú, cập nhật, được sắp xếp theo quy định.	3	

CLO 3.2.1.2. Trình bày báo cáo thuyết phục, phản ánh chính xác kết quả nghiên cứu. [MNL: 4] {trọng số 15%}		.../10	3,5-4,4
Tiêu chí 1	Thiết kế slide	.../2.0	
	Chỉ báo 1: Slide trình bày tóm tắt, ngắn gọn nhưng phản ánh được đầy đủ cấu trúc, nội dung và kết quả chính của đề án.	1.0	
	Chỉ báo 2: Trình bày các slide đẹp, màu sắc tương phản; ít lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ/đồ thị đúng quy định.	1.0	
	Chỉ báo 3: Số lượng các slide phù hợp.		
Tiêu chí 2	Thực hiện kỹ năng thuyết trình	.../3.0	
	Chỉ báo 1: Học viên thuyết trình nội dung đề án lưu loát, mạch lạc, rõ ràng, tự tin, đúng thời gian.	1.0	
	Chỉ báo 2: Trình bày của học viên thể hiện kiến thức chuyên sâu và được chuẩn bị kỹ lưỡng.	1.0	
	Chỉ báo 3: Trình bày của học viên đã mô tả và thực hiện thành thạo các phương pháp nghiên cứu.	1.0	
Tiêu chí 3	Trả lời câu hỏi của Hội đồng	.../5.0	
	Chỉ báo 1: Học viên trả lời trực tiếp, ngắn gọn và đúng trọng tâm các câu hỏi của Hội đồng thể hiện sự nắm vững kiến thức liên quan.	2.0	
	Chỉ báo 2: Có đưa ra quan điểm cá nhân mang tính khoa học; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng và toàn diện.	2.0	
	Chỉ báo 3: Học viên trả lời rõ ràng, mạch lạc, logic các câu hỏi của Hội đồng.	1.0	
CLO 4.1.1.1. Phân tích được bối cảnh khoa học và giáo dục trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài về thực tiễn giáo dục mầm non. [MNL: 4] {trọng số 15%}		.../10	3,5-4,4
Tiêu chí 1	Phân tích bối cảnh khoa học và giáo dục trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài về giáo dục mầm non.	.../5.0	
	Chỉ báo 1. Khái quát được tổng quan tình hình nghiên cứu trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài trong giáo dục mầm non.	3.0	
	Chỉ báo 2. Luận giải được tính cấp thiết của đề tài trên cơ sở phân tích tổng quan.	2.0	
CLO 4.2.1.1. Đề xuất được vấn đề nghiên cứu ứng dụng trong thực tiễn giáo dục mầm non. [MNL: 4] {trọng số 10%}		.../10	3,5-4,4
Tiêu chí 1	Phân tích được lý do lựa chọn vấn đề nghiên cứu	.../6.0	
	Chỉ báo 1. Phân tích được lý do lựa chọn vấn đề nghiên cứu về phương diện lý luận.	3.0	

	Chỉ báo 2. Phân tích được lý do lựa chọn vấn đề nghiên cứu về phương diện thực tiễn	3.0	
Tiêu chí 2	Đề xuất được vấn đề nghiên cứu	.../4.0	
	Chỉ báo 1. Đề xuất tên của đề tài đề nghiên cứu	2.0	
	Chỉ báo 2. Thể hiện được sự phù hợp của tên đề tài với lĩnh vực nghiên cứu.	2.0	
CLO 4.2.2.1. Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu ứng dụng trong giáo dục mầm non. [MNL: 4] {trọng số 10%}		.../10	3,5-4,4
Tiêu chí 1	Xác định được mục tiêu nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, PPNC và dự kiến các nội dung của luận văn.	.../8.0	
	Chỉ báo 1. Xác định được mục tiêu nghiên cứu cụ thể, rõ ràng	2.0	
	Chỉ báo 2. Xác định được nhiệm vụ nghiên cứu/câu hỏi nghiên cứu đầy đủ, rõ ràng.	2.0	
	Chỉ báo 3. Xác định được các PPNC khoa học phù hợp.	2.0	
	Chỉ báo 4. Dự kiến được các nội dung chi tiết của đề án.	2.0	
Tiêu chí 2	Lập kế hoạch nghiên cứu	.../2.0	
	Chỉ báo 1: Kế hoạch nghiên cứu được xác định rõ ràng và phù hợp.	1.0	
	Chỉ báo 2: Tiến độ nghiên cứu được phân phối hợp lý với nội dung nghiên cứu.	1.0	
CLO 4.2.3.1 Triển khai được các nghiên cứu ứng dụng trong giáo dục mầm non. [MNL: 4] {trọng số 30%}		.../10	3,5-4,4
Tiêu chí 1	Triển khai các nghiên cứu và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong giáo dục mầm non.	.../10	
	Chỉ báo 1: Phân tích được kết quả nghiên cứu phù hợp với mục tiêu đặt ra	2.5	
	Chỉ báo 2: Triển khai, sử dụng được các phương pháp nghiên cứu để thu thập thông tin, xử lý số liệu phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và theo đúng kế hoạch đã lập.	2.5	
	Chỉ báo 3: Thực hiện được đầy đủ các nhiệm vụ nghiên đã xác định trong kế hoạch.	2.5	
	Chỉ báo 4: Rút ra những kết luận mang tính chuyên gia của từng chương.	2.5	
CLO 4.2.4.1. Đánh giá các kết quả nghiên cứu ứng dụng trong giáo dục mầm non và đưa ra các giải pháp cải tiến. [MNL: 4]{trọng số 10%}		.../10	3,5-4,4
	Đưa ra kết luận và kiến nghị	.../5	

Tiêu chí 1	Chỉ báo 1: Kết luận phù hợp với số liệu, được rút ra từ các kết quả nghiên cứu và dựa trên cơ sở khoa học chắc chắn.	2.0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá được ý nghĩa khoa học và thực tiễn của kết quả nghiên cứu.	2.0	
	Chỉ báo 3: Kết luận có tính chuyên gia và đánh giá được những đóng góp mới và đánh giá được hiệu quả về kinh tế và xã hội sau khi thực hiện nghiên cứu.	1.0	
Tiêu chí 2	Phân tích được những tồn tại và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo	.../5	
	Chỉ báo 1: Trình bày và đưa ra được những biện pháp khắc phục các vấn đề còn hạn chế, tồn tại của luận văn	2.0	
	Chỉ báo 2: Đề xuất các giải pháp để có thể ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.	2.0	
	Chỉ báo 3: Đề xuất về các nghiên cứu tiếp theo của đề tài luận văn.	1.0	

6. Nhận xét khác (nếu có)

.....

.....

7. Kết luận

- Điểm số:

CLO	2.2.1.1	3.2.1.1	3.2.1.2	4.1.1.1	4.2.1.1	4.2.2.1	4.2.3.1	4.2.4.1	Tổng điểm
Trọng số (%)	5	5	15	15	10	10	30	10	
Điểm số									
Quy đổi									

- Điểm năng lực CLO:

CLO	2.2.1.1	3.2.1.1	3.2.1.1	4.1.1.1	4.2.1.1	4.2.2.1	4.2.3.1	4.2.4.1
Điểm NL								
Mức NL								

Thư ký

Nghệ An, ngày tháng năm 20...
Chủ tịch Hội đồng

E. Phụ lục 5 - Tổng hợp điểm của học viên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
KHOA GIÁO DỤC MẦM NON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC PHẦN THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

1. Họ và tên học viên:...
2. Mã học viên:...; Khóa học: 2022-2024. Ngành: GDH (GDMN)
3. Tên đề tài:.....
4. Người hướng dẫn (*họ tên, học hàm, học vị*): ...
5. Tổng hợp kết quả đánh giá
- 5.1. Tổng hợp điểm đánh giá HP

ĐIỂM THỰC TẬP	ĐIỂM QT	ĐIỂM ĐỒ ÁN	ĐIỂM HỌC PHẦN
A1	A2	A3	A4

5.2. Tổng hợp điểm năng lực theo CLO của HP

TT	CLO	ĐIỂM NĂNG LỰC	MỨC NĂNG LỰC	KẾT LUẬN
1	1.2.1.1	3,7	4	Đạt
2	2.1.1.1			
3	2.1.1.2	3,0	4	Không đạt
4	2.2.1.1			
5	3.2.1.1			

6	3.2.1.2			
7	4.1.1.1			
8	4.2.1.1			
9	4.2.2.1			
10	4.2.3.1			
11	4.2.4.1			

Lưu ý:

+ Điểm tổng kết tính theo công thức:

$$A4 = A1 * 0.4 + A2 * 0.05 + A3 * 0.55$$

+ Điểm năng lực và mức năng lực a4 đối chiếu theo Bảng 1 và Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Quy đổi điểm số CLO sang điểm năng lực mức 4:

Điểm số của CLO	5,0	5,5	6,0	6,5	7,0	7,5	8,0	8,5	9,0	9,5	10,0
ĐNL của CLO	3,5	3,6	3,7	3,8	3,9	4,0	4,0	4,1	4,2	4,3	4,4

Bảng 2. Quy đổi điểm số CLO sang điểm năng lực mức 5:

Điểm số của CLO	5,0	5,5	6,0	6,5	7,0	7,5	8,0	8,5	9,0	9,5	10,0
ĐNL của CLO	4,5	4,6	4,6	4,7	4,7	4,8	4,8	4,9	4,9	5,0	5,0

F. Phụ lục 6 - Trình bày đồ án thạc sĩ

CÁCH THỨC TRÌNH BÀY ĐỒ ÁN

1. VỀ BỐ CỤC

- Trang bìa đồ án:

Trang bìa.

Trang bìa phụ.

- Lời cảm ơn/cam đoan

- Mục lục

- Bảng ký hiệu các chữ viết tắt (nếu có)

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài (Nên theo hướng: Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận văn; nêu những vấn đề còn tồn tại, từ đó làm rõ lý do chọn đề tài, ý nghĩa khoa học, tính cấp thiết và tính khả thi của đề tài)

2. Mục đích nghiên cứu (các kết quả cần đạt được)

3. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu

4. Giả thuyết khoa học

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

6. Phương pháp nghiên cứu

7. Cấu trúc của đồ án

Chương 1.....

1.1. ...

1.2. ...

1.3. ...

Chương 2.....

2.1. ...

2.2. ...

2.3. ...

Chương 3.....

3.1. ...

3.2. ...

3.3. ...

- KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

+ Trình bày những kết quả mới của đồ án một cách ngắn gọn, không có lời bàn và bình luận thêm

+ Kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo

- DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

- DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO (xem hướng dẫn trong phần trình bày)

- PHỤ LỤC

2. VỀ TRÌNH BÀY

Đồ án phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không được tẩy xóa, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị. Đồ án đóng trang bìa ngoài (xem Mẫu 1), trang bìa phụ (xem Mẫu 2). Đồ án được in trên một mặt giấy trắng khổ A4 (210 x 297mm), có số trang tối đa 80 trang (không tính mục lục, tài liệu tham khảo và phụ lục);

2.1. SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đồ án sử dụng phông chữ Time New Roman cỡ 13 hoặc 14 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3 cm; lề dưới 3 cm; lề trái 3 cm; lề phải 2 cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên mỗi trang giấy. Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này.

2.2. TIÊU MỤC

Các tiêu mục của đồ án được trình bày và đánh số thành nhóm số, nhiều nhất gồm bốn chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ 4.1.2.1 chỉ tiêu mục 1 nhóm tiêu mục 2 mục 1 chương 4). Tại mỗi nhóm tiêu mục phải có ít nhất hai tiêu mục, nghĩa là không thể có tiêu mục 2.1.1 mà không có tiêu mục 2.1.2 tiếp theo.

2.3. BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ, PHƯƠNG TRÌNH

Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ, phương trình phải gắn với số chương (ví dụ hình 3.4 có nghĩa là hình thứ 4 trong chương 3). Mọi đồ thị, bảng biểu lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ (ví dụ “Nguồn: Bộ Tài chính 1996”). Nguồn được trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong danh mục tài liệu tham khảo. Đầu đề của bảng biểu ghi phía trên bảng, đầu đề của hình vẽ ghi phía dưới hình. Thông thường, những bảng ngắn và đồ thị nhỏ phải đi liền với phần nội dung đề cập tới các bảng và đồ thị này ở lần thứ nhất. Các bảng dài có thể để ở những trang riêng nhưng cũng phải tiếp theo ngay phần nội dung đề cập tới bảng này ở lần đầu tiên.

Trong đồ án, các hình vẽ phải được vẽ sạch sẽ bằng mực đen để có thể sao chụp lại; có đánh số và ghi đầy đủ đầu đề, cỡ chữ phải bằng cỡ chữ sử dụng trong văn bản đồ án. Khi đề cập đến các bảng biểu và hình vẽ phải nêu rõ số của hình và bảng biểu đó (ví dụ “... được nêu trong bảng 4.1” hoặc “(xem hình 3.2)” mà không được viết “... được nêu trong bảng dưới đây” hoặc “trong đồ thị của X và Y sau”.

Việc trình bày phương trình toán học trên một dòng đơn hoặc dòng kép là tùy ý, tuy nhiên phải thống nhất trong toàn đồ án. Khi ký hiệu xuất hiện lần đầu tiên thì phải giải thích và đơn vị tính phải đi kèm ngay trong phương trình có ký hiệu đó. Nếu cần thiết, danh mục của tất cả các ký hiệu, chữ viết tắt và nghĩa của chúng cần được liệt kê và để ở phần đầu của đồ án. Tất cả các phương trình cần được đánh số và để trong ngoặc đơn đặt bên

phía lẻ phải. Nếu một nhóm phương trình mang cùng một số thì những số này cũng được để trong ngoặc, hoặc mỗi phương trình trong nhóm phương trình (5.1) có thể được đánh số là (5.1.1), (5.1.2), (5.1.3).

Mọi ý kiến, khái niệm có ý nghĩa, mang tính chất gợi ý không phải của riêng tác giả và mọi tham khảo khác phải được trích dẫn và chỉ rõ nguồn trong danh mục Tài liệu tham khảo. Phải nêu rõ cả việc sử dụng những đề xuất hoặc kết quả của đồng tác giả.

Không trích dẫn những kiến thức phổ biến, mọi người đều biết. Việc trích dẫn, tham khảo chủ yếu nhằm thừa nhận nguồn của những ý tưởng có giá trị và giúp người đọc theo được mạch suy nghĩ của tác giả.

Tài liệu tham khảo trích dẫn trong đồ án cần được trích dẫn theo số thứ tự của tài liệu tham khảo ở danh mục tài liệu tham khảo của đồ án và số thứ tự đó được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang, ví dụ..... □4, tr.314-315□. Đối với phần trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông, theo thứ tự tăng dần, ví dụ [19], [22].

2.4. VIẾT TẮT

Không lạm dụng việc viết tắt trong đồ án. Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong đồ án. Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong đồ án. Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên các cơ quan, tổ chức... thì được viết tắt sau lần viết thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu đồ án có nhiều chữ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu đồ án.

2.5. TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ CÁCH TRÍCH DẪN

2.5.1 Tài liệu tham khảo được xếp riêng theo từng ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật ...). Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch, kể cả tài liệu bằng tiếng Trung Quốc, Nhật ... (đối với những tài liệu bằng ngôn ngữ còn ít người biết có thể thêm phần dịch tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu).

2.5.2. Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự ABC họ tên tác giả đồ án theo thông lệ của từng nước hoặc từng ngành khoa học:

- Tác giả là người nước ngoài: xếp thứ tự ABC theo họ.
- Tác giả là người Việt Nam: xếp thứ tự ABC theo tên nhưng vẫn giữ nguyên thứ tự thông thường của tên người Việt Nam, không đảo tên lên trước họ.
- Tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự ABC từ đầu của tên cơ quan ban hành báo cáo hay ấn phẩm, ví dụ: Tổng cục Thống kê xếp vào vần T, Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp vào vần B, v.v...

2.5.3. Tài liệu tham khảo là sách, đồ án, báo cáo phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Tên các tác giả hoặc cơ quan ban hành (không có dấu ngăn cách)
- (năm xuất bản), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)

- Tên sách, đồ án hoặc báo cáo, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- Nhà xuất bản, (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản)
- Nơi xuất bản. (dấu chấm kết thúc tài liệu tham khảo)

2.5.4. Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, bài trong một cuốn sách... phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Tên các tác giả (không có dấu ngăn cách)
- (năm công bố), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)
- “Tên bài báo”, (đặt trong ngoặc kép, không in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- Tên tạp chí hoặc tên sách, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)
- Tập (không có dấu ngăn cách)
- (số), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)
- Các số trang (gạch ngang giữa hai chữ số, dấu chấm kết thúc)

2.5.5. Số thứ tự của tài liệu tham khảo đánh trong móc [].

2.5.5. Mọi ý kiến, khái niệm có ý nghĩa, mang tính chất gợi ý không phải của riêng tác giả và mọi tham khảo khác phải được trích dẫn và chỉ rõ nguồn trong danh mục Tài liệu tham khảo. Phải nêu rõ cả việc sử dụng những đề xuất hoặc kết quả của đồng tác giả.

Không trích dẫn những kiến thức phổ biến, mọi người đều biết. Việc trích dẫn, tham khảo chủ yếu nhằm thừa nhận nguồn của những ý tưởng có giá trị và giúp người đọc theo được mạch suy nghĩ của tác giả.

Tài liệu tham khảo trích dẫn trong đồ án cần được trích dẫn theo số thứ tự của tài liệu tham khảo ở danh mục tài liệu tham khảo của đồ án và số thứ tự đó được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang, ví dụ..... □4, tr.314-315□. Đối với phần trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông, theo thứ tự tăng dần, ví dụ [19], [22].

2.6. PHỤ LỤC (nếu có)

Phần này bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc hỗ trợ cho nội dung đồ án như số liệu, biểu mẫu, tranh ảnh,... Số trang Phụ lục không được nhiều hơn phần chính của đồ án.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



HỌ VÀ TÊN

(Tác giả đồ án)

TÊN ĐỀ TÀI ĐỒ ÁN THẠC SĨ

ĐỒ ÁN THẠC SĨ.....

(Ghi ngành khoa học được cấp học vị)

Nghệ An,

(Ghi năm hoàn thành đồ án)

MẪU BÌA LÓT TRONG CỦA ĐỒ ÁN

(Khổ 210 x 297 mm)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



HỌ VÀ TÊN tác giả đồ án

TÊN ĐỀ TÀI ĐỒ ÁN THẠC SĨ

ĐỒ ÁN THẠC SĨ

(Ghi ngành khoa học được cấp học vị)

Chuyên ngành:

Mã số:

Người hướng dẫn khoa học:

(Chức danh khoa học, học vị, họ tên)

Nghệ An,

(Ghi năm hoàn thành đồ án)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



HỌ VÀ TÊN

(Tác giả báo cáo)

TÊN BÁO CÁO THỰC TẬP

NGÀNH.....

(Ghi tên ngành/chuyên ngành)

Nghệ An, tháng/năm

(Ghi tháng/năm hoàn thành báo cáo)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



HỌ VÀ TÊN

(Tác giả báo cáo thực tập)

TÊN BÁO CÁO THỰC TẬP

NGÀNH

(Ghi tên ngành/chuyên ngành)

Địa điểm thực tập:

Người hướng dẫn khoa học:

(Chức danh khoa học, học vị, họ tên)

Nghệ An, tháng/năm

(Ghi tháng/năm hoàn thành báo cáo)

CÁCH THỨC TRÌNH BÀY ĐỒ ÁN